Chương Ba
BÁNH XE LỊCH SỬ

Thiên thời Địa lợi Nhân hòa

Nam Việt Nam có tồn tại được không
(IS SOUTH VIETNAM VIABLE ?)

Nguyễn Thái

Tác giả Nguyễn Thái nguyên là Chủ tịch Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam tại Mỹ. Sau hiệp định Genève 1954, vì là một tín đồ Công giáo, tác giả được ông Diệm mời về nước và cử làm. Tổng giám đốc **Việt Nam Thông Tấn Xã**, 1955-1961. Năm 1961, tác giả bất mãn vì chế độ độc tài của chính phủ Diệm nên rời khỏi nước và qua Phi Luật Tân, tại đấy, ông viết tác phẩm **Is South Vietnam Viable**? (Manila, 1962) để phản đối chế độ và cảnh báo với chính quyền Mỹ. Phần trích dưới đây là Lời Mở Đầu của tác phẩm *Is South Vietnam Viable ?* (Nam Việt Nam có tồn tại được không ?)

Lời Mở Đầu

Tôi khỏi nói ra đây rằng, hơn ai hết, tôi biết rất rõ những thiếu sót hiển nhiên trong cuốn sách này. Được thai nghén trong niềm lo âu và được viết ra một cách vội vàng, cuốn sách này chỉ có giá trị của một lời báo động khẩn cấp về tình trạng tuyệt vọng của miền Nam Việt Nam. Phần lớn nội dung của lời báo động này có thể là không mới mẻ gì. Tuy nhiên tôi cũng phải nói lên cho công luận biết, vì có thể đó là bước đầu để mở một lối thoát cho **sự bế tắc hiện nay tại Việt Nam.** Ví thử ước nguyện này không bao giờ thực hiện được để hàng triệu người Việt phải nhận lãnh cái hậu quả thảm hại của một chính sách "tự vận" hiện nay thì ít nhất tôi cũng đạt được một niềm an ủi đáng buồn là tôi đã cố gắng phơi bày những điều mà tôi tin là sự thật.

Dù vậy, tôi là người đầu tiên công nhận rằng vì sự thật không phải là độc quyền của riêng tôi nên tôi cũng có thể sai lầm trong việc nhận định về tình hình hiện nay cũng như trong việc tiên đoán những diễn biến trong tương lai - Tuy nhiên có một điều mà không ai bị lường gạt là cuốn sách này không phải chỉ là một cuộc diễn tập chữ nghĩa để phân tách "một cách khách quan" những khó khăn của tình trạng quản trị chậm tiến, mà là một thông điệp chính trị tôi hoàn toàn tin tưởng và sẵn sàng chấp nhận mọi nguy hiểm có thể xảy đến cho sinh mạng cũng như sự nghiệp của tôi.

Sau nhiều tháng suy nghĩ, tôi cũng đã cố ý quyết định phơi bày trong cuốn sách này những điều mà hầu hết người Việt đang ưu tư nhưng không có khả năng để diễn đạt **vì sự áp bức tại miền Nam Việt Nam ngày nay**. Làm điều này, một số người có thể coi tôi như là một "kẻ phản bội" và cuốn sách chỉ là phản ứng của một kẻ bất mãn; một số người khác có thể coi tôi như một kẻ vô ơn nay trở lại cắn vào bàn tay đã nuôi mình ăn. Nhưng tôi chỉ quan tâm đến chuyện mà tôi nghĩ cần phải làm, hơn là lo lắng đến chuyện đưa ra một hình ảnh tốt về mình hay là chuyện ném bùn vào những kẻ mà có thời tôi đã tin tưởng và ủng hộ. Một số người nữa có thể nghĩ rằng tôi có điên mới viết cuốn sách này, nhưng tôi sẵn sàng hứng chịu mọi hậu quả của sự điên rồ này.

Sau những lời mở đầu ở trên, tôi xin quý vị hãy kiên nhẫn với lời văn không mấy hay ho của tôi trong cuốn sách này. Sau khi đọc hết cuốn sách, nếu quý vị đồng ý với tôi rằng, **miền Nam Việt Nam do chế độ Ngô Đình Diệm quản trị sẽ không chống lại lâu dài được mối đe dọa do Cộng Sản khuynh đảo** thì lời tôi chỉ trích chế độ này đã không phải là điều vô ích.

Như quý vị sẽ thấy, sau khi đọc chi tiết cuốn sách này, tôi không cổ súy việc thiết lập ngay một nền dân chủ lý tưởng tại miền Nam Việt Nam. Như hầu hết những người Việt không Cộng Sản khác, tôi sẽ mãn nguyện nếu miền Nam Việt Nam có được một chế độ dù không lý tưởng nhưng ngay thẳng, liêm chính và hữu hiệu, ít nhất là ở mức độ mà quần chúng có thể chấp nhận được. **Bất hạnh thay, chế độ Ngô Đình Diệm, như ta thấy, đã không đáp ứng được cả điều mong ước tối thiểu này.** Hình như tất cả những gì chế độ này chỉ có thể làm được là phung phí hết những trợ giúp rộng rãi nhất mà Việt Nam đã được hưởng và bằng mọi giá **nắm giữ độc quyền quyền lực của gia đình nhà Ngô tại miền Nam Việt Nam.**

Nếu quý vị tự hỏi làm thế nào mà chế độ Ngô Đình Diệm đã có thể tồn tại dài lâu như thế thì tôi xin trả lời rằng sở dĩ Diệm còn tồn tại được thứ nhất là vì những cố gắng hỗ trợ tận tình của người Mỹ, thứ hai là vì người Việt thù ghét vô cùng nền độc tài Cộng Sản.

Vì từng làm việc mật thiết với chế độ này trong suốt 7 năm, nên tôi đã có thể thấy được rằng **chế độ này không có khả năng thu phục được sự ủng hộ của nhân dân**. Ngay cả những người lúc đầu ủng hộ chế độ cũng **không còn chịu đựng được tình trạng tham nhũng giả dối và vô hiệu năng** do những phe nhóm gồm toàn những kẻ ăn bám và nịnh hót tạo ra để nhũng lạm chế độ trước khi chế độ này sụp đổ. Ngoài những tên nịnh hót vô tích sự và các bà con trong gia đình họ Ngô, **không còn ai tận tâm ủng hộ chế độ nữa**.

Do đó mà tại miền Nam Việt Nam ngày nay, với một quân đội tinh nhuệ và được trang bị đầy đủ, và một bộ máy hành chánh tương đối to lớn, chế độ vẫn không chống nổi sự khuynh đảo chính trị của Cộng Sản, vì những người lãnh đạo của chế độ đã vẫn liên tục không chịu chặt tận gốc rễ những nguyên nhân của tham nhũng và sự vô hiệu. Trái lại, giới lãnh đạo này đã nỗ lực tối đa để **dấu diếm sự thật về tình hình miền Nam Việt Nam**, xuyên tạc sự thật đến độ ngay cả người Mỹ cũng tin rằng không có một giải pháp chính trị nào khác ngoài tình trạng hiện hữu.

Đặt hết trọng tâm vào việc **tiêu diệt hết những người quốc gia đối lập, chế độ cố gắng thay sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam bằng sự trợ giúp của người Mỹ**. Ngô Đình Diệm cố tạo cho mình hình ảnh của một lãnh tụ chống Cộng "bất khả thay thế", và ngày nào mà người Mỹ còn tin rằng ông Diệm là "bất khả thay thế" thì ngày đó ông Diệm không cần sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam, vì ông ta có thể dựa vào sự ủng hộ vô điều kiện và vô giới hạn của người Mỹ.

Không thể nào thoát ra được cái vòng luẩn quẩn do mối liên hệ Việt-Mỹ ấy tạo ra nếu không đặt một hướng đi mới cho chính sách của Mỹ, một hướng đi dẫn đến sự xuất hiện của một giới lãnh đạo chính trị khác, không Cộng Sản, tại miền Nam Việt Nam.

Tôi còn một lời cuối cùng cho những ai thắc mắc về việc tôi tránh đưa ra những đề nghị chi tiết, những giải pháp tích cực trong cuốn sách này.

Tôi nghĩ là chưa cần phải đưa ra đề nghị về những giải pháp chi tiết cho cuộc thay đổi tình hình tại miền Nam Việt Nam, khi mà mọi người liên hệ đến tình hình ấy vẫn chưa tin rằng cần thay đổi. Vì nếu nhu cầu thay đổi này không được công nhận thì mọi giải pháp đề nghị ra đều vô nghĩa.

Nói cách khác, những bạn hữu của Việt Nam tự do phải biết rằng chế độ hiện nay tại miền Nam Việt Nam **không thể tồn tại được**, rằng chế độ ấy **không có khả năng xây dựng Việt Nam thành một quốc gia tân tiến**, và **không thể đánh bại được Cộng Sản**. Sự kiện thiết yếu này phải được công nhận rõ ràng trước khi tìm kiếm một giải pháp để bảo đảm khả năng sinh tồn của miền Nam Việt Nam.

Niềm hy vọng của tôi là sự kiện thiết yếu nói trên được tất cả các bạn hữu của Việt Nam tự do công nhận.

Cambridge, tháng 11 năm 1962

Nguyễn Thái

http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/phulucb.htm

Nhận xét của Giáo sư Nguyễn Văn Bông về Hiến pháp Đệ nhất Cọng hòa

Nguyễn Văn Bông

LUẬT HIẾN-PHÁP VÀ CHÍNH TRỊ HỌC
(Lý thuyết đại cương thế giới chính trị hiện đại) Năm thứ Nhất Cử nhân Luật khoa – 1966, Trang 327

MỤC II

CHẾ-ĐỘ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM (1955 – 1963)

Sau khi truất phế Bảo Đại và tập trung quyền lực trong tay, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch loại trừ các đoàn thể độc lập và đồng thời tạo một tổ-chức chính-trị bán chánh thức mệnh danh là "Phong-trào Cách-Mạng Quốc-Gia". Và ngày 4-3-1956 một cuộc tổng-tuyển-cử bầu Quốc-Hội Lập-Hiến. Sau một thời-gian thảo-luận, dự-án Hiến-pháp được Quốc-hội lập-hiến chung-quyết ngày 20-10-1956 và ngày 26-10-1956 Tổng-thống Ngô Đình Diệm ban-hành Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hoà, đánh dấu một giai-đoạn lịch-sử chính-trị Việt-Nam. Chúng ta sẽ lần lượt phân-tích và nhận xét Hiến-pháp nầy.

Đoạn 1: **PHÂN-TÍCH HIẾN-PHÁP 26-10-1956**
….

Đoạn 2: **NHẬN-XÉT**

Hiến-pháp 1956 - thoạt tiên – có thể xem là một bản văn qui định rõ rệt thẩm quyền các cơ-quan quốc-gia và đồng thời ấn định những mối tương quan thực tế hầu đáp ứng với nhu cầu của thời cuộc. Tuy nhiên nhìn kỹ lại những điều kiện cấu tạo bản Hiến-pháp cùng một số điều khoản đặc biệt, chúng ta có thể quả quyết rằng chế độ qui định bởi Hiến pháp 1956 là **một chế-độ quyền uy, khung cảnh của một sự chớm nở độc-tài cá-nhân trong thực-tế.**

A) Trước nhất người ta có thể tự hỏi vì lý do gì mà nhà Lập-hiến ưng thuận cho "đương kim Tổng-Thống" (tức là Ngô đình Diệm) sẽ là Tổng-Thống đầu tiên theo Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hoà? Khi mà tổ chức được một cuộc trưng cầu dân ý và một cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc-hội lập-hiến thì người ta không hiểu vì sao lại không tổ-chức được một cuộc bầu cử Tổng-Thống chiếu theo Bản Hiến-Pháp mới. Sự kiện nầy chứng tỏ sự **thiếu tinh-thần dân-chủ của đương kim Tổng-Thống**.

B) Nhận xét thứ hai liên quan đến điều 98: "*Trong nhiệm kỳ lập-pháp đầu tiên (tức từ 1956 đến 1959) Tổng-Thống có thể tạm đình chỉ sự sử-dụng những quyền tự-do đi lại và cư ngụ, tự-do ngôn luận và báo chí, tự do hội-họp và lập hội, tự do nghiệp-đoàn và đình-công để thỏa-mãn những đòi hỏi đích đáng của an toàn chung, trật-tự công-cộng và Quốc-Phòng.*"
Một câu như thế xoá bỏ hết Thiên thứ ba (từ điều 30 đến điều 47) của bản Hiến-pháp! Và chính **vì những quyền rộng như vậy mà chế-độ Ngô-Đình-Diệm có phương-tiện loại trừ các đoàn thể quốc-gia độc-lập, phát động phong-trào suy-tôn mở đường cho một chế-độ độc-tài cá-nhân**.

C) Nhận xét thứ ba liên quan đến chế độ Tổng-Thống. Một số bình-luận gia, khi phê-bình Hiến-pháp 1956, kết-luận rằng Hiến-pháp nầy thiết-lập Tổng-Thống-chế theo kiểu Hoa-Kỳ. Đây là một khuynh-hướng tối quan-trọng cần phải xét lại vì sự thất bại của chế-độ Ngô đình Diệm làm nhiều người tưởng rằng chế-độ độc-tài là hậu qủa tất nhiên của chế-độ Tổng-Thống. Thật ra Tổng-Thống chế Việt-Nam năm 1956 **không phải** là Tổng-Thống-chế Hoa-Kỳ. Trong lúc Hiến-pháp Hoa-Kỳ cố giữ *thế quân bình* giữa các quyền được thiết-lập, đặc điểm của hệ-thống tổ-chức chính-quyền theo Hiến-pháp 1956 là **ưu-thế quá mức của Tổng-Thống**. Và ưu-thế nầy được

thể hiện qua những quyền hành của Tổng-Thống và nhất là **sự can thiệp tích cực của Hành-pháp vào lãnh vực lập-pháp**.
Thật vậy, ngay ở điều khoản thứ ba chúng ta nhìn thấy "*Tổng thống lãnh-đạo quốc-gia*". Tổng-Thống bổ-nhiệm và cách chức các sứ thần cùng công chức cao cấp **không cần ý kiến của Quốc-hội**. Trái với nguyên-tắc phân-nhiệm mà điều 3 ghi rõ là "*Nguyên tắc phân-nhiệm giữa hành-pháp và lập-pháp phải rõ rệt*". Hiến-pháp 1956 dành cho Tổng Thống *quyền ký sắc luật* giữa hai khóa họp Quốc-hội, quyền ký sắc-lệnh tuyên-bố tình-trạng khẩn-cấp, báo-động hoặc giới-nghiêm.

Một sự *tập trung quá mức quyền hành* cùng sự *thủ-tiêu đối-lập* và sự hiện-diện của *một chính đảng duy-nhất* đã **đưa chế-độ Ngô-đình-Diệm lần lần đi đến một chế-độ quyền-hành cá-nhân áp-dụng những phương-tiện chuyên-chế mà tiếng súng ngày 1-11-1963 đã đưa vào dĩ-vãng**.

NGUYỄN VĂN BÔNG
Thạc sĩ Công Pháp
Giáo sư thực thụ Luật khoa Đại học Sàigon
Viện trưởng Học-Viện Quốc-gia Hành-chánh

Ngày tàn Của Nền Độc tài Công giáo.
Sự Sát hại 2 Tổng thống Công giáo

(Trích từ "*Vietnam: Why Did We Go?*", Chương 15, của Avro Manhattan)

.

** Tại sao tòa đại sứ Mỹ đã chống lại cuộc đề cử Diệm * Một sự lựa chọn tai hại * Thế lưỡng nan của Kennedy * Các ưu tiên chính trị tôn giáo của Diệm * So sánh các nền độc tài Ca-tô của xứ Croatia và Việt Nam * Những mục tiêu chính của Diệm và Pavelich * Các hoạt động tôn giáo của Diệm làm nguy hại những nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam * Binh sĩ Phật giáo đào ngũ khỏi Quân đội Việt Nam * Các biện pháp giúp tránh sự tan rã của đội quân * Viện trợ của Mỹ cho Việt Nam bị ngưng * Trưởng CIA bị gọi về * Một "cú lật đổ" Diệm được thả lỏng * Diệm và người em bị bắn chết * Tổng thống Kennedy bị giết * Thêm mười năm nữa cho chiến tranh Việt Nam * Cái giá cuối cùng, mạng sống của 58 ngàn thanh niên Mỹ.*

Đối với Vatican, Việt Nam là một cuộc thao dượt khác để cấy chủ nghĩa Công giáo toàn trị vào một đất nước lạ bất chấp ước vọng của đại đa số quần chúng. Vatican là một bậc thầy trong việc lợi dụng các cơ hội chính trị và quân sự để thăng tiến những chính sách tôn giáo của riêng mình, cuối cùng có nghĩa là sự mở rộng của Giáo hội Công giáo mà nó đại diện. Như một quy tắc, để thúc đẩy các chính sách như vậy, nó sẽ sử dụng những cá nhân cuồng đạo để thực hiện các hoạt động tôn giáo và chính trị của nó.

Trường hợp của Diệm là một ví dụ điển hình. Vatican hỗ trợ Diệm, bởi vì ông ta là một giáo dân Ca-tô cuồng đạo, Mỹ ủng hộ ông vì ông là một kẻ chống Cộng hăng say. Vào thời điểm này, vì chính sách của Giáo hội Công giáo là toàn diện chống Cộng, nên hậu quả là kẻ cuồng đạo phải phục tùng Nhà Thờ và thành kẻ hăng say chống Cộng tựa như nó.

Do đó, đối với Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ và với Vatican, tính cuồng đạo và lối sống khắc khổ của Diệm là sự bảo đảm chắc chắn nhất rằng Diệm sẽ thực thi chính sách phối hợp của họ với mức trung thành tối đa, và những sự kiện tiếp diễn về sau đã chứng minh rằng họ đã đúng ở điểm này. Tuy nhiên những kẻ biết chuyện, đã

không hề đồng quan điểm về tính thích nghi của Diệm. Tòa Đại sứ Mỹ chẳng hạn, đã khuyến cáo chống lại ông từ đầu. Cảnh báo của tòa Đại sứ đã hoàn toàn bị Washington bỏ qua, và mặc dù ngay cả Bộ Ngoại Giao chống lại sự lựa chọn này, Sở Chiến Dịch Đặc Vụ của Ngũ Giác Đài lại dứt khoát chọn Diệm. Nó đã thành công. Lời giải thích? Một bọn nào đó ở Ngũ Giác Đài đã được xúi giục bởi một đám người trong CIA vốn có các liên kết mật thiết với nhóm vận động hành lang Công giáo ở Washington và mấy tay hồng y ở Mỹ và qua đó đã hoàn toàn ăn ý với Vatican, đã quyết định phải có một giáo dân Công giáo trung thành tại Nam Việt Nam.

Nên ghi nhớ rằng đây là giai đoạn tồi tệ nhất của Cuộc Chiến tranh Lạnh. Những kẻ cổ vũ quái quỷ của nó chính là anh em nhà Dulles – một tại Bộ Ngoại giao và một tại CIA - và Giáo hoàng. Pius XII tại Vatican, đang tiến hành một đại chiến lược phối hợp về ngoại giao, chính trị và hệ tư tưởng bao gồm cả phương Tây và Viễn Đông mà Việt Nam là một phần trong đó.

Sự lựa chọn đã tỏ cho thấy là một thảm họa cho miền Nam Việt Nam và cho các chính sách Á châu của Hoa Kỳ. Như chúng ta đã thấy, vấn đề tôn giáo rốt ráo đã làm mất hiệu lực cả toàn bộ chiến lược lớn của Mỹ ở đó.

Hai Tổng thống Công giáo, Diệm và Kennedy, đã trở thành những kẻ đứng đầu của hai quốc gia có liên quan mật thiết trong một cuộc chiến tranh gây tranh cãi nhiều nhất. Nếu nhìn từ quan điểm của Vatican và sự tiến hành của các kế hoạch của nó tại châu Á, thì điều này có những khả năng vô giới hạn. Trong những hoàn cảnh khác, sự chia sẻ những tín ngưỡng tôn giáo chung đã có thể giúp nhau trong việc tiến hành một chính sách chung, vì lợi ích chính trị của hai nước đều song hành.

Tuy nhiên, với giáo dân, Diệm đang theo đuổi những cuộc đàn áp tôn giáo lỗi thời, giáo dân Kennedy càng cảm thấy chẳng thoải mái chút nào, vì ông ta vốn là đã một nhà chính trị quá tinh khôn để chịu làm hỏng sự nghiệp chính trị của mình hoặc hy sinh lợi ích của Hoa Kỳ chỉ vì một đồng đạo Công giáo, kẻ rốt cục đã làm sĩ nhục đại đa số dân Mỹ, mà phần lớn vẫn nghi ngờ đạo Công giáo của Kennedy. Vì thế mà chính quyền Kennedy cuối cùng đã cho phép lật đổ chế độ Diệm. Thông thường, với trường hợp người Công giáo cầm quyền, bất cứ khi nào hoàn cảnh cho phép và không bị hạn chế bởi các điều khoản của hiến pháp hoặc các sự chế tài khác, thì họ có xu hướng thi hành chính sách ngày càng đồng bộ với tinh thần tôn giáo của họ. Kết quả, do kết hợp các lợi ích của đất nước với những quyền lợi của Giáo hội của họ, thường là họ tạo nên các lĩnh vực xã hội và chính trị không cần thiết.

Khi việc nước đi dần đến chỗ khủng hoảng do sự kháng cự của phe đối lập phi-Công giáo thì liền đó, đám giáo dân Ca-tô nắm quyền lực chính trị hay quân sự sẽ không ngần ngại sử dụng sức mạnh ấy chống lại những người phản đối họ. Ở giai đoạn này, như là một quy luật, quyền lợi của Giáo Hội của họ vượt lên trên quyền lợi của đất nước họ.

Công thức này đã được chứng minh là đúng trong trường hợp của miền Nam Việt Nam. Tổng thống Diệm, đã lỡ kích động một cuộc khủng hoảng như thế lại coi thường lợi ích của đất nước, và của cả những kẻ đỡ đầu cho mình là Hoa Kỳ, để theo đuổi những gì mà ông ta cho là lợi ích của Giáo hội của ông.

Trong khi các yếu tố chính trị và quân sự vốn không quan trọng đã đóng một vai trò hàng đầu trong thảm kịch cuối cùng, chính yếu tố tôn giáo đã che khuất tầm nhìn về chính trị và quân sự của Tổng thống Diệm, và đã dẫn ông đến điều bất hạnh. Chỉ có hai mươi năm trước, tại châu Âu, một giáo dân Ca-tô khác, Ante Pavelich, đã tạo ra nước Croatia Công giáo, trong đó Giáo hội Công giáo cai trị tối cao để loại trừ bất kỳ tôn giáo khác. Giống như Diệm, Pavelich đã biện minh cho chế độ Toàn trị Công giáo trên cơ sở là một nền độc tài Công giáo là cách phòng thủ tốt nhất chống lại chủ nghĩa Cộng sản.

Ante Pavelić, kẻ xúi giục, người tạo lập và lãnh đạo nhà nước độc lập Công giáo của Croatia. Y sử dụng chính sách khủng bố, cực đoan chính trị và cuồng tín tôn giáo với độ tàn nhẫn vượt hẳn chính cả hai kẻ bảo hộ phát xít của y là Benito Mussolini và Adolf Hitler. Y là bộ não đứng đằng sau vụ ám sát vua Alexander và những vụ tàn sát chính trị khác, dẫn đến sự tan vỡ của Nam Tư và từ đó dựng lên nước Ustashi Croatia độc lập siêu Đức quốc xã, siêu Công giáo của y. Y tận hưởng sự bảo vệ của Giáo hoàng. Pius XII, kẻ đã giúp y các phương tiện ngoại giao và tiền bạc để đạt được mục tiêu cuối cùng của y. Khi Ustashi Croatia bị sụp đổ, Pavelich núp trong Vatican, sau đó cải trang như là một tu sĩ trốn sang Argentina.

Theo quan niệm như vậy mà y cho mình có quyền không chỉ để phát động các cuộc đàn áp bất cứ ai hoặc bất cứ điều gì phi-Công giáo, trong trường hợp của y là Giáo hội Chính Thống, nhưng còn tiêu diệt hơn 600 ngàn đàn ông, phụ nữ và trẻ em - một trong những hành động khiếp đãm nhất của Thế chiến II.

Ở châu Á, tình hình thì đa dạng và các bối cảnh chính trị và quân sự đang bị giám sát bởi một quyền lực hùng mạnh là Hoa Kỳ, các vụ lạm quyền như vậy đều không được phép. Thế nhưng những việc chuẩn bị cho các cuộc đàn áp tôn giáo và các trại tập trung đã là chỉ dẫn cho những gì có thể đã xảy ra nếu dư luận thế giới và ảnh hưởng hạn chế của Hoa Kỳ không kịp thời can thiệp vào. Tuy nhiên, các tham vọng chính trị và tôn giáo của hai kẻ độc tài Công giáo và mối quan hệ của họ với Giáo hội Công giáo đều đồng bộ. Vì vậy, khi bộ máy chính trị và quân sự bị kiểm soát bởi những kẻ độc tài Nam Việt Nam và Croatia được dùng vào việc phục vụ Giáo hội Công giáo, Giáo hội này liền đặt bộ máy tinh thần và nhà thờ của mình vào tay của hai kẻ độc tài để họ làm tất cả mọi người và mọi thứ phải qui phục chính sách độc tài tôn giáo và chính trị của nó.

Cả Diệm và Pavelich đã theo đuổi ba mục tiêu cùng một lúc: (1) sự hủy diệt của một kẻ thù chính trị, tức là chủ nghĩa Cộng sản; (2) sự biện minh cho sự hủy diệt của một giao hội thù địch, tức là Giáo hội Chính Thống trong trường hợp Pavelich và Phật giáo trong trường hợp của Diệm; (3) sự thiết lập nền độc tài tôn giáo và chính trị Công giáo tại mỗi quốc gia.

Không cần bàn đến những hoàn cảnh và bối cảnh địa lý cùng nền văn hóa khác nhau, các mô hình của hai chế độ đều y khuôn: Bất cứ điều gì và bất cứ ai không chịu uốn mình và phục tùng đạo Công giáo đều bị tiêu diệt một cách tàn nhẫn bằng bắt giữ, ngược đãi, các trại tập trung và xử tử. Với kết quả do việc xem thường lợi ích của đất nước của họ mà chỉ thúc đẩy các lợi ích của tôn giáo của họ, cả hai kẻ độc tài cuối cùng đã đưa đất nước của họ vào đáy vực.

Trong trường hợp của Tổng thống Diệm, khi ông đưa Công giáo lên hàng đầu, ông đã xa lạ không chỉ với đại đa số quần chúng Nam Việt Nam, nhưng nguy hiểm hơn là số lượng lớn nhất của quân đội Nam Việt Nam, những người đã từng ủng hộ ông toàn bộ về chính trị. Ở điểm này, tiềm năng và thực tế đầy nguy hiểm của mặt trận chống Cộng mà chính sách của Diệm dựa vào, cuối cùng đã lôi việc can thiệp quân sự của Mỹ vào và đã dẫn đến các hậu quả tai hại.

Tuy Diệm vẫn là kẻ được đở đầu chính trị của Hoa Kỳ, nhưng bằng cách theo đuổi một chính sách lấy cảm hứng từ nhiệt tình tôn giáo của riêng cá nhân mình, và bằng cách bỏ qua lợi ích ngoại giao chính trị nhất định đã được kết nối với chiến lược quân sự chung của Hoa Kỳ, ông ta đã gây nguy hiểm cho cả một chính sách toàn bộ ở Đông Nam Á. Điều này trở nên rõ ràng hơn, không chỉ vì những sự bất ổn đặc biệt do ông gây trong cả nước,

nhưng trên tất cả, vì các cuộc đàn áp tôn giáo của ông đã gây nguy khốn nghiêm trọng đến hiệu quả của quân đội.

Nên ghi nhớ rằng đại đa số quân đội Nam Việt Nam là Phật giáo đồ. Nhiều người trong số này, khi thấy tôn giáo của họ bị đàn áp, tăng sĩ của họ bị bắt, người thân của họ bị giữ trong các trại giam, đã trở nên chán nãn, và dĩ nhiên muốn gây binh biến. Những trường hợp vắng mặt ngày càng tăng, đào ngũ, và thậm chí cả nổi loạn. Kết quả toàn bộ của điều này không phải vì cuộc chiến tranh tôn giáo đã tự nó bất lực hóa chế độ Diệm, nhưng còn tệ hơn, là những tính toán quân sự của Mỹ đã bị hiểm nguy nghiêm trọng. Vấn đề tại thời điểm này càng trở thành bi thảm hơn, vì trong cùng thời gian đó, Hoa Kỳ đã bầu lên vị tổng thống Công giáo đầu tiên của họ, và còn bi đát hơn nữa về phương diện cá nhân, chính Kennedy trước khi vào Nhà Trắng, lại là một người kiên trì ủng hộ giáo dân Công giáo Diệm. Thật vậy, ông đã là một trong những thành viên có ảnh hưởng lớn nhất của nhóm vận động hành lang Công giáo đã lái Hoa Kỳ hướng về chiến tranh Việt Nam.

Khi tình hình nội trị và quân sự bên trong miền Nam Việt Nam đã đi từ xấu đến tồi tệ hơn, các nhà thảo kế hoạch của khu vực Đông Nam Á đã báo cáo rõ cho ông ta (Kennedy) phải làm một điều gì đó mạnh mẽ với sự hỗ trợ hoàn toàn cho giới quân sự tại chỗ để ngăn chặn sự rã ngũ rộng rãi của quân đội Nam Việt Nam. Những căng thẳng leo thang với Liên Xô Nga và Trung Quốc Đỏ đã buộc Washington đi nước cờ cấp bách, vì sự suy thoái nội bộ và quân sự có thể làm mặt trận chống Cộng sản bị sụp đổ hoàn toàn từ bên trong. Áp lực đã trở thành không thể cưỡng lại được và những bước gở đầu tiên được đưa ra. Trợ cấp cho Lực lượng Đặc biệt Việt Nam bị ngưng. Các chỉ thị bí mật đã được ban ra cho các ngành có kết nối chặt chẽ với các đường dây nội bộ giữa Hoa Kỳ và chế độ Diệm. Cuối cùng, vào ngày 4 Tháng 10, 1963, John Richardson, người đứng đầu của CIA tại Việt Nam, bất ngờ bị giải nhiệm và gọi về Washington. Một số cá nhân hiểu rằng họ đã được giao lệnh tự do hành động cho một một cuộc đảo chính chống Diệm.

Một cuộc đảo chính đã được thiết kế thành công, Tổng thống Diệm và em trai, kẻ đứng đầu đáng ghét của ngành mật vụ phải chạy trốn. Họ đã bị phiến quân phát hiện đang ẩn náu trong một nhà thờ nhỏ. Bị bắt giữ, họ đã bị đẩy vào trong một chiếc xe cơ giới như những tội phạm quốc gia. Vừa đến nơi phải tới - cả Diệm và em trai ông đã bị bắn chết. Xác chết của họ đã được đặt tại Bệnh viện St Joseph, chỉ cách vài trăm mét từ chùa Xá Lợi, trung tâm của cuộc kháng chiến chống sự đàn áp Phật giáo của Diệm [1].

Hai mươi ngày sau vụ ám sát Diệm, tổng thống Công giáo đầu tiên của Nam Việt Nam, tổng thống Công giáo đầu tiên của Mỹ, John F. Kennedy, lại bị ám sát tại Dallas, Texas. Tại sao, và bởi ai vẫn là một bí mật từ bấy giờ.

Sau sự sụp đổ của chế độ độc tài của Tổng thống Diệm, sự tham gia của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam lại kéo dài thêm mười năm nữa từ 1963-1973 [2].

Các xác chết tả tơi của Tổng thống Diệm và em trai của ông ta (Ngô Đình Nhu) sau khi bị ám sát bởi các sĩ quan Phật tử ngày 2-11-1963.

Vụ ám sát Tổng thống Kennedy ở Dallas, Texas, 22-11-1963.

Vào tháng Tư năm 1975, Sài Gòn, th ủ đô của miền Nam Việt Nam đã rơi vào tay Cộng sản. Năm sau, ngày 24 tháng 6 năm 1976, phiên họp đầu tiên của Quốc hội Việt Nam khai trương tại Hà Nội ở miền Bắc. Ngày 2 Tháng 7 năm 1976, Bắc và Nam tuyên bố thống nhất, như thế kết thúc 20 năm chia cắt. Lá cờ mới của họ, một ngôi sao năm cánh vàng trên nền đỏ, đã trở thành biểu tượng cho quốc gia mới, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người dân Việt Nam đã tổn thất hàng trăm ngàn người bị thương và chết, sự tàn phá đất nước của họ và sự đau khổ vô bờ của con người. Hoa Kỳ đã hao tốn hàng tỷ và hàng tỷ đô la, sự cay đắng nội bộ và bên ngoài nước, sự tham gia của hơn 5 triệu rưỡi thanh niên Mỹ với sự mất mát của hơn 58 ngàn mạng sống của người trẻ Mỹ.[3]

Ghi chú cuối chương:

[1]. Người bị cáo buộc đã giết ông ta (Diệm) là một Đại úy Nguyễn Văn Nhung, người đã tự tử vào ngày 31 tháng 1, 1965.
[2]. Hoa Kỳ đã buông bỏ trực tiếp tham gia vào Việt Nam vào tháng Giêng, 1973. Sau đó, Quốc hội, mặc dù các cam kết hỗ trợ, đã quyết liệt cắt giảm viện trợ cho quân đội Nam Việt Nam – trong khi Liên Xô lại tăng gấp đôi hỗ trợ của nó. Nam Việt Nam tan rã vào tháng tư, năm 1975.
[3]. *U.S. News and World Report*, ngày 10 tháng 10, 1983.

Tác giả: **Avro Manhattan**
Người Dịch: **Trần Thanh-Lưu**

Cuộc Cách Mạng 1-11-63

Hoành Linh Đỗ Mậu

[Trích đoạn từ Chương XVII, "Cuộc Cách mạng 1-11-1963",
của tác phẩm *Việt Nam Máu Lữa Quê Hương Tôi,*
Hoành Linh Đỗ Mậu, NXB Văn Nghệ, California 1993]

Tôi có hai người cháu mà tôi thương mến đặc biệt: Đỗ Thọ gọi tôi bằng chú, là Đại úy Không quân trong phi đoàn I Vận tải, và sau này trở thành một trong bốn sĩ quan tùy viên của Tổng thống Diệm. Thọ trầm tĩnh ít nói, tính tình cứng rắn và thủy chung. Binh chủng Không quân có đem lại cho Thọ một ít chất lãng mạn nhưng cũng đủ chừng mực để làm cho Thọ bớt khắc khổ mà thôi. Thọ không quan tâm nhiều đến tình hình đất nước nhưng lại rất nặng tình gia tộc.

Tháng 11 năm 1963, Thọ theo ông Diệm trốn khỏi dinh Gia Long đến nhà thờ Cha Tam. Sau Cách mạng 1963, Thọ trở về Phi đoàn cũ, và trong một chuyến bay đón Thủ tướng Khánh tại Đà Nẵng, Thọ bị tử nạn trên không phận Quảng Nam. Năm đó Thọ 29 tuổi, và để lại cho đời tác phẩm "*Nhật Ký Đỗ Thọ*" do người em sưu tầm và xuất bản.

Người cháu thứ nhì là Nguyễn Bá Liên, gọi tôi bằng dượng, là Thiếu tá Tư lệnh Phó Thủy Quân Lục Chiến, chỉ huy Tiểu đoàn I và II hành quân diệt địch khắp chiến trường miền Nam. Liên vốn có truyền thống cách mạng trong gia đình, lại mồ côi cha mẹ từ lúc nhỏ nên tính tự lập, cương cường và khí phách. Đời sống của binh chủng thiện chiến đã hun đúc Liên thành một sĩ quan văn võ toàn tài, mà tình yêu quê hương dân tộc chỉ thêm nồng nàn với những cọ sát sôi bỏng chống kẻ thù và với sự hủy diệt thảm khốc thường trực của chiến tranh.

Năm 1963, Liên là sĩ quan cầm quân tiến đ ánh dinh Gia Long dưới sự chỉ huy của Đại tá Nguyễn Văn Thiệu. Năm 1966, Liên được đổi tên Kontum làm Tư lệnh Biệt khu 24, một trong những nút chặn nguy hiểm nhất của đường mòn Hồ Chí Minh, và tử nạn (năm 1969) trong một cuộc hành quân khốc liệt tại Tân Cảnh, trong vùng núi Trường Sơn gần Bến Hét. Năm đó Liên 38 tuổi và để lại cho đời tác phẩm *Việt Nam, Việt Nam ơi!* với bút hiệu Trường Giang.

Hai người cháu đặc biệt đó có hai cuộc đời cũng đặc biệt, tuy đối nghịch nhau trong ngày lịch sử 1–11–1963 nhưng lại gặp nhau trong hành động lấy sinh mạng trả nợ non sông. Hai người cháu đó đứng hai chiến tuyến khác nhau trong ngày lịch sử 1–11–1963 đều lấy sự thủy chung làm tiêu chuẩn chọn lựa: Thọ thì thủy chung với ông Diệm, Liên thì thủy chung với đất nước quê hương.

Chương này tôi viết trong nỗi niềm nhớ tiếc về hai đứa cháu thân thương đó mà những hành xử trong ngày 1–11–1963 chỉ làm cho cả Thọ lẫn Liên trở thành những hành ảnh hùng tráng và thắm thiết trong gia tộc chúng tôi. Hình ảnh đó cũng tượng trưng cho tâm trạng tôi trong cuộc Cách mạng 1–11–1963: **Thọ là tình người, Liên là tình nước**.

-o0o-

Cuộc Cách mạng 1–11–1963 đã được nhiều sách vở, tài liệu đề cập đến đầy đủ. Từ những vận động đến tiến trình thành hình của nó, từ những lực lượng tham dự đến kế hoạch phát động của nó. Trong chương này, tôi chỉ

xin đề cập đến những sự kiện và suy tư về những hoạt động mà tôi đã trực tiếp đóng góp, hoặc những biến cố tôi biết rõ trong ngày Cách mạng đó mà thôi.

Vào giữa tháng 7 năm 1963, mặc dù chính quyền Ngô Đình Diệm đã tận dụng mọi thủ đoạn để đàn áp các cuộc biểu tình chống đối chính phủ và đặc biệt trao quyền cho Tòa án Quân sự để đem ra xét xử những can phạm quân sự và dân sự trong biến cố Nhảy Dù với mục đích cảnh cáo, hăm dọa phong trào đấu tranh, nhưng phong trào chống đối mỗi ngày một sôi động hơn. Các cuộc biểu tình đấu tranh của Phật giáo đã có sự tham dự đông đảo của hàng ngũ sinh viên đại học, học sinh trung học và cả các em nhỏ các trường tiểu học nữa, đến nỗi học giả Douglas Pike, trong cuốn *Viet Cong* đã mô tả những ngày hè 1963 này bằng hình ảnh của một "*Thủ đô Sài Gòn đang bốc lửa*".

Để đối phó với tình hình sôi động đó, chính phủ Diệm đem thêm hai tiểu đoàn Dù và hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến về Sài Gòn tăng cường cho các đơn vị Bộ Binh và Cảnh Sát Dã Chiến để đàn áp các cuộc xuống đường. Hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến này do Thiếu tá Nguyễn Bá Liên chỉ huy vì Liên đang là Tư lệnh phó cho Trung tá Lê Nguyên Khang. Bộ chỉ huy của Liên đóng tại Văn phòng Viện Đại học Sài Gòn ở góc đường Duy Tân và Trần Quý Cáp.

Một hôm, vào cuối tháng Bảy, tôi đến Bộ Chỉ Huy của Liên và kéo Liên ra vườn để tìm hiểu thêm về tinh thần binh sĩ trước hiện tình đất nước thì được Liên cho biết binh sĩ rất hoang mang và nhiều lúc công khai tỏ thái độ bất mãn với chế độ. Liên nói rằng chẳng những binh sĩ đã không chịu đàn áp biểu tình mà họ còn tỏ ra thân thiện cởi mở với sinh viên học sinh như để bày tỏ thái độ đồng tình. Liên giải thích: "Làm sao binh sĩ có thể đàn áp được khi những kẻ biểu tình là bà con, anh em với họ. Làm sao họ có thể xuống tay với những em nhỏ mới mười mấy tuổi". Riêng Liên thì "… Dù cháu theo đạo Tin Lành, cháu không phải là Phật tử, nhưng hành động kỳ thị, đàn áp tôn giáo của anh em ông Diệm thật là bất công và tàn bạo! Mỗi lần cháu đi nhà thờ gặp các vị mục sư, các tín đồ, ai ai cũng chê trách chính sách về tôn giáo của ông Diệm".

Thủy Quân Lục Chiến là một binh chủng thiện chiến, thường đi hành quân khắp các chiến trường và biết rõ tình hình an ninh suy thoái tại nông thôn nên Liên tỏ ra rất lo âu.

Sau khi nghe Liên trình bày, tôi bèn hỏi: "Cháu có nghĩ rằng với tình hình này, liệu quân đội có thể đi đến một cuộc binh biến lật đổ chế độ Diệm không?". Liên suy nghĩ một lát rồi trả lời: "Cháu nghĩ có thể lắm vì chính trong Lữ đoàn của cháu, ngoại trừ Đại úy Bằng theo Thiên Chúa giáo tỏ ý vui mừng đồng ý với các cuộc đàn áp Phật giáo, còn các Tiểu đoàn trưởng khác, ai cũng tỏ thái độ bất mãn căm thù chế độ Diệm. Chính nhóm của cháu như bác sĩ Đại úy Nguyễn Phúc Quế, Đại úy Trần Văn Nhật (tướng Nhật, hiện nay ở Orange County, Cali), như Đại úy Lê Hằng Minh (em của tướng Lê Minh Đảo mà trong chương trình "*Vietnam, a Television History*" của đài PBS, tướng Đảo đã lên án nặng nề chế độ Diệm) và rất nhiều sĩ quan khác đã bàn đến cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Diệm mà người hăng hái nhất là bác sĩ Quế". Quế đỗ bác sĩ Y khoa tại Pháp, nhưng là một trí thức có tinh thần trách nhiệm và có tinh thần chống Cộng sâu sắc, Quế lại đặt niềm tin vào ông Diệm nên đã bỏ Pháp trở về Việt Nam để xin phục vụ trong binh chủng TQLC. Là người Thiên Chúa giáo nhưng Quế thấm nhuần tinh thần dân tộc và tư tưởng dân chủ nên Quế không thể chịu đựng nổi một chế độ phong kiến, độc tài như chế độ Diệm. Vì vậy anh tỏ ra vô cùng bất mãn và chán ghét chế độ. Quế nói rằng: "Trước kia, năm 1960, Nhảy Dù thất bại vì chưa vận động được cả thời lẫn thế, nay là cơ hội tốt đẹp cho Thủy Quân Lục Chiến vùng lên tiếp nối sứ mạng lịch sử đập tan chế độ nhà Ngô".

Tôi lại hỏi thêm để hiểu quan điểm của Liên: "… Dượng theo ông Diệm đã hơn 20 năm trời, nay nếu đứng lên phế bỏ ông ta thì có mang tiếng là người thiếu thủy chung không?" Liên lại suy nghĩ một lát rồi trả lời: "Ba cháu từng là chiến hữu của ông Diệm, đã hoạt động cho ông ta, còn dượng thì hy sinh cho ông ta gần nửa đời người, và cháu tuy còn trẻ những cũng đã từng kéo quân về Sài Gòn cứu nguy ông ta trong biến cố Nhảy Dù, vậy thì chính ông ta mắc nợ gia đình mình chứ mình có mang ân nghĩa gì của ông ta đâu! Huống gì đối với quốc gia dân tộc thì mình không thể vì tình riêng mà bỏ nghĩa chung được". Liên còn đem cái nghĩa lý "Sát nhất miêu cứu vạn thử" (giết một con mèo cứu vạn con chuột) để thuyết phục tôi.

Tuy vậy, lúc bây giờ tôi vẫn chưa có ý muốn lật đổ chế độ, vì như vậy là lật luôn cả ông Diệm, mà chủ yếu tôi chỉ muốn triệt hạ vợ chồng Ngô Đình Nhu mà thôi. Tôi nói với Liên: "Dù sao dượng cũng muốn giữ với ông Diệm một chút tình cố cựu, vả lại ông Diệm chỉ vì nghe lời anh em mà mang tội cho nên dượng chỉ muốn triệt hạ Ngô Đình Nhu thì chắc ông Diệm sẽ cảnh tỉnh ngay. Cháu suy nghĩ, phác họa một vài kế hoạch đi rồi cho dượng biết sau".

Chỉ độ mấy ngày sau, Liên đến gặp tôi tại nhà riêng và cho biết tổ chức của Liên có thể hạ sát Ngô Đình Nhu dễ dàng: "Cháu sẽ dẫn một số sĩ quan mặc lễ phục trắng, dấu súng trong mình và nói rằng đại diện đơn vị Thủy Quân Lục Chiến xin yết kiến ông Cố vấn để tặng một kỷ vật mừng ông đã lãnh đạo thành công trong quốc sách Ấp Chiến Lược, trong lúc đó bên ngoài, hai tiểu đoàn của cháu đang hoạt động tại quận Nhất sẽ sẵn sàng tiếp ứng. Khi vào được phòng đợi của ông Nhu nhóm cháu sẽ tông cửa vào văn phòng rồi hạ sát ông ta ngay. Trong kế hoạch này chỉ cần dượng thuyết phục được Đỗ Thọ ra tận cổng dinh Gia Long đón cháu vào là không ai nghi ngờ gì nữa cả."

Vốn ra vào dinh Gia Long luôn và tuy không chịu trách nhiệm vấn đề an ninh của Dinh nhưng tôi cũng hiểu rõ việc canh phòng và sinh hoạt của nhân viên trong Phủ Tổng thống, nên tôi thấy kế hoạch ám sát Ngô Đình Nhu của cháu tôi có thể thực hiện được. Tuy nhiên, kế hoạch này phải dựa vào Đỗ Thọ mà Thọ thì chỉ là quân nhân thuần túy, không có ý thức chính trị, lại phục Ngô Đình Nhu và thương ông Diệm, do đó có thể Thọ sẽ không nghe lời tôi. Tôi bèn bác bỏ kế hoạch này và cho Liên biết kế hoạch của tôi: Hạ sách là kéo một số đơn vị mà chủ lực là Thủy Quân Lục Chiến lên vùng gần Tây Ninh lập chiến khu đòi hỏi ông Diệm phải đưa vợ chồng Nhu ra nước ngoài, trả tự do cho tất cả tù chính trị quốc gia, thỏa mãn năm nguyện vọng của Phật giáo, mở rộng chính phủ, thực hiện đoàn kết với các tôn giáo, đảng phái để chống Cộng. Tôi nghĩ rằng trước bối cảnh đất nước lúc bấy giờ, nếu có một tập hợp chính trị gồm đảng phái, tôn giáo, quân đội kéo quân đi lập chiến khu thì sẽ có nhiều đơn vị quân đội hưởng ứng và ông Diệm sẽ nhượng bộ để thực hiện những đòi hỏi đó. Thượng sách là tổ chức một cuộc chính biến lật đổ chế độ Diệm do tôi lãnh đạo để có khả năng giữ ông Diệm lại làm Tổng thống. Lúc bấy giờ tâm hồn tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi hành động của Võ Văn Hải trong biến cố đảo chánh của Nhảy Dù năm 1960. Với vóc dáng thư sinh, với tấm lòng trung nghĩa, Hải đã dám xông pha vào vòng lửa đạn, gặp lãnh tụ đảo chánh là Trung tá Vương Văn Đông để xin tha mạng cho ông Diệm, và xin cho ông ta tạm thời giữ chức Tổng thống vô quyền.

Với hai kế hoạch đó, một mặt tôi bảo Liên về tổ chức Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến thật chặt chẽ để làm chủ lực quân, và móc nối với các sĩ quan thuộc binh chủng khác. Một mặt chính tôi đích thân xây dựng tổ chức cho một cuộc chính biến do tôi chủ trương. Tôi bắt đầu tổ chức người nhà mà trước hết là em họ tôi, Đại úy Đỗ Như Luận, đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Truyền Tin. Luận có người bạn thân là Đại úy Lê Phước Sang (chánh văn phòng của tướng Nguyễn Giác Ngộ) có nhiệm vụ tác động các sĩ quan gốc Phật giáo Hòa Hảo, vốn rất căm thù chế độ Diệm, và có nhiệm vụ vận động trong giới dân sự mà Luận và Sang quen biết khá nhiều. Luận lại được Thượng Tọa Tâm Châu thương mến tín nhiệm, được Thượng Tọa chỉ giáo cho phần chính trị và nhân sự để tiến hành công tác tổ chức và xây dựng hậu thuẫn quần chúng. Luận và Sang đã tổ chức được nhóm các ông Phan Huy Quát và Trần Thanh Hiệp, nhóm Việt Quốc của luật sư Nguyễn Tường Bá, và lôi kéo luôn được cả ông Trần Quốc Bửu, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao Công. Trần Quốc Bửu vốn là bạn thân và đồng chí của Ngô Đình Nhu nhưng lại liên hệ chặt chẽ với các giới chức Mỹ. Đã từ lâu, tuy bề ngoài Trần Quốc Bửu có vẻ trung thành với anh em ông Diệm nhưng trong thâm tâm ông ta đã chán nản bứt rứt vì biết Ngô Đình Nhu đang chống Mỹ để bắt tay với Hà Nội. Có lẽ Trần Quốc Bửu suy luận rằng chế độ Diệm không thể nào tồn tại được nữa cho nên ông sẵn sàng tham dự vào bất kỳ nhóm đảo chánh nào để có thể rửa được cái "vết nhơ Cần Lao". Vì thế, khi Luận và Sang bắt liên lạc thì ông nhận lời ngay. Tiếc rằng sau này, khi Cách mạng thành công, tướng Mai Hữu Xuân lại bắt giam ông vào khám Chí Hòa đến nỗi đại sứ Cabot Lodge phải nhiều lần can thiệp tướng Dương Văn Minh mới chịu trả tự do. Do đó, sau này, ông Bửu đã coi tướng Minh như kẻ thù và trở nên cố vấn đắc lực cho Nguyễn Văn Thiệu trong những vận động ngoại giao với lực lượng thợ thuyền Hoa Kỳ. (Các ông Nguyễn Tường Bá, Trần Thanh Hiệp, Lê Phước Sang hiện nay đều có mặt tại hải ngoại).

Một người cháu rể khác của tôi là Đại úy Chu Văn Trung (theo chương trình H.O., đã qua Mỹ năm 1992), chỉ huy trưởng tiểu đoàn 1 Truyền Tin đóng cạnh Bộ chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung, có nhiệm vụ nguy hiểm là cô lập nhóm Lê Quang Tung khi hữu sự. Chu Văn Trung là người Bắc, đệ tử của Thượng Tọa Tâm

Châu nên nhờ Thượng Tọa mà lôi kéo được rất đông sĩ quan Phật tử (người Bắc) tham gia công cuộc chung. Một người cháu khác nữa của tôi là Phạm Văn Lương, với bạn là Nguyễn Văn Cơ (Bác sĩ Cơ hiện ở Orange County), là sinh viên Quân Y năm thứ 6, có nhiệm vụ cướp chính quyền trường Quân Y do bác sĩ Trung tá Hoàng Văn Đức (Thiên Chúa giáo) chỉ huy, và liên lạc với các tổ chức sinh viên khác để vận động sinh viên đại học xuống đường, tạo một cuộc nổi dậy tại Đô thành hậu thuẫn cho hành động của nhóm quân sự. May mắn cho chúng tôi, Lương có người anh rể là Đại úy Hồ Tiêu đang chỉ huy một tiểu đoàn Dù. Cũng như Lương, Hồ Tiêu là người Quảng Trị cùng quê với Hòa Thượng Trí Thủ, Thượng Tọa Thích Thiện Minh… nghe nói đến lật đổ chế độ, Tiêu rất mừng, hăng hái tham gia ngay. Nhờ Tiêu, chúng tôi có thêm một tiểu đoàn thiện chiến làm chủ lực. Trung đoàn Thiết giáp ở Gò Vấp là đơn vị hùng hậu do Thiếu Tá Thẩm Nghĩa Bôi chỉ huy, từng cứu ông Diệm thời Nhảy Dù đảo chánh, chúng tôi cũng tổ chức được một số sĩ quan trẻ để khi hữu sự có thể cô lập được Thẩm Nghĩa Bôi và vô hiệu hóa Trung đoàn. Trong binh chủng Không quân, chúng tôi có Trung tá Đỗ Khắc Mai (hiện ở Pháp) và nhóm cộng sự viên của Mai. Tuy Mai đã từng ở trong Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và đảng Cần Lao Nhân Vị do tôi tổ chức, nhưng vì là người tâm huyết thuộc một gia đình có tinh thần chống Cộng rất cao, nên khi dần dần thấy anh em ông Diệm tham nhũng thối nát mà lại bất tài bất lực trong việc chống Cộng đến nỗi người bạn thân là Đại tá Nguyễn Xuân Vinh (hiện nay đang ở Hoa Kỳ) phải bỏ chức Tư lệnh Không Quân ra đi, thì Mai trở thành bất mãn và chống chế độ.

Ngoài các lực lượng quân đội và dân sự ở Sài Gòn, tôi còn tổ chức được Đại tá Đặng Văn Sơn và Thiếu tá Trần Văn Hai ở Khánh Hòa. Sơn chỉ huy trường Hạ sĩ quan Nha Trang, lại là một Phật tử thuần thành, bạn thân của tôi lâu năm. Sơn từng ủng hộ ông Diệm thời ông gặp khó khăn trong giai đoạn làm Thủ tướng, Sơn đã từng ở trong đảng Cần Lao, nhưng cũng như mọi người tâm huyết mang tâm trạng bất mãn với nhóm Cần Lao Công Giáo, lại thấy anh em ông Diệm trắng trợn đàn áp Phật giáo nên khi tôi ngỏ lời Đặng Văn Sơn hăng hái nhận lời ngay. Thiếu tá Trần Văn Hai, chỉ huy trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân ở Dục Mỹ (Ninh Hòa) là một đảng viên Đại Việt, thời 1955–1956 bị nhóm Cần Lao Công Giáo dân sự vu cáo nên bị bắt giam, nhưng lại được tôi tái xét và bạch hóa hồ sơ nên từ đó Hai coi tôi như một ân nhân, một người anh, do đó khi tôi cho người liên lạc móc nối, Hai đồng ý ngay. Là người can trường và tâm huyết, Hai hứa với tôi sẽ hy sinh đến kỳ cùng để đập tan chế độ Diệm (Sau khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản vào năm 1975, tướng Trần Văn Hai đã tự vẫn không chịu đầu hàng Cộng Sản). Trường Hạ Sĩ quan Nha Trang và Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ có đến 5, 6 ngàn binh sĩ thiện chiến, cho nên lực lượng hùng hậu này được tôi giao cho nhiệm vụ chiếm Nha Trang để khi tôi kéo quân đi lập chiến khu hay khi có chính biến tại Sài Gòn sẽ nổi lên làm thế ỷ dốc. Nha Trang và Khánh Hòa là quê hương của Phật giáo cho nên dân chúng địa phương trở thành một hậu thuẫn nhân dân vững chắc cho những lực lượng cách mạng sau này.

Trong lúc tiến hành tổ chức cuộc binh biến, tôi không ngờ có nhiều nhóm sĩ quan khác cũng có những nỗ lực nhằm vận động lật đổ chế độ, mà hầu hết là người thân tín của ông Diệm. Có ba nhóm lần lượt đến vận động tôi vào tổ chức của họ. Trước hết là nhóm của tướng Nguyễn Ngọc Lễ và Đại tá Nguyễn Văn Chuân (tướng Chuân hiện ở Hoa Kỳ). Thứ hai là nhóm của Đại tá Nguyễn Khương người Huế, cựu chỉ huy trưởng binh chủng Truyền Tin (Đại tá Khương hiện ở Pháp). Và thứ ba là nhóm của tướng Lê Văn Nghiêm và Đại úy Nguyễn Bé. Sở dĩ những sĩ quan này dám vận động tôi vào tổ chức đảo chánh của họ vì họ toàn là bạn thân của tôi nên biết rõ quan điểm chính trị và tâm trạng của tôi đối với anh em ông Diệm, nhất là đối với vợ chồng Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn. Tuy nhiên dù biết họ tin tôi, và dù tôi không nghi ngờ quyết tâm của họ, nhưng vì làm công việc lật đổ chế độ là một việc làm nguy hiểm có thể đưa đến cái chết vô ích nếu bị Ngô Đình Nhu và nhóm Cần Lao phát hiện nên tôi đã phải rất cẩn mật. Do đó, dù các tổ chức trên đã đến liên tục thúc giục, tôi chỉ trả lời một cách lưng chừng mà không chính thức nhận lời. (Có phải thế không anh bạn Nguyễn Văn Chuân của tôi ơi!)

Ngoài các nhóm mà tôi tạm gọi là các *Tổ chức miền Trung* nói trên còn có đảng Đại Việt mà đại diện là Thiếu tá Huỳnh Văn Tồn (hiện ở Orange County, California). Sở dĩ tôi khám phá ra được hoạt động của Huỳnh Văn Tồn là nhờ một tờ thông báo của Trung tướng Thái Quang Hoàng. Nguyên Tồn là huấn luyện viên trường Đại học Quân Sự Đà Lạt, nhưng Tồn lại bỏ trường đi gần hai tuần lễ không về đến nỗi tướng Hoàng phải thông báo nhờ An Ninh Quân Đội lùng bắt. Tôi cho nhân viên dò xét và theo dõi nên biết được Tồn về Sài Gòn liên lạc với các đồng chí quân sự và dân sự trong đảng để tổ chức đảo chánh. Đặc biệt, Tồn liên lạc với cả tướng Dương Văn Minh. Cũng trong nhóm của Tồn từ Đà Lạt về còn có Thiếu tá Thủy Quân Lục Chiến Cổ Tấn Tinh Châu; Châu

về miền Tây tổ chức các đảng viên Đại Việt, và trưa ngày 1–11–1963 trở lại Thị Nghè điều động một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến đến tấn công dinh Gia Long.

Trong lúc đó thì Ty An Ninh Quân Đội tại Đà Lạt cũng báo cáo cho tôi biết nhiều "hoạt động lạ lùng" của Trung tá Trần Ngọc Huyến, Chỉ huy trưởng trường Võ Bị Đà Lạt (hiện ở Mỹ). Lúc đầu tôi không tin Huyến âm mưu đảo chánh ông Diệm vì Huyến là người Thiên Chúa giáo lại là em của cựu Bộ trưởng Trần Ngọc Liên, một thuộc hạ đắc lực của ông Diệm và ông Nhu. Huyến lại được ông Diệm nâng đỡ tín nhiệm giao cho chức Chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, một địa vị mang nhiều vinh dự cho bất kỳ ai được hân hạnh chỉ huy ngôi trường đào tạo nhân tài tương lai cho quân đội.

Cho đến trung tuần tháng 8, tôi biết được vào khoảng 7, 8 tổ chức đang tiến hành những vận động để lật đổ chế độ, mà tổ chức làm cho tôi chú ý một cách đáng ngạc nhiên nhất là của tướng Trần Văn Đôn, lúc bấy giờ đang là Quyền Tổng Tham Mưu trưởng. Hầu hết các tổ chức đó đều do thành phần quân nhân chủ xướng với sự hợp tác của một số lực lượng đảng phái, hoặc với sự yểm trợ của một số khuôn mặt chính trị hay tôn giáo. Sự kiện có quá nhiều tổ chức đã không làm tôi ngạc nhiên vì dưới chế độ bạo quản của ông Diệm, và với hệ thống mật vụ Cần Lao của Nhu, **chỉ quân đội mới đủ khả năng và dũng lực để tiến hành những công tác nguy hiểm và đòi hỏi một kỹ thuật tổ chức tinh vi.** Và cũng vì thế mà dù hệ thống mật vụ của Nhu có phát giác ra một vài tin tức nhưng chính Nhu cũng không biết ai lãnh đạo và thực lực thế nào.

Ngoài ra, quân đội, mà cả hai ông Nhu và Diệm đều chủ quan tưởng rằng đã được Quân ủy đảng Cần Lao kiểm soát chặt chẽ, thật ra lại là trung tâm sôi động nhất của mọi mầm mống bất mãn và chống đối. Phật giáo bị đàn áp còn biểu tình phản kháng, đảng phái quốc gia bị đàn áp còn ra tuyên ngôn chống đối, riêng quân đội thì hành xử như một chiến sĩ, nghĩa là khi bị khống chế khinh miệt thì sẽ phản ứng một cách quyết liệt và dữ dội mà điển hình là cuộc binh biến lẫm liệt 11–11–60 của binh chủng Nhảy Dù và những trái bom nổ lửa ngày 27–2–1962 của hai phi công Quốc và Cử.

Đêm 20–8–1963, đêm định mệnh mà vợ chồng Nhu tấn công chùa chiền, tình cờ một người bạn thân của tôi là Đại tá Phùng Ngọc Trưng (hiện ở Pháp) đến chơi và ngủ lại nhà tôi. Trưng vừa mới bị Ngô Đình Cẩn cất chức Giám đốc Quân nhu Quân khu I và được tôi kéo vào Sài Gòn giữ chức Chánh sở Hành Chánh Tiếp vận cho Nha An Ninh Quân Đội. Đêm ấy hai anh em tôi đang ngồi nói chuyện thì bỗng vào khoảng một giờ sáng, Thiếu tá Nguyễn Thành Long, Chánh sở ANQĐ Sài Gòn–Gia Định, gọi điện thoại khẩn cấp báo cho tôi biết cảnh sát Dã chiến và Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung đang tấn công chùa Xá Lợi (trung tâm chỉ huy lực lượng Phật giáo đấu tranh), chùa Ấn Quang và chùa Theravada. Theo Long thì chính bà Nhu mặc quân phục Thủy Quân Lục Chiến, đi xe Mercedes đến trước cổng Chùa Xá Lợi để chỉ huy cuộc tấn công chùa này. Và chính nhân viên của Long thấy bà ta la hét, chỉ trỏ ra lệnh cho lực lượng tấn công. Tôi bèn bảo Long cứ tiếp tục theo dõi biến cố và ngày mai sẽ làm tờ trình cho tôi, rồi tôi lại ra trước sân nhà tiếp tục nói chuyện với Đại tá Trưng cho đến sáng.

Ngôi nhà mà Quân đội cấp cho tôi ở là một biệt thự trong cư xá Hải quân, kiến trúc theo kiểu Pháp thời thuộc địa, nằm cuối đường Gia Long gần chủng viện Saint–Paul yên tĩnh. Đường Gia Long có hai hàng me xanh lá chụm đầu vào nhau xào xạc, đêm đó như san sẻ câu chuyện tâm sự của hai anh em chúng tôi đang bàn tán về chế độ Diệm và biến cố tấn công chùa chiền.

Là một chứng nhân sống, là một nạn nhân trực tiếp, Trưng đã kể hết và kể rõ tất cả những tội ác của Ngô Đình Thục, Ngô Đình Cẩn và tập đoàn Cần Lao Công Giáo tại Huế và miền Trung. Với giọng nói bi thiết của một người đã hy sinh tất cả để rồi bị phản bội độc ác, Trưng kết luận: "Như anh biết, cả gia đình tôi đã xả thân cho nhà Ngô với tất cả lòng trung tín và hy sinh. Thời kỳ anh em ông Diệm còn lao đao không ai dám liên lạc, thì chúng tôi đã công khai ủng hộ, đóng góp nhân lực, vật lực. Khi ông Diệm làm Thủ tướng phải tứ bề thọ địch và lúc nào cũng sẵn sàng bị tấn công thì em tôi (Đại úy Phùng Ngọc Bang) chịu vào làm sĩ quan tùy viên, anh ruột tôi chịu vào trong tiểu đội phục dịch cho tư thất Ngô Đình Cẩn… Thế mà vì lòng tham vô đáy, Cẩn đã cho mật vụ bao vây nhà tôi, một đồng chí cũ, một sĩ quan cấp tá của quân đội, một cán bộ của chế độ, để trắng trợn tịch thu những gia bảo của tôi. Đã tán tận lương tâm như thế, Cẩn còn cất chức và thuyên chuyển tôi ra khỏi đơn vị,

bắt tôi rời khỏi Huế để cho người Thiên Chúa giáo Phú Cam của Cẩn thay thế mà chuyên quyền… Với tôi mà Cẩn còn xử cạn tàu ráo máng như thế thì dân chúng thấp cổ bé miệng còn khổ nhục như thế nào! Chế độ như vậy mà anh cứ nhắm mắt phục vụ sao?"

Hai câu nói cuối cùng của người bạn thân vang dội trong đêm trường, như lớp sóng cuồn cuộn liên tục đập vào ghềnh đá. Tôi chỉ im lặng nghe Trưng nói mà không cho bạn biết tâm sự và dự định của mình. Trưng là người chân thành và trung tín, hơi "quê mùa" một chút nhưng là cái thứ "quê mùa" vô giá của những tâm hồn nông dân Việt Nam bình dị. Nhận định và phê phán của Trưng, đối với tôi, bao giờ cũng có những giá trị rất dân tộc vì phát xuất từ sự trong suốt của tấm lòng Trưng.

Đêm đó, dưới bầu trời đầy sao của mùa Hạ miền Nam, tôi còn hỏi Trưng nhiều và chúng tôi thức suốt đêm dài cho đến sáng. Hôm sau, khoảng 7 giờ, ông Diệm tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn về việc "*Hội Đồng Chính Phủ được triệu tập gấp vào lúc gần sáng. Tổng thống tuyên bố phải hành động cương quyết và lãnh trách nhiệm trước lịch sử vì có tin Việt Cộng sắp tràn ngập Thủ đô. Đã ban hành lệnh giới nghiêm, giao cho quân đội bảo vệ an ninh trật tự. Tướng Tôn Thất Đính, Tổng trấn Sài Gòn–Gia Định, chịu trách nhiệm thi hành lệnh thiết quân luật…*"

Khoảng 10 giờ sáng, tôi đang làm việc tại văn phòng của Nha tại góc đường Nguyễn Bỉnh Khiêm và Hồng Thập Tự thì tướng Trần Văn Đôn, lúc bấy giờ là quyền Tổng Tham mưu trưởng (thay tướng Lê Văn Tỵ đi chữa bệnh tại Hoa Kỳ) gọi điện thoại yêu cầu tôi đến Bộ Tư lệnh của tướng Đính để theo chỉ thị của ông Cố vấn Ngô Đình Nhu, làm cố vấn cho Đính về các vấn đề chính trị trong cuộc khủng hoảng Phật giáo.

Lại một lần nữa, Nhu âm mưu bắt tôi dính dự vào tội ác của dòng họ Ngô Đình: Trước hết, đây là một vấn đề dân sự thuộc Bộ Nội Vụ chứ không thuộc thẩm quyền của tôi, thứ hai là các sách lược chính trị không thuộc lãnh vực của Nha An Ninh Quân Đội, và thứ ba là nếu có một sách lược chính trị thì Nhu dư biết tôi đã từng bày tỏ lập trường chống đối chính sách này, vả lại tôi có bao giờ được Nhu chính thức thông báo sách lược đó đâu. Không có thẩm quyền, không thuộc lãnh vực, lại không được thông báo, thế mà tôi vẫn bị Nhu đẩy vào cái tư thế, mà đối với quần chúng, đối với phong trào đấu tranh của Phật giáo và đối với quân đội, lại là tư thế then chốt để tiến hành chính sách đàn áp Phật giáo của chánh quyền.

Lúc gặp tướng Đính và người phụ tá quân sự là Đại tá Nguyễn Hữu Có, tôi thấy cả hai đều có vẻ khẩn trương và ưu phiền. Vì đặt niềm tin trọn vẹn vào liên hệ thân thiết giữa hai người, Đính đã trình bày đầy đủ cho tôi biết những thảm họa xảy ra tại các chùa bị tấn công, nhất là tại chùa Xá Lợi: "Mặt Phật bị bắn nát, các vật dụng thờ cúng như chuông, mõ, lư hương bị đập phá văng ngổn ngang, các Tăng và Ni bị đánh bằng báng súng và đâm bằng lưỡi lê, riêng Hòa Thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết thì bị hành hung nặng". Đính còn hằn học "… Họ còn dám ném mấy khẩu Garant M1 vào chùa rồi chụp hình làm tang vật vu khống chùa có chứa vũ khí, họ còn quăng cả đồ lót đàn bà vào phòng của mấy thầy rồi xuyên tạc trong chùa có trai gái bậy bạ…".

Đính càng hằn học chỉ trích chính quyền tôi càng mừng thầm vì thái độ này phản ánh những uất ức của một kẻ muốn nổi loạn và biết đâu Đính và Đôn, ngoài tình bạn ra, cũng đã là đồng chí trong tổ chức của Đôn rồi, dù bề ngoài Đính vẫn tương kế tựu kế giả vờ đóng vai trung thành với ông Diệm.

Những biến cố xảy ra trong mấy tháng vừa qua, từ âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội đến vụ đem xử các thành phần đảng phái quốc gia tại tòa án Quân sự Đặc biệt, từ vụ đàn áp thảm khốc Phật giáo đến những lời hạch tội của Đại tá Trưng tối hôm qua và của tướng Đính hôm nay… đã chồng chất thành bản cáo trạng quyết liệt lên án tội ác của chế độ và bỗng **chấm dứt mọi ngần ngại tình cảm cuối cùng của tôi đối với ông Diệm**. Tôi cố viện dẫn khoảng thời gian hơn 20 năm trời liên hệ thắm thiết giữa ông Diệm và tôi, nhưng vẫn không đủ ngăn chận được những hành động oan nghiệt của 9 năm trời bạo quản của anh em ông Diệm. Một bạo chúa Ngô Đình Cẩn không ngại ngùng nhúng tay vào máu trên đau khổ của đồng bào; một Ngô Đình Nhu ngạo mạn làm giàu bằng thuốc phiện và chuyển tiền ra ngoại quốc bằng hệ thống mật vụ Cần Lao và sẵn sàng thỏa hiệp với Cộng Sản trong khi phóng tay đàn áp các lực lượng quốc gia; một Ngô Đình Thục chà đạp các tôn giáo khác xuống cho tôn giáo mình được hưởng mọi đặc quyền đặc lợi hầu tiến đến việc Thiên Chúa giáo hóa toàn miền

Nam; một Ngô Đình Diệm nhu nhược đạo đức giả; một Trần Lệ Xuân vô đạo đức và lộng quyền; một bầy khuyển ưng Cần Lao Công giáo cấu kết thành một loại trùng độc làm hủy hoại sinh lực của quốc gia và hùng khí của dân tộc… Tất cả gồm trong một gia đình mà những sân si và danh, lợi, quyền, lực, đã biến thành những tội đồ của đất nước, mà từ gần nửa năm nay dân chúng miền Trung đã âm thầm viết thành bản án lịch sử để lại cho hậu thế đời đời qua hai câu ca dao truyền miệng cho nhau:

Nhà Ngô có bốn gian hùng
***Diệm** ngu, **Nhu** ác, **Cẩn** khùng, **Thục** điên*

Cả một quá khứ địa ngục với một tương lai đen tối của đất nước đã làm tôi dứt khoát hẳn với ý định giữ ông Diệm lại làm nguyên thủ quốc gia như công thức mà Võ Văn Hải đã có lần đề nghị. Tôi nhất định phải lật đổ chế độ này, và chính ông Diệm cũng phải bị tước quyền công dân trục xuất ra khỏi nước.

Suy nghĩ chín chắn rồi, chiều 22–8–63, tôi đến Bộ Tham Mưu để gặp tướng Trần Văn Đôn đề nghị gia nhập vào tổ chức của ông ta. Lúc đầu tướng Đôn tỏ vẻ nghi ngờ hỏi vặn: "Có phải ông Cố vấn bảo anh đến đây để thử thách tôi không?" Nhưng đến khi tôi trình bày hết tâm sự và quyết tâm của mình rồi kết luận một cách chắc nịch rằng "Nếu tôi là tay sai của Ngô Đình Nhu, nếu tôi ham danh lợi thì tôi đã tố cáo âm mưu của Trung tướng cho anh em ông Diệm rồi" thì Đôn mới bắt đầu có vẻ tin tưởng hơn nhưng vẫn còn dè dặt bảo tôi trở về làm việc mà không hề đề cập đến lập trường, chủ trương và tổ chức của ông ta. Ra về, tôi trở nên bình thản và lạc quan hơn vì chính thái độ dè dặt của Đôn lại càng làm cho tôi tin tưởng Đôn đang quyết tâm thực hiện cuộc chính biến. Một cuộc chính biến do một cuộc binh biến phát động mà quân đội là chủ lực, lại do một vị Tổng Tham mưu trưởng tổ chức thì nhất định phải thành công.

Độ một tuần lễ sau, hình như sau khi đã cho điều tra và nắm vững tư tưởng của tôi, Đôn bèn cho mời tôi đến gặp ông ta tại văn phòng. Sau khi trình bày một cách tổng quát chủ trương làm một cuộc cách mạng lật đổ chế độ, tướng Đôn bèn hỏi tôi: "Quyết định của anh về sinh mạng của anh em ông Diệm như thế nào?" Tôi trả lời dứt khoát: "Đối với vợ chồng Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn thì phải bắt giam rồi đưa ra tòa án Quân sự xét xử theo đúng luật. Riêng đối với ông Diệm thì đem ông ta lên ở tại dinh số 1 ở Đà Lạt một thời gian, đối xử đàng hoàng rồi để cho ông ta ra đi muốn sống lưu vong tại nước nào tùy ông ta lựa chọn". Tướng Đôn đồng ý với tôi ngay vì hình như đó cũng là chủ trương của riêng ông.

Ngoài ra, trước khi tôi liên hệ với tổ chức chính biến do các tướng lãnh chủ xướng, một hôm vào đầu tháng Chín, Đại tá Phạm Ngọc Thảo đến nhà và không ngần ngại mời tôi tham dự vào tổ chức đảo chánh của bác sĩ Trần Kim Tuyến mà Thảo là đại diện. Theo Thảo, bác sĩ Tuyến chỉ là lãnh tụ tinh thần vì đang sửa soạn đi nhận chức Tổng lãnh sự ở Ai Cập nên không muốn tiếp xúc với ai, vả lại bác sĩ Tuyến đang bị Công an đặc biệt theo dõi gắt gao.

Về trường hợp bác sĩ Trần Kim Tuyến âm mưu lật đổ chế độ Diệm, ký giả Úc Dennis Warner, một bạn thân của luật sư Trần Văn Khiêm (em ruột bà Nhu) và là một ký giả khả tín nhất trong giới phóng viên báo chí thế giới về sự am hiểu tình hình Đông Nam Á đã viết như sau:

Ngày tháng càng trôi qua, Nhu và các bạn hữu thân cận của ông ta càng cãi vã nhau, đưa đến đổ vỡ. Từ nhiều năm nay, kẻ chân tay quan trọng nhất của Nhu trong đảng Cần Lao đồng thời cũng là người điều khiển cơ quan mật vụ của Nhu là bác sĩ Trần Kim Tuyến, 39 tuổi, dáng người nhỏ nhắn và vốn xuất thân từ một dòng tu Thiên Chúa giáo. Ngoài những thành quả khác, Tuyến đã học hết chương trình Y khoa trừ năm cuối của chương trình Bác sĩ. Tuyến là người không chấp nhận cung cách của nhà Ngô trong việc trị dân, và đã cố gắng thuyết phục chế độ để đi đến một nền hành chánh thực tiễn và quy củ hơn. Sau khi cuộc đảo chánh tháng 11 năm 1960 thất bại, ông cùng một số viên chức chính phủ có cùng ý kiến với ông soạn thảo một văn thư nội bộ gửi cho ông Diệm nêu lên một số đề nghị cải tổ. Hai mươi trang của văn kiện này được dành riêng để đề cập đến bà Nhu.

Đúng như Tuyến đã lo ngại, quả nhiên Diệm đã gạt bỏ mọi đề nghị cải tổ còn bà Nhu thì phản ứng một cách giận dữ. Mặc dù trong hai năm tiếp theo, bề ngoài Tuyến và Nhu vẫn tỏ ra là một đôi bạn thân, cái "tình bạn" ấy

chấm dứt khi Nhu nói rằng ông đã cho ngầm thu âm các bàn ăn trong nhà hàng La Cigale, một hàng ăn mà ban đêm Tuyến và bạn bè thường gặp nhau, và qua các cuộc thu âm ấy, Nhu đã biết được rằng khi Tuyến và bạn hữu bàn với nhau về "một cuộc đảo chánh" thì nội dung câu chuyện không phải luôn luôn là lời lẽ của một kẻ đứng đầu một cơ quan mật vụ trung kiên.

Tuy Tuyến đã "bảo hiểm" sinh mạng của mình bằng cách gửi ra ngoại quốc chứng liệu về các hoạt động của gia đình họ Ngô, ông ta vẫn thường trực sống trong tình trạng nguy hiểm, mặc dù Nhu đã bổ nhiệm Tuyến - để Tuyến không còn là một trở ngại - đi làm Tổng lãnh sự Việt Nam tại Cairo (Ai Cập). Nhu thường gọi Tuyến là "trente neuf" (ba mươi chín) vì con người nhỏ nhắn của Tuyến chỉ cân nặng 39 ký. Sau khi hai người hết thân thiện với nhau, Nhu khôi hài là bây giờ phải gọi Tuyến là "trente huit" (ba mươi tám) vì Tuyến lo sợ cho mạng sống của mình, đã sụt mất một ký. Qua cơ quan của Tuyến, Nhu nắm được hồ sơ cá nhân của tất cả viên chức cao cấp trong chính phủ, kể cả hàng Tổng, Bộ trưởng. Mục tiêu của Nhu là, nếu được, phải làm cho các viên chức này liên lụy đến một hình thức tham nhũng nào đó. Trong mẻ lưới này, không một ai có thể làm hại Nhu mà lại có thể tránh được cho mình khỏi bị hại [1].

Hơn ai hết, Tuyến biết rõ những sai lầm và những tội ác của chế độ Diệm, biết rõ những âm mưu thâm độc của vợ chồng Ngô Đình Nhu, biết rõ Ngô Đình Cẩn mấy lần định cho người ám sát mình, lại biết vợ chồng Nhu sẽ cất chức mình, đem em là Trần Văn Khiêm vào thay thế để Khiêm ngụy tạo hồ sơ biến mình thành con dê tế thần gánh chịu tất cả mọi hậu quả. Biết như thế và vốn người có lý tưởng quốc gia chân chính nên Tuyến không thể tiếp tục làm tôi trung cho một gia đình, một chế độ ngập tràn tội ác, Tuyến phải chủ trương đảo chánh trong ý nguyện cứu lấy một quốc gia đang thật sự đứng trên bờ vực thẳm. Từ một công thần hãn mã, Tuyến trở thành một kẻ thù không đội trời chung với anh em ông Diệm. Là một người quen thân với ông lại năng tiếp xúc đàm đạo với ông, tôi biết rõ nỗi khổ tâm của người bạn hiền Trần Kim Tuyến.

Còn về Phạm Ngọc Thảo thì từ trước tôi chưa hề gặp mà chỉ biết qua hồ sơ. Thảo là một tay phản gián tài ba của Việt Cộng và dù có bà con là Phạm Ngọc Thuần hiện giữ một chức vụ quan trọng ở ngoài Bắc, nhưng nhờ là một tín đồ Thiên Chúa giáo lại là tay chân của Giám mục Ngô Đình Thục nên được ông Diệm tín nhiệm và cho mang lon Trung tá. Lúc Thảo làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa, tướng Mai Hữu Xuân, vốn là cựu Tổng Giám đốc Công an, cựu Giám đốc An Ninh Quân Đội, đã nói với tôi: "Anh nên trình với Tổng thống rằng dùng Phạm Ngọc Thảo là dâng miền Nam cho Cộng Sản rồi đó". Tôi đem lời của Mai Hữu Xuân trình bày cho ông Diệm thì bị ông Diệm gắt gỏng: "*Anh hỏi thằng Xuân nó có biết nguồn gốc gia đình Phạm Ngọc Thảo hơn Đức Cha không?*". Trong thời gian Thảo giữ chức Tỉnh trưởng Kiến Hòa, tôi đã cho Đại úy Sinh (hiện ở Hoa Kỳ), trưởng phòng Công tác của Nha, bí mật xuống Bến Tre một tháng để đặc biệt điều tra Thảo, và Sinh đã về báo cáo cho tôi: "… chẳng những Thảo là người chống Cộng mà lại chống Cộng rất tài tình. Kiến Hòa là căn cứ địa vững chắc của Cộng Sản, là quê hương của Nguyễn Thị Bình, là nơi mà năm 1940 Cộng Sản đã từng nổi dậy cướp chính quyền, thế mà Thảo vẫn "trị" nổi Cộng Sản tại đó". Nhưng chỉ mấy tháng sau, Thảo thôi làm Tỉnh trưởng và được Ngô Đình Nhu giao cho nhiệm vụ đi thanh tra công cuộc thiết lập Ấp Chiến Lược. Thảo vẫn vào ra dinh Tổng thống và thỉnh thoảng vẫn được ông Diệm gọi vào nói chuyện.

Gặp tôi, Thảo cho biết tổ chức đã kết nạp được một số đơn vị Biệt Động Quân và Bảo An. Và nhờ Thảo thường đi thanh tra Ấp Chiến Lược nên đã tổ chức được rất nhiều sĩ quan trong các đơn vị chiến đấu tại Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4. Thảo là cộng sự viên của tướng Trần Thiện Khiêm nên cũng tiết lộ cho tôi biết tướng Khiêm đã nhận đỡ đầu cho nhóm Thảo. (Thật ra tướng Khiêm đã ở trong tổ chức của tướng Đôn rồi).

Tôi khen thầm quả thật Thảo là tay tình báo giỏi mới biết được tâm địa và hành động bí mật của mình, tuy nhiên tôi vẫn phải giả vờ tỏ thái độ trung lập: "Các anh muốn làm gì thì làm, tôi không chống các anh cũng không phản cụ Diệm". Sở dĩ tôi phải nói thế vì cần phải kiểm chứng lại với tướng Khiêm trước khi thật sự liên hệ với Thảo. Mấy ngày sau, tướng Đôn lại gọi tôi đến Bộ Tổng Tham mưu và cho biết tướng lãnh không đồng ý với tôi

[1] Dennis Warner, *The Last Confucian*, tr. 224, 225.

về việc giữ ông Diệm tại Đà Lạt vì sợ những bất trắc có thể xảy ra. Tôi tranh luận một hồi nhưng không thay đổi được quyết định của tổ chức nên đành nhượng bộ: "Nếu vậy thì đem ông ta ra Côn Đảo một thời gian và đem một tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến ra canh giữ rồi sau khi tân chánh phủ thành lập sẽ cho ông ta ra đi". Đôn đồng ý và hứa sẽ đề nghị lại với anh em. Trong cuộc gặp gỡ lần này, Đôn khuyến cáo tôi phải hết sức cẩn thận đối với những cố vấn quân sự Hoa Kỳ và nhân viên CIA, vì theo Đôn thì tướng Harkins và nhân viên của Richardson (Giám đốc CIA tại Việt Nam) đang ủng hộ ông Diệm và ông Nhu. Đôn cũng bảo tôi từ nay Đôn và tôi chỉ liên lạc bằng điện thoại và chỉ dùng một số mật ngữ để trao đổi tin tức. Đặc biệt về ngày giờ phát động, Đôn sẽ cho biết sau.

Ở đây tôi xin dành vài dòng nói về tướng Trần Văn Đôn, người được xem là bộ óc của cuộc chính biến 1–11–63. Tướng Đôn sinh tại Pháp nhưng nhà thờ họ, mồ mả tổ tiên, ruộng vườn tài sản đều ở tại miền Nam. Tuy ông đã từng mang quốc tịch Pháp nhưng gia đình lại thấm nhuần nền đạo lý Tam giáo. Trong những giao tế bên ngoài, Trần Văn Đôn là người văn minh lịch thiệp kiểu Âu–Mỹ, nhưng trong sinh hoạt gia đình ông vẫn theo nề nếp Đông phương, theo nghi lễ dân tộc. Một lần tôi đến thăm Đôn tại nhà bỗng gặp bà Đôn dạy học ở Đà Lạt về nghỉ cuối tuần. Vừa bước vào phòng khách, bà Đôn vội nghiêm trang chào khách và chào chồng rồi đến ngay bàn thờ gia tiên thắp hương vái chào, sau đó mới về phòng riêng. Lễ táng bà cụ sau này, anh em gia đình tướng Đôn theo nghi lễ trong sách "Thọ Mai gia lễ" cho đúng với phong hóa, tập tục cổ truyền. Trước kia, tôi thường có thành kiến cho rằng tướng Đôn là một thứ "Tây con", nhưng từ ngày nhiều lần chứng kiến được cung cách và nếp sống gia đình của ông, tôi càng kính mến ông ta nhiều hơn.

Tướng Đôn tuy theo binh nghiệp nhưng phần lớn cuộc đời của ông lại hoạt động như một chính khách hơn là một nhà quân sự. Ông đã hoạt động chính trị từ thời còn mang cấp Trung úy, khi còn là một nhân viên trong văn phòng chính trị của Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân thời 1947–1948. Theo tướng Đôn thì chính ông ta là tác giả của lá quốc kỳ cờ vàng ba sọc đỏ và là người đề nghị lấy bài "*Thanh Niên Ca*" của Lưu Hữu Phước làm quốc ca cho VNCH. Vì là vị Giám đốc An Ninh Quân Đội đầu tiên của quân lực VNCH nên ông biết rõ lý lịch và lập trường chính trị của hầu hết mọi sĩ quan. Hơn thế nữa, ông còn là Tham mưu trưởng đầu tiên nên đã đóng góp rất nhiều trong việc xây dựng quân đội quốc gia.

Gia đình tướng Đôn và gia đình ông Diệm vốn có thâm tình cố cựu, tướng Đôn đã từng làm trung gian giữa Thủ tưởng Xuân và anh em ông Diệm trong thời kỳ ông Nhu hoạt động tại Sài Gòn và Đà Lạt. Trong mấy tập album mà bà Nhu có lần đưa về Huế để khoe với ông Cẩn, tôi đã thấy nhiều bức hình vợ chồng Ngô Đình Nhu chụp chung với Thủ tướng Xuân và Trần Văn Đôn trong các cuộc du ngoạn tại Đà Lạt; họ thân với nhau đến độ có những tấm hình chụp ba người đàn ông mặc âu phục đứng chung với bà Nhu chỉ mặc áo tắm hở hang. Cũng vì anh em ông Diệm thân thiết với Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân cho nên theo lời của ông Phan Xứng, ông Diệm đã yêu cầu Đinh Xuân Tiếu, chủ nhiệm báo *Thời Cuộc*, tránh việc đả kích ông Xuân mặc dù ông Xuân ủng hộ Cựu Hoàng Bảo Đại trong lúc ông Diệm không những xa lánh mà còn chống đối Cựu Hoàng. Ngay từ thời ông Diệm chưa cầm quyền vào những năm 47 đến 50, ông Đôn thường liên lạc với ông Diệm và mỗi khi ra Huế thường ghé thăm Ngô Đình Cẩn.

Năm 1955, khi tướng Nguyễn Văn Hinh từ giã Việt Nam vĩnh viễn để về Pháp, tướng Đôn đã tổ chức lễ đốt tượng trưng quân hàm và quân hiệu Pháp từ trước vẫn được sử dụng cho quân đội quốc gia, và chân thành ủng hộ ông Diệm qua công tác điều động các lực lượng quân sự trong chiến dịch tấn công Bình Xuyên. Cũng bắt đầu từ giai đoạn mới đó mà quốc gia bắt đầu thực sự được độc lập, tướng Đôn lo trau giồi Việt ngữ, nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam và luôn luôn mang tinh thần học hỏi cầu tiến. Trong suốt gần chín năm trời, hết giữ chức Tham mưu trưởng Quân Đội đến chức Tư lệnh Quân đoàn, Quân khu, tướng Đôn đã đem hết khả năng phục vụ Quân Đội và chế độ. Ông là vị tướng đã lê gót khắp đất nước quê hương và tiếp xúc đủ mọi thành phần dân chúng trong xã hội. Được ông Diệm và anh em ông ta nể vì, tướng Đôn là vị tướng dám nói thẳng và nói thật với ông Diệm những sự thực bi thảm trong Quân Đội, cũng như dám trình bày tình hình an ninh suy sụp của nông thôn miền Nam.

Tôi gặp tướng Đôn lần đầu tiên tại Huế vào năm 1948, khi tướng Đôn tháp tùng Thủ tướng chính phủ đến thăm cố đô. Năm 1952, Trung tá Đôn, với tư cách Giám đốc Nha An Ninh Quân Đội, lại tháp tùng tướng Hinh ra Huế

để cùng với Trung tá Nguyễn Ngọc Lễ và tôi (lúc bấy giờ là Tham mưu trưởng Quân khu II) thảo luận về việc đặt các đoàn cố vấn Pháp vào Bộ tham mưu và vào các đơn vị của Quân đội Quốc Gia Việt Nam. Trong buổi họp này, tôi đã mạnh mẽ chống lại ý kiến của Tướng Hinh trong lúc Trung tá Đôn nhìn tôi chăm chú, theo dõi những trình bày của tôi và tỏ thái độ đồng ý với lập trường của tôi. Tuy nhiên, cũng vì vậy mà chỉ mấy tháng sau tôi bị mất chức Tham mưu trưởng Quân khu II và bị đổi ra Bắc. Năm 1954, tại nhà tướng Đôn ở Chợ Lớn, trong cuộc họp rất đông sĩ quan để tướng Hinh hô hào việc đảo chánh Thủ tướng Diệm, thái độ quyết liệt của tôi khi công khai phản kháng tướng Hinh và nhóm tay sai đã làm cho Đại tá Đôn phải lưu ý. Vốn đã nắm vững hồ sơ lại thấy thái độ khẳng khái của tôi, từ đó tướng Đôn tỏ ra quý mến tôi hơn và coi tôi như một "chính trị gia", một "chiến sĩ cách mạng" hơn là một quân nhân. Khi làm Tư lệnh Quân đoàn I, mỗi lần từ Huế về, ông thường ghé lại Nha An Ninh Quân Đội đàm đạo với tôi về tình hình đất nước.

Khác với tướng Dương Văn Minh luôn luôn nghiêm nghị, kín đáo và trầm lặng, tướng Trần Văn Đôn bình dị, cởi mở và hào hiệp hơn. Tướng Đôn vui vẻ và dễ dàng thông cảm nên được binh sĩ quý mến trong tình huynh đệ chi binh.

Trong hàng tướng lãnh Việt Nam ít người giao thiệp rộng rãi hơn tướng Đôn. Ông quen biết rất nhiều tướng lãnh cao cấp, chính khách quốc tế và hầu hết các đại sứ ngoại quốc có mặt tại Sài Gòn. Sau này, khi thành lập Lực Lượng Dân Tộc Việt, chúng tôi thường mời các nhân vật tên tuổi như giáo sư Trần Ngọc Ninh, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, học giả Đức Quỳnh, Thượng tọa Trí Quang, Linh mục Hoàng Quỳnh, và tướng Trần Văn Đôn đến thuyết trình về tình hình quốc tế, quốc nội. Và Thượng nghị sĩ Trần Văn Đôn đã làm cho cấp lãnh đạo Lực Lượng phải ngạc nhiên và khâm phục về kiến thức chính trị cũng như khả năng diễn đạt bằng tiếng Việt của ông ta.

Đến nay, dù có người chỉ trích tướng Đôn trong thời 63–75 đã có nhiều tham vọng chính trị nhưng tôi vẫn cho rằng tham vọng chính trị đó của ông chỉ nhằm mục đích bảo vệ miền Nam để chống Cộng chứ không phải cho riêng cá nhân ông mà thôi. Điều mà tôi phê phán về con người lãnh đạo Trần Văn Đôn là cái bệnh đa tình của ông. Đã có lần, sau một buổi họp của Hội đồng Tướng lãnh, nhân thấy tướng Đôn quá sốt sắng trong việc đưa mấy đứa con bà Nhu đi Pháp sau khi cách mạng thành công, tôi bèn đùa ông ta đã quá lưu luyến với mối tình già, tướng Đôn đã không ngần ngại trả lời: "Tại sao anh không trách đàn bà hay "provoquer" (khiêu khích) tôi mà lại trách tôi vốn chỉ là nạn nhân của đàn bà?"

Sau khi gặp tướng Đôn lần thứ ba mà mục đích là thảo luận việc đối xử với ông Diệm khi Cách mạng thành công, tôi bèn qua văn phòng của tướng Khiêm và được Khiêm xác nhận về quyết tâm lật đổ chế độ Diệm của Phạm Ngọc Thảo. Tôi và Khiêm vốn cùng ở trong Liên Đoàn Lưu Động số 3 do Trung tá Phạm Văn Đồng chỉ huy hành quân ở Nam Định–Thái Bình năm 1953, rồi lại cùng tận lực giúp ông Diệm trong cuộc binh biến của Nhảy Dù năm 1960. Từ ngày Khiêm về giữ chức Tham mưu trưởng, tôi lại thường tiếp xúc nhiều hơn để trình bày về tinh thần binh sĩ nên chúng tôi có với nhau nhiều mối thiện cảm. Trong kế hoạch tổ chức lật đổ chế độ, Khiêm được coi như ở trong hàng ngũ lãnh đạo đầu não bên cạnh tướng Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn. Tuy Khiêm được anh em ông Diệm tín nhiệm, nhưng vì chính sách cai trị thất nhân tâm và cách lãnh đạo độc đoán, bất tài của nhà Ngô đã làm cho Cộng Sản mỗi ngày một phát triển nên Khiêm tỏ ra công phẫn. Khiêm quê ở Long An, thấy tỉnh nhà ở cạnh Thủ đô Sài Gòn mà Cộng Sản đã chiếm hết nông thôn, và trong khi Khiêm không về thăm được họ hàng, mồ mả cha ông thì bà Nhu lại đắc cử gian dối ở Long An với số phiếu 98%, điều đó lại càng làm cho Khiêm chán nản, khinh bỉ chế độ. Cho nên ngoài những lý do chung mà mọi người đều đồng ý lật đổ chế độ Diệm, Khiêm còn có những công phẫn riêng tư nữa. Gặp Khiêm, tôi hỏi về thái độ của Thiệu, một bạn thân của Khiêm, thì được cho biết: "Thiệu cũng cùng một lập trường với chúng ta nhưng anh nên tác động thêm tinh thần cho Thiệu quyết tâm hơn".

Trở về Nha, tôi liền gọi điện thoại mời Thiệu, đang là Tư lệnh Sư đoàn 5 ở Biên Hòa, vờ bảo lên gặp tôi gấp vì có thư nặc danh tố cáo Thiệu tham nhũng. Độ vài tiếng đồng hồ sau, Thiệu đã có mặt tại văn phòng tôi. Vừa bắt tay Thiệu tôi vừa nghiêm giọng: "Tôi mời anh lên đây để bắt giam vì anh đang âm mưu tổ chức đảo chánh". Thiệu tuy hơi biến sắc nhưng cũng giả vờ tìm cách chối nên tôi vội trấn tĩnh Thiệu ngay. Là người quyền biến và có ý thức chính trị nên Thiệu hỏi tôi: "Anh nghĩ gì về thể chế tương lai sau khi hạ được chế độ Diệm?" Tôi

bèn trả lời: "Tất nhiên là thể chế dân chủ, tạo điều kiện và sinh hoạt thuận tiện cho công cuộc đại đoàn kết quốc gia, trong đó các đảng phái và các lực lượng quần chúng phải đóng một vai trò quan trọng và căn bản để gây lại hòa khí dân tộc, phục hồi sinh lực quốc gia để chống Cộng Sản". Tuy nhiên, tôi nói tiếp: "Chưa bắt được cọp hãy khoan nói đến chuyện lột da, chúng ta hãy bàn chuyện tổ chức và hành động để loại trừ lực lượng chính trị và quân sự của Nhu trước đã".

Thiệu và tôi quen nhau từ cuối năm 1952 khi hai chúng tôi cùng học lớp Tiểu đoàn trưởng và lớp Liên đoàn Lưu động ở Hà Nội. Từ đó, trên bước đường binh nghiệp, hai chúng tôi như có duyên nợ với nhau. Về làm việc chung ở khu chiến Hưng Yên, hai người kính trọng nhau vì đều có chút kiến thức chính trị. Hồi đó, tôi còn đặc biệt trọng Thiệu vì hai ông bà cụ thân sinh của Thiệu thuộc hàng tiền bối đạo đức, luôn luôn duy trì gia đình trong truyền thống nền Tam giáo. Thiệu trầm tĩnh khôn ngoan, lại có khả năng về tham mưu, đã từng được Đại tướng Pháp De Linarès, Tư lệnh chiến trường Bắc Việt phê điểm rất tốt. "*Thông minh sắc bén, siêng năng, có phương pháp và tỉ mỉ. Sĩ quan hảo hạng. Có ý thức tuyệt hảo về tổ chức và bảo mật*". (Intelligence aigue, travailleur, méthodique et minutieux. Très bon officier. Possède un sens remarquable de l'Organisation et du Secret) [2]. Tướng De Linarès quả thật đã biết rõ con người của Thiệu, nhưng ông không biết Thiệu mang rất nhiều tham vọng chính trị ngay từ thời Thiệu còn thanh niên, thời Thiệu còn học ở trường Pellerin Huế và trường Lyceé Yersin Đà Lạt.

Dưới chế độ Diệm, đường binh nghiệp của Thiệu rộng mở thênh thang mà một trong những lý do là nhờ Thiệu dứt khoát bỏ đạo Phật để theo Thiên Chúa giáo bên vợ. Đang làm Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh hành quân cho tướng Dương Văn Minh, nhờ các linh mục nâng đỡ bảo bọc, Thiệu được ông Diệm cử giữ chức Chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Ngày ông Diệm có ý định cử Thiệu giữ chức Tư lệnh Sư đoàn 5, ông bảo tôi làm tờ trình về Thiệu. Trong mục ý kiến tôi đã viết rằng: "Thiệu không theo một đảng phái nào mặc dù có người anh ruột theo đảng Đại Việt. Thiệu là một trong số những sĩ quan ưu tú nhất của quân đội". Dù sao thì Thiên Chúa giáo mới là yếu tố chính để hình ảnh Nguyễn Văn Thiệu được ghi khắc vào con tim ông Diệm để Thiệu được ông tín nhiệm và nâng đỡ.

Đầu năm 1963, sau khi về nắm chức Tư lệnh Sư đoàn 5, Thiệu đã đến văn phòng tôi thăm xã giao. Tôi cho Thiệu biết: "*Số của Thiệu sắp đến thời làm rất lớn vào hàng văn võ song toàn, ít nhất cũng vào hàng Bộ trưởng Quốc phòng*". Thiệu rất ngạc nhiên không hiểu vì sao tôi biết được số tử vi nghĩa là biết được ngày giờ sinh âm lịch của Thiệu. Tuy nhiên Thiệu vẫn dè dặt xin tôi đừng nói ra sợ "*Ông Cụ biết được ông sẽ chém đầu cả hai đứa mình*". Thật thế, ít ai có lá số tử vi đại quý cách như Thiệu và đặc biệt là cung Phúc Đức cho Thiệu hưởng được hết âm đức của cha mẹ ông bà. Số của Thiệu có đến bốn chữ "Tý". Tuổi Giáp Tý (1924), sinh vào giờ Tý (nửa đêm), tháng Tý (tháng 11 Âm Lịch), và cung Mệnh Viên cũng nằm ở Tý. Lại nữa, mệnh của Thiệu lại là mệnh Kim mà lại nằm ở cung Thủy là rất đắc cách. Năm 1965, Thiệu 41 tuổi đi vào cung Thổ, mà Thổ lại sinh Kim, lại gặp Khoa, Quyền, Lộc, Binh, Hình, Tướng, Ấn hội chiếu là thượng cách, vì thế Thiệu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Lãnh Đạo Quốc Gia rồi lên chức Tổng thống. Hết đại hạn ở cung Thổ (năm 1975), Thiệu 51 tuổi đi vào cung Hỏa, mà Hỏa thì đốt cháy Kim nên Thiệu mất chức Tổng thống. Tuy nhiên vì cung PhúcĐức là gốc của lá số cho nên tuy hết làm Tổng thống mà Thiệu vẫn thụ hưởng giàu sang an nhàn cho đến năm 1985, nghĩa là vào hạn Chính Hỏa ở cung Ngọ, Thiệu sẽ gặp nhiều tai họa và sẽ bị "thiêu đốt" trong đại hạn này (từ 1985 đến 1995). Có một điều tôi vô ý là dù quen biết Thiệu đã lâu ngày nhưng mãi cho đến khi nhìn Thiệu qua màn ảnh truyền hình tôi mới thấy được cặp mắt của Thiệu "láo liên", biểu hiện sự gian trá và làm cho Thiệu trở thành tay gian hùng, tham nhũng. (Cái ấn tướng có cặp mắt láo liên của Thiệu cũng giống như cái ấn tướng không dám nhìn thẳng vào mặt người đối thoại của ông Diệm đều là tướng người bất chánh, cũng như cặp mắt rất sắc của ông Hồ Chí Minh nhìn xoáy vào tâm trí kẻ đối thoại là tướng của kẻ gian hùng nhưng lại là tướng vô cùng thông minh, tinh tế. Mặc dù ông Hồ Chí Minh có cặp mắt gian hùng nhưng ông ta có nhiều quý tướng khác như lưỡng quyền cao, giọng nói khúc chiết kẻ cả mà Diệm và Thiệu không có).

---

[2] Tuần báo *Paris Match* (số ngày 11-11-72), tr. 38.

Sau Nguyễn Văn Thiệu, tôi cho mời Trung tá Nguyễn Cao Kỳ, đang là Chỉ huy trưởng Liên Đoàn Vận Tải đến gặp tôi. Kỳ quen với tôi từ ngày tôi về Nha ANQĐ, liên hệ của chúng tôi thắm thiết như anh em. Chúng tôi thân với nhau đến độ mỗi lần Kỳ đến nhà tôi là tự động vào thẳng tủ lạnh lấy đồ ra ăn. Biết Kỳ thích, nhà tôi thường biếu Kỳ ruốc mắm, nem chả, dưa kiệu, củ hành, và mỗi lần Kỳ lái máy bay cho tôi về Nha Trang, tôi thường kín đáo trao cho Kỳ 5, 7 trăm để tiêu pha. Hàng năm, cứ đến mồng Một Tết, Kỳ thường dẫn vợ con đến nhà tôi mừng tuổi và lạy bàn thờ gia tiên vì Kỳ thường nói rõ là Kỳ quý mến tôi như người anh trưởng của gia đình Kỳ. Khi bà cụ thân mẫu Kỳ tạ thế, Kỳ lại đến gặp tôi nhờ giúp đỡ: "Buổi sinh tiền, mẹ tôi ngỏ ý muốn khi mất sẽ được chôn cất ở nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi mà tôi thì quá túng thiếu không làm sao báo hiếu được, vậy nhờ Đại tá giúp đỡ đàn em". Cảm cái cảnh Kỳ hiếu thảo mà lại nghèo túng, tôi giúp Kỳ chôn cất mẹ theo ý nguyện và mua biếu tặng bà cụ đám đất trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi với giá ba mươi ngàn đồng.

Kỳ là người có nhiều nghệ sĩ tính, có phong thái một lãng tử hào hoa nên được binh sĩ Không quân mến chuộng. Năm 1960, Kỳ đã theo nhóm sĩ quan lãnh đạo cuộc đảo chánh Nhảy Dù nhưng được tôi dung thứ không bắt vì tôi biết Kỳ làm vì yêu nước, và vì Kỳ là một sĩ quan được binh sĩ kính mến. Kỳ đã từng lái máy bay ra Bắc Việt thả đồ tiếp tế cho biệt kích miền Nam hoạt động trong vùng địch. Năm 1962–63, một số thuộc viên của Kỳ lợi dụng công tác chuyển vận các sĩ quan Bảo An đi học du kích chiến ở Mã Lai để buôn lậu hàng hóa rẻ tiền từ Singapore về nên bị Quan thuế bắt, tôi đã phải thiết tha can thiệp với Bộ trưởng Tài Chánh Nguyễn Lương (hiện ở Pháp) và Tổng thống Diệm tha thứ cho Kỳ và các sĩ quan phi công trong Liên đoàn Không vận.

Khi đến gặp tôi với bộ đồ bay màu đen, cây súng lủng lẳng bên hông. Kỳ chào tôi theo đúng quân cách và nói ngay: "Đàn anh có gì dạy dỗ đàn em?", tôi bèn đùa: "Gọi Kỳ đến để bắt giam". Kỳ trợn to đôi mắt một mí nhìn tôi rồi vừa cười vừa nói: "Đại ca đừng đùa đàn em tội nghiệp". Nhưng tôi vội lấy thái độ nghiêm chỉnh rồi bảo Kỳ: "Kỳ có nhớ ngày 11–11–60 đã làm gì không, hôm nay tôi gọi Kỳ xuống đây để cho biết tôi sẽ tổ chức lật đổ ông Diệm và rủ Kỳ theo tôi". Kỳ đứng bật dậy đưa tay chào mạnh mẽ: "Đàn em sẵn sàng tuân theo lệnh đại ca".

Biết bản tính của Kỳ không phản trắc nhưng tôi vẫn phải đốt lửa nhiệt huyết thêm cho Kỳ vì Không quân là yếu tố quyết định thành bại của cuộc binh biến để làm nền tảng cho cuộc chính biến, cho nên tôi bèn kéo Kỳ đến nhà thầy tử vi Minh Lộc ở đường Trần Quý Cáp mà tôi đã sắp đặt từ trước. Sau khi gieo quẻ bấm tay, ông Minh Lộc nói rằng số Canh Ngọ này làm nghề đi mây về gió, tuy nhiên đến Thu Đông năm nay phải làm gì có tính cách bạo động rồi trở thành vương tướng, phú quý song toàn. Tôi hỏi: "Số này có phản bội tuổi tôi không?" thì Minh Lộc khẳng định: "Không, bởi nếu phản bội thì sẽ bị chết bất đắc kỳ tử". Tôi thưởng cho thầy tử vi một trăm đồng bạc rồi ra về. Trước khi chia tay, Kỳ thề suốt đời giữ trọn lòng trung nghĩa đối với tôi. Sau này Kỳ phản tôi, cùng với nhóm tướng trẻ cô lập tôi tại Kontum, tại Nha Trang nhưng Kỳ đã không chết bất đắc kỳ tử, vả lại trong thâm tâm tôi cũng thật lòng không muốn ai phải chết bất đắc kỳ tử, nhất là một người như Kỳ.

Động viên được một chiến sĩ dũng cảm như Nguyễn Cao Kỳ xong tôi cảm thấy an tâm hơn. Sau đó, tôi cho mời Trung tá Vĩnh Lộc (hiện ở Hoa Kỳ) đang là chỉ huy trưởng một trung tâm huấn luyện ở gần Vũng Tàu. Lộc là một sĩ quan thâm niên có trình độ văn hóa cao, là một phần tử ưu tú của quân đội đã từng chỉ huy đơn vị thiết giáp, nhưng vì Lộc là người thuộc Hoàng phái, từng phục vụ trong văn phòng Quốc trưởng Bảo Đại và thường tỏ ra khinh bỉ nhóm Cần Lao Công Giáo nên bị đè áp đến nỗi suốt 10 năm quân vụ mà Lộc chỉ lên được có một cấp. Có lẽ Lộc đinh ninh rằng tôi mời Lộc lên để cảnh cáo hoặc bắt giam, nên khi mới gặp tôi, Lộc tỏ vẻ ngại ngùng lắm, cho đến khi tôi trấn tĩnh Lộc bằng cách giải thích tình hình đen tối của nước nhà, giải bày tâm sự đau thương của mình rồi tôi rủ Lộc tham gia tổ chức, Lộc mới yên tâm. Tất nhiên bề ngoài Lộc phải giữ thái độ dè dặt nhưng tôi cũng đã thấy được nỗi lòng và quyết tâm của Lộc khi nghe nói đến lật đổ chế độ Diệm. Để kết luận, tôi chỉ: "Yêu cầu Trung tá khi nghe tiếng súng nổ ở Đô Thành, kéo ngay đơn vị Thiết giáp (gần trung tâm huấn luyện của Lộc) về Sài Gòn để yểm trợ cho Bộ binh". Lộc dạ rồi ra về.

Tuy đã kết nạp được một số sĩ quan đồng chí hướng, xây dựng thêm được một số đơn vị mà khi hữu sự có thể đương đầu được với lực lượng võ trang của Ngô Đình Nhu nhưng lòng tôi vẫn chưa yên. Tôi phải nắm cho được Tướng Tôn Thất Đính, Tư lệnh Quân Đoàn 3 và Tổng trấn Sài Gòn, vì nhân vật này ở vào vị trí có thể xoay chuyển dễ dàng tình hình lúc đó.

Như đã nói trong một chương trước, tôi gặp Đính lần đầu vào cuối năm 1945 tại Đà Lạt, sau khi Việt Minh cướp chính quyền. Lúc bấy giờ tôi chỉ huy một trong hai tiểu đoàn Giải phóng quân của miền Nam Cao nguyên trong lúc Đính chỉ huy một trung đội. Tuy chúng tôi không phải là cán bộ nòng cốt của Việt Minh nhưng tôi thì nhờ hồ sơ cá nhân có ghi chút công "cách mạng" chống Pháp, và nhờ là cựu thủ lãnh Thanh Niên Tiền Phong của Phong Trào Thanh Niên Phan Anh nên được Việt Minh trọng dụng, còn Đính là một học sinh yêu nước và dám gác bút nghiên "theo việc kiếm cung" trước cao trào kháng Pháp, nên cả hai chúng tôi đều được Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Đà Lạt chỉ định đảm nhiệm những trách vụ quân sự then chốt. Chúng tôi cùng chiến đấu chống lại liên quân Anh–Pháp–Nhật tại mặt trận chạy dài từ Đà Lạt đến Đơn Dương (Dran). Nhưng vì hỏa lực của địch quá mạnh nên mặt trận tan vỡ và chúng tôi mỗi người một ngả, tôi thì về vùng núi rừng Ninh Thuận lập chiến khu gần một năm rồi bỏ Mặt Trận Việt Minh về quê nhà, trong lúc Đính trở lại Đà Lạt xin làm thư ký cho sở cảnh sát Pháp để tránh bị bắt bớ giam cầm.

Mùa hè năm 1949, khi tôi đang làm Trưởng phòng Ba cho Bộ Tham mưu Việt Binh Đoàn tại Huế, vào một buổi chiều nọ, tôi đang ngồi trầm ngâm một mình trên bờ sông Hương sau lưng đài Chiến Sĩ Trận Vong thì bỗng thấy Đính đi tới mà không tưởng tượng rằng sau gần ba năm trời xa cách, giữa một đất nước khói lửa phân cách mà chúng tôi lại có ngày tái ngộ. Trong giây phút xúc động đó và nhìn Đính áo quần xác xơ, tôi dốc túi được 80 đồng bạc đưa hết cả cho Đính, và được biết Đính chỉ về thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn vài tuần lễ rồi sẽ trở lên Đà Lạt để tiếp tục học hành với anh của Đính là một chuyên viên đang làm việc tại viện Pasteur. Tôi suy nghĩ kỹ rồi đề nghị Đính gia nhập Việt Binh Đoàn để chiến đấu chống Cộng Sản, Đính nhận lời. Tôi giới thiệu Đính với Thiếu tá Lễ và tạm thời Đính được mang cấp bậc Trung sĩ làm thư ký ở phòng Bí thư dưới quyền Thiếu úy Tạ Xuân Thuận (hiện ở Mỹ). Cuối năm, nhân có khóa Võ Bị mở tại Huế mà học trình chỉ có 6 tháng để đào tạo cấp tốc một số sĩ quan tương lai cho quân lực quốc gia, tôi bèn đề nghị với Thiếu tá Lễ cho Đính đi học. Cũng trong năm đó, Đính tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy, rồi được chọn đi học trường quân sự Saumur tại Pháp. Về nước, Đính được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 12 chịu trách nhiệm hành quân tại vùng Lệ Thủy, Quảng Ninh, quê hương ông Diệm, mà lúc bấy giờ tôi đang là Chỉ huy trưởng quân sự nơi tỉnh này. Đính là người can trường, say mê chiến trận, lập được nhiều chiến công nên được tướng Nguyễn Văn Hinh thương mến và được thăng cấp mau lẹ. Năm 1954, Đính đã mang cấp Trung tá và chỉ huy một liên đoàn lưu động tác chiến tại Bắc Việt. Thời bấy giờ, những sĩ quan được chỉ huy những liên đoàn lưu động tại các mặt trận miền Bắc và miền Trung phải là những sĩ quan tuy xuất thân từ hàng ngũ binh sĩ nhưng có nhiều kinh nghiệm chiến trường như Phạm Văn Đồng, Lê Văn Nghiêm, hoặc những sĩ quan trẻ ưu tú xuất thân từ trường Võ Bị như Nguyễn Khánh, Nguyễn Hữu Có, Tôn Thất Đính.

Dù Tôn Thất Đính được tướng Nguyễn Văn Hinh nâng đỡ và tín nhiệm nhưng khi gặp Đính tại Hải Phòng vào đầu tháng 8 năm 1954, tôi vẫn thuyết phục Đính bỏ ông Hinh để về với ông Diệm. Đính nghe lời tôi và sau này gia nhập đảng Cần Lao trở thành một công thần cốt cán của ông Diệm. Nhiều người cho rằng Đính mang đầu óc cơ hội chủ nghĩa, nhưng tôi biết rõ tâm hồn của Đính, biết Đính nhiều khi "giả dại qua ải", biết Đính bề ngoài tỏ vẻ đồng ý nhưng thâm tâm vẫn công phẫn nhóm Công giáo Cần Lao. Thời kỳ làm Tư lệnh Quân đoàn 2 kiêm Quân khu 2, khi gặp nhiều khó khăn vì vấn đề dinh điền, vấn đề người Thượng, Đính thường than thở với các vị tướng lãnh và với tôi về sự lộng hành của các vị linh mục và nhóm Cần Lao Công Giáo. Đính thường thúc giục tôi phải trình bày sự thật cho "ông Cụ" rõ việc các linh mục làm mất lòng dân, làm cho dân Thượng theo Mặt Trận FULRO và làm cho dân dinh điền gốc miền Trung bất mãn trốn về quê cũ hết. Đính là người thuộc dòng Tôn Thất, một dòng họ có công to lớn trong việc dựng chùa, đúc chuông, tô bồi đạo Phật từ đời chúa Nguyễn Hoàng, bà cụ thân sinh Đính lại là một Phật tử thuần thành, và mặc dù con làm Tướng mà mẹ vẫn sống cảnh bần hàn cô quạnh, muối dưa đạm bạc để sớm hôm vui với tiếng mõ lời kinh. Cho nên khi ông Diệm đàn áp Phật giáo, Đính rất buồn phiền nhưng chỉ vì thương ông Diệm nên Đính đã không dám bày tỏ thái độ bất mãn của mình. Cho đến khi anh em ông Diệm tấn công chùa chiền, vu khống Phật giáo là Cộng Sản, toàn dân nổi giận, thì tuy bề ngoài Đính vẫn giả vờ trung thành nhưng lòng riêng đã mang nhiều oán hận.

Sau khi hiểu rõ lòng dạ của Đính và biết Đính đã được tướng Đôn kết nạp, tôi vẫn muốn đốt lửa can trường thêm để Đính giữ vững quyết tâm trong việc lật đổ nhà Ngô.

Tôi đến nhà Đính vào khoảng gần nửa đêm khi Đính còn nằm đọc sách trên giường. Với người có vẻ võ biền như Đính tôi phải có thái độ quyết liệt, nên tôi đã bắt chước Vương Tư Đồ trong truyện Tam Quốc lập mưu

khích tướng Lã Bố diệt trừ gian thần Đổng Trác ngày xưa. Cho nên sau khi chào hỏi xong, tôi sụp xuống lạy Đính hai lạy, Đính hốt hoảng đỡ tôi dậy rồi hỏi: "Anh làm gì kỳ cục vậy anh Mậu?". Lúc bấy giờ, tôi mới trình bày thế nước lòng dân cho Đính nghe, tôi cũng phân giải mối tâm tư của mình và khuyến khích Đính bỏ tà theo chánh, bỏ một chế độ đang âm mưu bắt tay với Cộng Sản phản bội quân dân mà đứng về phía dân tộc. Tôi khuyên Đính hãy vùng lên làm cách mạng để rửa nhục cho quân đội và bảo vệ tổ quốc. Trong các yếu tố thúc đẩy Đính lật đổ chế độ Diệm, có lẽ yếu tố phản bội xương máu quân đội của anh em ông Diệm đã làm cho Đính quyết liệt nhất. (Vì thế mà tối mồng 1–11–63, khi ông Diệm gọi Đính để cầu cứu, Đính đã từ chối: "Tôi đã hết lòng phục vụ cho Cụ, đã cứu Cụ nhiều lần, mà Cụ lại phản bội quốc gia, phản bội xương máu quân đội, bây giờ thì hết rồi").

Tôi nói với Đính rằng chế độ tàn bạo của ông Diệm đã bị toàn quân toàn dân căm thù oán ghét thì mình nỡ lòng nào vì chiếc gươm vàng, ngôi sao lạc mà làm tay sai cho kẻ thù của nhân dân để sử sách và hậu thế kết tội. Quen Đính hơn mười mấy năm trời tôi chưa lần nào thấy Đính rơi lệ, thế mà hôm nay Đính đã khóc. Đính ôm chầm lấy tôi, hứa với tôi sẽ cương quyết đập tan chế độ Diệm. Tôi yên tâm ra về và từ đấy đã nhìn thấy được ánh sáng chiến thắng ở cuối đường hầm trong cuộc đấu trí với Ngô Đình Nhu.

-o0o-

Công cuộc tổ chức chính biến đang trên đà thuận lợi và chỉ còn đợi tướng lãnh định ngày giờ nổ súng phất cờ thì không ngờ một hôm, Bộ trưởng Lao động Huỳnh Hữu Nghĩa (hiện ở Pháp) cho biết mưu định của tôi bị bại lộ. Nghĩa kể lại cho tôi nghe cuộc đối thoại giữa ông ta và Ngô Đình Nhu tại dinh Gia Long:

- Nhu: "Mậu chơi thân với toa, Mậu có nói gì đến chuyện đảo chánh không?"

- Nghĩa: "Không, Tôi chỉ nghe Mậu thường nói chuyện Tam Quốc, chuyện Đông Chu… và tỏ vẻ lo lắng cho ông Cụ mà thôi".

- Nhu: "Mậu lừa toa đó. Mậu đang cùng một số sĩ quan âm mưu đảo chánh".

- Nghĩa: "Nếu anh đã biết rõ thì có khó khăn gì mà không chận đứng cuộc đảo chánh ngay từ trong trứng nước. Anh hãy gọi Mậu vào hứa cho thăng thưởng và bảo tố cáo các tướng lãnh rồi bắt hết là êm ngay".

- Nhu: "Không. Moa đã có kế hoạch rồi, để moa bắt cả lũ một lượt, moa đập cho tan hết luôn". (Nhu ám chỉ kế hoạch Bravo của Nhu mà Nghĩa không được biết).

Ra khỏi văn phòng của Nhu, Nghĩa vội bí mật thông báo cho tôi biết ngay rồi khuyên tôi đi trốn. Tôi ngỏ lời cảm tạ tấm lòng hào hiệp người bạn tri kỷ, nhưng tôi khuyên Nghĩa cứ yên tâm vì tôi không có việc gì phải trốn tránh.

Cùng lúc với việc Ngô Đình Nhu cho Huỳnh Hữu Nghĩa biết việc tôi đang mưu định đảo chánh thì tôi cũng biết được Ngô Đình Cẩn cho một Đại úy, hình như là Đại úy Minh (hiện ở Mỹ), mang thư từ Huế vào thông báo cho ông Diệm biết tôi đang chuẩn bị đảo chánh, và khuyến cáo ông Diệm đối phó với tôi như Huỳnh Hữu Nghĩa đã khuyên Ngô Đình Nhu. Bức thư của Cẩn, sau ngày Cách mạng, cháu tôi là Nguyễn Bá Liên đã tịch thu được trong một phong bì lớn trên bàn giấy của Ngô Đình Nhu, cùng với lá thư sáu trang giấy của cụ Trần Văn Chương (gửi từ Hoa Thịnh Đốn) lên án những lỗi lầm của hai ông Diệm–Nhu trong việc lãnh đạo quốc gia.

Lúc bấy giờ là vào đầu tháng Mười, và mặc dù âm mưu đã bị bại lộ, nhưng vì quyết tâm làm cách mạng và vì tin tưởng vào số mệnh và âm đức của cha ông mình, tôi vẫn vững tâm không một chút nao núng, vẫn đi làm việc, vẫn đi dạo phố, và chuẩn bị một số biện pháp phòng ngừa bất trắc.

Trước hết tôi cho lệnh những cận vệ chìm nổi của tôi phải nổ súng ngay vào bất kỳ ai muốn ám hại tôi. Tôi lại cho đục một khoảng trống trong bức tường ngay sau lưng nhà để nếu có biến tôi có thể thoát thân đến ẩn lánh nhà một người bạn thân là Trung tá Bùi Quý Cảo thuộc cơ quan Hành Ngân Kế của Bộ Quốc phòng. Ông Cảo có bà thân mẫu là một Phật tử hết sức mộ đạo, nhà ở đường Lê Thánh Tôn đâu lưng với nhà tôi trong cư xá Hải quân. Tôi dự định từ nhà Bùi Quý Cảo sẽ đến trú ẩn tại nhà một người bạn thân mà cũng là một đồng chí là ông Thái Văn Châu (cựu phó chủ tịch Phòng Thương Mãi Sài Gòn, hiện ở Pháp). Ông Châu cũng là một Phật tử thuần thành, từng bị Ngô Đình Cẩn khủng bố nên phải bỏ Huế vào Sài Gòn để sinh sống. Ngôi nhà lầu năm tầng của ông Châu ở đường Lê Thánh Tôn gần chợ Bến Thành náo nhiệt quả thật là nơi trú ẩn lý tưởng cho tôi khi hữu sự. Tôi đã cho con đến thông báo với ông bà Châu ngay sau khi được ông Nghĩa báo cho biết tin Ngô Đình Nhu phát hiện dự tính của tôi.

Cuối cùng tôi ra lệnh cho Nguyễn Bá Liên là nếu tôi bị bắt thì phải kéo quân đi Tây Ninh lập chiến khu ngay, đồng thời nhóm con cháu và cộng sự viên của tôi ở Sài Gòn cũng như ở Nha Trang phải phát động những cuộc biểu tình bạo động để buộc Nhu phải thương thuyết với Nguyễn Bá Liên.

Tôi rất tin tưởng vào quyết tâm của những người bạn tôi như Đại tá Đặng Văn Sơn, Thiếu tá Trần Văn Hai, Trung tá Đỗ Khắc Mai, và các em, cháu tôi như Đỗ Như Luận, Phạm Văn Lương, Trần Hữu Kinh, Chu Văn Trung, và đặc biệt là Nguyễn Bá Liên với những đồng chí can trường, nhiệt huyết của Liên như Nguyễn Phúc Quế, Trần Văn Nhật, Lê Hằng Minh, Hồ Tiêu…

Nguyễn Bá Liên gọi nhà tôi là cô ruột. Liên mất mẹ khi mới chào đời được 15 ngày, lúc bấy giờ thân phụ của Liên còn tòng sự tại tòa Công sứ Phan Rang nên vợ tôi thay anh mà đem Liên về quê nội nuôi dưỡng. Mấy năm sau, khi Liên đã cứng cáp và anh vợ tôi tái lập gia đình, Liên mới trở về với cha. Liên thuộc dòng dõi khí phách, tiết tháo: Cố nội đỗ cử nhân không chịu ra làm quan, Nội tổ cũng đỗ cử nhân ra làm quan vài năm rồi bất mãn với chính sách Bảo Hộ nên từ quan về làng sống cuộc đời thôn dã.

Nội tổ của Nguyễn Bá Liên cùng với các cụ Cử Trần Mạnh Đàn (nội tổ của anh Trần Hà Việt trong nhóm Dân Quyền Montréal) cụ Cử Lưu Trọng Kiến (thân phụ các thi sĩ Lưu Trọng Lư, Lưu Kỳ Linh) là những bậc khoa giáp vùng núi Hoành sông Linh lại có liên hệ thông gia bà con với nhau, từng nêu cao tinh thần kẻ sĩ thời Tây Nho lẫn lộn sau khi phong trào Cần Vương nơi quê nhà tan rã.

Thân phụ của Liên vừa là bạn tri kỷ vừa là đồng chí của ông Tráng Liệt nên đã ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trước cả ông Ngô Đình Diệm trong phong trào thân Nhật thời 1940–1941, đã cùng với ông Tráng Liệt đến gặp ông Diệm trao thư của Kỳ Ngoại Hầu từ Nhật Bản gởi về ủy cho ông Diệm lãnh đạo phong trào. Cũng vì chút kỷ niệm xưa đó mà khi Liên hành quân ở Cà Mâu, nhân một cuộc kinh lý, ông Diệm hỏi thăm về thân phụ của Liên như hồi ký Đỗ Thọ có nói đến. Và cũng vì chút kỷ niệm xa xưa đó mà Liên vượt mọi khó khăn để kéo quân từ Kiến Hòa về cứu ông Diệm trong biến cố Nhảy Dù cuối năm 1960, mặc dù Tỉnh trưởng Kiến Hòa là Thiếu tá Lê Như Hùng (hiện ở Mỹ) đã tìm mọi cách để cản trở. (Có phải thế không Thiếu tướng Nhật?)

Năm 1953, gia đình Liên đang chung sống với gia đình tôi tại Huế. Liên theo học trường dòng Pellerin và vừa mới đỗ xong tú tài thì được lệnh động viên học lớp sĩ quan trừ bị khóa 13 (cùng với Lê Quang Tung) tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Nhưng không như Lê Quang Tung tốt nghiệp xong xin ẩn thân trong các đơn vị hành chánh tại Huế, Liên xin gia nhập vào đơn vị tác chiến ngay với hoài bão trả thù cho cha đã bị Việt Minh chặt đầu tại quê nhà năm 1947.

Năm 1956, sau khi đi học quân sự ở Mỹ (Fort Benning) về, Liên lại xin vào binh chủng Thủy Quân Lục Chiến và nhờ phục vụ ở lực lượng thiện chiến này mà Liên đã có dịp đi hành quân khắp miền Nam để mở rộng kiến thức về nhân văn, địa lý của đất nước quê hương.

Biết Liên can trường và khí phách cho nên trong cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Diệm, tướng Đôn và Đính chỉ định Liên chỉ huy Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến, lập mưu đưa Lữ đoàn đi hành quân ở Bến Cát đợi ngày nổ súng thì sẽ điều động về dưới quyền Đại tá Thiệu, Tư lệnh Sư đoàn 5, để tiến về Sài Gòn làm mũi dùi chủ lực.

Sau ngày Cách mạng thành công, Liên được chính thức cử giữ chức Tư lệnh TQLC. Nhưng từ năm 1964, khi mà những xáo trộn chính trị do các cuộc chỉnh lý dồn dập xảy đến thì các tướng Khánh, Khiêm, Thiệu và một số tướng trẻ vì vừa muốn vô hiệu hóa ảnh hưởng của tôi, lại vì vừa e ngại tinh thần quật cường của Liên, nên đã hạ tầng công tác và thuyên chuyển Liên và bạn đồng chí của Liên là Trần Văn Nhật đi Phi Luật Tân giữ chức Tùy viên Quân sự cho Tòa đại sứ Việt Nam tại Manila. Sau ba năm, Liên trở về nước và được bổ nhiệm làm Tư lệnh Biệt khu 24 (Kontum), nắm chức vụ chỉ huy trực tiếp các đơn vị chiến đấu phụ trách hành quân vùng đầu sóng ngọn gió, vùng chiến trường ở vào thời kỳ vô cùng sôi động. Kontum là vùng địa đầu, là cái chốt sinh tử của đường mòn Hồ Chí Minh cho nên chiến trận luôn luôn ở mức độ khốc liệt đến nỗi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu khi đến thị sát chiến trường đã ra lệnh cho Liên phải dời các trại gia binh về Pleiku. Nhưng Liên khẳng khái trả lời: "Thưa Tổng thống, ngày nào tôi còn chỉ huy ở đây thì Kontum vẫn vững như bàn thạch, xin Tổng thống an tâm, cứ để vợ con binh sĩ được ở gần cha, chồng họ". Và để làm gương cho binh sĩ, suốt thời gian Liên làm Tư lệnh Biệt khu 24, vợ con Liên vẫn ở tại Kontum, và những đêm pháo kích vẫn trốn xuống hầm xây bằng bao cát ở cạnh nhà chung với gia đình các thuộc cấp để tránh pháo. Cuối năm 1969, Liên hy sinh tại mặt trận trong khi đang chỉ huy cuộc hành quân truy lùng diệt địch trong dãy Trường Sơn vùng biên giới Việt Miên, để lại một vợ sáu con mà đứa con gái đầu chỉ mới 10 tuổi. Ngày làm lễ tống táng Liên, trời thủ đô Sài Gòn cũng muốn rơi lệ. Rất nhiều sĩ quan và binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến từng phục vụ dưới quyền Liên tự động đến khóc lạy trước linh cữu Liên. Nhiều nhân vật đảng phái, nhiều chính khách nhân sĩ Sài Gòn kể cả cụ Nguyễn Văn Huyền, chủ tịch Quốc Hội, phái đoàn Phật giáo Ấn Quang, phái đoàn Phật giáo Viện Hóa Đạo do Thượng Tọa Thích Tâm Giác cầm đầu cũng đến nghiêng mình trước di ảnh của Liên. Ngoài các phái đoàn chính phủ, Quốc hội v.v… Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đến chào tiễn biệt, tôn vinh Liên là một vị anh hùng của quân đội và truy thăng Liên lên hàng Chẩn tướng. Đại tướng Dương Văn Minh và phu nhân cùng các tướng lãnh hồi hưu trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cũ đều ngậm ngùi khóc Liên, tiễn đưa một đồng chí can trường khí phách. Ông Phạm Bá Khanh (hiện ở San Jose) một vị nhân sĩ Kontum cũng tiếc thương một chiến sĩ quốc gia mà ông tôn vinh là anh hùng quân dân Cao Nguyên. Cụ Lê Văn Thái, cựu Hội trưởng Hội Thánh Tin Lành Việt Nam và các vị mục sư (hiện ở Mỹ) biết rõ thân thế và sự nghiệp, phong cách và tâm nguyện của Nguyễn Bá Liên, đã vô cùng đau đớn khi mất đi một tín đồ đã suốt đời làm sáng danh Chúa và làm vinh dự cho Hội Thánh Tin Lành Việt Nam. Than ôi! *Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu*. Lời của Hứa Ban trong "Điếu cổ chiến trường văn" quả thật là hợp với cảnh ngộ của Nguyễn Bá Liên, người cháu đã làm vinh dự cho gia đình tôi.

Với một người cháu can trường, khí phách và nhiệt huyết như thế, với ý thức mãnh liệt về việc làm của mình mà nguyện vọng của toàn quân toàn dân là xác tín rõ ràng nhất, lại tin vào số phận của anh em ông Diệm đã đến giờ đền tội với quốc gia dân tộc, cho nên dù Ngô Đình Nhu lúc bấy giờ biết tôi soạn sửa đảo chánh, dù Dương Văn Hiếu (hiện ở Mỹ) lúc ấy muốn ám sát tôi, tôi vẫn giữ thái độ bình thản, nhà tôi tại Nha Trang vẫn tiếp tục giúp đỡ tiếp tế cho các chùa. Trong lúc đó thì các tướng Minh, Đôn, Khiêm, Kim lại cho vợ con về ẩn trú tại một câu lạc bộ gần sân golf ở Tân Sơn Nhất để nếu có bất trắc thì sẵn sàng lên phi cơ bay ra nước ngoài, và tướng Lê Văn Nghiêm thì nhờ Đại úy Nguyễn Bé đem vợ con về dấu tại vùng ngoại ô Thủ Đức.

Tính chủ quan thường là một yếu tố đưa đến thất bại, nhất là chủ quan trước một công cuộc có tính cách bạo động. Thế mà trước ngày phát động cuộc cách mạng tôi lại chủ quan. Tôi chủ quan trước hết vì tôi tin tưởng mãnh liệt vào chính nghĩa của việc mình làm, tin vào phúc đức của gia tộc mình, nhưng quan trọng hơn cả là tin vào khả năng nhận định thiển cận và thiếu thực tế của Ngô Đình Nhu, một thứ người chỉ biết lý thuyết mơ hồ mà lại chủ quan, như ký giả George Chaffard đã nói trên kia. Tôi thật sự tin tưởng mãnh liệt rằng trong ván bài định mệnh này, Ngô Đình Nhu không đủ tài trí đương đầu với tôi dù ông ta đã biết âm mưu của tôi.

Ngày 26 tháng 10 là ngày Quốc Khánh, có lễ diễn binh dưới quyền chủ tọa của ông Diệm. Tôi cho nhóm dân sự và sinh viên tuyên truyền rằng ngày đó sẽ là ngày phát động cuộc chính biến (có phải thế không ông Lê Phước Sang?), tạo một tình trạng khẩn trương hư hư thực thực, và làm cho bộ phận chỉ huy an ninh cuộc lễ và các lực lượng mật vụ của Nhu hết sức lo âu đề phòng. Để cho họ thấy cái can đảm và quyết tâm của tôi, tôi đã đến thẳng bộ chỉ huy an ninh rất bí mật của họ tại một căn lầu đối diện với tư dinh ông Đại sứ Pháp ở đường Thống Nhất. Tại đây, tôi thấy có tướng Nguyễn Văn Là, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Đại tá Nguyễn Văn Y, Tổng giám đốc Cảnh sát Quốc gia, và hai phụ tá Nguyễn Văn Hay và Dương Văn Hiếu. Họ nhìn tôi bằng cặp mắt kinh ngạc,

còn tôi đã nhìn họ bằng cái nhìn cao ngạo thách thức vì tôi đến đây không có mục đích gì ngoài việc biểu dương cái tính tình can trường của tôi, rồi tôi đi ra ngay.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963 được các tướng lãnh chọn làm ngày phát động. Tôi dậy sớm uống trà sáng xong thì lên đường đến nhà một thầy tử vi tên Kim ở Phú Nhuận, nơi khách khứa ra vào đông đúc ít ai nghi ngờ trong lúc chờ đợi giờ phát động. Khoảng 1 giờ trưa, tôi vào Bộ Tổng Tham mưu thì được tướng Đôn chỉ định đến một căn phòng riêng cùng với các tướng Chiểu và Kim viết những văn kiện cần thiết như lời hiệu triệu của lực lượng cách mạng, như những hiến ước tương lai, v.v… Trong lúc đó thì tất cả tướng tá, kể cả các tướng tá trung thành với chế độ như tướng Nguyễn Văn Là, Đại tá Cao Văn Viên, Đại tá Lê Quang Tung, đều có mặt tại Câu lạc bộ Sĩ quan, chỉ trừ tướng Tôn Thất Đính phải ở lại Bộ Tư lệnh của ông ta để trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân lúc bấy giờ được ngụy trang là một cuộc đảo chánh cho phù hợp với âm mưu Bravo của Nhu. Cuộc hành quân đảo chánh được tiến hành tốt đẹp mà mọi chi tiết đã được tướng Đôn mô tả khá đầy đủ trong hồi ký "*Our Endless War*", tiểu mục "Our coup succeeds".

Về phần tôi, theo dõi sát tiến triển từng bước một của kế hoạch, tôi mừng thầm nhưng không ngạc nhiên vì các bạn bè đồng chí, con cháu của tôi đã can trường thi hành nghiêm chỉnh những chỉ thị của tôi, và đóng góp tích cực cho sự thành công của cuộc cách mạng mà kết quả quan trọng đầu tiên là chận đứng được anh em ông Diệm dại dột âm mưu dâng miền Nam cho ông Hồ Chí Minh. Trong tiến trình đảo chánh, Nguyễn Cao Kỳ, Đỗ Khắc Mai nắm ngay quyền Tư lệnh Không quân rồi cho phi cơ phóng pháo bay lượn trên không phận Sài Gòn để uy hiếp các lực lượng phản cách mạng và biểu dương khí thế cách mạng cho quần chúng. Vĩnh Lộc và Nguyễn Văn Toàn kéo quân và Thiết giáp từ Vũng Tàu về yểm trợ cho Bộ Binh. Đỗ Như Luận, Chu Văn Trung, Lê Phước Sang vô hiệu hóa ngay Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung. Các sĩ quan trẻ ở trung đoàn Thiết giáp cô lập ngay Thiếu tá Thẩm Nghĩa Bôi rồi biệt phái một số thiết giáp về bảo vệ cho Bộ Tổng tham mưu. Hai sinh viên quân y Phạm Văn Lương và Nguyễn Văn Cơ cướp quyền chỉ huy tại trường Quân Y, phân phát vũ khí cho một nhóm sinh viên đồng chí nòng cốt. Phạm Ngọc Thảo và bác sĩ Nguyễn Phúc Quế sau hai lần tấn công mới chiếm được đài phát thanh Sài Gòn. Đến 4 giờ chiều, Quế gọi điện thoại cho tôi để xin chỉ thị, tôi ra lệnh cho Quế phải đọc lời hiệu triệu đầu tiên của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, đại ý gồm có lời tuyên bố lý do quân đội phải đứng lên lật đổ chế độ, lời kêu gọi ông Diệm đầu hàng, và lời hứa sẵn sàng để cho ông Diệm xuất ngoại, và cuối cùng là lời hiệu triệu quốc dân đồng bào đoàn kết làm hậu thuẫn cho cuộc cách mạng do quân đội khởi xướng. Một điều làm tôi rất phấn khởi là chiều hôm đó, Đại tá Lâm Văn Phát đã cấp tốc từ Vũng Tàu về tham gia cách mạng, cầm quân đánh vào thành Cộng Hòa và triệt tiêu những ổ kháng cự của các toán quân thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ còn trung thành với chế độ cũ. Tôi mừng vì Đại tá Phát là một sĩ quan Thiên Chúa giáo đã từng được anh em ông Diệm hết sức thương mến tín nhiệm, từng được giao cho những chức vụ quan trọng như Sư đoàn trưởng, như Tổng giám đốc Bảo An, nhưng Phát là người cương trực, cho nên ông ta đã không vì lợi danh chịu làm tay sai cho một chế độ mà Phát đã từng lên án. Việc Đại tá Phát tham gia đảo chánh càng nói lên cái chính nghĩa rực rỡ của quân đội trong việc lật đổ chế độ.

Vào khoảng nửa đêm, tướng Đính cho mở cửa nhà tù để giải thoát các nhóm sinh viên tranh đấu. Nhóm sinh viên này gồm các anh Đinh Thạch Bích, Trần Phong, Nguyễn Sĩ Tế, Nguyễn Tường Bá, Vũ Văn Lê, Trần Huy Bích, Trịnh Đình Thắng, v.v… (hiện ở Hoa Kỳ) và riêng anh Nguyễn Hữu Đống, (hiện ở Pháp) và một số anh em khác vừa được trả tự do, vội đến Bộ Tổng Tham mưu và được các tướng lãnh đón tiếp. Vừa gặp chúng tôi, họ mừng ra nước mắt, ôm chầm lấy chúng tôi biểu lộ nỗi hân hoan vui mừng. Họ xúc động đứng trước mặt chúng tôi, ngỏ lời cảm ơn quân đội đã đứng lên giải thoát cho họ và cho đồng bào khỏi một chế độ bạo tàn kềm kẹp, rồi giơ cao tay thề quyết tâm làm tròn sứ mạng lịch sử và trung thành với Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Việc tướng Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Quân khu 4 đầu hàng, việc Đại tá Lâm Văn Phát tham dự đảo chánh, việc các sinh viên tỏ ra ngưỡng mộ tướng lãnh là những khích lệ tinh thần cao quý đầu tiên của quân dân ban thưởng cho chúng tôi.

Cũng vào khoảng nửa đêm, trừ dinh Gia Long còn nằm trong tay quân Phòng Vệ Phủ Tổng thống, tất cả các quân đoàn trên toàn quốc và nhiều đơn vị đã hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của quân đội cách mạng. Tại Nha Trang và Khánh Hòa, nơi có quân số đông đảo và nơi mà đa số nhân dân theo Phật giáo, Đại tá quân trấn trưởng Nguyễn Vĩnh Xuân nắm vững ngay tình hình nhờ sự hợp tác chặt chẽ của nhiều sĩ quan Không quân và Hải quân, và nhờ hậu thuẫn trung thành của Trung tâm Huấn luyện Hạ Sĩ Quan Đồng Đế và trung tâm Biệt Động

Quân tại Dục Mỹ. Tại Đà Lạt ngay chiều hôm đó, khi tiếng súng bắt đầu nổ vang tại Sài Gòn, Trung tá Trần Ngọc Huyến, chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia vội vã thiết quân luật và cùng với ông Trần Văn Phước, Thị trưởng Đà Lạt, làm chủ tình hình. Riêng tướng Thái Quang Hoàng, chỉ huy trưởng Đại học Quân sự và Quân trấn trưởng Đà Lạt, tuy mang nỗi lòng của một công thần bị vắt chanh bỏ vỏ nhưng trước biến chuyển của tình hình, ông ta vội vã lánh mình lên Ban Mê Thuột. Tướng Hoàng biết trước cuộc đảo chánh thế nào cũng xảy ra nhưng ông ta chỉ muốn giữ thái độ trung lập. Ông không muốn chống ông Diệm nhưng cũng không muốn chống lại cuộc cách mạng để khỏi mang tiếng hành động ngược lòng dân. Đại tá Tôn Thất Xứng, một cựu đảng viên Cần Lao lúc bấy giờ là chỉ huy trưởng Lực Lượng Biệt Động Quân, cũng biết trước cuộc đảo chánh sẽ xảy ra nhưng cũng "khôn ngoan" như tướng Hoàng, ông đã giữ thái độ trung lập. Một ngày trước biến cố, ông mượn cớ đi thanh tra các trung tâm huấn luyện Biệt Động Quân để lánh mình, tránh cho ông một hoàn cảnh khó xử.

Vào khoảng 9 giờ đêm, tại văn phòng của tướng Khiêm nơi được chọn làm bộ chỉ huy, tướng Dương Văn Minh, vị lãnh tụ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng bèn hỏi từng người "ai theo cách mạng và ai còn theo ông Diệm". Tất cả đều hoan hỉ trả lời "theo cách mạng" trừ Đại tá Cao Văn Viên, Tư lệnh Nhảy Dù, trả lời: "Tôi là một quân nhân kỷ luật, tôi không làm chính trị, tôi chỉ biết tuân lệnh Tổng thống Diệm".

Cao Văn Viên thời còn là Trung úy (năm 1953) đã cùng tôi và Nguyễn Văn Thiệu làm việc tại khu chiến Hưng Yên, chúng tôi coi nhau như bạn thân. Cao Văn Viên là người ít nói trong lúc Thiệu và tôi hay thảo luận chính trị và thời thế. Năm 1958, Cao Văn Viên được Tổng thống Diệm đưa về dinh Độc Lập giữ chức Tham mưu trưởng Biệt Bộ thay tướng Nguyễn Văn Là được cử giữ chức Tổng Giám đốc Công An. Cuối năm 1960, nhân biến cố Nhảy Dù xảy ra, Cao Văn Viên mặc dù thuộc Bộ Binh nhưng được ông Diệm thăng Đại tá và cử chỉ huy Lữ Đoàn Nhảy Dù thay Đại tá "phản loạn" Nguyễn Chánh Thi đã trốn qua Cao Miên tị nạn chính trị. Tuy nhiên, trong lúc Cao Văn Viên chỉ cố gắng hành xử nhiệm vụ của một quân nhân thì bà Cao Văn Viên, cũng như bà Nguyễn Văn Là, lại là những phu nhân thích hoạt động chính trị, thích nổi tiếng. Hai bà đều là nhân viên cao cấp trong "Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới" của bà Nhu và cộng tác đắc lực với Đệ nhất Phu nhân. Bà Là lại còn là thành viên của "Lực Lượng Phụ Nữ Bán Quân Sự", là thiện xạ số hai bên cạnh thiện xạ số một Ngô Đình Lệ Thủy, ái nữ của ông bà Cố vấn. Qua màn ảnh tuyên truyền của Bộ Thông Tin, dân cả nước, hàng tuần đều được chiêm ngưỡng dung nhan cô Lệ Thủy và bà Là thi đua tác xạ, thi đua bắn bong bóng, tập thao diễn quân sự, tập tác chiến, nằm cạnh các lỗ châu mai tại "chiến trường Thị Nghè" của thành phố Sài Gòn–Gia Định. Dưới chế độ Diệm, trong hàng tướng lãnh có ba bà Tướng thuộc hạng "đàn bà dễ có mấy tay" là bà Thái Quang Hoàng, đã dám đấu khẩu với bà Nhu sau ngày đảo chánh Nhảy Dù, còn bà Nguyễn Văn Là và bà Cao Văn Viên là những phụ nữ thuộc hạng "gái ngoan làm quan cho chồng".

Khốn nỗi khi Đại tá Cao Văn Viên tỏ thái độ trung thành với Tổng thống Diệm thì nhiều sĩ quan cấp Tá thuộc Lực Lượng Nhảy Dù lại điện thoại về Bộ Tổng tham mưu hoan nghênh cách mạng và xin đặt dưới quyền điều động của Hội Đồng Tướng Lãnh.

Đến 10 giờ đêm, tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho tất cả các tướng tá có mặt tại Bộ Tổng Tham mưu xưng danh để được phát thanh trên đài Sài Gòn. Theo Đại úy Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên độc nhất đi trốn với anh em ông Diệm, thì lúc nghe phát thanh, tâm tư hai ông Diệm, Nhu vô cùng rúng động. Ông Nhu bỏ ý định về miền Tây với Huỳnh Văn Cao và quyết định bỏ nhà Mã Tuyên để về trú ẩn tại nhà thờ Cha Tam. Lúc bấy giờ, ông Diệm nói với ông Nhu: "Chú nên ở cạnh tôi, vì chú đi riêng thì họ sẽ giết". Câu nói của ông Diệm biểu lộ sự cảm nhận cái thế tuyệt cùng và sự thất bại không tài nào cứu vãn được nữa. Đối với Dương Văn Minh, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân, Phạm Xuân Chiểu thì việc họ chống đối ông là việc tất nhiên, nhưng ông không ngờ toàn thể những người đã một thời trung thành với ông, đã có công lao to lớn phò tá ông trong bước khó khăn, trong những năm đầu của chế độ đặc biệt là những sĩ quan quê miền Trung cũng đều quyết liệt chống lại ông. Ông có ngờ đâu những tướng tá như Nguyễn Ngọc Lễ, Lê Văn Nghiêm, Tôn Thất Đính, Đỗ Mậu, Nguyễn Văn Chuân, Nguyễn Khương, Nguyễn Văn Thiệu, Trần Ngọc Huyến, v.v… cũng đều tham gia cách mạng. Những người dân sự thân nhất của ông như Cụ Trần Văn Chương, Linh mục Cao Văn Luận, Bác sĩ Trần Kim Tuyến đều đã chống lại ông, Võ Văn Hải cũng bỏ rơi ông, nay lại đến các quân nhân thân thiết, tín cẩn đều đồng thanh lật đổ ông thì thật sự ông không còn bám víu vào đâu được nữa. Đảng Cần Lao, Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Thanh Niên Cộng Hòa, Lực Lượng Đặc Biệt, Phụ Nữ Liên Đới, Quốc Hội Gia Nô, Lực Lượng Mật Vụ, … những con bài domino của ông đã tan biến trước cơn lốc cách mạng của toàn quân toàn dân. Có lẽ vì thế mà ông muốn đến

nhà thờ Cha Tam, để một lần cuối, đưa lời cầu nguyện với Chúa. Gần mười năm qua ngự trị trên đất nước quê hương, sau mỗi bài diễn văn mỗi bức thông điệp, ông luôn luôn xin Thượng Đế ban phép lành cho thân thế địa vị ông và gia đình ông được vững như bàn thạch, ông có ngờ đâu "phép lạ không đến hai lần", ông có ngờ đâu Thượng Đế chí công vô tư như Thánh Kinh đã dạy: "*Ai gieo gió thì gặt bão*".

Trong tác phẩm nghiên cứu nổi tiếng *Vietcong* kể lại quá trình mười năm của chính quyền Ngô Đình Diệm, học giả Douglas Pike khi đề cập đến năm cuối cùng của chế độ Diệm, đã viết rằng:

Tháng 5 năm 1963, biến cố Phật giáo bùng nổ ở Huế, đến tháng bảy thì sinh viên học sinh nhập cuộc đấu tranh. Lúc đầu, chỉ mới sinh viên đại học, sau lần dần đến học sinh trung học rồi cả học sinh tiểu học cũng xuống đường. Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1963, các sĩ quan chỉ huy các đơn vị cũng như các sĩ quan trẻ cũng âm mưu chống đối chế độ, một chế độ mà từ lâu họ đã xem như không còn có liên hệ nữa vì bất mãn bởi nhiều lý do (chẳng hạn như lý do can thiệp chính trị vào các cuộc hành quân, như sự thăng thưởng bất công). Cuối cùng, đến tướng lãnh và cả Bộ tổng tham mưu, mà trước một xã hội băng hoại, mọi người như một đều muốn lật đổ chế độ đến nỗi không còn một vị tướng nào muốn cứu vớt ông Diệm nữa. Cuộc đảo chánh (coup d'etat), nếu người ta muốn dùng từ ngữ đó để nói đến cuộc lật đổ chế độ Diệm, thật ra phải gọi là "sự sụp đổ của chế độ Diệm" thì đúng hơn, đã xảy ra ngày 1 tháng 11 năm 1963.

Sự tách rời với chế độ của các sĩ quan chống đối thật ra đã có từ 1955 vì không mấy ai tin rằng chế độ Diệm có thể đương đầu nổi với Cộng Sản và đối phó nổi với những sĩ quan có tinh thần chống đối. Các giáo phái võ trang đã bị vô hiệu hóa bởi vì không một chính phủ nào có thể tha thứ tình trạng nhiều quốc gia trong một quốc gia. Tuy nhiên, sau khi tiêu diệt họ, ông Diệm đáng lẽ phải có thời gian và kế hoạch hàn gắn, đoàn kết. Trong gần mười người Việt Nam ở Nam Việt thì đã có một người của giáo phái, cho nên việc gây cho họ trở thành đối lập vĩnh viễn là việc làm không thể tưởng tượng được, nhưng ông Diệm lại không bao giờ có thái độ thân thiện đối với họ. Một người khôn ngoan có thể lôi kéo được một phần các giáo phái và cũng có thể cảm hóa được những người trí thức như các chính phủ sau Diệm đã làm. Sự bất công trong chương trình cải cách ruộng đất, và sự áp dụng khắc nghiệt đạo luật 10/59 đáng lẽ có thể sửa chữa được nhưng ông Diệm lại không làm vì ông Diệm không muốn làm mất địa vị những tay sai trung thành của mình. Không một nhà lãnh đạo nào lại đàn áp những lãnh tụ chính trị, mà sự giam cầm bác sĩ Phan Quang Đán năm 1960, một nhân vật đối lập công khai, có lẽ là cao điểm không còn làm xoay chuyển nổi nền độc tài nữa. Sự bất mãn của dân chúng càng gia tăng (được khích động thêm bởi Mặt Trận Giải Phóng) trong vấn đề xây dựng Ấp Chiến Lược, và sau này, trong biến cố Phật giáo.

Sau mồng 8 tháng 5, toàn thể quốc gia như ngọn lửa bốc cháy: tăng sĩ Phật giáo tự thiêu, sinh viên xuống đường, binh sĩ chẳng những từ chối đàn áp các cuộc biểu tình mà lại còn khuyến khích các người biểu tình. Cơn đau xã hội lan tràn như một cánh đồng bốc lửa. Sài Gòn, trong những ngày cuối cùng của ông Diệm, là một thành phố kinh khủng. Người ta cảm thấy như đang chứng kiến cả một kiến trúc xã hội tan rã như những sợi chỉ vụn. Người Mỹ đã chứng kiến một cách bất lực và kinh hoàng cảnh tượng ông Diệm đang xé tan hoang xã hội Việt Nam một cách hữu hiệu hơn cả Cộng Sản. Đó là thành tích hữu hiệu nhất của cả một đời hoạt động của ông Diệm. (… *The social pathology spread like a prairie on fire. Saigon, those lasts days of Diem, was an incredible place. One felt that one was witnessing an entire social structure coming apart at the seams. In horror, Americans helpless watched Diem tear apart the fabric of Vietnamese society more effectively than the communists had ever been able to do. It was the most efficient act of his entire career*) [3].

Bức tranh miền Nam Việt Nam vào năm 1963 tuy chỉ được học giả Douglas Pike chấm phá đơn sơ những đã làm nổi bật được một cách đầy đủ và chính xác cái thế của chế độ Diệm vào những tháng cuối cùng. Cho nên Douglas Pike đã nói đúng khi ông viết rằng: "Tất cả tướng lãnh như một, không ai còn có hành động để cứu ông Diệm nữa".

---

[3] Douglas Pike, *Vietcong*, tr. 71-73.

Huỳnh Văn Cao, vị tướng "con nuôi" của ông Diệm còn có ba sư đoàn trong tay, còn có cả một giang sơn rộng lớn gồm vùng Tiền Giang, Hậu Giang, thế mà chỉ mới nửa đêm 1–11–63 đã vội đầu hàng Cách Mạng, thề nguyền trung thành với Hội Đồng Cách Mạng thì hỏi còn ai dám có ý đồ cứu ông Diệm nữa.

Tuy vậy, khi tiếng súng đảo chánh mới bắt đầu nổ súng, anh em ông Diệm tưởng rằng chỉ có một nhóm quân nhân nổi lên phản loạn, và ông tưởng có thể tái diễn được trò "gọi quân trung thành về cứu giá" như hai năm về trước (11–11–60), do đó ông đã đối đáp cứng rắn với Đại sứ Cabot Lodge như sau:

- Ông Diệm: "Một nhóm binh sĩ phản loạn đã khởi sự đảo chánh vậy thái độ của chính phủ Hoa Kỳ như thế nào?"

- Ông Lodge: "Bây giờ là 4 giờ 30 sáng tại Hoa Thịnh Đốn, tôi không thể tham khảo ý kiến của chính phủ tôi vào lúc này. Tôi lấy làm lo ngại cho an ninh cá nhân của Tổng thống… Tôi muốn trình bày với Tổng thống về thiện chí của chính phủ Hoa Kỳ là Tổng thống có thể đến ẩn trú tại tư dinh của tôi. Tôi có thể thu xếp để Tổng thống có thể ra khỏi nước. Các vị tướng lãnh đã hứa với tôi là họ sẽ thỏa mãn như vậy."

- Ông Diệm: "Tôi sẽ hành xử theo trách nhiệm và lương tri của tôi, tôi sẽ cố gắng lập lại trật tự". [4]

Nếu tại Sài Gòn ông Diệm chủ quan vì không nắm vững tình hình thì tại Mỹ, bà Nhu cũng chủ quan vì kiêu căng. Chiều 1–11–63, khi cuộc cách mạng tại Sài Gòn đang trên đà thắng lợi thì tại Los Angeles, trong một cuộc phỏng vấn của báo chí, bà Nhu vẫn quyết liệt cho rằng cuộc đảo chánh không bao giờ thành công, bà ta nhấn mạnh đến ba lần "*never, never, never*" [5].

Nói chuyện với Đại sứ Cabot Lodge xong, hai ông Diệm–Nhu bắt đầu xuống hầm, một pháo đài dưới đất với đầy đủ tiện nghi và được trang bị đầy đủ máy móc truyền tin viễn liên cực mạnh để có thể liên lạc được với các tỉnh. Cái hầm xi măng cốt sắt đủ sức chống nổi bom 500 cân Anh này được xây cất dưới sân dinh Gia Long sau vụ hai phi công Quốc, Cử ném bom dinh Độc Lập vào tháng Hai năm 1962.

Nhưng nếu Vạn Lý Trường Thành đã không bảo vệ được dòng họ Tần Thủy Hoàng thì cái hầm dinh Gia Long làm sao có thể chống chỏi nổi lòng căm phẫn tột độ của quân dân miền Nam Việt Nam. Cho nên khi đã an toàn trong hầm kín rồi, và sau khi nói chuyện với tướng Đôn vào khoảng ba giờ chiều ngày 1–11, anh em ông Diệm mới đối diện với sự cô đơn và sự thật để bắt đầu khiếp sợ. Ông không ngờ toàn thể quân đội đã đoàn kết và hợp tác với tướng lãnh để lật đổ chế độ. Ông bèn dịu ngọt gọi tướng Đôn để mời các tướng lãnh đến dinh Gia Long bàn chuyện dàn xếp, ông cũng hứa với tướng Đôn là sẽ thỏa mãn mọi nguyện vọng của tướng lãnh. Nhưng kinh nghiệm với cái "bất thành tín" của nhà Nho Ngô Đình Diệm, kinh nghiệm Trung tá Vương Văn Đông đã bị ông Diệm lừa năm 1960, đời nào cấp lãnh đạo Cách mạng 1/11/63 còn mắc mưu ông Diệm, huống gì lập trường của tướng lãnh là nhất định đi đến thành công không chịu thương thuyết. Tướng Đôn nhắc lại cho ông Diệm nhớ rằng đã bao lần các tướng lãnh trình bày với ông về tình hình nguy ngập của đất nước chỉ để yêu cầu ông thay đổi chính sách mà ông vẫn không nghe. Nay thì chỉ còn sự đầu hàng vô điều kiện, và chỉ để cho ông ra đi an toàn mà thôi. Sau đó tướng Đôn cho soạn hai cái giường tại Bộ Tổng tham mưu và vận động một chiếc phi cơ của Hoa Kỳ để anh em ông Diệm xuất ngoại.

Trước thái độ cương quyết của tướng Đôn, và trong cảnh cô đơn, hai ông Diệm–Nhu mới thấy mọi tính toán đều hoàn toàn sụp đổ. Nhìn quanh chỉ có Cao Xuân Vỹ là ở kề, còn tất cả nhân viên và cán bộ đều xa lánh hết nên hai anh em ông Diệm–Nhu lợi dụng dinh Gia Long chưa bị bao vây, bèn ra đi về phía Chợ Lớn trú ẩn tại nhà Hoa kiều Mã Tuyên, người bạn thân từng lo kinh tài cho Ngô Đình Nhu.

---

[4] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, tr. 351.

[5] Chương trình "*Vietnam: A Television History*", đài truyền hình PBS, 1983.

Vào khoảng 10 giờ đêm, ông Diệm từ nhà Mã Tuyên gọi điện thoại về Tổng tham mưu thì được tướng Dương Văn Minh trả lời. Lúc này ông Diệm đã hết giọng uy quyền, ông bằng lòng ra đi chỉ với một điều kiện là được vinh dự tiễn đưa theo nghi lễ quân cách. Tướng Minh lợi dụng cơ hội đó nặng nề lên án chế độ của ông Diệm là độc tài, gia đình trị, tham nhũng, thối nát làm cho quê hương nguy biến, dân chúng điêu linh, và quân đội thất trận trước lực lượng VC ngày càng thắng lợi, rồi ông Minh bác bỏ lời yêu cầu của ông Diệm, chỉ bằng lòng cho ông âm thầm ra đi mà thôi. Có lẽ vì tướng Minh đã dùng những lời lẽ nặng nề nên ông Diệm tức giận trách móc tướng Minh và có lẽ vì thế mà sáng mồng 2, tướng Minh đã thay đổi thái độ không còn khoan dung với ông Diệm nữa.

Sáng mồng 2, vào khoảng 7 giờ, toàn thể tướng tá vẫn còn ngồi trong văn phòng tướng Khiêm, tôi đang ngồi trước mặt tướng Khiêm tại bàn giấy ông ta bỗng điện thoại reo lên, tôi bèn nhấc máy nghe thì đàng kia là tiếng của Đỗ Thọ, cháu tôi, nói rằng: "Thưa chú, Cụ và ông Cố vấn hiện ở nhà thờ Cha Tam, Cụ bằng lòng ra đi vậy xin tướng lãnh cho xe xuống đón Cụ về Bộ Tổng Tham mưu". Tôi trả lời Thọ: "Được rồi, nhưng chú không có thẩm quyền, để chú trao máy lại cho tướng Khiêm trả lời", rồi tôi chuyển máy lại cho tướng Khiêm. Tướng Khiêm nói với Thọ: "Được rồi, sẽ có xe xuống đón Cụ về đây". Nói xong, tướng Khiêm trình lại cho tướng Minh biết.

Sau đó, vì suốt đêm thức trắng để phối hợp các tiến triển của những lực lượng cách mạng, tôi và tướng Khiêm vòng tay ngồi ngủ tại bàn tướng Khiêm. Chúng tôi ngủ say đến độ toàn thể tướng lãnh rời hết khỏi phòng khi nào cũng không biết, mãi cho đến khi chuông điện thoại reo vang, hai chúng tôi mới giật mình thức dậy. Khiêm bèn bảo tôi: "Anh em giải tán đâu rồi, Mậu chạy tìm xem". Tôi bèn qua văn phòng tướng Lê Văn Tỵ, nơi mà suốt đêm tướng Minh dùng làm văn phòng riêng, cũng không thấy ai nên kéo màn cửa chính thì thấy toàn thể tướng lãnh đều có mặt ngoài bao lơn. Tôi mở hẳn cửa bước ra, thấy mọi người đều im lặng trầm tư, trong lúc cuối bao lơn tướng Dương Văn Minh, tướng Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân và Đại tá Dương Ngọc Lắm còn đang thì thầm bàn tán. Bên cạnh tướng Minh, Thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa, một đảng viên Đại Việt, cầm súng M16 đứng đó như có ý bảo vệ cho tướng Minh.

Thấy không khí có vẻ nghiêm trọng, tôi vội hỏi ngay: "Các anh làm gì mà đứng đây có vẻ bí mật thế", tướng Trần Văn Minh (Minh nhỏ) đứng gần đấy trả lời rất nhỏ: "Anh em đang bàn định cách đối xử với ông Diệm, nên giết hay nên cho ông ta xuất ngoại". Tôi vội nói to cho mọi người cùng nghe: "*Tôi không đồng ý việc giết ông Diệm, lúc còn trong vòng bí mật, tôi đã nói với Trung tướng Đôn là phải để cho ông Diệm ra đi, Trung tướng Đôn đã đồng ý rồi*". Tôi vừa nói xong thì tướng Nguyễn Ngọc Lễ, một vị tướng vốn nổi tiếng khoan hòa, đạo đức nhất trong hàng tướng lãnh quay về phía tôi và cũng nói to lên: "*Xin anh em đừng nghe lời anh Mậu, đã nhổ cỏ thì phải nhổ cho tận rễ*". Tôi chợt nhớ trong đêm trước đó có người đã kể cho tôi nghe rằng tướng Phạm Xuân Chiểu cũng đã nói câu như vậy. Thấy không ai phản đối tướng Lễ mà có vẻ im lặng đồng ý, tôi bực mình bèn nói thêm: "*Việc tha hay giết ông Diệm là hành động lịch sử, vậy muốn tha hay giết ông ta tôi đề nghị phải lấy quyết định tối hậu qua một cuộc bỏ phiếu kín, phải ghi vào biên bản đàng hoàng*". Tất cả mọi người im lặng không có ai tỏ ra tán đồng ý kiến của tôi, còn tướng Dương Văn Minh thì nhún vai tỏ thái độ bất mãn với tôi. Tôi bực tức giơ tay cao lên và nói: "*Nếu không ai đồng ý với tôi thì tôi tuyên bố không dính líu gì đến việc này, các anh phải chịu lấy trách nhiệm trước lịch sử*". Rồi tôi kéo Trung tá Nguyễn Văn Thiện (chỉ huy trưởng Thiết giáp) và Trung tá Lê Nguyên Khang (hiện ở Los Angeles) ra khỏi nơi tụ họp để đi quan sát tình hình tại trung tâm Sài Gòn.

Sau đó tướng Minh ra lệnh cho tướng Mai Hữu Xuân, Đại tá Dương Ngọc Lắm, Thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa và Đại úy Nguyễn Văn Nhung đi đón hai ông Diệm–Nhu tại nhà thờ Cha Tam.

-o0o-

Rời Bộ Tổng Tham mưu, trên đường trở về trung tâm thủ đô, tôi gặp nhiều đoàn biểu tình của thanh niên và sinh viên phất cờ và giơ cao biểu ngữ: "Hoan hô cách mạng thành công", "Đả đảo độc tài Ngô Đình Diệm", và "Hoan hô quân đội". Trong các đoàn biểu tình có một đoàn rất đông người do luật sư Nguyễn Tường Bá (hiện ở San Jose) cầm đầu, có mang thêm cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Gần góc đường Hồng Thập Tự – Trần Quý

Cáp, một đoàn biểu tình khác của sinh viên chận xe tôi lại rồi mời tôi ra khỏi xe, bồng tôi lên cao mà hô to khẩu hiệu mừng chiến thắng và ca ngợi tôi là một chiến sĩ anh hùng.

Về đến dinh Gia Long, tôi thấy rất đông dân chúng vây quanh Dinh tràn ngập cả mấy con đường và công viên trước mặt. Họ reo hò ầm ĩ và chuyện trò vui vẻ với binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến đang chiếm đóng ngôi dinh thự mà từ ngày 27–2–1962 đã tượng trưng cho uy quyền bất khả xâm phạm của chế độ Ngô Đình Diệm.

Rời dinh Gia Long để về nhà, khi đi qua góc đường Gia Long – Hai Bà Trưng, tôi gặp lại một đoàn sinh viên khác mà phần lớn thuộc Đại Học Văn Khoa. Sau khi đập phá bức tượng Hai Bà Trưng do bà Nhu dựng lên ở công trường Mê Linh, Bến Bạch Đằng, họ náo nhiệt kéo hai cái đầu bằng đá mà họ bảo là của hai mẹ con "mệ Nhu". Những sinh viên dẫn đầu đoàn biểu tình tuyên bố sẽ kéo hai cái đầu "mẹ con mệ Nhu" này đi khắp đường phố Sài Gòn cho dân chúng tự do chửi bới sỉ vả.

Trên đường về, đi đến đâu tôi cũng thấy dân chúng già trẻ, lớn bé, trai gái tràn ra khắp các nẻo đường mà nét vui mừng, niềm hân hoan và nỗi xúc động hiện rõ trên từng tiếng cười, từng câu nói. Họ trò chuyện thân mật và tặng quà cho binh sĩ, họ hoan hô ca ngợi quân đội và hể hả để cho sự thống khoái ào ạt bộc phát ra ngoài.

Thật vậy,

"*từ 7 giờ sáng ngày 2-11-1963, khi đài phát thanh Sài Gòn báo tin dinh Gia Long bị quân đội chiếm thì già trẻ lớn bé lũ lượt kéo nhau đi xem. Lời hò reo, tiếng cười vang với sắc diện tươi vui của mọi người chứng tỏ sự giải thoát gông cùm kềm kẹp của độc tài đã bóp nghẹt lòng dân trong chín năm trời đăng đẳng*" [6].

Đó là nhận định của bác sĩ Dương Tấn Tươi. Và thi sĩ Đông Hồ thì:

"*Nỗi ức hiếp, nỗi căm hờn bị đè nén, bị vùi dập một cách tàn nhẫn bất công trong 9 năm trời, một sớm được giải thoát, được cởi mở, mà phản ứng chỉ có chừng ấy thì tưởng quần chúng nhân dân Việt Nam năm 1963 này cũng đã tỏ ra hiền lành nhiều lắm, và cũng đã biết tự hạn chế, tự biết kềm hãm sức giận dữ hung hãn của mình rồi đó.*" ("*Tôi Tập Viết Tiếng Việt*", Nguyễn Hiến Lê, 1988, tr. 21).

Còn theo ký giả Neil Sheehan, người theo dõi chiến tranh Việt Nam một cách sâu sắc thì:

"*Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, dân chúng Saigon tự phát hoan hô binh sĩ quân đội VNCH. Các thiếu nữ tặng hoa. Người lớn tặng bia và soda. Các bà mang trà và đồ ăn tới các công viên và trường học nơi binh sĩ đang trú đóng*" (For the first time in the history of the war, crowds in Saigon spontaneously cheered ARVN soldiers. Girls gave them bouquets of flowers. Men brought them beer and soda. Woman carried pots of tea and food to the parks and schools where they were bivouacked. "*A Bright Shining Lie*", tr. 371)

Cũng trình bày về nỗi hân hoan, sung sướng của nhân dân Sài Gòn, Hilaire du Berrier viết rằng:

Ngày 29-10, ông Nhu điện thoại khuyên vợ là "Đệ Nhất phu nhân xấu mồm xấu lưỡi" đang ở San Francisco nên đến trú ngụ tại Los Angeles, và cũng cho biết là ông không thể đi Đông Kinh để đón bà ta như đã hứa trong cuộc điện đàm hôm trước. Về Los Angeles, bà Nhu ôm lấy máy phát thanh để theo dõi tin tức tại Sài Gòn khi cuộc đảo chánh đã xảy ra (mà bà ta đã trả lời cho báo chí là cuộc đảo chánh sẽ không bao giờ thành công). Nhưng khi chế độ của gia đình bà ta bị lật đổ, bà đã khóc và lên án Hoa Kỳ đã nghiến nát những nhà lãnh đạo quốc gia vốn được dân chúng Việt Nam bầu lên. Bà Nhu thề sẽ không bao giờ đặt chân trở lại trên đất nước Hoa Kỳ nữa rồi cùng con gái là Lệ Thủy trực chỉ Rome, nơi người anh của chồng bà là Giám mục Ngô Đình

---

[6] Dương Tấn Tươi, *Cười, Nguyên nhân và Thực chất*, tr. 44.

Thục đang trú ngụ. Sau đó, bà về Pháp sống tại ngôi nhà sang trọng ở đường Charles Floquet, con đường hợp thời trang nhất của thủ đô Paris. Ở Sài Gòn chỉ có người cháu gái là vợ của Trần Trung Dung, mà trước đó hai năm đang điều khiển một nhà hàng ăn tại Paris, đã trách móc các ông Cậu sao không lo liệu xuất ngoại trước đi. Bà Dung âm thầm chôn cất các ông Cậu ruột tại Phú Nhuận. Những người lưu vong dưới chế độ Diệm, trong đó có những nhân vật tên tuổi như Đại tá Nguyễn Chánh Thi, tướng Dương Văn Đức, lãnh tụ Đại Việt Nguyễn Tôn Hoàn, soạn sửa để hồi hương. Ông Huỳnh Sanh Thông cũng từ bỏ địa vị giáo sư tại Đại học danh tiếng Yale để về nước. Trong lúc đó, tại Sài Gòn, dân chúng vui mừng như điên cuồng (delirium of joy) làm ta nhớ lại thủ đô Paris trong ngày giải phóng khỏi Đức Quốc Xã tràn ra đường mà khiêu vũ [7].

Cái tình cảm uất ức vì bị đàn áp, rồi được giải thoát và bộc phát ra ngoài đó là gì nếu không phải là sự thể hiện nhân bản của một thành quả cách mạng. **Ý nghĩa thực sự của ngày 1–11–63 là giải thoát. Trên mặt lịch sử, nó chấm dứt những bế tắc của thế và thời để khai mở một dòng sinh mệnh mới; trên mặt dân tộc, nó chấm dứt một giai đoạn trì trệ và đen tối để dân tộc lại trở về với chức năng chủ nhân đất nước; và trên mặt thời đại, nó bỏ lại sau lưng những khuôn thước lỗi thời để sẵn sàng rung động nhịp nhàng với những phát triển hướng thượng của tương lai**.

Ngày 1–11–63 vừa đáp ứng được nhu cầu của lịch sử, vừa thỏa mãn được ước nguyện của dân tộc, vừa biến thiên theo quy luật của thời đại nên đã có đầy đủ bản chất và tính năng của một ngày cách mạng. Ngày đó, toàn quân toàn dân cùng một lòng làm tròn nhiệm vụ trong truyền thống cách mạng Việt Nam, một truyền thống chạy dài từ ngày Hai Bà Trưng phất ngọn cờ vàng chống áp bức ngoại xâm, xuyên dòng lịch sử như một dòng suối, đã đổ về miền Nam anh dũng của thế kỷ thứ hai mươi.

Chế độ Diệm phải sụp đổ để quy luật cách mạng Việt Nam được chứng nghiệm.

Chế độ Diệm phải tiêu tan để từ nay quân dân miền Nam có thể ngẩng đầu không thẹn với non sông.

Cuộc cách mạng lật đổ chế độ Diệm là kết quả tổng hợp và chung quyết của nhiều sức mạnh, mà **sức mạnh lớn nhất là sự căm phẫn tích lũy từ nhiều năm của nhiều người**. Chín năm cai trị là gần chín năm bạo trị, mười lăm triệu đồng bào là gần mười lăm triệu nạn nhân; quân đội và phong trào đấu tranh của Phật giáo chỉ là những lực lượng có cơ duyên và phương tiện để thi hành bản án mà gần 15 triệu đồng bào đã tuyên án từ gần 9 năm qua.

Cho nên khi làm tròn nhiệm vụ vì dân vì nước đó trong những ngày đầu của tháng 11 năm 1963, quân đội đã được quần chúng tin tưởng và thương yêu đến độ "*Hồ Chí Minh cũng phải công nhận cái uy tín lớn lao của tướng Minh và Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng*" [8]. Và tại Hà Nội, cấp lãnh đạo Cộng Sản Bắc Việt đã phải ý thức rằng:

"*… các tướng lãnh đã được nhân dân tin tưởng trao trọn quyền hành và tin rằng họ độc lập hơn gia đình Diệm-Nhu, vốn đã hành xử như một dụng cụ dễ bảo của chính sách Mỹ. Hà Nội đã lý luận một cách đơn giản: ai lật đổ chế độ bù nhìn thì không thể là bù nhìn được. Hà Nội biết được uy tín lớn lao của các tướng lãnh trong quần chúng từ nhiều nguồn tin khác nhau kể cả từ bản phúc trình của tôi*" [9].

---

[7] Hilaire du Berrier, *Background to Betrayal*, tr. 251, 257, 258.

[8] *The Untold Story of The Road to War in Vietnam*, trong tuần báo US News and World Report (số tháng 10-83).

[9] Mieczylaw Maneli, *War of The Vanquished*, tr. 123.

Tôi về nhà, nằm xuống cố chợp mắt để bù lại một đêm thức trắng căng thẳng hôm qua nhưng vẫn không ngủ được vì những hình ảnh sống động và hân hoan của dân chúng Sài Gòn. Bốn giờ chiều, tôi quyết định trở lại Bộ Tổng Tham mưu. Khi xe ngừng trước công thự chính, tôi thấy một chiếc thiết vận xa đậu xéo trên sân cỏ, cửa sau mở toang, tôi hối hả bước đến gần thấy xác hai ông Diệm Nhu nằm giữa sàn xe.

Nhìn thi thể ông Diệm tôi sững sờ và không tin đó là sự thực, đó là kết quả của quyết định sáng hôm nay của các tướng lãnh sau khi tôi, Thiện và Khang bỏ về. Tôi đứng yên rưng rưng nước mắt rồi đưa tay chào vĩnh biệt người lãnh tụ đã cùng tôi kết ước từ hơn hai mươi năm về trước. Càng thương ông Diệm tôi càng căm giận tập đoàn Cần Lao Công Giáo và những người anh em ruột thịt của ông, vì chính họ đã làm cho ông và tôi tan vỡ mộng ban đầu. Rồi tự hỏi ngày nay tôi thương khóc ông nhưng rồi đây, mai sau, 10 năm, 100 năm, 300 năm nữa thiên hạ ai người nhỏ lệ khóc thương tôi ?

Với thời gian, những tài liệu lịch sử càng lúc càng nhiều và càng có tính thuyết phục để chứng minh rằng dòng họ Ngô Đình, từ cụ Ngô Đình Khả đến anh em ông Diệm, đều đã từng làm tay sai đắc lực cho quan thực dân và Hội Truyền giáo Hải ngoại Pháp. Suốt 10 năm chiến tranh (1946–1954), trong lúc toàn dân hy sinh xương máu cho Độc Lập Tổ Quốc bằng phương thế này hay phương thế khác, thì toàn thể gia đình ông Diệm chỉ làm kẻ đợi thời chờ sung rụng, mà thất bại Điện Biên Phủ của Pháp lại là cơ hội cho riêng ông ta trở lại chính trường.

Không xuất sinh như một anh hùng tạo thời thế hay như một nhà cách mạng xả thân vì dân vì nước, mà chỉ nhờ những cuộc vận động với ngoại bang mà ông Diệm được nắm chính quyền như kẻ được "*ăn cỗ sẵn*" (chữ của ông Hồ Sĩ Khuê, một cộng sự viên cũ của ông Diệm) từ khi Hiệp ước Genève ra đời năm 1954 cho đến năm 1963.

Là một chánh khách may mắn hơn tất cả những người khác của phe Quốc gia, khi lên cầm quyền gặp được đủ yếu tố "Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa", lại được Đại Cường Quốc Hoa Kỳ yểm trợ đủ mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, xã hội, tài chánh, đáng lẽ đó là cơ hội cho ông Diệm thực hiện chính sách vì nước, vì dân: Đoàn Kết, Tự Do, Dân Chủ, Phúc Lợi, thì ông và gia đình lại chủ trương chế độ Độc Tài, Gia đình trị, Tôn giáo trị với đường lối áp bức, bóc lột, tham nhũng, khinh thường và chà đạp nhân dân. Nhiều người từng là bạn thân, từng là đồng chí, cán bộ, ân nhân, hoặc là nhân tài của đất nước đã giúp đỡ ông, đã hy sinh cho ông khi ông còn sa cơ thất thế cũng trở thành nạn nhân của ông hay kẻ thù của ông.

Thế rồi, năm 1963, khi anh em ông xuống tay triệt hạ một tôn giáo dân tộc có 2000 năm lịch sử và tín đồ chiếm 80% dân số, khi ông bất lực, bất tài để cho Việt Cộng chiếm trọn 85% thôn xã miền Nam (con số do chính một cựu tỉnh trưởng bà con với ông nêu ra), thì anh em ông lại âm mưu bắt tay với ông Hồ Chí Minh, và nhờ cậy De Gaulle để bán đứng miền Nam cho Cộng sản Hà Nội, hành động mà một linh mục người Bỉ bạn thân với gia đình ông gọi là chủ trương "sau ta là cơn Hồng thủy". Quả thật tội ác của nhà Ngô và chế độ Cần Lao Công Giáo không bút mực nào tả xiết khi họ đưa đất nước đến suy vong không tài nào cứu chữa nổi như lời trách oán của Nguyễn Trân, một thuộc hạ cũ của ông trong cuốn Hồi ký "*Công và Tội*" mới được phát hành năm 1993 tại Hoa Kỳ.

Chính cựu luật sư, cựu Nghị sĩ Nguyễn Văn Chức, một trí thức Thiên Chúa giáo cũng viết trong cuốn sách gọi là "*Việt Nam Chính Sử*" rằng:

Chế độ Ngô Đình Diệm là một chế độ độc đoán. Cũng không ai chối cãi rằng Đệ Nhất Cộng Hòa đã có những lạm dụng lộng hành nhớp nhúa. Và cả tội ác nữa. (tr. 48-49).

Và người bạn thân của ông Chức, một nhà báo tên tuổi mà cũng là một trí thức Thiên Chúa giáo là ông Đinh Từ Thức cũng đã đưa ra nhận xét:

Như đã trình bày nhiều lần, tình hình đất nước năm 1963 đã tồi tệ đến mức hầu như mọi người đều mong muốn phải có một cuộc cách mạng để thay đổi thời thế. ("*Đọc Hồi ký Đỗ Mậu*", Văn Nghệ Tiền Phong số 281).

Và cách mạng đã xảy ra thật như nhận xét của họ Đinh. Năm 1963, cách mạng đã do Dương Văn Minh lãnh đạo để lật đổ nhà Ngô sau nhiều lần vùng lên nhưng thất bại của các tổ chức quân sự có, dân sự có. Cách mạng đã đáp ứng nguyện vọng của toàn dân đến nỗi suốt ba ngày liền, từ thủ đô Sài Gòn đến một số tỉnh thị, nhân dân đã xuống đường chào mừng cách mạng thành công trong việc lật đổ nhà Ngô.

Ký giả Hoa Kỳ Neil Sheehan cũng phải viết "*Suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, chưa một lần nào quân đội quốc gia được đồng bào của họ nhiệt liệt hoan hô như cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm.*"

Sự thật của lịch sử rõ ràng như vậy đó, thế mà ông Nguyễn Văn Chức lại dùng những luận điệu hết sức lỗ mãng để nhục mạ các tăng sĩ Phật giáo đã đấu tranh cho sự sống còn của tôn giáo mình, và nhục mã các tướng lãnh đã tham dự cách mạng 1963 mặc dù sau này, chính ông Chức cũng đã từng là nghị sĩ dưới chế độ của các tướng Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, v.v… những tướng lãnh đã tham dự tích cực vào cuộc lật đổ chế độ Diệm.

Lịch sử thế giới cho thấy rằng mọi cuộc chính biến nhằm thay đổi giai cấp lãnh đạo của nhiều triều đại, nhiều chế độ bằng những cuộc binh biến, đảo chánh hay cách mạng, v.v… thì những tổ chức hành sự không thể nào tránh khỏi những vấp váp, lỗi lầm tùy theo cường độ và bản chất của mỗi biến cố.

Năm 1963, với tình hình hết sức phức tạp, với những ân oán hận thù do chế độ Diệm để lại, với sự chia rẽ quá trầm trọng giữa những tôn giáo miền Nam, các tướng lãnh Việt Nam do Dương Văn Minh cầm đầu cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, những sai lầm, những hành động ấu trĩ hay thiếu ý thức chính trị. Đáng lẽ nhà phê bình lịch sử phải có cái nhìn vô tư, phải có những so sánh, đối chiếu các sự kiện và biến cố để những phán xét được công minh, thì ngược lại, ông Nguyễn Văn Chức với đầu óc thiên kiến, bằng luận điệu xảo quyệt, bằng ngôn từ lỗ mãng, chỉ biết "vạch lá tìm sâu", chẻ sợi tóc làm tư để chỉ trích các tướng lãnh mà không đề cập gì đến những hậu quả do chế độ Diệm để lại, vốn là nguyên nhân đưa đến sai lầm cho nhóm Dương Văn Minh.

Lời chỉ trích của ông Chức thì nhiều, ở đây tôi đưa ra hai điểm nặng nề nhất, gay gắt nhất, lỗ mãng nhất để phân tách và đối chiếu trong mục đích quét sạch những bụi bặm dơ bẩn đang làm vẩn đục tấm gương Sự Thật.

- Về cái chết của ông Diệm, ông Chức viết như sau:

Có người lại nghiêm khắc phê phán nhóm tướng lãnh là mọi rợ. Ông Diệm đã ra đầu hàng với sự thỏa thuận của các tướng lãnh. Ông Diệm phải được đối xử như một kẻ đầu hàng. Nếu nhóm tướng lãnh đảo chánh không coi ông Diệm là một Tổng thống đầu hàng, thì ít nhất nên có cái mã thượng và phẩm cách của người quân nhân "thắng trận" để đối xử với một hàng binh. Cùng lắm, họ có thể đưa ông Diệm ra tòa án để công lý tùy nghi định tội. Tại sao lại phải giết một cách lén lút và hèn hạ như vậy?" Câu trả lời là những kẻ đó không có chính nghĩa. Vì vậy phải hèn hạ, phải giết lén, phải nói dối, phải chối tội và đổ tội lẫn cho nhau. ("*Việt Nam Chính Sử*", tr. 88).

Về nguyên tắc, tôi đồng ý với ông Chức: những kẻ giết lén là những kẻ hèn hạ. Nhưng xin hỏi luật sư và nhà chính trị Nguyễn Văn Chức: Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ theo lệnh ông Diệm đi kêu gọi Ba Cụt về nói chuyện thương thuyết đầu hàng. Nhưng rồi Ba Cụt bị lừa gạt, bị bắt ra tòa án quân sự, bị kết tội tử hình. Ba Cụt xin ân xá nhưng bị Tổng thống Diệm bác đơn. Sau khi thọ hình, xác Ba Cụt không được trả về cho thân nhân chôn cất mà đã bị chặt ra từng khúc đem dấu để không còn vết tích gì cho dân Hòa Hảo lập đền thờ được nữa. Theo đúng luật pháp, một khi tử tội bị thọ hình, xác phải được trả về cho thân nhân, việc mà luật sư Nguyễn Văn Chức phải biết rõ hơn ai hết. Tại sao anh em ông Diệm, những kẻ tự xưng là ngoan đạo không ngớt cầu kinh Chúa, những kẻ được đồng đạo tôn vinh là Nho phong, là Khổng Mạnh, những kẻ tự xưng là Cha đẻ của

thuyết Nhân Vị… lại bội ước, lại hèn hạ, lại xuống tay một cách độc ác, tàn bạo, bất nhân đối với một chiến sĩ quốc gia, một anh hùng chống Cộng, một tín đồ trung kiên của một tôn giáo dân tộc, có hai triệu tín đồ? Thì với tâm địa hiểm ác như vậy, với thủ đoạn tàn độc như vậy, cách thế nào đối phó với hai ông Diệm–Nhu cũng chính đáng cả.

Trên mặt đấu tranh chính trị cũng như tiến hành cách mạng, đập đầu một con rắn độc, dù rắn có bị thương hay không, thì "lén" hay "không lén"đều nên làm cả. Và chỉ có kẻ tâm lượng hẹp hòi mới thông qua hành động "đánh lén" để phóng đại những suy diễn của mình về một biến cố lớn của Lịch sử và Dân Tộc đầy chính nghĩa.

Sau năm 1975, Lực lượng Hòa Hảo Hải ngoại đau thương cho cái chết oan khiên của người đồng đạo của mình đã viết lại "*Vụ Án Ba Cụt*" trên tạp chí *Đuốc Từ Bi* (số 25, tháng 2/1987), tiếng nói chính thức của lực lượng, dưới ngòi bút của vị Tổng thư ký lực lượng là cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam. Bài báo đó cũng được nhiều tạp chí, tuần báo, nhật báo khác đồng tình trích đăng lại.

Trong bài báo, cả ông cựu Biện lý Lâm Lễ Trinh và nhất là ông cựu Luật sư Trần Sơn Hà đều quy cho ông Diệm là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của một anh hùng chống Cộng ở miền Tây. Để kết tội ông Diệm, luật sư Hà còn viết: "*Khi chính trị đã xen vào Tư Pháp thì Công lý đội nón ra đi*", rồi kết luận:

Nếu lúc đó Tổng thống Ngô Đình Diệm đừng vì mục tiêu thống nhất quân đội mà giết chết Thiếu tướng Lê Quang Vinh, thì hôm nay trong công cuộc phục quốc, với hạ tầng cơ sở của Dân Xã, với khả năng và tinh thần chống Cộng can đảm hăng say, tướng Lê Quang Vinh, nếu như ông còn sống, sẽ đóng một vai trò không nhỏ vào công cuộc kháng chiến tại quốc nội để quang phục đất nước, đòi chủ quyền trong tay Cộng sản lại cho Dân Tộc.

Ông cựu Biện lý Lâm Lễ Trinh cũng cho biết không hiểu lý do tại sao Tổng thống Diệm đã bác bỏ đơn xin ân xá. Người ta còn biết khi đưa tội nhân ra pháp trường tại Cần Thơ, Tổng thống Diệm còn cho một linh mục đi theo làm lễ mặc dù Lê Quang Vinh chỉ xin biện lý một nhà sư mà thôi.

Ngoài tội ác đối với Lê Quang Vinh, anh em ông Diệm còn nhúng tay vào máu một cách đê hèn, khi cho giết lén, khi cho lệnh bỏ xác vào bao bố rồi trấn nước xuống sông nhà Bè nhiều chiến sĩ quốc gia, nhiều nhân vật chính trị yêu nước trong đó có những ân nhân của ông Diệm như lãnh tụ Nguyễn Bảo Toàn, như chiến sĩ Tạ Chí Diệp. Tại sao ông Diệm đang ngồi trên Hiến Pháp, trong một quốc gia có luật pháp kỷ cương, có công an, quân đội,… mà lại ra lệnh giết lén người quốc gia, lại còn giấu xác các nạn nhân không thông báo cho thân nhân của họ lo việc chôn cất thờ cúng. Tại sao một Tổng thống được dân bầu lại dùng luật rừng để thủ tiêu mật, để lén trấn nước dân?

Lẽ dĩ nhiên, nếu các tướng lãnh để cho công lý xử tội ông Diệm thông qua Tòa án như trường hợp Ngô Đình Cẩn thì vẫn hơn. Và kết quả - đứng về mặt lịch sử - cũng sẽ không có gì thay đổi. Còn đứng về mặt chính trị, nếu biết rõ chế độ Ngô Đình Diệm với những công cụ chính trị sắt máu và công cụ bạo lực tàn nhẫn của nó, nhất là nếu biết rõ tâm địa lạnh lùng, tính tình cao ngạo của anh em họ Ngô, thì việc làm của Dương Văn Minh có thể hiểu được. Cuối cùng, và đây là điều quan trọng nhất, phải nhìn thảm kịch này dưới ánh sáng triết lý Đông phương với luật Oan oan tương báo, thì mới thấy vì ông Diệm, vì ông Nhu, vì ông Cẩn và xa hơn nữa, vì ông Khả, đã từng xuống tay giết lén, hạ độc nhiều người, kể cả những người vì dân vì nước, cho nên ông đã phải trả cái nợ đó mà thôi. Hành động của ông Minh đã giúp ông Diệm giải được bao nhiêu oan nghiệt cho dòng họ Ngô Đình là điều ta nên suy gẫm. Và những người như ông Chức, vì theo Thiên Chúa giáo, lại càng phải suy gẫm nhiều hơn mới biết được.

- Vụ thứ hai là vụ ba triệu bạc mà tướng Trần Văn Đôn nhận của Trung tá Conein trong ngày 1/11/1963. Vụ này chính tôi, vì thực lòng nhất định muốn tìm hiểu sự thật, nên đã nêu ra trong hồi ký của mình để chất vấn tướng Đôn. Và sau đó, trong Hồi ký "*Việt Nam Nhân Chứng*", tướng Đôn đã trình bày cặn kẽ số tiền kia được chia cho ai (tướng Đôn và cả tôi đều không hề sử dụng gì số tiền ấy cả). Và dù tôi là một thành viên quan trọng trong

biến cố 1/11/1963, tôi cũng đã chân thành nói thẳng rằng việc tướng Đôn lấy số tiền ba triệu bạc của CIA – dù số tiền chẳng đáng là bao – vẫn làm tì vết ít nhiều đến ý nghĩa của cuộc Cách mạng 1963.

Nhưng ông Nguyễn Văn Chức với tâm địa hẹp hòi cố chấp đã lợi dụng vụ ba triệu bạc đó để mặt sát tướng lãnh đảo chánh một cách tàn tệ. Ông Chức viết:

Cuộc tạo phản ấy đã được thi hành bởi những tay sai bản xứ. Những kẻ này đã ngửa tay nhận tiền của ngoại bang. Và đảo chánh xong rồi họ đã chia nhau số tiền ấy, mặc dù chẳng được bao nhiêu.

Gọi đó là "cuộc tạo phản", ông Chức đã xác nhận chính quyền Ngô Đình Diệm do Thiên Chúa giáo Mỹ "bồng" về làm tay sai bản xứ cho chính sách chống Cộng của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á, thì không ai được phản lại dù chính quyền đó "lộng hành, nhớp nhúa và cả tội ác nữa" như chính ông đã phê phán. Từ đó, có tung hô Ngô Đình Diệm như ông là sẽ được tiếng trung thần yêu nước.

Viết rằng "được thi hành bởi tay sai bản xứ", ông Chức gian xảo gói trọn cả một cuộc vận động lịch sử trong màn chót của nó mà không lý đến những nguyên ủy sâu xa khác của chính tình miền Nam, lại càng không đếm xỉa đến các lực lượng tôn giáo, đảng phái, trí thức, sinh viên khác đã đẩy cơn phẫn nộ của toàn dân lên đến cao điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho Quân đội dứt điểm phút cuối cùng. Chỉ mặt trăng, ông Chức chỉ thấy ngón tay nên suy nghĩ nông cạn, viết lách gian hiểm là thế đấy. Lại cho rằng "ngửa tay nhận tiền ngoại bang" làm như chỉ với ba triệu đồng là có thể vận động rồi tổ chức được một cuộc cách mạng lật đổ nhà Ngô. Chế độ Ngô Đình Diệm đâu có "rẻ" thế, và quan trọng hơn cả, nhân dân Việt Nam đâu có "rẻ" thế. Chế độ Diệm "ngửa tay" nhận biết bao nhiêu tiền của Mỹ mà có mua được lòng dân đâu! Quả thật văn là người. Chỉ một câu văn ngắn mà đã bộc lộ ra rõ ràng và đầy đủ tâm địa và trình độ của một người!

Mọi cuộc cách mạng đều không ít thì nhiều phải có máu đổ, máu của ta hay máu của địch, phải có máu đào tưới hoa cách mạng. Ngày Cách mạng 1–11–1963 cũng không vượt khỏi quy luật lịch sử đó nhưng đã không có tắm máu, không có những cuộc trừng phạt khốc liệt.

Trong chín năm cầm quyền, chế độ Diệm đã thủ tiêu mạng sống của biết bao nhiêu người của đảng phái tôn giáo, ân nhân, đối lập chính trị và cả những người dân lành không làm hại gì cho chế độ ngoại trừ cái tội khác đạo hoặc có chút ít tiền của. Tất cả tội ác tích lũy đó đã được quân bằng chỉ với cái chết của ba anh em Diệm–Nhu–Cẩn. Họ đã chết vì quy luật lịch sử và cách mạng muốn thế, họ đã chết vì luật nhân quả nhãn tiền muốn thế, họ đã chết không những vì tội ác của chính họ mà còn để đền tội thay cho tập đoàn Cần Lao Công Giáo cũng độc ác không kém họ, nhưng sau này lại được lực lượng cách mạng khoan hồng.

-o0o-

Trở lại văn phòng của tướng Khiêm, khi đi ngang căn phòng nhốt Lê Quang Tung và em là Lê Quang Triệu tối hôm qua, tôi chỉ còn thấy một mình Đỗ Thọ đang bị giam tại đó nên bảo viên trung sĩ quân cảnh để cho Thọ tự do ra về. Khiêm và tôi đang ngồi kiểm điểm tình hình thì có điện thoại báo cho biết bác sĩ Trần Kim Tuyến đã từ Hồng Kông về và hiện đang đợi ở phi trường Tân Sơn Nhất. Khiêm liền bảo thiếu úy Nguyễn Bá Quang lấy xe đi đón.

Bác sĩ Tuyến tuy nhận lệnh lên đường đến nhiệm sở mới là Ai Cập nhưng ông chỉ đến Bangkok thì ngưng lại đợi ngày đảo chánh vì ông vẫn tưởng kế hoạch chọn ngày Quốc Khánh (26–10–1963). Sau đó không tin ở Bangkok, ông bèn bay qua Hồng Kông và sau khi đích xác biết chắc chế độ Diệm đã hoàn toàn sụp đổ, ngày 2 tháng 11 ông trở về Sài Gòn. Vừa gặp chúng tôi chưa kịp chào hỏi, ông đã nói ngay "*Thật là định mệnh*".

Định mệnh nào đã an bài cuộc đời của ông Diệm để cho những năm cuối cùng của chính cuộc đời đó, các anh em ông đã hành xử như những tên bạo chúa, múa may theo những hệ lụy bất nhân. Định mệnh nào đã thôi thúc

anh em ông xuống tay hạ độc thủ với ân nhân, với bạn bè, với cả những cộng sự viên thân tín. Định mệnh nào đã đẩy ông Diệm lên làm nguyên thủ quốc gia với quyền hành tuyệt đối để anh em ông tiến hành những chính sách tác hại không phải cho một người mà cho cả một dân tộc. Và định mệnh nào đã oan nghiệt đẩy anh em ông bước sâu vào vũng bùn tội lỗi khi dùng bạo lực để hủy diệt một tôn giáo chỉ biết có tình thương, và dùng gian kế để đem nửa phần đất còn lại của dân tộc bán đứng cho Cộng Sản miền Bắc.

Nếu đứng trên sử quan Thiên Chúa giáo thì định mệnh đó được hiểu là ý Chúa, và cái chết của ông Diệm là kết quả chung quyết của những từ khước các dịp thử thách mà trước đó Chúa đã cho ông. **Ý Chúa đã muốn thế nên kết quả phải là thế.** Cát bụi lại trở về cát bụi!

Giáo lý đạo Phật nhìn cái chết của riêng ông Diệm một cách khác.

Cái chết thê thảm và tủi nhục đó chỉ là kết quả tổng hợp của những nhân duyên và nghiệp chướng triền miên, một phần từ nhiều kiếp nhưng đặc biệt là do trong kiếp này gây ra. Những cộng nghiệp và trợ duyên tác động chung quanh chỉ làm sâu sắc hơn bản chất những việc làm của ông trong đời này mà thôi. Ông đã tự do làm chủ đời ông thì ông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hệ quả của nó. Nhưng cũng trong ánh sáng của giáo lý đạo Phật thì chết là giải thoát, chết là trở về với một đời sống mới trong một "thân tứ đại" mới. Thân xác vốn được cấu tạo bởi những tế bào vô ngã và vô thường, chỉ một hơi thở mong manh là trở thành "nhất điểm hồng trần".

Do đó, cái chết của ông Diệm trong quan điểm Phật giáo dù gọi ông là Tổng thống hay là bạo chúa, xem ông là "lãnh tụ anh minh" hay "tội đồ dân tộc", cũng có giá trị như cái chết của bất kỳ một người bình thường khác mà thôi. Có khác chăng là **trong chiều dài lịch sử và trong chiều rộng nhân thế, ông đã để lại tủi nhục và đau buồn cho một số người nào đó trong một khoảng thời gian nào đó.**

Riêng đối với tôi, tuy cái chết của ông Diệm lúc bấy giờ có làm bàng hoàng và đem lại cho tôi một mối suy tư sâu đậm, nhưng cuộc cách mạng thành công lại đã cho tôi một niềm vinh dự vô cùng lớn lao.

Nói về việc tôi tham dự vào cách mạng lật đổ chế độ Diệm, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã viết:

Tình hình phe dự mưu đảo chánh hết sức phức tạp. Có rất nhiều tổ chức chống đối nhà Ngô.

Một số người đã từng theo Diệm từ trước khi Diệm nắm chính quyền năm 1954 và đã từng đóng góp một vai trò tích cực trong việc củng cố chế độ nhà Ngô lúc mới bắt đầu. Nhưng họ dần dần trở thành đối lập vì bất mãn với thái độ vợ chồng Nhu và vì họ thấy rõ cái mối nguy hại của chính sách nhà Ngô. Nhóm này gồm một số người dân sự và quân sự. Những người nổi bật nhất trong nhóm này là Bác sĩ Trần Kim Tuyến và Đại tá Đỗ Mậu. Đến tháng 9, Tuyến bị ngờ và đưa ra khỏi nước, còn đại tá Đỗ Mậu vẫn được họ Ngô tin tưởng cho đến khi đảo chánh xảy ra.

Sau khi Tuyến đi rồi, nhóm này được Phạm Ngọc Thảo và Đỗ Mậu lãnh đạo. Liên lạc giữa nhóm và người Mỹ thì do Thảo đảm nhận, còn Đại tá Đỗ Mậu lo liệu việc liên lạc với các nhóm Việt Nam khác.

Đại tá Đỗ Mậu biết Diệm từ những ngày xa xưa khi còn chế độ thực dân, thời mà Diệm còn là một vị tỉnh trưởng trẻ tuổi miền Trung Việt Nam trong lúc Mậu phục vụ trong hàng ngũ Bảo An. Ông ta rất trọng Diệm và là một trong số những cán bộ đắc lực nhất giúp đỡ Diệm nắm được và củng cố quyền hành vào những năm then chốt 1954-1955. Tuy nhiên, trong lúc đồng ý với nhà Ngô về chính sách đàn áp Bình Xuyên và các giáo phái thì ông ta không chấp nhận được thái độ của nhà Ngô đối với các đảng quốc gia kỳ cựu. Ông ta coi Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt như những người ái quốc và hợp tác với các đảng này để chống Cộng hơn là chiến đấu với họ như với kẻ thù. Đứng đầu ngành an ninh quân đội đáng sợ, ông ta có thể gây hại nặng nề cho hệ thống đảng viên các đảng phái quốc gia trong quân đội, tuy nhiên ông ta đã che chở cho các sĩ quan thuộc các đảng phái quốc gia bằng cách làm ngơ các phúc trình báo cáo về các sĩ quan này. Khi ông ta bắt đầu âm mưu chống

lại chế độ Diệm, ông ta đã thành công trong việc ru ngủ Nhu cho đến phút cuối cùng hoàn toàn không biết gì về thực lực của thành phần chống đối trong quân đội. [10]

Nhắc lại lời của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một nhân chứng thời cuộc như thế, một nhân chứng am hiểu rất rõ tình hình Việt Nam, một nhân chứng nhiều kinh nghiệm đấu tranh và ý thức chính trị cao của phe quốc gia, để nói rằng Cách mạng 1–11–63 không chỉ là một nối tiếp hào hùng của truyền thống cách mạng dân tộc mà về phần tôi còn là thể hiện một sự nghiệp tràn đầy vinh dự. **Tôi đã hiến thân cho một chí sĩ Ngô Đình Diệm nhưng tôi đã không chịu làm kẻ ngu trung cho một Ngô Đình Diệm phản bội quê hương giống nòi.**

Vinh dự cách mạng 1–11–63 đã đến với tôi ngay khi tiếng súng Cách mạng vừa nổ, khi cả thủ đô Sài Gòn xuống đường chào mừng Cách mạng thành công, khi nhiều tổ chức thanh niên sinh viên, hùng dũng đi biểu tình "đả đảo nhà Ngô, hoan hô quân đội, và hoan hô Đại tá Đỗ Mậu". Vinh dự hơn nữa khi ông Lê Phước Sang, đại diện tướng Hòa Hảo Nguyễn Giác Ngộ cùng với ông Nguyễn Tường Bá, đại diện gia đình văn hào Nguyễn Tường Tam, đến tận nhà để tỏ lời ca ngợi và cảm ơn tôi đã đạp đổ được một chế độ phản bội dân tộc. Ông Nguyễn Tường Bá đã tặng tôi bức chân dung của văn hào và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam với bút tích: "Đời tôi chỉ có lịch sử xét xử. Việc đem các đảng đối lập ra xử trị là việc làm mất nước về tay Cộng Sản. Tôi tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do dân chủ".

Lãnh tụ Nguyễn Tường Tam quyết định quyên sinh để cảnh cáo chế độ và để thúc giục đồng bào đứng lên can trường đấu tranh. Còn tôi lật đổ chế độ là để dân khỏi khổ, nước khỏi mất, tức là một mặt nào đó chu toàn cái di chúc cách mạng của văn hào Nguyễn Tường Tam. Hai hành động đó, tuy khác nhau về hình thức và cách nhau gần 4 tháng, nhưng về ý nghĩa thì chỉ là một: **làm một người Việt Nam yêu nước thương nòi.**

Nhưng vinh dự cho tôi còn lớn lao hơn nữa là sau 1963, ba năm liền, cứ đến chiều mồng một tháng 11, Thượng Tọa Thích Tâm Châu lại đích thân đến nhà riêng ngỏ lời cảm ơn đã có công giải thoát gông cùm cho Phật giáo nói riêng và dân tộc nói chung, dù Ngài là một Viện trưởng Viện Hóa Đạo mà tôi chỉ là một Phật tử tầm thường.

-o0o-

Lật đổ một chế độ như chế độ công an trị Ngô Đình Diệm không phải là chuyện dễ dàng. Chế độ Diệm với bộ máy mật vụ và đảng viên Cần Lao mà lòng trung thành tuy chỉ được xây dựng trên đặc quyền đặc lợi, bao quản bạo trị, nhưng lại nhiệt tình làm tai mắt cho chính quyền khắp hầu hết đơn vị quân đội, hầu hết cơ quan công quyền, hầu hết bộ phận sinh hoạt của xã hội, nhất là khi bị dồn vào thế cùng. Nhìn từ khía cạnh khoa học tổ chức và so sánh tương quan lực lượng, mà trong đó yếu tố bảo mật là quan trọng nhất, thì trong suốt thời kỳ vận động và tổ chức ngày cách mạng, hai ông Nhu–Diệm đã nắm phần ưu thế tuyệt đối.

---

[10] Tài liệu "*The Story of Ngo Dinh Diem's Overthrow and Murder*" của Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy sẽ được đăng vào "Displaced Person", Centre Information Service, mục "Understanding VN". Giáo sư Huy đã có nhã ý tặng tác giả một phó bản tài liệu này sau khi ông viết xong vào cuối năm 1979. Tài liệu của Giáo sư Huy chứa đựng nhiều sử liệu chính xác chưa bao giờ được tiết lộ. Duy có vài chi tiết liên quan tới tác giả cần phải bổ túc:

a. Tác giả không phải đã theo ông Diệm từ thời ông Diệm còn là một Tỉnh trưởng, mà đã theo vào năm 1942, nghĩa là 10 năm sau khi ông Diệm từ chức Thượng thư Bộ Lại.

b. Tác giả không phải đã đồng ý hoàn toàn với nhà Ngô trong việc đàn áp tất cả các giáo phái mà chỉ đồng ý việc triệt hạ nhóm Bình Xuyên mà thôi.

Họ có năm cơ quan an ninh tình báo mà lồn nổi và một chìm: Nổi là Công An Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt, và Sở Nghiên Cứu Chính Trị, còn chìm là hệ thống Đảng viên Cần Lao và các bộ phận mật vụ tình báo phụ thuộc. Tất cả như thiên la địa võng, như tai vách mạch rừng bao vây lấy các nhân sự và hoạt động chống đối. Họ có Ngô Đình Nhu tuy bất lực trong việc quản trị quốc gia nhưng lại xuất sắc trong các âm mưu và thủ đoạn tiêu diệt đối lập, nhất là bản chất vốn lạnh lùng và tàn ác không một chút do dự. Họ lại có những cấp thuộc hạ thi hành mệnh lệnh một cách mù quáng và có những phương tiện của quốc gia muốn sử dụng, muốn tiêu xài bao nhiêu cũng được.

Trong khi đó thì lực lượng cách mạng chỉ là một sự phối hợp của nhiều tổ chức và đoàn thể phức tạp, tuy cùng chí hướng và mục tiêu nhưng lại thiếu sự đồng nhất về nhân sự và thống nhất về kế hoạch. Họ còn phải làm việc trong một tinh thần cảnh giác quá độ vì sợ nội tuyến của chính quyền và vì bị trói buộc trong tính chất bất hợp pháp nguy hiểm của công tác. Thế mà cách mạng vẫn thành công, ngày 1 tháng 11 năm 1963 vẫn là một ngày hội lớn, một ngày vàng son trong dòng sinh mệnh cách mạng Việt Nam.

Sự thành công đó rõ ràng đã không phải nhờ tổ chức giỏi hơn hay lực lượng mạnh hơn mà thật sự chỉ nhờ ba yếu tố: *thứ nhất* là sự đồng tâm nhất trí của tất cả mọi tổ chức hay cá nhân tham gia lực lượng cách mạng, *thứ hai* là sự yểm trợ trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực của toàn quân toàn dân mà ước nguyện chung lật đổ chế độ độc tài là ước nguyện cao nhất và lớn nhất; và *thứ ba* là đầu óc chủ quan, tinh thần thiếu thực tế và bản chất cao ngạo của Ngô Đình Nhu, người chủ trương một kế hoạch đảo chánh giả để tiêu diệt cuộc "đảo chánh" thật. Nhưng bao trùm lên trên những yếu tố thuận lợi đó dĩ nhiên là nhờ cuộc cách mạng đó đã được phát động hợp lòng dân, hợp thời đại và hợp với truyền thống cách mạng. Và đó mới là điều đáng kể nhất.

Cuộc Cách Mạng ngày 1-11-63

Trích từ: Nguyệt san **Minh Tân** bộ mới số 7 (ngày 25/11/63)

Cơ quan ngôn luận của **Hội Khổng Học**
Việt Nam-Sài Gòn.

Lời Tòa soạn

Cuộc cách mạng ngày 1-11-63 do Quân đội Việt Nam Cộng hòa lãnh đạo đã thành công trong công việc lật đổ chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm.

Cơn ác mộng đè nặng trên đầu dân tộc Việt Nam suốt trong 9 năm trường đã qua rồi.

Chúng ta nhìn về đàng trước với một niềm phấn khởi vô biên, một chế độ mới, hợp với nguyện vọng nhân dân đang được xây dựng.

Lực lượng kiến tạo nền tảng của chế độ mới, Quân đội Cộng hòa Việt Nam do Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng lãnh đạo đã lấy máu xương dựng lên trang sử oai hùng, xứng đáng với niềm tin sâu xa của toàn dân và lòng khâm phục của nhân dân thế giới.

Trong 9 năm qua, nhân dân Vệt Nam đã quằn quại dưới bàn tay tàn bạo của gia đình Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai tham nhũng. Chúng đã gây cho nhân dân Việt Nam nhiều nỗi đau thương.

Trong khi mọi người ra sức đấu tranh chống lại tập đoàn Cộng Sản Việt gian do Hồ Chí Minh cầm đầu, thì họ Ngô lùi lại phía sau để đâm lén những nhát dao chí mạng vào lưng những người cách mạng, họ Ngô đã dựa vào cách mạng để tiêu diệt cách mạng, họ Ngô đã dựa vào nhân dân để phản bội nhân dân. Sự thực đó đã hiển nhiên và sáng tỏ như ánh sáng mặt trời. Người ta chưa thể quên được những ngày mà số mệnh họ Ngô leo lét như ngọn đèn trước gió vào năm 1955. Ngày đó Ngô Đình Diệm dựa vào lực lượng Cao Đài và Liên Minh để tồn tại và liền đó địa vị tạm vững vàng, họ Ngô đã cấu kết với thực dân dàn cảnh để hạ sát Trung tướng Trình Minh Thế, một chiến sĩ quốc gia ưu tú. Đi sâu mãi vào con đường tội lỗi, năm 1956 họ Ngô đã lợi dụng lòng tin của các chiến sĩ giáo phái Hòa Hảo để bắt và hạ sát Thiếu tướng Lê Quang Vinh. Từ đấy, với một quyền hành được củng cố, họ Ngô mặc tình thao túng, giả danh luật pháp để loại khỏi chính trường không biết bao nhiêu người cách mạng chân chính quốc gia.

Tới khi họ Ngô làm lễ kỷ niệm 9 năm chấp chánh thì nhân dân Việt Nam đã phải trải qua không biết bao nhiêu điều đau đớn, phải gánh nhận không biết bao nhiêu tang tóc bi thương. Toàn thể nhân dân Việt Nam đều có với họ Ngô một mối nợ máu cần phải trang trải và bộ mặt thật của họ Ngô đã bị lột trần bởi những bàn tay vấy máu của họ. Vụ đàn áp Phật giáo, chà đạp lên quyền tự do tín ngưỡng do họ Ngô chủ trương đã gây ra cái chết cho không biết bao nhiêu những con dân đất nước từ Thủ đô đến khắp mọi nẻo hẻo lánh xa xôi. Hành động vô lương tri này của họ Ngô đã khiến một nhà tu hành đức độ là Hòa Thượng Thích Quảng Đức phải đem mạng sống ra làm một lời cảnh cáo. Nhưng ngựa không bao giờ quên đường cũ, họ Ngô đã trắng trợn phỉ báng cái chết anh dũng đầy cao quý của Hòa Thượng Thích Quảng Đức và tiếp tục đàn áp tôn giáo cũng như đàn áp mọi quyền tự do căn bản của nhân dân. Nào bắt bớ tù đày những phần tử ái quốc, khủng bố đàn áp học sinh, sinh viên làm cho nhân dân trong nước và nhân dân thế giới phải ghê tởm trước những hành động bạo ngược và bỉ ổi đó. Mặc cho dư luận quốc tế xôn xao phản đối, mặc cho nhân dân thống khổ rên la, bè lũ họ Ngô không những không nới tay mà lại còn lồng lộn như thú dữ. Chúng lớn tiếng phản đối tất cả dư luận và la là Đông Tây toa rập để chống lại "Việt Nam Cộng Hòa" và cho những hành động đó đều do Cộng Sản xúi giục. Bất cứ ai hễ có hành động chống lại chúng là bị chúng chụp cái mũ cho là Cộng Sản.

Nhưng không vì thế mà nhân dân Việt Nam đành khoanh tay ngồi nhìn để mặc cho chế độ bạo tàn tung tác.

Lửa đấu tranh đòi quyền sống của dân tộc đã bùng lên quá mạnh, không có một sức mạnh bạo tàn nào có thể cản được ngọn lửa ấy.

Các vị tu hành vẫn tiếp tục tự thiêu. Sinh viên, học sinh các giới Phật tử vẫn tiếp tục xuống đường để phản đối một chính quyền bạo tàn, bất chấp cả lưỡi lê và súng. Sự tranh đấu oai hùng của dân tộc đã được thế giới tự do và các nước bạn đặc biệt lưu ý ủng hộ.

Khi nhận thấy bị cô lập, Ngô Đình Diệm và bè lũ thừa biết số phận chúng và chế độ thối nát thế nào cũng bị ngọn lửa đấu tranh của nhân dân đè bẹp tiêu tan, nên chúng đã trắng trợn âm mưu bắt tay với Cộng Sản, kẻ thù của dân tộc để củng cố địa vị.

Quân đội Cộng Hòa Việt Nam có một tinh thần truyền thống bất khuất không thể để quốc gia rơi vào cảnh diệt vong, nên đã anh dũng đứng lên làm cách mạng. Đúng 1 giờ 30 chiều ngày 1-11-63-tiếng súng cách mạng bùng nổ. Chế độ độc tài gia đình trị đã cáo chung, Ngô Đình Diệm và bè lũ đã đền tội. Dân tộc Việt Nam đã bước vào một vận hội mới, dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và Chính phủ lâm thời, đã được toàn dân nhiệt liệt hoan nghênh ủng hộ.

Lời Tòa Soạn Nguyệt San **Minh Tân**

Cơ quan ngôn luận, Hội Khổng Học Việt Nam

Bộ mới số 7 ngày 25-11-1963, Sài Gòn.

Cuộc đảo chánh 1 tháng 11, 1963
và cái chết của ông Diệm

Lê Mạnh Hùng
Tạp chí ***ViệtTide*** (Westminster, California)

Trong suốt tuần cuối của tháng 10, 1963, thành phố Sài Gòn hết sức căng thẳng vì những lời đồn đoán về đảo chánh và phản đảo chánh. Quyết tâm tránh những lỗi lầm xảy ra vào năm 1960 và tháng 8, 1963, các tướng lãnh âm mưu cuộc đảo chánh ra sức chuẩn bị và tìm cách vận động các đơn vị quân đội khác ủng hộ mình chống lại ông Diệm.

Trong khi đó, biết rằng các tướng lãnh đang chuẩn bị một cuộc đảo chánh để lật đổ anh mình, ông Nhu cũng đưa ra một kế hoạch phản đảo chánh mà ông gọi là Operation Bravo. Kế hoạch này bao gồm việc giả vờ bỏ ngỏ Sài Gòn để dẫn dụ các tướng lãnh âm mưu nổi lên trước khi cho quân quay trở về để đè bẹp các lực lượng nổi dậy này.

Trên nguyên tắc, kế hoạch này của ông Nhu hoàn toàn có thể thực hiện được. Một báo cáo của William Colby hôm 29 tháng 10 tại phiên họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ do chí nh Kennedy chủ tọa cho thấy trong số các đơn vị quân đội Việt Nam đóng chung quanh Sài Gòn, khoảng một phần tư trung thành với ông Diệm; một phần tư khác chống và số còn lại được coi như là trung lập. Theo Colby, yếu tố then chốt tùy thuộc vào thái độ của các đơn vị ưu tú nhất của quân đội Việt Nam bao gồm Lữ Đoàn Bảo Vệ Tổng Thống Phủ, các tiểu đoàn Lực lượng Đặc Biệt, Lữ đoàn Nhẩy Dù, Lữ Đoàn Thủy Quân Lục chiến, không quân và một đơn vị thiết giáp. Một nửa những đơn vị này trung thành với ông Diệm trong khi nửa kia chống.

Nhân vật then chốt quyết định cuộc đảo chánh thành công hay thất bại là tướng Tôn Thất Đính. Tướng Đính năm đó mới có 38 tuổi và được coi như là một người thân tín của ông Ngô Đình Cẩn, vốn nắm toàn quyền sinh sát tại miền Trung. Sự bảo trợ của ông Cẩn đã dẫn đến việc tướng Đính được thăng cấp mau lẹ trong quân đội và đã lên đến hàng thiếu tướng vào năm 1961 khi ông mới 35, vị tướng trẻ nhất trong quân đội Việt Nam. Được một phúc trình của CIA nhận định là một con người phù phiếm, tự đắc và đầy tham vọng, ông Đính đã **đổi đạo sang Công Giáo** để được thăng tiến.

Với tư cách là một tướng lãnh thân tín, tướng Đính được trao trách nhiệm chỉ huy Quân đoàn III bao gồm thủ đô Sài gòn với trách nhiệm bảo vệ chống lại các cuộc đảo chánh. Tướng Đính, tướng Huỳnh văn Cao, tư lệnh Quân Khu IV ở phía nam Sài Gòn và đại tá Lê Quang Tung, tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt được ông Nhu coi như là ba tấm lá chắn chống lại các cuộc đảo chánh.

Nhóm đảo chánh bao gồm tướng Dương văn Minh, một tướng lãnh đã lập được nhiều chiến công, nhưng lúc về sau này đã bị gạt sang một bên vì bị nghi ngờ là không trung thành với ông Diệm; tướng Lê văn Kim, được coi như là vị tướng lãnh khôn ngoan nhất trong quân đội nhưng vào lúc đó cũng bị cho ngồi chơi xơi nước và tướng Trần Văn Đôn lúc đó đang làm tổng tham mưu trưởng. Hai tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh Quân đoàn II và Đỗ Cao Trí, tư lệnh Quân đoàn I, cũng ủng hộ cuộc đảo chánh nhưng không đóng một vai trò nào vì ở quá xa.

Theo Stanley Karnow trong cuốn *Vietnam: A History* thì biết rằng cuộc đảo chánh không thể thành công nếu không có sự tham dự của tướng Đính, các tướng đảo chánh tìm cách lợi dụng lòng tham hư danh của tướng Đính bằng cách thổi phồng tướng Đính và xúi dục ông lên đòi ông Diệm chia sẻ với ông quyền lực chính trị. Hậu quả là tướng Đính đã lên gặp ông Diệm và đòi ông Diệm cho ông chức bộ trưởng nội vụ. Nhưng ông Diệm đã không những không chấp nhận cho tướng Đính chức vụ đó mà còn thẳng tay chỉnh ông Đính trước mặt một số đồng nghiệp và ra lệnh cho ông Đinh lên Đà Lạt nghỉ ngơi.

Dù chuyện này có thật hay không, nhưng sự kiện là ông Đính sau đó đã đồng ý gia nhập vào nhóm đảo chánh tuy rằng ông vẫn được ông Nhu tin cẩn và trao trách nhiệm lo tổ chức cuộc phản đảo chánh. Hậu quả là tướng Đính được trao thêm quyền chỉ huy sư đoàn 7, tại Mỹ Tho, đơn vị trước thuộc quyền tướng Huỳnh Văn Cao nhưng nay được trao lại cho tướng Đính để hoàn thành hàng rào bao vây chung quanh Sài Gòn. Tướng Đính đã gởi đại tá Nguyễn Hữu Có xuống chỉ huy sư đoàn này. Ông Có ra lệnh cho chuyển tất cả các phà tại bến phà Mỹ Thuận sang bờ bắc sông Tiền, cắt đứt liên lạc đường bộ với miền Tây. Thêm vào đó, tướng Đính thuyết phục được ông Nhu dời Lực Lượng Đặc Biệt của đại tá Lê Quang Tung ra khỏi Sài Gòn với dự tính sẽ vinh quang quay về dẹp cuộc đảo chánh

Với tất cả những chuẩn bị đó, khi cuộc đảo chánh nổ ra vào ngày 1 tháng 11 các lực lượng của tướng Cao bị cô lập ở bên kia sông Tiền không có phà để qua sông trong khi lực lượng của đại tá Lê Quang Tung cũng bị mắc kẹt ở ngoài Sài Gòn. Các tướng lãnh đảo chánh cũng chuẩn bị để vô hiệu hóa các sỹ quan nào còn trung thành với ông Diệm để ngăn chặn họ không thể tham gia chống đảo chánh. Sáng ngày 1, với tư cách là tổng tham mưu trưởng, tướng Đôn mời nhiều tướng lãnh và đơn vị trưởng các đơn vị mà nhiều người không biết gì về cuộc đảo chánh này, đến họp tại Bộ Tổng tham mưu ở Tân Sơn Nhứt. Khi họ đến nơi thì những người bị nghi ngờ là còn trung thành với ông Diệm lập tức bị bắt giữ với tướng Đôn tuyên bố quân đội làm đảo chánh chống ông Diệm. Trong số những người bị bắt có các vị chỉ huy trưởng Lữ Đoàn Nhẩy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Lực Lượng Đặc Biệt, tư lệnh Không quân, và tổng giám đốc Cảnh sát. Việc bắt giữ này đã có tác dụng rất lớn giúp cho cuộc đảo chánh thành công vì những người này chỉ huy những đơn vị then chốt bên trong và chung quanh Sài Gòn có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp ông Diệm dập tắt cuộc đảo chánh. Hầu hết những người bị bắt sau đó đều đồng ý đi theo cuộc đảo chánh chỉ có đại tá Lê Quang Trung không chịu. Ông Tung sau đó đã bị nhóm đảo chánh xử tử.

Lúc 1giờ 30 chiều ngày hôm đó các đơn vị nổi loạn bắt đầu tiến chiếm các cơ sở công quyền như đài phát thanh, bưu điện và lập các nút chặn chung quanh Sài Gòn phòng ngừa các đơn vị trung thành về giải cứu. Đến chiều thì chỉ còn có dinh Gia Long do Lữ Đoàn Phòng Vệ Tổng thống phủ bảo vệ là còn nằm trong tay ông Diệm. Trong những giờ phút sau đó, phe đảo chánh tìm cách thuyết phục ông Diệm từ chức và đi lưu vong ở nước ngoài, nhưng ông Diệm từ chối và tiếp tục kêu gọi các đơn vị trung thành với mình về giải cứu.

Đến lúc mặt trời lặn, Sư đoàn 5 của Đại tá Nguyễn văn Thiệu bắt đầu mở cuộc tấn công vào dinh Gia Long. Trong cuộc đảo chánh hụt vào tháng tám, theo CIA, thì ông Thiệu được coi là trung thành với ông Diệm và ông Nhu. Đặc biệt, theo báo cáo của CIA, ông Thiệu là một người "ủng hộ ông Nhu rất mạnh". Chính ông Thiệu đã cứu cho ông Diệm trong cuộc đảo chánh thất bại năm 1960 khi ông đưa quân Sư đoàn 7 lúc đó do ông chỉ huy về Sài Gòn . Theo Lucien Conein, một nhân viên của CIA đã từng hoạt động ở Việt Nam từ Thế chiến thứ hai, thì trong cuộc đảo chánh năm 1963 này ông Thiệu đầu tiên cũng không hoàn toàn ủng hộ phe đảo chánh và chỉ nhẩy vào sau khi thấy rằng Hoa Kỳ không còn ủng hộ ông Diệm như trước nữa.

Đến sáng sớm ngày 2 tháng 9 các lực lượng bảo vệ dinh Gia Long đầu hàng. Nhưng khi vào được dinh Gia Long rồi, các lãnh tụ đảo chánh bỗng bối rối khi thấy ông Diệm và ông Nhu không có mặt ở đó. Và những người Mỹ đi theo họ cũng bối rối không kém. Theo tướng Đôn, Conein, vốn có mặt tại bộ Tổng tham mưu trong suốt thời gian đảo chánh này, cứ nhắc đi nhắc lại "Hai người này đi đâu? Phải bắt giữ họ bằng bất cứ giá nào. Không đập trứng thì làm sao làm được trứng tráng"

Tất cả họ đều biết rằng nếu ông Diệm ra thoát được, ông có thể chạy tới những đơn vị trung thành ở các nơi khác hoặc là sang một nước láng giềng từ đó tìm cách quay trở lại chống chính quyền mới.

Những ngày cuối cùng của Đệ Nhất Cộng Hòa

Những khuyến cáo của phái đoàn Taylor-McNamara được Kennedy chấp nhận vào ngày 5 tháng 10, 1963 và được Mỹ áp dụng coi như là căn bản của chính sách đối với chính phủ của ông Diệm. Trong những tuần sau đó, chính quyền Kennedy bắt đầu thực hiện chính sách làm "những áp lực chọn lựa" đối với chính phủ ông Diệm.

Thoạt đầu những áp lực này có vẻ mang lại một sự nhượng bộ nào đó từ phía hai ông Diệm - Nhu. Ông Nhu bắn tiếng với Lodge rằng ông sẽ rút lui hoàn toàn khỏi chính trường nếu Mỹ cũng đưa ra khỏi Việt Nam một số những điệp viên mà hiện đang tiếp xúc với "những kẻ phản bội tiềm tàng". Ông Nhu nói "Ai cũng biết mấy tên này là ai". Đồng thời ông Diệm cũng gởi cả bà Nhu lẫn Đức tổng giám mục Ngô Đình Thục đi ngoại quốc.

Nhưng khi đại sứ Lodge đến gặp ông Diệm tại dinh Gia Long mọi chuyện trở nên khó khăn hơn. Trong cuộc gặp gỡ ông Lodge cho ông Diệm biết về sự chống đối gia tăng đối với chính phủ Việt Nam tại Mỹ. Đại sứ Lodge nói thêm rằng "Theo quan điểm cá nhân của tôi, nếu không có một sự thay đổi nào về chính sách thì việc cắt viện trợ là một chuyện rất có khả năng xảy ra. Theo hồi ký của Lodge, đây là lần đầu tiên ông nói thẳng với ông Diệm rằng ông Nhu cần phải ra đi "Ông Nhu cần phải làm một chuyến đi dài, ít nhất tới tháng chạp mới nên trở về, sau khi Quốc Hội Mỹ bỏ phiếu thông qua xong Ngân sách chuẩn chi."

Những đe dọa của đại sứ Lodge cùng với những chỉ trích ông Nhu từ phía những nhà báo và quan chức Mỹ đã khiến cho việc ông Nhu ra đi trở thành một vấn đề thể diện quốc gia đối với ông Diệm. Ông Nhu đã nói ông sẵn sàng rời bỏ chức vụ và nếu để từ từ có thể ông sẽ ra đi. Nhưng nay trước đòi hỏi công khai của Mỹ, ông Diệm quyết định nhất quyết giữ ông Nhu lại. Theo Scigliano, một quan chức Việt Nam thân cận với ông Diệm cho biết, ông Diệm từ chối không để cho ông Nhu đi là vì "dân Việt Nam sẽ cho rằng Mỹ đã bắt được ông phải làm chuyện đó. Ông không muốn bị người ta coi như là bù nhìn hay là tay sai của Mỹ". Trong hồi ký ông Lodge viết, ông Diệm trả lời rằng "Vấn đề không phải là ông Nhu mà là Mỹ. Nếu dư luận dân chúng Mỹ đúng như ngài nói, thì đó là công việc của ngài, thưa ngài đại sứ phải giải tỏa dư luận dân chúng Mỹ". Trong suốt cuộc nói chuyện, Lodge nhận xét rằng, ông Diệm đã tỏ ra rất né tránh khi bị đặt cụ thể trước những đòi hỏi thay đổi của Mỹ, tuy rằng cuối cùng ông cũng hứa hẹn với Lodge rằng ông sẽ xét đến một cách nghiêm chỉnh đến tất cả những gì mà Lodge đưa ra.

Trước phản ứng đó của ông Diệm, chính quyền Kennedy bắt đầu áp dụng một số biện pháp dùng áp lực. Kennedy ra lệnh cắt ngân khoản viện trợ cho Lực Lượng Đặc Biệt của Việt Nam và trì hoãn việc vận chuyển gạo, sữa, thuốc là những món hàng được nhập cảng từ Mỹ theo chương trình Viện trợ thương mại hóa (Commodity Import Program - CIP) và cho triệu hồi John Richardson, người cầm đầu cơ quan CIA tại Sài Gòn, một người mà cả người Mỹ lẫn người Việt tại Sài gòn đều biết là rất thân cận với ông Nhu. Kennedy cũng ra chỉ thị cho Lodge là tuy rằng "tránh không tích cực khuyến khích một cuộc đảo chánh" nhưng hãy "cấp bách bí mật tìm cách nhận dạng và tiếp xúc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đại sứ với những thành phần có thể trở thành lãnh đạo thay thế chính quyền Ngô Đình Diệm."

Mặc dầu những chỉ thị trên cho Lodge là không được khuyến khích một cuộc đảo chánh, nhưng những hành động của chính quyền Mỹ đã làm rất nhiều để hạ thấp uy tín của chính quyền ông Diệm đối với những đối thủ chính trị của ông cũng như là khuyến khích các tướng lãnh trong quân đội trong việc tổ chức một cuộc đảo chánh mới. Một số những cố vấn cao cấp trong chính quyền Kennedy sau này đã cố gắng phủ nhận rằng những biện pháp áp lực đặt ra là nhằm để kích thích một cuộc đảo chánh. Tuy rằng hiểu theo một nghĩa chật hẹp, họ có thể đúng. Báo cáo Taylor-McNamara đã công khai bác bỏ việc khuyến khích một cuộc đảo chánh và những biện pháp áp lực như cắt giảm viện trợ là chỉ nhằm để buộc ông Diệm thay đổi chính sách. Nhưng chính quyền Kennedy không phải là hoàn toàn không có trách nhiệm trong cuộc đảo chánh như những người biện hộ cho Kennedy vẫn khẳng định. Chính Hilsman sau này cũng phải công nhận "một số những chuyện chúng ta làm quả là đã khuyến khích một cuộc đảo chánh; một số những biện pháp chúng ta đề ra có mục tiêu là để áp lực ông Diệm dù rằng chúng ta biết là chúng có thể khuyến khích đảo chánh."

Kennedy và các cố vấn của ông chắc chắn là không ngây thơ đến nỗi không biết rằng việc triệu hồi John Richardson, người mà các tướng lãnh âm mưu làm đảo chánh hồi tháng 8 e sợ là đã thông báo cho ông Nhu biết âm mưu này, cũng như là việc cắt giảm viện trợ, tín hiệu chính mà các tướng lãnh yêu cầu Mỹ làm để chứng tỏ Mỹ ủng hộ cuộc đảo chánh lại không khuyến khích những đối thủ của ông Diệm trong âm mưu của họ.

Ngày 5 tháng 10, với việc cắt giảm viện trợ được công bố, tướng Dương Văn Minh bắt liên lạc với Lou Conein, một nhân viên CIA vốn đã từng hoạt động tại Việt Nam từ những năm 1940 và đã từng cùng với Lansdale có

công đưa ông Diệm lên. Tướng "big" Minh nhờ Conein chuyển đến đại sứ Lodge và chính phủ Mỹ yêu cầu Mỹ bảo đảm "chính phủ Hoa Kỳ sẽ không ngăn chặn một cuộc đảo chánh mà các tướng lãnh Việt Nam dự trù thực hiện chống lại ông Diệm và sẽ tiếp tục viện trợ cho Việt Nam theo mức hiện nay một khí đảo chánh thành công".

Khi được Conein thông báo về âm mưu của tướng Minh, Lodge đã gởi ngay một điện tín về cho Kennedy yêu cầu được phép trấn an Tướng Minh rằng Hoa Kỳ sẽ không tìm cách ngăn chặn một cuộc đảo chánh và Mỹ sẽ tiếp tục giữ nguyên mức độ viện trợ cho một chính phủ quốc gia nào khả dĩ có được sự ủng hộ của dân chúng và tiếp tục chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản.

Trong bức điện tín trả lời vào ngày 9 tháng 10, Kennedy ra chỉ thị cho Lodge hãy tiếp tục tuân thủ những chỉ thị trước, tức là "tránh không tích cực khuyến khích một cuộc đảo chánh" nhưng hãy "cấp bách bí mật tìm cách nhận dạng và tiếp xúc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đại sứ với những thành phần có thể trở thành lãnh đạo thay thế chính quyền Ngô Đình Diệm." Nhưng chỉ thị có thêm hai điểm then chốt khác. Điểm thứ nhất "Tuy rằng chúng ta không muốn khuyến khích một cuộ c đảo chánh, chúng ta cũng không muốn gây ra một ấn tượng là Hoa Kỳ chống lại một sự thay đổi chính phủ hoặc là Hoa Kỳ sẽ từ chối không viện trợ kinh tế và quân sự cho một chế độ mới nếu chế độ này chứng tỏ có một khả năng hữu hiệu hơn về quân sự, có được sự ủng hộ của quần chúng và cải thiện được quan hệ với Hoa Kỳ." Còn điểm thứ hai là "về vấn đề cụ thể mà tướng Minh hỏi, ông nên xét đoán cẩn thận có nên có lập trường rằng trong hoàn cảnh hiện này, ông chưa có thể trình bày đề nghị của tướng Minh lên cấp trên cho đến khi có những thông tin chi tiết cho thấy một khả năng thành công lớn. Trong hoàn cảnh hiện nay, những thông tin này vẫn còn chưa có."

Nhận được điện tín của Kennedy với những dè dặt trong việc ủng hộ cuộc đảo chánh của nhóm Dương văn Minh, Lodge đã quyết định không để ý đến những dè đặt trên. Ngày hôm say, ngày 10 tháng 10, Lodge cho Conein thông báo với nhóm tướng lãnh đảo chánh (Minh, Đôn, Đính, Kim) rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp để ngăn chặn cuộc đảo chánh cũng như sẽ tiếp tục viện trợ khi đảo chánh thành công. Với lời hứa đó, nhóm các tướng lãnh bắt đầu tích cực chuẩn bị.

Cuộc đấu tranh của Phật giáo

Ông Diệm vốn tự coi mình là một nhà lãnh tụ theo tinh thần truyền thống của Việt Nam. Mang nặng tinh thần cũ, ông coi mọi việc nhượng bộ trước những đòi hỏi của Phật Giáo như là một tổn hại đối với uy tín và sức mạnh của chế độ. Và thái độ này được phổ biến trong tất cả những nhân vật thân cận với ông.

David Halberstam trong cuốn *The Buddhist Crisis in Vietnam* kể lại rằng sau vụ đụng độ ở Huế khi một nhân viên ngoại giao Mỹ đề nghị với một nhân vật cao cấp thân cận với ông Diệm rằng để giải tỏa sự căng thẳng, chính phủ hãy bồi thường cho các nạn nhân 500,000 đồng và ra một thông cáo nhận rằng các lực lượng an ninh đã dùng bạo lực quá mức trong việc giải tán cuộc biểu tình thì nhận được câu trả lời là "Tiền bạc thì không sao, nhưng chúng tôi không thể công nhận rằng chúng tôi đã làm chuyện đó. Chúng tôi không thể nhận như vậy được." Và chính quyền tiếp tục quy tội cho Việt Cộng đã nổ súng bắn chết những người biểu tình này.

Sau cái chết của Hòa thượng Quảng Đức, dưới áp lực mạnh mẽ của Mỹ, một cuộc điều đình đã diễn ra một cách gián tiếp giữa chính quyền ông Diệm và các lãnh đạo phong trào tranh đấu Phật Giáo qua trung gian của một số nhân vật có uy tín với cả hai bên như ông Bùi Tường Huân. Ngày 16 tháng 6 chính phủ và Phật Giáo đạt được một thỏa hiệp năm điểm. Hai bên đưa ra một tuyên bố chung trong đó chính phủ nhượng bộ một số điểm nhưng không nói đến trách nhiệm của chính quyền trong sự kiện tại Huế, thay vào đó là việc thành lập một ủy ban để điều tra về sự kiện này.

Thỏa hiệp đạt được đã không làm bất cứ bên nào hài lòng. Halberstam viết rằng một nguồn tin đáng tin cậy kể cho anh nghe một cuộc cãi vã bên trong dinh Độc Lập khi bà Nhu biết được rằng ông Diệm sửa soạn ký vào bản tuyên bố chung. Theo nguồn tin này thì bà Nhu đã lên tiếng xỉ vả ông Diệm là "Anh hèn lắm" Và ông Diệm đã trả lời rằng "Cô không hiểu gì vấn đề này cả. Nó có những ảnh hưởng quốc tế. Chúng ta phải giải quyết."

Trong khi đó tại chùa Ấn Quang, một số tăng ni trẻ cũng chống lại quyết định của Thượng tọa Trí Quang thỏa hiệp với ông Diệm và đe dọa sẽ nổi lên chống lại. Cũng theo Halberstam, một nhà sư trẻ đã lớn tiếng đe dọa "Nếu tôi mà kể lại với những Phật tử về những gì người ta đã ký thì họ sẽ hết sức giận dữ."

Trong những ngày sau đó, tình hình tiếp tục căng thẳng với những tin đồn rằng chính phủ và đặc biệt là vợ chồng ông Ngô Đình Nhu không có ý định gì thực hiện thỏa hiệp giữa hai bên. Ngày 26 tháng 6, tin đồn rằng ông Ngô Đình Nhu đã gởi một thông điệp mật cho tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa của ông, lên án những người Phật Giáo là những kẻ phản loạn và kêu gọi Thanh Niên Cộng Hòa hãy đứng ra khuyến cáo chính phủ đừng chấp nhận bản tuyên bố chung. Và sang đến đầu tháng bảy, Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, một người Phật Giáo, tuyên bố rằng những điều tra sơ khởi về sự kiện tại Huế cho thấy Việt Cộng là thủ phạm tạo ra những cái chết của các người biểu tình.

Đối với những người Phật Giáo, những sự kiện này cùng với những lời tấn công liên tục vào Phật Giáo bởi các phương tiện truyền thông như báo chí, đài phát thanh, đã tạo ra một thay đổi lớn trong thái độ của giới lãnh đạo Phật Giáo. Trước đó phần lớn giới lãnh đạo này tương đối bảo thủ và kiềm chế được những sư trẻ ở dưới không đi xa quá mức.

Theo một số các quan sát viên thời điểm cuối tháng sáu, đầu tháng bảy này là lúc mà cuộc đấu tranh Phật Giáo bắt đầu thay đổi tính chất. Các nhà sư trẻ nòng cốt của phong trào nay cảm thấy họ đã đi vào quá sâu để có thể rút ra. Biết rằng họ là những đối tượng của chính quyền một khi cuộc đấu tranh thất bại và đã nắm lấy quyền điều hành phong trào từ tay những tầng lớp lãnh đạo già hơn. Và điều này đã thể hiện rõ trong các luận điệu tuyên truyền mà phong trào Phật giáo đưa ra. Trong lúc những đòi hỏi ban đầu chỉ có tính mơ hồ như được đối xử bình đẳng hơn với Công giáo hoặc là đòi chính phủ phải công nhận tầm mức quan trọng của Phật Giáo thì càng về sau những luận điệu tuyên truyền của phong trào càng ra mặt chống chính phủ và đặc biệt là chống cá nhân gia đình ông Diệm. Người ta thấy rõ rằng Phật Giáo đến lúc này đang cố gắng tạo ra một bầu không khí trong đó chế độ có nguy cơ sụp đổ.

Phải chăng phong trào Phật Giáo này là do Cộng sản xách động? Đây chính là quan điểm của chính phủ ông Diệm và những người ủng hộ ông sau này, nói rằng phong trào Phật Giáo là Cộng sản. Chắc chắn là trong phong trào này có những phần tử Cộng sản len vào để tìm cách kích động gây lợi thế cho họ. Một số như Thượng tọa Thích Đôn Hậu có thể có cảm tình với Cộng Sản (ông Đôn Hậu đã bỏ ra bưng theo Cộng Sản trong dịp Tết Mậu Thân 1968 và giữ chức Phó chủ tịch Liên Minh các Lực Lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt Nam của luật sư Trịnh Đình Thảo). Nhưng những bằng chứng về sau này cho thấy **phong trào Phật giáo không chỉ chống chính quyền Ngô Đình Diệm mà căn bản là còn chống Cộng nữa**. Sau năm 1975, Hòa thượng Thích Trí Quang đã bị Trần Bạch Đằng tố cáo là gián điệp nằm vùng của CIA và bị quản thúc tại chùa suốt từ đó đến nay.

Tiến vào cuối mùa hè năm 1963, diễn biến tình hình đã trở nên càng ngày càng phức tạp. Trong lúc đó, một sự kiện xảy ra vào ngày 7 tháng 7 đã lại làm tăng thêm ác cảm của giới báo chí quốc tế với chính quyền ông Diệm. Trong khi theo dõi một cuộc biểu tình của Phật Giáo một số nhà báo nước ngoài trong đó có Peter Arnett và Malcolm Brown của thông tấn xã *Associated Press*, Neil Sheehan của *United Press International*, Peter Kalisha của đài truyền hình *CBS* và David Halberstam của nhật báo *New York Times* bị một toán mật vụ của ông Nhu tấn công. Tấm hình Peter Arnett mặt đầy máu do Malcolm Browne chụp đã được truyền đi khắp thế giới. Ngay sau đó, cảnh sát đã đến văn phòng của Associated Press khám xét và bắt giữ Arnett và Browne về tội "hành hung nhân viên công lực". Sự kiện này đã dẫn đến việc các phóng viên báo chí nước ngoài biểu tình trước tòa đại sứ Mỹ phản đối cách đối xử của chính quyền ông Diệm với họ và đòi tòa đại sứ phải bảo vệ.

Đến tháng tám thì phong trào phản đối đã lan rộng ra không chỉ tại các thành phố mà còn vào cả các vùng thôn quê và nhất là quân đội. Một cuộc khảo sát do Rand Corporation thực hiện cho thấy dân chúng tại các vùng quê nay đều đã biết đến cuộc khủng hoảng này và **không tin tưởng bao nhiêu ở khả năng giải quyết của chính quyền**. Đặc biệt, tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, cuộc khủng hoảng này đã là một đề tài tuyên truyền quan trọng của Việt Cộng. Những bài tường thuật về những sự kiện xảy ra tại Sài Gòn và những thành phố ngoài trung được phát đi qua các chương trình của đài BBC và VOA cũng có một tác động đối với dân chúng tại các

vùng xa các trung tâm tranh đấu như tại đồng bằng sông Cửu Long. Tương tự như vậy, trong hàng ngũ quân đội càng ngày càng có nhiều những bất mãn và một nhận thức về tôn giáo gia tăng đặc biệt là trong hàng ngũ các sỹ quan trẻ. Các báo cáo nhận được cho thấy cuộc khủng hoảng này đã ảnh hưởng đến tinh thần và hiệu năng của quân đội Trong bối cảnh đó phía Phật Giáo hy vọng có thể khiêu khích chính phủ làm một hành động vội vã thiếu suy nghĩ để tạo ra một ấn tượng với đại sứ mới của Mỹ, ông Henri Cabot Lodge khi ông này sang thay thế cho đại sứ Frederic Nolting. Halberstam dẫn lời một lãnh tụ Phật giáo nói rằng "Chúng tôi sẽ thấy vỏ chuối để cho họ ngã."

Về phần ông Diệm thì có thể nói bị mắc kẹt giữa hai thế lực đối nghịch. Một bên là phe chủ chiến đại diện bởi ông bà Ngô Đình Nhu muốn dùng vũ lực để đàn áp và giải quyết cho xong cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Một bên kia là Hoa Kỳ áp lực mạnh mẽ để ông Diệm thỏa hiệp với Phật Giáo giải quyết vấn đề khủng hoảng để có thể quay trở lại với mục tiêu chính là chống cuộc nổi dậy của Cộng sản miền nam. Dưới áp lực của Mỹ, ông Diệm đã phải hứa sẽ không có hành động nào mạnh để đàn áp Phật Giáo.

Nhưng càng trù từ, tình hình lại càng vượt ra khỏi tầm tay của chính phủ. Và với những tin tức cho thấy có ít nhất hai nhóm quân nhân đang mưu chuẩn bị để tổ chức một cuộc đảo chánh, ông Nhu đã quyết định ra tay trước vào ngày thứ tư 21 tháng 8. Cuộc khủng hoảng Phật Giáo bước vào một giai đoạn mới.

Căng thẳng Mỹ Việt và sự sụp đổ của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa (1962-1963)

Cho đến giữa năm 1963, các giới chức Mỹ tại Sài Gòn, kể từ đại sứ Frederic Nolting và tướng Paul Harkins đều có một thái độ rất lạc quan về tình hình Việt Nam.

Trong các báo cáo của họ gởi về Washington hầu hết đều nhấn mạnh rằng, các biện pháp đề ra vào năm 1961 đang có kết quả, vấn đề là cần phải có thời gian và kiên nhẫn trước khi đạt được chiến thắng. Trong khi đó, chính quyền của ông Diệm, sau vụ đảo chính hụt của đại tá Nguyễn Chánh Thi vào cuối năm 1960 càng ngày càng rút lui vào một tường thành và chống lại những cố gắng của Mỹ để cải tổ chính trị. Tuy rằng để làm vừa lòng những đòi hỏi của Mỹ, ông Diệm có làm một số cử chỉ có tính hình thức như thành lập một Hội Đồng cố vấn kinh tế, nhưng thay vì mở rộng chính quyền cho những người khác tham gia, ông Diệm lại siết chặt thêm nữa.

Cuối năm 1962, Quốc Hội thông qua một đạo luật cấm mọi hình thức tụ tập, kể cả đám cưới và đám tang nếu không được chính quyền cho phép trước. Chế độ kiểm duyệt được tăng cường. Mọi chỉ trích đưa ra đối với ông Diệm hoặc gia đình đều bị trừng phạt. Vào đầu năm 1963, ông Diệm đã giận dữ cắt hợp đồng với nhóm Michigan State University vì một số người trong nhóm này khi trở về Mỹ đã viết những bài bị chính phủ Việt Nam nói là "không đúng, bất công và có tính xách động". Cũng trong thời gian này, ký giả Francois Sully của tạp chí Newsweek đã bị trục xuất vì viết bài đụng đến bà Ngô Đình Nhu.

Việc trục xuất ký giả Francois Sully phản ảnh một phần những khó khăn mà chính quyền ông Diệm gặp phải đối với báo chí quốc tế. Trái với những hình ảnh lạc quan của chính giới Việt Nam và Mỹ tại Sài Gòn, các ký giả quốc tế đại diện bởi David Halberstam của tờ *New York Times* và Neil Sheehan của thông tấn xã *United Press International (UPI)* lại đưa ra một hình ảnh khác. Tuy rằng chấp nhận mức độ quan trọng của việc ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản xuống miền nam, họ chống lại những chính sách của chính phủ Mỹ để thực hiện mục tiêu này. Đặc biệt là sau trận Ấp Bắc, những bài báo chống lại chế độ của ông Diệm càng ngày càng nhiều. Họ lên án chính phủ của ông Diệm là tham nhũng, độc tài và làm mất lòng dân; chương trình Ấp Chiến Lược là một trò giả dối. Họ đưa ra những nghi ngờ về những báo cáo về tiến bộ quân sự, nói rằng chính phủ Việt Nam thổi phồng những con số thống kê; rằng quân đội Việt Nam "làm việc theo giờ hành chánh", tung ra những cuộc hành quân có lệ vào ban ngày rồi rút trở về doanh trại ban đêm. Theo họ mặc dầu những can thiệp càng ngày càng gia tăng của Hoa Kỳ, cuộc chiến tại miền nam đang tiến dần tới thất bại về tay cộng sản. Và họ kết luận rằng cuộc chiến không thể nào thắng được nếu Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi chính sách "dại dột" "sống và chết cùng với ông Diệm" (sink or swim with Diem).

Halberstam, Sheehan và những đồng nghiệp được cung cấp tài liệu cho những bài chỉ trích đó từ những sỹ quan và viên chức cấp dưới của Mỹ. Sự **gia tăng một cách mau chóng những lực lượng Mỹ tại Việt Nam cùng với tầm mức can thiệp sâu đậm hơn vào các hoạt động của chính quyền và quân đội Việt Nam** đã tạo ra những căng thẳng tại hầu như tất cả các cấp bậc giữa Mỹ và Việt. Những căng thẳng này có lẽ khó có thể tránh được vì tình trạng gia tăng quá nhanh số người Mỹ tại Việt Nam và những khác biệt về cung cách làm việc và bản chất xã hội giữa hai bên. Hiếu động và thiếu kiên nhẫn, những người Mỹ mới sang này đụng ngay vào với bản chất từ tốn vốn bao trùm hành chánh và quân đội Việt Nam. Hậu quả là nhiều người Mỹ tìm cách qua mặt phía Việt Nam và đi thẳng vào ngay với dân chúng tại các làng xã, nói môt cách khác, thay vì hành động với tư cách cố vấn họ tìm cách nắm lấy quyền điều hành. Sự kiêu ngạo của những người Mỹ này là nguyên nhân chính tạo ra tình trạng căng thẳng giữa hai bên.

Những chỉ trích của báo chí cũng tạo ra những vấn đề cho chính phủ Kennedy, không muốn làm lộ ra bên ngoài sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam. Chính Kennedy đã tìm cách áp lực tờ *New York Times* chuyển Halberstam ra khỏi Việt Nam nhưng không thành công. Nhưng những lời chỉ trích của báo chí cũng làm cho chính quyền Kennedy hoài nghi về những báo cáo mầu hồng của tòa đại sứ và MACV. Đặc biệt, tháng 12, 1962 Mike Mansfield, cựu thượng nghị sỹ và là một trong những người đầu tiên ủng hộ ông Diệm, sang thăm Việt Nam theo yêu cầu của Kennedy và trở về với một báo cáo cực kỳ bi quan về tình hình. Trong báo cáo riêng gởi cho Kennedy, Mansfield so sánh vai trò của Mỹ giống như vai trò của Pháp trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất và nói thẳng thừng rằng Hoa Kỳ có nguy cơ bị kéo vào một cuộc chiến giống như Pháp trước đây với một kết quả cũng vô vọng tương tự.

Báo cáo của Mansfield đã làm cho tòa Bạch ốc dao động và Kennedy gởi ngay Roger Hilsman và Michael Forrestal, một nhân viên thân tín của tòa Bạch ốc sang Việt Nam với một sứ mạng tìm hiểu tình hình (fact finding mission). Báo cáo của phái bộ Hilsman - Forrestal vào đầu năm 1963 đưa ra một quan điểm giữa cái bi quan của những phóng viên báo chí và cái nhìn mầu hồng của các quan chức tòa đại sứ và MACV. Phúc trình của phái bộ đưa ra những dè dặt quan trọng về sự hữu hiệu của quân đội Việt Nam, đưa ra những khuyết điểm quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch Ấp Chiến Lược và công nhận rằng **chính phủ của ông Diệm càng ngày càng trở nên cô lập đối với quần chúng.** Tuy nhiên phúc trình kết luận rằng Hoa Kỳ và Việt Nam có triển vọng đang chiến thắng trong cuộc chiến tuy rằng cuộc chiến "có triển vọng kéo dài lâu hơn là chúng ta muốn" và chiến thắng này "tốn kém hơn cả về nhân mạng lẫn tiền bạc so với chúng ta dự trù".

Mặc dầu một nhận định nói chung là bi quan, tuy rằng kết luận lạc quan một cách dè dặt, Hilsman và Forrestal cho rằng chính sách của Mỹ theo đuổi - sống chết với ông Diệm - là đúng và khuyến cáo chỉ nên có những thay đổi về chiến thuật để bảo đảm việc thực hiện được hữu hiệu hơn. Phúc trình của Hilsman và Forrestal làm tăng thêm những hoài nghi về sự chính xác của các báo cáo chính thức về tiến bộ đạt được tại Việt Nam, nhưng vẫn còn giữ hy vọng rằng với những giúp đỡ của Mỹ, ông Diệm có thể đạt được chiến thắng chống cuộc nổi dậy của Cộng Sản tại miền Nam.

Vào cuối mùa xuân 1963, trong nội bộ phái bộ Mỹ tại Việt Nam bắt đầu có những bất đồng. Trong lúc tòa đại sứ và MACV vẫn còn tiếp tục tin tưởng và lạc quan - khi tướng Harkins đã dám khẳng định trong một hội nghị tại Honolulu vào tháng 4 rằng ông hy vọng rằng cuộc chiến có thể kết thúc vào dịp Giáng Sinh - thì cơ quan CIA tỏ ra bi quan và dè dặt hơn nhiều. Các báo cáo của CIA cảnh cáo rằng tình hình hãy còn mong manh và khó đoán được.

Trong khi đó, quan hệ giữa ông Diệm và Mỹ trở nên đặc biệt căng thẳng. Phía Mỹ gia tăng áp lực để buộc ông Diệm "dân chủ hóa", đưa ra những cải tổ để thu hút sự ủng hộ của dân chúng trong khi ông Diệm ra sức chống lại, cho rằng những cải tổ Mỹ muốn chỉ có thể làm suy yếu chứ **không củng cố được chế độ của ông.** Ông Diệm và nhất là ông Nhu cũng thấy mình bị mắc kẹt trong một nan đề, họ biết rằng cần phải trông cậy vào sự hiện diện của Mỹ để ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản, nhưng chính sự hiện diện của Mỹ này lại mang lại một yếu tố mới, có tính hầu như quyết định ngăn chặn việc giải quyết tình hình. Đặc biệt, ông Diệm và ông Nhu cảm thấy e sợ về sự hiện diện càng ngày càng đông của các cố vấn Mỹ và những cố gắng của họ dành lấy quyền điều hành cuộc chiến. Như đã được Ellen Hammer kể lại trong cuốn sách *"Chết trong tháng mười một"*

(Death in November), ông Diệm đã phản đối chính phủ Mỹ là xâm phạm chủ quyền của Việt Nam và tố cáo Mỹ là thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Ellen Hammer nhắc lại lời tâm sự của ông Diệm với đại sứ Pháp "Bao nhiêu là lính. Tôi có mời họ sang đâu. Họ chẳng có cả cái thông hành nữa."

Tình trạng căng thẳng giữa hai bên cuối cùng đã nổ ra vào tháng 5, 1963 khi ông Ngô Đình Nhu chính thức một cách công khai đặt câu hỏi rằng liệu người Mỹ có biết họ làm gì tại Việt Nam hay không và đề nghị Mỹ cắt giảm quân số 5,000 người. Cũng vào đầu mùa hè năm 1963, ông Diệm và ông Nhu cũng bắt đầu **tìm cách thương thuyết với Hà Nội một giải pháp giải quyết vấn đề Việt Nam dựa trên căn bản Mỹ rút ra khỏi miền Nam Việt Nam**.

Tình trạng rạn nứt trong liên minh giữa Mỹ và chế độ của ông Diệm như vậy đã bắt đầu.

Lê Mạnh Hùng

[Source: http://www.viettidemagazine.net/index.php?option=com_content&task=view&id=1750&Itemid=50]

Hai Yếu tố "Công giáo" và "Mỹ" trong biến cố 1-11-1963

Hoành Linh Đỗ Mậu

[Trích đoạn từ Chương XVII, "Cuộc Cách mạng 1-11-1963", của tác phẩm *Việt Nam Máu Lữa Quê Hương Tôi,* Hoành Linh Đỗ Mậu, NXB Văn Nghệ, California 1993]

Lật đổ một chế độ như chế độ công an trị Ngô Đình Diệm không phải là chuyện dễ dàng. Chế độ Diệm với bộ máy mật vụ và đảng viên Cần Lao mà lòng trung thành tuy chỉ được xây dựng trên đặc quyền đặc lợi, bạo quản bạo trị, nhưng lại nhiệt tình làm tai mắt cho chính quyền khắp hầu hết đơn vị quân đội, hầu hết cơ quan công quyền, hầu hết bộ phận sinh hoạt của xã hội, nhất là khi bị dồn vào thế cùng. Nhìn từ khía cạnh khoa học tổ chức và so sánh tương quan lực lượng, mà trong đó yếu tố bảo mật là quan trọng nhất, thì trong suốt thời kỳ vận động và tổ chức ngày cách mạng, hai ông Nhu–Diệm đã nắm phần ưu thế tuyệt đối.

Họ có năm cơ quan an ninh tình báo mà bốn nổi và một chìm: Nổi là Công An Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt, và Sở Nghiên Cứu Chính Trị, còn chìm là hệ thống Đảng viên Cần Lao và các bộ phận mật vụ tình báo phụ thuộc. Tất cả như thiên la địa võng, như tai vách mạch rừng bao vây lấy các nhân sự và hoạt động chống đối. Họ có Ngô Đình Nhu tuy bất lực trong việc quản trị quốc gia nhưng lại xuất sắc trong các âm mưu và thủ đoạn tiêu diệt đối lập, nhất là bản chất vốn lạnh lùng và tàn ác không một chút do dự. Họ lại có những cấp thuộc hạ thi hành mệnh lệnh một cách mù quáng và có những phương tiện của quốc gia muốn sử dụng, muốn tiêu xài bao nhiêu cũng được.

Trong khi đó thì lực lượng cách mạng chỉ là một sự phối hợp của nhiều tổ chức và đoàn thể phức tạp, tuy cùng chí hướng và mục tiêu nhưng lại thiếu sự đồng nhất về nhân sự và thống nhất về kế hoạch. Họ còn phải làm việc trong một tinh thần cảnh giác quá độ vì sợ nội tuyến của chính quyền và vì bị trói buộc trong tính chất bất hợp pháp nguy hiểm của công tác. Thế mà cách mạng vẫn thành công, ngày 1 tháng 11 năm 1963 vẫn là một ngày hội lớn, một ngày vàng son trong dòng sinh mệnh cách mạng Việt Nam.

Sự thành công đó rõ ràng đã không phải nhờ tổ chức giỏi hơn hay lực lượng mạnh hơn mà thật sự chỉ nhờ ba yếu tố: *thứ nhất* là sự đồng tâm nhất trí của tất cả mọi tổ chức hay cá nhân tham gia lực lượng cách mạng, *thứ hai* là sự yểm trợ trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực của toàn quân toàn dân mà ước nguyện chung lật đổ chế độ độc tài là ước nguyện cao nhất và lớn nhất; và *thứ ba* là đầu óc chủ quan, tinh thần thiếu thực tế và bản chất cao ngạo của ông Ngô Đình Nhu, người chủ trương một kế hoạch đảo chánh giả để tiêu diệt cuộc "đảo chánh" thật. Nhưng bao trùm lên trên những yếu tố thuận lợi đó dĩ nhiên là nhờ cuộc cách mạng đó đã được phát động *hợp lòng dân, hợp thời đại* và *hợp với truyền thống cách mạng*. Và đó mới là điều đáng kể nhất.

-o0o-

Tuy nhiên, trong toàn bộ tiến trình vận động cách mạng để lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, lực lượng cách mạng cũng phải đối diện và giải quyết hai vấn đề phức tạp và tế nhị, đó là vấn đề "người Công giáo" và vấn đề "người Hoa Kỳ".

Nhìn lại lịch sử cận đại ta thấy:

"… dù sao thì sự tương quan giữa giáo hội Công giáo Việt Nam và chính quyền Hồ Chí Minh cũng đã đến giai đoạn khó khăn nguy hiểm trước khi nhà Ngô lên cầm quyền. Trong lúc đó, khi thỏa hiệp với chế độ Bảo Đại, người Công giáo đã không do dự chút nào, vì họ tự cho rằng nếu không có họ thì chế độ Bảo Đại chỉ như một cái gì tạp nham vô hồn mà mỗi ngày họ càng táo bạo ràng buộc chế độ Bảo Đại vào đường lối có lợi cho họ trong các cuộc tranh chấp giữa người quốc gia.

Ngược lại, đối với nhà Ngô, họ là những kẻ chiến thắng không ai có thể lầm lẫn được. Rất nhiều người Công giáo Việt Nam lý luận một cách quả quyết rằng phải có sự hoà nhập giữa giáo quyền và thế quyền. Giám mục Ngô Đình Thục, người anh ruột của ông Tổng thống mà vào những năm cuối của chế độ, thường đi giảng đạo (Tournées pastorales) bằng súng liên thanh, người mà Tòa Thánh La Mã dù hơi muộn cũng đã khôn ngoan bắt rời khỏi giáo phận vào lúc lòng căm thù khủng khiếp của dân chúng nổ tung để chống lại ông ta, cũng đã ngạo mạn nêu lên cái nhiệm vụ "bảo vệ quốc gia" của Công giáo (Protecteur de l'Etat). Năm 1964, nhiều linh mục tại Huế đã cho tôi biết trong thời gian trước khi Ngô Đình Thục lên đường đi La Mã, đã có nhiều tổ chức tại miền Trung âm mưu chống đối bằng bạo động trước sự tàn bạo và lộng quyền của Thục và Cẩn.

Nói tóm lại, cuộc di cư của 700.000 giáo dân miền Bắc và Liên khu 4 từng làm rúng động dư luận thế giới Công Giáo, đã tuôn vào Nam một đám người cuồng tín không chịu hội nhập với dân địa phương. Người Công giáo miền Nam cũ (Cochinchinois) thì không muốn gì hơn là được sống bình an chung quanh giáo đường, là được yên ổn đi làm lễ và cầu nguyện, xa lánh những chuyện xảy ra ngoài họ đạo của họ. Nhưng người Công Giáo Bắc di cư thì lại mù quáng theo lệnh các linh mục, mà những linh mục này lại là những "chuyên viên xách động" (meneurs) bất chấp hệ thống giáo hội, tổ chức những cuộc biểu tình, những hiệp hội, xúi giục con chiên chống đối Phật giáo, chống đối Cộng Sản, chống đối ngoại nhân dưới chiêu bài "Thiên Chúa giáo" nhưng lại thiếu giáo hạnh (… Le tout sous l'etiquette chrétienne mais dans un esprit assez peu religieux). Hàng giáo phẩm cao cấp thì lại phân hóa và rụt rè không muốn can thiệp vào việc làm của giáo dân di cư, những kẻ khốn nạn và lầm lỗi.

Trên đường đi Biên Hòa, cách thủ đô không tới 30 cây số, người ta thấy dựng lên một cái bảng thật lạ: "Bùi Chu". Lạ, vì đó là tên của một trong hai giáo phận Bắc Việt đã từng nổi tiếng vào năm 52, thời mà các ông cha xứ ở đây do Đức Giám mục Lê Hữu Từ dẫn đầu, đã tổ chức những toán dân vệ thuộc lại "chouannerie" Việt Nam chống lại Việt Minh. Hai năm sau, giáo dân Bùi Chu rút vào miền Nam trong những điều kiện có khi thật thê thảm, và trên những chiếc ghe có cờ Tòa Thánh Vatican bay phất phới đến từ những bến bờ miền Bắc; họ xin được tá túc tại miền Nam trù phú, miền Nam đã được ông Diệm võ trang để chống lại Cộng Sản.

Tại đây, "Bùi Chu mới" được bao bọc bởi những thành lũy kiên cố như các trại binh La Mã để trở thành những "ấp chiến lược". Một số làng được bứng hẳn từ miền Bắc vào, đầy ắp dân Bắc di cư, bao quanh Sài Gòn như một vòng đai làm như chế độ mạt vận ấy muốn trang bị cho Thủ đô một cái áo giáp sắt được cấu tạo bằng một số dân cư thuộc loại thù không đội trời chung với Cộng Sản, một loại quần chúng có óc " Công giáo chiến đấu" dữ dằn nhất.

Không phải tại Việt Nam mà người ta có thể tìm thấy được những tài liệu để viết thêm một cuốn sách mới về cái "Trí tuệ Vượt bực" của Công giáo. Làm sao mà cái tính chất baroque của thế kỷ 17 có thể bị lai hóa đến thế ? Ở Phát Diệm và Bùi Chu (trước kia), các giáo đường vươn lên từ những thửa ruộng thì còn giữ được nét quý phái hoặc lạ lùng. Tại đây, khi được thiên về vùng đất giàu có hơn, ra khỏi cái không khí thê thảm của miền Bắc, các giáo đường ấy phai nhạt để thành những hình thể thật thê lương. Tuy nhiên, ta không nên đàm tiếu về điều này vì khi ta thấy tập họp đông đảo quanh các giáo đường ấy là các giáo dân mặc đồ đen, những tín đồ gầy ốm bao quanh các cha xứ to mồm của họ, thì ta phải tin rằng họ không nghĩ là họ lại phải di cư thêm một lần nữa vì cái chết của ông Diệm. Ta không thể biết chắc được phản ứng của những cộng đồng Công giáo ở ngoài thủ đô như thế nào, những cộng đồng đã bị tê liệt trong một thái độ phản đối lặng lẽ. Tuy nhiên tại Sài Gòn, những người có thẩm quyền nói lên tiếng nói của giáo dân thì lại không che giấu rằng sự sụp đổ của chế độ Diệm đã tạo nên một nỗi lo âu trầm trọng trong nhiều giới giáo dân. Các giới này vẫn khác biệt nhau về xu hướng cũng như về khu vực địa dư.

Những kẻ lo lắng nhất, nghĩa là những kẻ bàng hoàng nhất vì vụ thủ tiêu vị cựu Tổng thống, chắc chắn là những người Bắc Công giáo di cư mà tổng số khoảng 3/4 triệu, trên tổng số một triệu hai trăm ngàn dân Công giáo tại miền Nam. Trong chiến dịch cứu nạn của năm 1954, dù chế độ nhà Ngô đã tham gia được nhiều hay ít, thì những người Bắc Công giáo di cư cũng đã xem chế độ này như ân nhân đón tiếp họ trong cơn hoạn nạn, do đó mà họ giữ lòng biết ơn đối với chế độ. Sự thiếu khoan dung và chủ trương phe phái của chế độ đã không làm phiền lòng nhóm dân này, vì họ vốn được những nhà truyền giáo mà phần lớn là người Y Pha Nho và Ái Nhĩ Lan dạy dỗ, những nhà truyền giáo này đã coi việc chống Cộng như một tín điều và là một lý do để sống còn. Tất nhiên không phải tất cả mọi người Công giáo ở miền Trung đều một lòng theo Diệm. Chung quanh linh mục Cao Văn Luận, vị Viện trưởng Đại học bị giải nhiệm vào tháng Sáu vì đã cố gắng bênh vực Phật giáo đồ, và một số giáo sư trường Thiên Hựu (Providence), ta thấy hình thành một khuynh hướng tiến bộ, rộng rãi, và tuy khuynh hướng này không chấp nhận việc thủ tiêu anh em ông Diệm nhưng lại coi sự cáo chung của chế độ như một sự giải thoát, như bỏ đi được cái quyền áp đặt vốn đè nặng trên khối Công giáo Việt Nam.

Tuy nhiên, Đức cha Ngô Đình Thục, anh trưởng của vị Tổng thống và là Tổng Giám mục của địa phận Huế, lại cố sức xây dựng một khuynh hướng khác được nuôi dưỡng bằng những kỷ niệm thật tàn bạo. Đối với ông ta, Thiên Chúa giáo chỉ có thể tồn tại bằng một cuộc thánh chiến thường trực. Ông ta không ngừng nhắc lại rằng không đầy một thế kỷ trước đây, dưới thời Minh Mạng, 25 ngàn giáo dân đã bị sát hại trong vùng này, và không tới 20 năm trước đây, cả ngàn người Công giáo đã chết tại tỉnh Quảng Ngãi thời Việt Minh nổi dậy lần đầu; ông ta đã có thể áp đặt tình trạng báo động thường xuyên là tình trạng kình chống ngấm ngầm cho khối Công giáo. Điều này giải thích sự khắc khoải của khối dân này sau khi quyền lực của người chúa tể đã mất đi.

Chính tại miền Nam kỳ cũ là nơi mà người Công giáo nói chung đã chấp nhận sự sụp đổ của chế độ nhà Ngô. Trước hết vì miền Nam kỳ cũ (Cochinchine) là nơi mà tư tưởng được lưu chuyển một cách tự do nhất, nơi mà chủ nghĩa duy tân được phát triển một cách tự nhiên, và cũng là nơi mà sự khoan dung được phát triển. Đồng thời, cũng tại miền Nam kỳ cũ đó, Tòa Khâm sứ Tòa Thánh, Tòa Tổng Giám mục, Đức Giám mục Nguyễn Văn Bình, đã tỏ ra có can đảm đối đầu với quyền lực của ông Diệm đặc biệt là đã gửi cho ông Diệm ngày 16/6 một giác thư nhuốm đầy tinh thần của chỉ dụ "Hòa bình trên thế giới" ("Pacem in Terris") của Đức Giáo Hoàng – và một số đại diện cho các dòng tu như các tu sĩ dòng Chúa Cứu Thế, và nhất là dòng Đa Minh, đã không che giấu sự chỉ trích của họ đối với chiều hướng càng lúc càng độc tài của một chế độ mà cuối cùng chỉ làm tác hại cho Công giáo.

Tuy nhiên, ta không thể đánh giá quá thấp sự xúc động do cái chết thê thảm của ông Diệm gây ra trong các giới nói trên. Không phải chỉ vì ông Diệm – dù không có kinh nghiệm và mặc dù sự thối nát của chế độ - vẫn được kính trọng ("Một nhà ái quốc, theo cách riêng của ông ta", theo lời của Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã từng ghi nhận), mà chính vì bảo ông ta tự tử là một điều làm cho người Công giáo bất bình, làm cho họ không tin, và làm cho việc giết ông ta không những là một hành động tàn độc, vô ích mà còn nhuộm vẻ gian đối.

Vì vấn đề tự tử được đặt ra, và vì đó là điều không ai tin, cho nên cái huyền thoại muốn rằng "Tổng thống vẫn chưa chết", cái huyền thoại ấy còn sống mạnh trong một số quần chúng Công giáo. Vì vậy mà các Tướng lãnh đã lấy quyết định công khai hóa các hình ảnh để chứng minh rằng huyền thoại đó sai, ông Diệm quả đã chết. Việc để cho dư luận bàn tán quả thật không có lợi cho những người chiến thắng.

Chúng ta hãy lắng nghe một linh mục người Bỉ có dáng dấp của một nhà đô vật, với đôi mắt xanh và nét mặt sắt đá, loại "cha xứ anh chị" đặc biệt của phim ảnh Mỹ: "Ai là kẻ chịu trách nhiệm về tình trạng thảm khốc này, về sự thất bại hoàn toàn của chế độ, về sự xao xuyến mà giáo hội chúng ta đang phải nhận chịu? Ai? Tôi xin hỏi quý vị? Có phải là quân đội? Chính quyền? Người Mỹ? Xin thưa rằng không! ***Chính những người Công giáo phải gánh lấy trách nhiệm ấy.*** *Đúng, chính những người Công giáo, toàn bộ khối Công giáo. Ai cũng lo đắc thắng, lo xu thời, mà không ai cố gắng – trừ ở những cấp độ rất khiêm nhượng – giúp việc lèo lái con thuyền, hầu sửa sai những lộng hành không chịu nổi của chế độ. Ai cũng tự ru ngủ để hoàn toàn lẫn lộn sự giàu có với Thiên Chúa giáo, sự trưởng giả với giai cấp. Vì vậy mà bây giờ như thế này, chờ đợi sự rửa hận của Phật giáo, một sự rửa hận có thể trở thành bi đát nếu Việt Cộng thành công và họ đang cố gắng để thành công trong việc lũng đoạn hàng ngũ Phật giáo. Chúng ta đã không biết sửa sai để chuộc lại cái quyền lực của ông Diệm. Bây giờ phải xây dựng lại từ số không, trên đổ vỡ, nếu đối thủ của chúng ta – gồm đến 4/5 dân xứ này – còn để cho chúng ta có thì giờ để xây dựng…"*[11]

Tôi đã trích dịch một phần đoạn phân tích của ký giả Jean Lacouture mà tôi nghĩ là phản ảnh đầy đủ và trung thực vai trò sai lầm và trách nhiệm hoàn toàn của người Công giáo Việt Nam dưới chế độ Diệm cũng như tâm trạng của họ sau ngày ông Diệm chết. Người Công giáo Nam kỳ cũ và người Công giáo tiến bộ thì đã không muốn, hay muốn nhưng không hết lòng, can gián anh em ông Diệm, còn người Công giáo Bắc di cư và người Công giáo miền Trung (trừ một thiểu số) thì lại đồng lõa với chính sách cai trị sai lầm của anh em ông Diệm. Cho nên dù ông Dương Văn Minh có hành xử một cách quá khích khi ra lệnh giết ông Diệm thì căn bản của toàn bộ vấn đề vẫn là do khối Công giáo Việt Nam đã gián tiếp hay trực tiếp đẩy anh em ông Diệm sa vào hố sâu tội lỗi, để chế độ của họ bị sụp đổ và anh em họ bị sát hại. Nói cách khác, **nguyên do sâu sắc nhất và tác động mạnh mẽ nhất gây ra sự sụp đổ của chế độ Diệm và cái chết của anh em ông ta là do người Công giáo (nhất là người Công giáo di cư) và do Giám mục Ngô Đình Thục**. Viết đến đây tôi lại nhớ đến sự sáng suốt khôn ngoan của Đức Giáo Hoàng Paul VI khi Ngài bắt Ngô Đình Thục phải ra đi vào đầu tháng 9 năm 1963, sau khi Tòa Thánh nhận định đúng đắn được tội ác của anh em ông Diệm trong chính sách kỳ thị và đàn áp tôn giáo, nhất là sau vụ tấn công chùa chiền đêm 20/8/1963. (Theo "*Hai Mươi Năm Qua*" của Đoàn Thêm thì có tin đồn Giám mục Ngô Đình Thục khi đến La Mã đã không được phép bệ kiến Đức Giáo Hoàng). Viết đến đây tôi cũng lại nhớ đến Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên trung thành của Tổng thống Diệm, một đứa cháu của tôi, tuy không ý thức chính trị và không nắm vững tình hình chung của quốc gia nhưng cũng nhìn được một số sự kiện thực tế và nhận xét chân thực như sau:

"*Thái độ của Tổng thống Diệm làm cho Đức Cha Thục nghĩ mình là "Đại diện Thiên chúa" với Tổng thống. Dưới chế độ Diệm, không phải xứ đạo Công giáo nào cũng ủng hộ cả. Vì ngay cả Đức Khâm mạng Tòa Thánh Vatican ở Sài Gòn một đôi lúc cũng khuyến cáo Tổng thống Diệm. Tuy nhiên, Tổng thống Diệm lờ đi. Nếu nói một cách phũ phàng thì Tổng thống Diệm là người nể Đức Cha Thục quá mức. Đức Cha Thục đã góp phần vào việc đưa đẩy Tổng thống Diệm đến nơi an nghỉ cuối cùng*".[12]

Dù vậy, một mình ông Ngô Đình Thục vẫn chưa phải là thành tố tạo ra một giáo hội Việt Nam lộng hành và cao ngạo, lại càng không thể tạo ra một giai cấp Việt Nam Mới chỉ gồm toàn tín đồ Công giáo sống tách rời khỏi đại chúng Việt Nam trên mặt chính trị cũng như xã hội. Cũng vậy, 9 năm được ưu đãi dưới chế độ Diệm chưa đủ lâu dài để khai sinh một lực lượng khuynh loát hầu hết sinh hoạt quốc gia ở thượng tầng kiến trúc, khống chế mọi khu vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng của quê hương. Phải có một yếu tố nào đó sâu sắc hơn, mãnh liệt hơn, mà bản chất và tác phong của người Công giáo Việt Nam dưới 9 năm của chế độ Diệm chỉ là cao điểm cuối cùng mà thôi. Yếu tố đó, như tôi đã trình bày trong một chương trước là **sự nối dài, cả trong không gian lẫn thời gian, cái tinh thần giáo điều và độc tôn của Tòa Thánh La Mã từ thời Trung**

cổ Tây phương đến mảnh đất Việt Nam, là sự khai thác những thỏa hiệp nhịp nhàng giữa thực dân và "Hội Truyền Giáo Hải Ngoại" trong chính sách xâm thực của đế quốc Pháp từ gần hai thế kỷ trên quê hương Việt Nam.

Yếu tố đó, từ nhiều năm trước, đã được phát hiện ra hoặc bởi những khuôn mặt lịch sử văn hóa lớn như Phan Bội Châu, Lý Đông A, Phan Khoang, Đào Trinh Nhất,… hoặc bởi đại khối quần chúng nhẫn nhục im lặng. Nhưng hiện đại hơn, yếu tố đó đã được Cọng Sản Việt Nam khai dụng tại miền Bắc để dùng sự thật lịch sử đó như một vũ khí khích động lòng yêu nước trong những năm tháng kháng chiến và bây giờ. Còn trong Nam, dĩ nhiên yếu tố đó còn lộ rõ một cách gay gắt hơn và cũng không thiếu người ý thức được sự thật lịch sử đó, nhưng trong cái khung cảnh chính trị miền Nam lúc bấy giờ, họ đã không muốn nói hoặc không dám nói ra.

Phải đợi cho đến năm 1963, khi sự lộng quyền và kiêu căng tích lũy từ nhiều năm lên đến mức độ cao nhất để hung bạo và trắng trợn kích phá Phật giáo, thì vấn đề tôn giáo mới được dân tộc quyết liệt đưa ra tòa án lịch sử, với đầy đủ nạn nhân, nhân chứng và hồ sơ cáo trạng.

Tôn giáo, trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, tính cho đến khi Thiên Chúa giáo du nhập vào Việt Nam, chưa bao giờ là nguyên ủy của những tranh chấp và khủng hoảng. Nhưng vào năm 1963, khi chủ xướng ngày cách mạng 1963, một số sĩ quan có ý thức chính trị đã thấy những phức tạp và tế nhị của vấn đề người Công giáo (nhất là "Công Giáo Cần Lao" tay sai của Diệm–Nhu) trong và sau khi phát động ngày cách mạng. Vì lật đổ chế độ Diệm không phải chỉ là lấy đi những đặc quyền đặc lợi của khối Công giáo mà còn đặt họ vào tư thế đồng lõa với ông Diệm, và quan trọng hơn cả, là đặt họ về lại đúng vị trí của một bộ phận khiêm nhường của dân tộc, một vị trí mà từ gần một thế kỷ qua họ đã dựa vào thế lực ngoại bang hoặc tay sai của ngoại bang để chối bỏ.

Tuy có ý thức được viễn cảnh khó khăn đó nhưng tin tưởng mãnh liệt vào hành động đầy chính nghĩa, tin tưởng vào hậu thuẫn đông đảo của đồng bào cả nước, cho nên một số người chủ xướng ngày cách mạng 1/11/63 vẫn quyết tâm tiến hành việc làm của mình dù biết rằng việc làm đó có gây căm thù và buồn hận cho một thiểu số hẹp hòi và cuồng tín. Vả lại, lật đổ chế độ không những là chấm dứt tình trạng bất công và bế tắc của một xã hội thoái bộ mà còn chận đứng được âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản của những kẻ lãnh đạo chế độ đó, vì vậy, ở một mặt nào đó, yểm trợ cho lập trường chính trị của người Công giáo, vốn cho Cộng Sản là kẻ thù Satan không đội trời chung.

Lịch sử dân tộc bị một nút chận thì phải tháo nó ra để tiến hóa, tình cảm dân tộc bị xúc phạm thì phải hóa giải nó đi để tìm lại cái tình tự hòa hài rất truyền thống của dân tộc. Người Công giáo Việt Nam là một bộ phận của dân tộc, họ có thể không nhìn thấy và không đồng ý về cái nhìn cách mạng đó sau ngày 1–11–63 vì những xúc động nhất thời sau cái chết của ông Diệm, nhưng 20 năm sau, vì liên đới ruột thịt đồng bào và vì thảm trạng 30–4–75, họ hẳn là phải thấy và hiểu hơn ai hết, không phải để đoái công chuộc tội mà để còn chuẩn bị cho ngày về đất cũ quê xưa trong vòng tay ưu ái của dân tộc. Còn nếu họ vẫn không thấy được thì tại họ, dân tộc không thể giúp đỡ họ mở mắt lớn hơn được nữa.

-o0o-

Vấn đề phức tạp và tế nhị thứ nhì là "yếu tố người Mỹ". Như tôi đã trình bày trong một chương trước, mặc dù rất thất vọng với chế độ Diệm nhưng chính quyền Hoa Kỳ đã chỉ biết chiều chuộng, khuyến cáo và cố gắng sửa chữa mà thôi, không khác gì trường hợp Tổng thống Reagan 20 năm sau chịu đựng và khuyến cáo vợ chồng nhà độc tài tham nhũng Marcos (Phi Luật Tân) bằng cách vẫn tiếp tục viện trợ nhưng vẫn bí mật khuyến cáo. Thật vậy, khi gửi ông Cabot Lodge qua Việt Nam thay Đại sứ Nolting, mục đích nguyên thủy của Tổng thống Kennedy là chỉ nhằm làm áp lực Tổng thống Diệm phải cải cách chế độ cho trong sạch và có hiệu năng hơn mà thôi. Nếu Tổng thống Kennedy muốn đảo chánh ông Diệm thì không đời nào mời một khuôn mặt chính trị cỡ lớn như ông Lodge, huống chi ông Lodge thuộc đảng Cộng Hòa (vốn có thể tố cáo âm mưu của ông Kennedy và đảng Dân Chủ khi hai đảng có những tranh chấp như trong các cuộc bầu cử chẳng hạn). Nếu ông Lodge đến Sài Gòn chỉ để đảo chánh ông Diệm thì chắc chắn ông không bao giờ nhận lời làm Đại sứ tại Việt Nam Cọng Hòa. Người Mỹ cho đến cuối tháng 10–1963 vẫn mong dùng ngoại giao và chính trị để giải quyết cuộc khủng hoảng của chính phủ Ngô Đình Diệm, việc mà tôi sẽ trình bày rõ sau đây.

Sau vụ tấn công chùa chiền đêm 20–8–63 [Kế hoạch « *Nước Lũ* »], Tổng thống Kennedy bắt đầu cụ thể yêu cầu ông Diệm phải đưa ông Nhu ra nước ngoài, nhưng ông Diệm không chịu và Hoa Kỳ cũng đành bó tay

không có giải pháp nào hơn. (Xin lưu ý rằng từ đầu năm 1963, âm mưu bắt tay với Hà Nội của anh em ông Diệm đã tiến triển khá sâu rồi. Tết âm lịch 1963, Hà Nội đã tặng ông Diệm một cành đào và được ông Diệm hân hoan cho trưng bày tại dinh Gia Long). Cho đến ngày 29 –10–1963, ông Cabot Lodge vẫn chưa biết thời điểm phát động cách mạng chỉ còn 48 tiếng đồng hồ nữa, nên vẫn hy vọng vào nỗ lực thuyết phục ông Diệm cho ông Nhu xuất ngoại để giới hạn những đổ vỡ và những đảo lộn nếu có một cuộc chính biến xảy ra.

Ông Lodge đến Việt Nam với một nhiệm vụ rất rõ ràng và khó khăn là tạo ổn định chứ không gây rối loạn. Chính sách của Hoa Kỳ lúc bấy giờ đối với Việt Nam cũng là tăng hiệu năng chiến đấu chống Cộng mà điều kiện tiên quyết là khả năng vận động toàn bộ sức mạnh miền Nam của cấp lãnh đạo Việt Nam Cọng Hòa . Ông Lodge gần như có toàn quyền quyết định và những nhận định ông gửi về cho tòa Bạch Ốc cũng như Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đều được cứu xét một cách nghiêm chỉnh.

Trước khi đi sâu hơn vào vai trò của ông Lodge, tôi xin có vài hàng ghi lại về nhân vật ngoại quốc đã có một thời liên hệ đến vận mệnh nước ta, và để thấy Cabot Lodge là một chính trị gia cẩn mật, hành sự với những suy tính có lợi cho Việt Nam và Mỹ chứ không phải là một người nông nổi.

Tất cả bắt đầu vào ngày 18 tháng giêng năm 1963 tại một Câu lạc bộ Hải quân Hoa Kỳ, khi Tổng thống Kennedy nhờ Đại tướng Chester Clifton thăm dò xem ông Cabot Lodge có chấp nhận đi làm Đại sứ nước ngoài không? Ông Lodge đã trả lời: "Tôi có nghề nghiệp, tôi không cần tìm việc làm nhưng nếu có nơi nào khó khăn mà kinh nghiệm của tôi có thể hữu ích cho đất nước thì tôi sung sướng chấp nhận". Đầu tháng 6 năm đó, Tổng thống Kennedy mời ông vào tòa Bạch Ốc và đích thân yêu cầu ông Lodge giữ chức Đại sứ tại Việt Nam Cộng Hòa. Ông đáp lại rằng: "Nếu Tổng thống cần thì dĩ nhiên tôi sẽ sẵn sàng, nhưng trước hết tôi phải hỏi ý kiến nhà tôi và cựu Tổng thống Eisenhower, vị lãnh tụ đảng Cộng Hòa đã".

Mặc dầu trước đó, chính quyền Dân Chủ Kennedy đã từng mời những nhân vật Cộng Hòa tham chánh như MacNamara (Bộ trưởng Quốc phòng), Douglas Dillon (Bộ trưởng Ngân khố), John McCone (Giám đốc Trung ương Tình báo) nhưng lần đề nghị này đã bị nhiều lãnh tụ đảng Cộng Hòa phản đối vì sự phức tạp và phiêu lưu của nhiệm sở mới. Chỉ có Eisenhower là tán đồng và khen ngợi sự khôn khéo, khoáng đạt của Kennedy.

Ngày 18/6/1963, ông Lodge chính thức trả lời chấp thuận nhiệm vụ mới này.

"*Đại sứ Henry Cabot Lodge thuộc một gia đình vọng tộc của nước Mỹ. Thân phụ ông là một thi sĩ nổi tiếng, bạn thân với Tổng thống Theodore Roosevelt. Ngay từ thời thơ ấu, ông Lodge đã thường ăn cơm tại tòa Bạch Ốc và chơi thân với các cháu của Tổng thống Adams, đã đi thăm những nhân vật nổi tiếng như Edith Wharton ở Paris và Henri James ở Anh Quốc. Ông Calvin Coolidge, thời chưa làm Tổng thống, đã đến diễn thuyết tại trường ông Lodge ngày ông thi đỗ Tú tài. Và sau này, khi ông trở thành một ký giả trẻ của tờ báo Herald Tribune, Tổng thống Coolidge đã mời ông tham dự buổi tiệc với anh hùng Lindbergh. Nội tổ của ông Lodge là một Nghị sĩ đảng Cộng Hòa đối lập với Tổng thống Dân Chủ Wilson nhưng lại là người xây dựng cho ông Harding trở thành Tổng thống.*

Cabot Lodge đã từng làm Nghị sĩ nhưng khi thế chiến thứ hai bùng nổ, ông từ giã nghị trường và xin gia nhập vào binh chủng thiết giáp rồi trở thành đồng đội với tướng Paul Harkins mà sự tình cờ lịch sử đã đưa đẩy cả hai ông sau này cùng phục vụ tại Việt Nam thời Tổng thống Diệm. Việc ông Lodge gia nhập quân đội để được chiến đấu đã làm cho cả Tổng thống Roosevelt lẫn Thủ tướng Churchill hết sức ca ngợi. Cuộc đời binh nghiệp ngắn ngủi với chức Trung tá đã đưa ông lên đến địa vị Trung tướng trừ bị và trở thành bạn thân của danh tướng Norstad, Tư lệnh Quân đội đồng minh tại Âu Châu. Ông thường được mời đến Ngũ Giác Đài và các câu lạc bộ sĩ quan để nghe thuyết trình về tình hình quân sự, mặc dù ông không còn ở trong quân đội nữa.

Sau thế chiến thứ hai, ông trở lại hoạt động chính trị và đắc cử Nghị sĩ. Nhưng khi ra tái ứng cử lần nữa, ghế Nghị sĩ của ông lại lọt về tay ông John Kennedy vì khi giữ chức Chủ tịch Ủy Ban Trung Ương Vận Động Bầu Cử cho Tổng thống Eisenhower, ông đã tỏ ra quá khích.

Trong gần 10 năm giữ chức Đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc, ông thường chống đối gay gắt viên Đại sứ Nga Sô, nhưng khi Thủ tướng Khrushchev viếng thăm Hoa Kỳ thì Cabot Lodge lại làm người hướng dẫn. Tổng thống Lyndon Johnson tôn vinh Cabot Lodge là một nhà chính trị hoàn toàn bất vụ lợi. Còn George Marshall, Đại tướng kiêm chính trị gia, cũng đã ca ngợi: "Hễ khi nào quốc gia cần đến một người thì người đó phải là Henry Cabot Lodge".

Cuộc đời Henry Cabot Lodge từ trẻ đến già là một cuộc đời chứa đựng nhiều hoạt động, nhiều biến cố, nhiều bất ngờ,… Cuộc đời đó vẫn sống mãi với lịch sử trong huy hoàng".[13]

Đại sứ Henry Cabot Lodge là một chính trị gia tên tuổi của nước Mỹ. Ông đã kinh qua nhiều bậc thang chiến đấu: từ một nhà báo đến một chiến sĩ tại chiến trường, từ một Nghị sĩ trong chính trường đến đại diện cho quốc gia của ông tại Liên Hiệp Quốc, và nhất là vai trò thiết kế ra những chính sách quan trọng cho đảng Cộng Hòa. Ở địa vị nào ông cũng thành công, và tại "vũng lầy Việt Nam" ông đã tham dự vào một biến cố làm chuyển động lịch sử cả Mỹ lẫn Việt.

Năm 1963, độ một tháng sau kh lật đổ chế độ Diệm, ông bà Cabot Lodge đến nhà tôi ở đường Gia Long thăm viếng vợ chồng chúng tôi và yêu cầu chụp chung một tấm hình để làm kỷ niệm. Trong buổi gặp gỡ đó, ông Đại sứ và tôi đã ôn lại biến cố vừa qua để cùng nhau vừa tiếc vừa trách ông Diệm đã đặt tình nhà trên nợ nước, đã có những lời nói dứt khoát quyết liệt chống lại lãnh tụ Cộng Sản Hồ Chí Minh mà sau đó lại nghe lời em để thỏa hiệp với ông Hồ Chí Minh phản bội cả Việt Nam lẫn Mỹ.

Năm 1964, vào khoảng tháng Ba, khi tôi giữ chức Phó Thủ tướng đặc trách Văn Hóa Xã Hội và Lao Động trong chính phủ Nguyễn Khánh, Đại sứ Lodge đã trở lại thăm tôi tại văn phòng. Tôi với ông đã thảo luận gần năm tiếng đồng hồ để kiểm điểm tình hình chính trị và quân sự. Trong cuộc gặp gỡ này, tôi đã dùng hình ảnh "Thượng điền tích thủy hạ điền khan" của nông thôn Việt Nam để đề nghị với ông một kế hoạch chận đứng sự xâm nhập của quân Cộng Sản Bắc Việt vào miền Nam mới hy vọng vãn hồi và xây dựng được sức mạnh của Việt Nam Cộng Hòa. Ông lấy làm thích thú chăm chỉ nghe tôi trình bày kế hoạch thiết lập một "phòng tuyến" chạy dài từ bờ biển Nam Hải lên đến biên giới Lào–Việt, song song với quốc lộ số 9 để ngăn chận sự xâm nhập của quân Bắc Việt. Đi xa hơn, tôi đề nghị phải vận động với chính phủ Lào để kéo dài chiến tuyến ấy trên lãnh thổ Lào hầu cắt ngang đường mòn Hồ Chí Minh, còn phía biển, phải sử dụng tối đa lực lượng Hải Quân Việt Mỹ hỗn hợp để kiểm soát bờ biển, ít nhất là từ Đà Nẵng ra Quảng Trị. Tôi nói rằng "dù tát hết nước ruộng dưới mà ruộng trên cứ ào ạt đổ vào thì không bao giờ giải quyết được trận chiến tranh tại miền Nam." Tôi đã đưa ra những dẫn chứng Đông Tây, Cổ Kim để thuyết phục ông: Trương Lương đã đốt đường sạn đạo để chận đứng sự xâm nhập của quân Hạng Võ và ngăn ngừa ý định đào ngũ của những quân sĩ có đầu óc chủ bại muốn trốn về Trung Nguyên; Khương Duy đã nhờ dãy núi Kỳ Sơn giữ vững Tứ Xuyên một thời gian khá dài chống quân Tư Mã Ý. Chiến lũy Maginot đã buộc quân Đức Quốc Xã phải tiến về phía Hòa Lan mới vào được đất Pháp. Chiến tuyến 38 đã ngăn chận và đập tan mọi ý đồ của quân Bắc Hàn tấn công Nam Hàn. Và Khrushchev đã phải xây "Bức tường Ô Nhục" để chận làn sóng tị nạn của dân Đống Đức trốn qua Tây Bá Linh. Đại sứ Cabot Lodge đã công nhận những trình bày chiến lược của tôi là hợp lý và hứa sẽ thảo luận với các nhà làm chính sách tại Hoa Thịnh Đốn. Ngày ông từ giã Việt Nam, tôi viết một bài báo trên tờ "*Sống*" của Chu Tử để tiễn biệt ông và nhắc lại lời đề nghị lập Phòng Tuyến Bến Hải. Không biết Đại sứ Lodge có bàn bạc gì với chính phủ ông hay không, nhưng mấy năm sau (1968) một phòng tuyến đã được thiết lập đúng như lời tôi đã đề nghị và được gọi là "Chiến tuyến MacNamara". (Năm 1969–1970, trong khóa II của lớp Cao Đẳng Quốc phòng, Đại tướng Cao Văn Viên cũng đề nghị lập "Phòng tuyến Bến Hải"). Tiếc thay, khi Hoa Kỳ xây dựng phòng tuyến này thì chiến sự đã vô cùng sôi động, phòng tuyến MacNamara chỉ xây được 28 cây số rồi đành phải bỏ dở.

Ngày Đại sứ Cabot Lodge hồi hương, chính phủ Nguyễn Khánh thảo luận việc tặng cho ông một món quà kỷ niệm. Sau một hồi bàn bạc, tôi đề nghị tặng cho Đại sứ chiếc khăn đóng và chiếc áo gấm, một lưu niệm có màu sắc Đông phương. Đề nghị này được Hội Đồng Chính phủ thích thú chấp thuận rồi Thủ Tướng Nguyễn Khánh đề nghị nên thêm sáu chữ "Công dân danh dự Việt Nam" cho hợp với món quà chiếc khăn đen và tấm áo gấm. Trong tác phẩm "*Hai Mươi Năm Qua*", Đoàn Thêm có nhắc lại rằng: "Ngày 28 tháng 6 năm 1964, Đại sứ Cabot Lodge về Mỹ. Khi rời Sài Gòn, ông bận áo gấm, chít khăn xếp được hàng vạn người tiễn đưa ở phi trường Tân Sơn Nhất với cờ Việt–Mỹ la liệt, có cả Tăng Ni và rất đông sinh viên".

Sau khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, tôi vượt biển đến Thái Lan ngày 6/5/75 và xin tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ. Tháng 10 năm đó, tại trại tiếp cư Pendleton, ông Leo Leary Jr., một vị cựu Đại tá Hải quân vừa là bạn láng giềng vừa là đồng đội với Tổng thống Kennedy thời Đệ Nhị Thế Chiến trên mặt trận Thái Bình Dương (hiện ở Elsinore, California), đặc trách việc bảo trợ và nhập cảnh cho gia đình tôi (ra khỏi trại Pendleton), nhưng vì có nhiều thành kiến với số tướng lãnh Việt Nam tham nhũng nên đã tìm hỏi kỹ càng cựu Đại sứ Lodge về dĩ vãng của tôi. Và ông Lodge đã không ngần ngại trả lời: "Tướng Đỗ Mậu là vị tướng liêm chính nhất trong hàng tướng lãnh Việt Nam mà tôi được biết".

Thân phận tầm thường của tôi, xuất thân từ nơi bùn lầy nước đọng của miền Trung Việt Nam nghèo nàn, không ngờ lại có duyên nợ với một nhân vật chính trị tiếng tăm của đại cường quốc Hoa Kỳ. Và cái tình chiến hữu của những năm Việt Nam sôi động chiến tranh cuối cùng đã thành cái tình bằng hữu khi cả hai người đều trả lại những thăng trầm phù du cho đời vào cái tuổi tri thiên mệnh.

Nhắc lại, trước khi rời Hoa Kỳ để nhận nhiệm sở mới, ông Lodge đã được cả hai Bộ Quốc Phòng và Ngoại Giao trình bày đầy đủ về tình hình chính trị và quân sự của miền Nam cũng như của miền Bắc Việt Nam. Tổng thống Kennedy đã than với ông rằng: "…tôi đã phải mất quá nhiều thì giờ nhất cho vấn đề Việt Nam. Tôi muốn ông nghiên cứu kỹ lưỡng mọi vấn đề rồi gửi cho tôi những khuyến cáo cần thiết".

Hai tháng sau khi nhận lời với Tổng thống Kennedy, ngày 14/8 ông được toàn thể "Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện" biểu quyết tín nhiệm. Theo hồi ký của ông thì trước ngày lên đường (17/8), ông đã gặp một nhân vật Việt Nam tên tuổi tại Hoa Thịnh Đốn (mà ông giấu tên) và được vị này khuyến cáo "*Trừ khi bà Nhu và người chồng quá khích, cuồng tín của bà rời khỏi Việt Nam, không thì không một quyền lực nào trên thế gian này có thể ngăn chận được việc ám sát ông Diệm và vợ chồng Nhu*".[14]

Nhân vật này hẳn muốn ám chỉ đến những tiền lệ trong lịch sử và bóng gió muốn nhắc lại các vụ mưu sát ông Diệm tại Ban Mê Thuột (1957), vụ binh biến Nhảy Dù (1960) và vụ ném bom dinh Độc Lập (1962).

Trên chuyến bay về Á Châu mà chặng nghỉ đầu tiên là Nhật Bản, ông đã nói chuyện với nhà văn Eugene Burdich, tác giả cuốn *"The Ugly American"* nổi tiếng. Nhà văn này khuyên ông nên lưu ý đến những ý kiến của các ký giả kinh nghiệm hơn là của các nhân viên Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn.

Trong 4 ngày tại Tokyo, ông đã tìm hiểu thêm về giáo lý của đạo Phật qua một thiền sư Nhật Bản (bạn thân của một tăng sĩ Phật giáo Mỹ vốn là tri kỷ của ông nội ông), và đã ngăn cản kịp thời một nữ cư sĩ Việt Nam định tự thiêu trước khách sạn của ông để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của chế độ Diệm tại Việt Nam.

Đêm 20/8, trong khi Nhu tung quân càn quét các cơ sở chùa chiền Phật giáo thì ông Lodge đang ở Hồng Kông và nhận được công điện của Tổng thống Kennedy yêu cầu phải đi Sài Gòn gấp để nghiên cứu và đối phó với tình hình càng lúc càng sôi động tại Việt Nam.

Ông đến phi trường Tân Sơn Nhất ngày 22/8 và về thẳng tòa Đại sứ mà không tuyên bố gì với cả một đoàn quân báo chí đang đợi ông ở phi cảng. Ông đến Sài Gòn vào lúc chính quyền Hoa Thịnh Đốn đang bị phân hóa vì vấn đề Việt Nam và những nhân viên quan trọng Mỹ tại Sài Gòn cũng đang có những mâu thuẫn về lập trường đối với chế độ Diệm. Tướng Paul Harkins và trưởng nhiệm sở CIA Richardon thì ủng hộ ông Diệm, trong lúc phó đại sứ Williams Truhart lại quyết liệt chống đối hai anh em Diệm Nhu. Do đó mà trong mấy ngày đầu tiên, ông Lodge đã để nhiều thì giờ để nói chuyện với các ký giả, để tìm hiểu tình hình thật chính xác. Thượng tọa Trí Quang và Đại đức Nhật Thiện, lúc bấy giờ đang trú ẩn trong tòa Đại sứ Mỹ sau vụ tổng tấn công chùa chiền của Nhu, cũng đã là hai người khách của ông.

Ngày 24 tháng 8, Đại sứ Lodge đến dinh Gia Long trình ủy nhiệm thư lên Tổng thống Diệm. Ông Diệm tiếp Đại sứ rất niềm nở nhưng ông Đại sứ lại đã tỏ ra rất ưu tư về sự suy thoái đáng lo ngại của tình hình an ninh và chính trị. Sài Gòn vẫn ở trong tình trạng giới nghiêm. Chủ đích của Đại sứ Lodge lúc này là muốn tìm mọi cách để cứu vớt ông Diệm, bởi vì theo đại sứ thì trong tình trạng bi thảm này, nếu ông Diệm không cầm chính quyền nữa tình hình miền Nam sẽ trở nên rối loạn hơn. Tuy nhiên, trong cuộc đàm đạo với ông Diệm, đại sứ Lodge đã nhận thấy ông Diệm không chịu công nhận những lỗi lầm của ông ta mà chỉ kể đi kể lại cuộc đời thơ ấu của mình lúc còn ở Huế và liên tục nói những chuyện lạc đề đến nỗi ông Đại sứ phải cắt ngang câu chuyện để xin cáo từ.

Sau này, đại sứ Lodge cho những cộng sự viên thân cận biết: "Diệm không có khả năng cai trị đất nước, ngay cả nói chuyện mà cũng không nói được cho lưu loát". Trong lúc ông Lodge nói về những vấn đề đại sự quốc gia thì ông Diệm chỉ nhìn trần nhà rồi lắp bắp tuôn ra những lời nói hoàn toàn thiếu thực tế".[15]

Sau khi đã tiếp xúc với các giới chức chính thức, ông Lodge lại tìm cách mở rộng những tìm hiểu của mình đến các giới khác. Ông gặp riêng những người dân bình thường như anh em sinh viên, các người buôn bán dọc hè phố, các bác đạp xích lô, các binh sĩ Mỹ và Việt. Ông cũng đã gặp Đức Khâm Mạng Tòa Thánh Salvatore Aota, ông Patrick J. Honey, một giáo sư người Anh chuyên nghiên cứu về nghệ thuật văn chương Việt Nam và rất nắm vững tình hình người Việt vì có nhiều bạn bè trong giới trí thức, nghệ sĩ Việt Nam. Ông đã thấy

rõ những xe vận tải nhà binh mang dấu hiệu Hoa Kỳ do tài xế của Lực Lượng Đặc Biệt của ông Ngô Đình Nhu chở đầy học sinh về các trại giam. Ông được báo cáo về việc nhiều cô gái bị cảnh sát bắt giam và bị tra tấn, có người bị tra điện. Ông biết rõ Giám mục Ngô Đình Thục, người có ảnh hưởng lớn nhất của chế độ, đã ra lệnh đàn áp khủng bố Phật tử mặc dù chính Tòa Thánh La Mã đã bày tỏ sự lo âu và khuyến cáo. Ông cũng thấy rõ bà Nhu với "quyền lực ma quỷ" đã bắt buộc chồng và anh chồng là Tổng thống Diệm phải có những biện pháp quyết liệt nhất đối với Phật giáo. Ông có cảm tưởng bà Nhu rất thích thú với những hành động hung ác và dã man. Bà Nhu được báo Times đăng hình bìa với lời ghi chú về cách thức bà ta đối phó với những kẻ biểu tình: "*Phải đập chúng nó ba lần mạnh hơn*".

Sau khi nghiên cứu tường tận và tỉ mỉ, ông Lodge đã phải đồng ý với nhân vật Việt Nam tên tuổi ở Hoa Thịnh Đốn mà ông đã gặp trước kia là chỉ trừ phi bà Nhu và người chồng hung bạo của bà rời khỏi nước ông Diệm mới có thể cứu thoát được. Đại sứ Lodge đã gửi lời khuyến cáo đó về cho Tổng thống Kennedy" [16].

Căn cứ trên những phúc trình khác nhau từ Sài Gòn, so sánh với những bản tin của các chính phủ khác có tòa đại sứ tại Việt Nam và dựa vào lời khuyến cáo của ông Lodge, vào giữa tháng 9, Tổng thống Kennedy đã trả lời Walter Cronkite của đài truyền hình CBS rằng "*Chính phủ Diệm đã không được dân chúng Việt Nam ủng hộ nữa. Việc ông Diệm đàn áp Phật giáo là một hành động thiếu khôn ngoan và tôi nghĩ rằng phương thức đó không thể chiến thắng Cộng Sản nổi… Chỉ cần thay đổi chính sách, và có lẽ thay đổi nhân sự nữa, thì chính phủ Diệm mới tìm lại được hậu thuẫn của nhân dân miền Nam Việt Nam. Còn nếu ông Diệm không thực hiện cải cách thì tôi nghĩ rằng ông ta sẽ không có một hy vọng nào để chiến thắng Cộng Sản*". Lời tuyên bố này càng chứng tỏ Tổng thống Kennedy vẫn không muốn lật đổ ông Diệm, chỉ muốn ông Diệm thay đổi chính sách cai trị và chính sách nhân sự. Cho nên t uy tuyên bố như vậy nhưng Tổng thống Kennedy vẫn chưa có ý định cắt bỏ viện trợ để áp lực ông Diệm… Và tại Sài Gòn, ông Lodge đã khôn khéo diễn dịch một cách cụ thể lời của Kennedy bằng cách đề nghị với ông Diệm "nên để cho ông Nhu và em dâu rời khỏi Việt Nam cho đến khi cuộc khủng hoảng chính trị chấm dứt, liên hệ tốt đẹp giữa chính quyền và quần chúng được tái lập". Ông Diệm đã tỏ ra ngạc nhiên và bất mãn về đề nghị này, đề nghị mà ông cho là tìm cách chia rẽ gia đình ông và làm cho quốc gia mất đi những nhà lãnh đạo tài ba như ông bà Nhu (!!!).

Nhưng chỉ vài tuần sau đó thì ông Thục bị Tòa Thánh La Mã bắt buộc rời Việt Nam, và khi đến Rome, ông đã bị Tòa Thánh cấm không được tuyên bố chống đối Phật giáo nữa, còn bà Nhu thì cầm đầu một phái đoàn dân biểu đi Belgrade tham dự hội nghị Liên Hiệp Nghị Sĩ với ba chặng ghé là Ý, Pháp, và Mỹ để giải độc dư luận quốc tế.

Tại Paris, phái đoàn bị Việt kiều và sinh viên Việt Nam chống đối ném cà chua, trứng thối, còn báo chí Pháp thì chất vấn dữ dội về vụ đàn áp Phật giáo. Tại La Mã, bà Nhu đã khuyến cáo Giáo Hoàng nên khôn ngoan hơn vì những vấn đề "đời" không thuộc thẩm quyền của Giáo Hoàng. Và tại Nữu Ước, ngày 25–9, bà tuyên bố rằng những sĩ quan Mỹ chiến đấu tại Việt Nam đã có thái độ như con nít, không biết cách làm việc. Trước sự khiêu khích và miệt thị đó, ông Lodge đã phải từ bỏ những ngôn ngữ ngoại giao lịch sự để gọi bà Nhu là một thứ Rồng Cái (*Dragon Lady*) và lấy thái độ quyết liệt hơn để nói lên sự công phẫn của quần chúng và quốc hội Mỹ: "Thật là một lời tuyên bố đầy xúc phạm. Hàng ngày đã có những quân nhân Mỹ hy sinh và nhiều khi bỏ mình bên cạnh những đồng đội Việt Nam, cho nên thật là khó hiểu khi có người đã thốt ra những lời độc ác như vậy. Những sĩ quan Mỹ đang hy sinh đó đáng lẽ được biết ơn thì lại bị chửi rủa". (Tất nhiên khi đã muốn đuổi Mỹ và bắt tay với Hà Nội, bà Nhu mới có những lời lẽ như vậy: ghi chú của tác giả).

Tuy nhiên, mặc dù tình trạng căng thẳng như vậy nhưng đại sứ Lodge vẫn tìm cách cứu vớt ông Diệm và cũng để cứu luôn ông ta. Ông đã buộc phải nói rõ cho ông Diệm hai điều kiện: Thứ nhất là phải đưa ông Nhu ra khỏi nước, thứ hai là phải hòa giải với phong trào đòi tự do tôn giáo của Phật giáo. Trong lúc đó thì sau khi nghe tường trình của Bộ trưởng Quốc phòng MacNamara và Tướng Taylor vừa từ Việt Nam về, Tòa Bạch Ốc đã tuyên bố một cách hoà dịu để khỏi làm mất mặt ông Diệm: "Chúng tôi sẽ tiếp tục chính sách cộng tác với nhân dân và chính phủ miền Nam để chống lại Cộng Sản".

Mặc dù chính Tổng thống Kennedy công khai tỏ thái độ nhân nhượng nhưng tình hình vẫn càng lúc càng căng thẳng hơn, ông Diệm vẫn ngoan cố còn ông Nhu thì chẳng những không chịu rời khỏi nước nhà mà còn âm mưu bắt tay với Cộng Sản và cứng rắn đối với Phật giáo. Chính phủ Mỹ buộc phải làm áp lực bằng cách chấm dứt một vài khoản viện trợ. Trước hết là cắt viện trợ về sữa, trị giá 4 triệu Mỹ kim, và bà Nhu khi nhận được tin này ở Nữu Ước, đã tuyên bố rằng người Việt Nam không cần sữa, sữa chỉ để cho heo ăn. Sau khi Mỹ

tuyên bố cắt ngân khoản viện trợ kia thì tin đồn nổi lên khắp Sài Gòn rằng Đại sứ Cabot Lodge, ông Mecklin và nhiều nhân viên tòa đại sứ Mỹ sẽ bị ám sát… đến nỗi Đại sứ Lodge phải có súng riêng bên cạnh mình.

Sau đó, chính phủ Mỹ cũng chấm dứt luôn khoản viện trợ 250.000 Mỹ kim là « chi phí hành chánh » của Lực lượng Đặc biệt của Đại tá Lê Quang Tung, đội quân riêng của ông Ngô Đình Nhu [17].

Đồng thời, giám đốc CIA tại Sài Gòn là Richardson, một người thân tín của Nhu, cũng bị gọi về Hoa Thịnh Đốn.

Ngày 19-10, Tòa Đại sứ báo cho Đại tá Tung biết là viện trợ chỉ tiếp tục tháo khoán khi nào Tung đồng ý thông báo cho ố vấn Mỹ của lực lượng biết các cuộc di chuyển, và lực lượng chỉ có nhiệm vụ chiến đấu chống Cộng Sản mà thôi. « *Trong lúc đó, tướng lãnh Việt Nam Cọng Hòa cho Tòa đại sứ biết họ có kế hoạch tổ chức một cuộc đảo chánh. Họ không đòi Mỹ giúp đỡ vì nó là vấn đề nội bộ Việt Nam. Tuy nhiên, đó sẽ là một cuộc đảo chánh thân thiện với Hoa Kỳ và yêu cầu Hoa Kỳ đừng có hành động chống đối. Về phía người Mỹ, Tòa đại sứ cũng cho biết không thể giúp đỡ nhóm đảo chánh được, sẽ không chống đối nhưng xin được thông báo đầy đủ tin tức* » [18].

Về phía quân đội Việt Nam mà tướng Trần Văn Đôn được coi là đại diện với tư cách Quyền Tổng Tham mưu trưởng, sau nhiều lần trình lên ông Diệm những đề nghị cải cách chế độ nhưng không được chấp thuận, đã thế anh em ông Diệm lại còn dùng thủ đoạn lạm dụng danh nghĩa quân đội khi tấn công chùa chiền để tạo uy thế trong quần chúng, nên ngày 23–8 (ba ngày sau khi chùa chền bị tấn công) tướng Đôn cho mời một người Mỹ bạn thân của ông là Trung tá CIA Conein đến gặp để trao đổi quan điểm về cuộc khủng hoảng. Ông Đôn cho biết quân đội không tham dự vào hành động bạo tàn của nhà Ngô trong việc đàn áp Phật giáo. Ngược lại, Conein cũng cho tướng Đôn biết thì về phía Mỹ, dù đại sứ Nolting từ trước vốn rất thân thiện với anh em ông Diệm nhưng sau vụ tấn công chùa chiền mà nhiều ký giả Mỹ đã ví von giống như hành động của quân xung phong SS của Đức Quốc Xã, thì liên hệ giữa ông Diệm và Đại sứ Nolting trở nên căng thẳng, dù trong thâm tâm ông Nolting vẫn còn ủng hộ ông Diệm.

Cũng sau vụ tấn công chùa chiền 20-8, một số tướng lãnh gồm có Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, thường đến gặp hai tướng Khiêm và Đính tại Bộ Tổng tham mưu để thảo luận phương cách áp dụng lệnh giới nghiêm thế nào cho quân đội ít bị dính líu đến âm mưu của ông Nhu nhất. Ngày 5 tháng 9, hai tướng Đôn và Đính mà anh em nhà Ngô vẫn còn rất tin tưởng, gửi tờ trình lên ông Diệm với hai đề nghị: một là bãi bỏ lệnh thiết quân luật, và hai là tạm đưa ông bà Nhu ra nước ngoài để xoa dịu lòng quân dân. Mấy ngày sau, ông Diệm cho gọi tướng Đôn vào dinh Gia Long quở trách hai ông Đôn và Đính đã có nhiều tham vọng, đồng thời ông Nhu đã bôi nhọ tướng Đính bằng cách tung cho báo chí biết tin tướng Đính xin làm Bộ trưởng Nội vụ, rồi cho tướng Đính đi nghỉ ở Đà Lạt ít ngày với lý do "tinh thần căng thẳng".

Trước thái độ tham quyền cố vị và đầu óc ngoan cố đó, trước cuộc khủng hoảng chính trị càng lúc càng đẩy miền Nam vào suy thoái, và trước nguy cơ của một thỏa hiệp bất lợi và nguy hiểm với Cộng Sản, tướng Đôn quyết định dứt khoát và cụ thể hóa thái độ chống đối của quân đội bằng một cuộc chính biến mà mở đầu là một cuộc binh biến do quân đội phát động. Sau khi vận động được tướng Tôn Thất Đính vào tổ chức để nắm vững Quân Đoàn III và đặc biệt khu vực Sài Gòn–Gia Định, tướng Đôn bèn mở rộng tổ chức bằng cách liên kết với các lực lượng quân, dân, chính khác. Đến đầu tháng 10 năm 63 thì các kế hoạch binh biến đã thành hình và lực lượng cách mạng đã vững mạnh, chỉ còn chờ ngày phát động. Lúc bấy giờ bộ chỉ huy cuộc chính biến mới bắt đầu giải quyết vấn đề người Hoa Kỳ.

Ngày 2 tháng 10 tại Nha Trang, tướng Đôn cho Conein biết quân đội quyết định lật đổ chế độ Diệm; đồng thời đề nghị tướng Dương Văn Minh gặp Conein. Ngày 5 và 10 tháng 10, Conein đến gặp tướng Minh và được biết thái độ của lực lượng cách mạng đối với anh em ông Diệm cũng như đối với người Mỹ. Đối với anh em ông Diệm thái độ được phản ánh bằng ba chọn lựa: Chọn lựa thứ nhất là ám sát vợ chồng Nhu và Cẩn nhưng vẫn giữ lại ông Diệm làm Quốc trưởng; chọn lựa thứ hai là bao vây Sài Gòn làm áp lực đòi hỏi ông Diệm cải tổ chính sách và nhân sự; và chọn lựa thứ ba là đánh tan Lực lượng Đặc biệt và Lữ đoàn Liên binh Phòng vệ Tổng Thống phủ (cả hai gồm độ 6000 người) rồi mới gặp ông Diệm để đưa yêu sách cải tổ chế độ. Trong cả ba trường hợp đều duy trì ông Diệm làm nguyên thủ quốc gia, chỉ triệt tiêu ảnh hưởng và quyền lực chính trị của các anh em ông Diệm mà thôi.

Riêng đối với Mỹ, tướng Minh đại diện cho lực lượng cách mạng đã không yêu cầu một yểm trợ chính trị, quân sự hay tình báo nào trước và trong ngày cách mạng, mà chỉ yêu cầu Hoa Kỳ không tìm cách ngăn chận cuộc chính biến, và đặc biệt sau khi cách mạng thành công thì vẫn tiếp tục chương trình quân viện và kinh viện cho VNCH để miền Nam phục hồi sức mạnh chống Cộng và xây dựng dân chủ.

Ngày 28 tháng 10, nghĩa là sau khi đã quyết định lấy ngày 1–11–63 làm ngày phát động, tướng Đôn gặp ông Lodge trong buổi tiễn ông Diệm đi Đà Lạt tại phi trường Tân Sơn Nhất (ông Lodge được ông Diệm mời theo trong chuyến kinh lý này) và được đại sứ Lodge cho biết chánh phủ Hoa Kỳ tỏ ý ủng hộ một cuộc thay đổi chế độ. Đây là cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa tướng Đôn, đại diện tướng lãnh với một nhân vật có thẩm quyền của chính quyền Mỹ. Khi được hỏi về thời điểm phát động, tướng Đôn đã từ chối không cho biết và nhấn mạnh rằng cuộc chính biến là một biến cố hoàn toàn thuộc về nội bộ của người Việt Nam. Ngay tối hôm đó, Conein lại đến gặp tướng Đôn và khẩn khoản xin biết ngày giờ phát động để có những biện pháp an ninh cho các cơ sở và nhân viên Hoa Kỳ, nhưng một lần nữa tướng Đôn lại từ chối và chỉ hứa cho biết trước trong một thời gian rất ngắn mà thôi.

Tối 28 tháng 10 tại Đà Lạt (nghĩa là hai ngày trước cuộc đảo chánh), ông Diệm mời ông Lodge, Đại tá Dunn và vợ chồng Thị trưởng Trần Văn Phước ăn cơm. Trong bữa tiệc này, ông Diệm đã trách Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ một cách vô lý. Lời trách móc này tuy không hữu lý nhưng cũng đã làm cho đại sứ Lodge phấn khởi và xem đó như một dấu hiệu của sự hồi tâm và sáng suốt của ông Diệm. Ngày 29 tháng 10, trên chuyến phi cơ trở về Sài Gòn, ông Lodge đã bắt đầu nuôi hy vọng ông Diệm sẽ cho Ngô Đình Nhu rời khỏi nước [19].

Nhưng cũng trong ngày 29 tháng 10 đó, hai tướng Đôn và Đính gặp nhau tại Nha Trang để duyệt xét lại lần chót kế hoạch đảo chánh. Trong dịp này, tướng Đính yêu cầu tướng Đôn bảo vệ sinh mạng cho ông Diệm như trước đó tướng Khiêm đã đồng ý.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, vào khoảng 11 giờ sáng (hai giờ trước khi tiếng súng cách mạng bắt đầu nổ), tướng Đôn báo cho Conein biết cuộc binh biến sẽ bắt đầu vào buổi trưa và yêu cầu Conein đến Bộ Tổng Tham mưu để làm liên lạc viên giữa lực lượng cách mạng và các cơ quan Quân–Dân–Chính của Hoa Kỳ tại Việt Nam nếu cần. Conein bèn mặc quân phục, mang theo một khẩu 375 Magnum và một gói tiền độ 3 triệu đồng Việt Nam rồi đến Bộ Tổng Tham mưu.

Cũng cần phải nói rõ rằng số tiền ba triệu đồng Việt Nam do Conein mang đến đã không được một tướng lãnh nào hay biết trừ tướng Đôn. Tướng Đôn không bao giờ trình bày cho Hội Đồng Tướng Lãnh biết có nhận số tiền đó của Conein hay không, và nếu có thì đã sử dụng vào việc gì. Ký giả Karnow trong "*Vietnam: A History*" trình bày rõ ràng trưa 1 –11–1963, Conein khi tới Bộ Tổng Tham mưu gặp tướng Đôn đã mang theo một số tiền ba triệu đồng Việt Nam để "quân nổi dậy sử dụng nếu cần" (in case the insurgents needed funds). Ta thấy rằng cuộc cách mạng thành công là hoàn toàn nhờ đáp ứng đúng nguyện vọng của toàn dân, nhờ quyết tâm nhất trí của quân đội, và nhờ kế hoạch tổ chức tinh vi chứ đâu có nhờ tiền, huống gì khi Conein mang tiền đến Bộ Tổng Tham mưu thì giờ phát động cách mạng sắp điểm, quân đội còn cần tiền làm gì nữa. Ước mong rằng tướng Trần Văn Đôn giải tỏa nghi vấn nhỏ này để quân đội dưới quyền ông lúc bấy giờ khỏi mang tiếng và để sự trong sáng của cách mạng khỏi mang một tỳ vết nào. (Tướng Đôn đã không đề cập đến số tiền này trong Hồi ký "*Our Endless War*" của ông ta).

Như vậy, kể từ ngày 5 tháng 10, khi tướng Minh chính thức tiếp xúc với Conein để trình bày quan điểm và quyết định của Lực Lượng Cách mạng cho đến ngày 1 tháng 11 năm 1963, khi tiếng súng cách mạng bùng nổ, trong không đầy một tháng ngắn ngủi nhưng sôi động đó, quả thật đã có những liên lạc giữa lực lượng cách mạng và chính quyền Mỹ (qua trung gian không phải chỉ Conein mà còn Đại sứ Lodge nữa). Sự liên lạc đó tuy chỉ có tính cách thông tin nhưng bản chất thật sự của nó là bản chất của một cuộc đấu tranh chính trị quốc tế. Thật vậy, không cần sau này phải viện dẫn vào nội dung hai bức công điện của Thứ trưởng Ngoại giao Roger Hillsman (ngày 24 tháng 8) [20], và của Đại sứ Lodge (ngày 29 tháng 8), lúc bấy giờ, tại Việt Nam ai cũng biết đa số nhân vật trong chính quyền Hoa Kỳ muốn nhanh chóng giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị xã hội tại Việt Nam mà cụ thể và bắt đầu là ông Diệm phải dứt khoát loại trừ ảnh hưởng của những người anh em khỏi chính quyền.

Tuy nhiên, ước muốn đó vẫn chưa hoàn toàn phản ánh trung thực chính sách của Hoa Kỳ vì vẫn còn nhiều người Mỹ khác tiếp tục ủng hộ ông Diệm (Phó Tổng thống Johnson, Bộ trưởng MacNamara, Giám đốc CIA Colby, Paul Harkins, Richardson, Nolting) đến nỗi Tổng thống Kennedy phải than "Lạy Chúa, chính phủ

của tôi đang bị tan ra từng mảnh" (My God! My government is coming apart), và ngay cả bức công điện của Roger Hillsman cũng đã không được Tổng thống Kennedy hay Ngoại trưởng Dean Rusk duyệt xét trước vì hai ông này lúc bấy giờ không có mặt tại Hoa Thịnh Đốn. Chẳng những thế, trước những tin đồn và những dấu hiệu về rất nhiều cuộc đảo chánh tại Sài Gòn, cũng như để chận đứng những diễn dịch sai lầm về bức công điện vượt quyền của Hillsman, ngày 30 tháng 8, Tổng thống Kennedy đã đánh một điện tín khẩn cấp cho ông Lodge vào ngày 30/8 để "hủy bỏ cái điện tín ngày 24/8 và 29/8 – ngay tại Hoa Kỳ. Sự hủy bỏ đó đã vô hiệu hóa những lời lên án chính quyền Kennedy về hành động cho phép, ghi nhận hay khuyến khích một cuộc chính biến tại Nam Việt Nam" [21].

Trước thái độ thiếu cương quyết và chưa rõ ràng như thế, các tướng lãnh vốn đã tổ chức cuộc chính biến từ mấy tháng trước đó, nay quyết định chính thức thông báo cho chính quyền Hoa Kỳ về sự hiện diện và về quyết định lật đổ chế độ của quân đội. Đó là một "nước cờ" ngoại giao ngoạn mục nhắm hai mục tiêu: *thứ nhất* là kéo Hoa Kỳ ra khỏi thế liên minh bất đắc dĩ với ông Diệm một cách dứt khoát và vĩnh viễn, và *thứ hai* là tạo một liên hệ tốt đẹp ngay từ bây giờ để chuẩn bị cho một tương quan đồng minh cần thiết sau cuộc chính biến.

Và mục tiêu thứ hai này mới là mục tiêu quan trọng.

Vì dù chính quyền Kennedy có đồng ý hay không, có phá hoại hay không, thì lực lượng cách m ạng cũng đã được tổ chức rồi và cũng đã được cuốn hút vào cao trào chống đối chế độ của toàn dân. Riêng các tướng lãnh như Minh, Đôn, Kim, Đính, Khiêm, họ ở vào cái thế không thể lùi được nữa: các bộ phận khác của quân đội do những sĩ quan cấp tá tổ chức sẽ tiến hành cuộc cách mạng, dù có hay không có họ! Do đó, khi liên lạc với Tòa đại sứ Hoa Kỳ, mà qua đó đánh dội về Hoa Thịnh Đốn, mục tiêu chính vẫn là duy trì được một giao hảo tốt đẹp giữa hai nước để Hoa Kỳ không những sẽ giúp miền Nam hồi phục lại được sức mạnh mà còn yểm trợ miền Nam dồi dào hơn cho một cuộc thư hùng Quốc Cộng chắc chắn sẽ khốc liệt hơn sau này.

Làm một cuộc chính biến để lật đổ một chế độ là việc khó nhưng vẫn không khó bằng sau cuộc chính biến đó đất nước sẽ mạnh hơn. Cho nên "nước cờ" ngoại giao đó của các tướng lãnh là một hành động chính trị khôn ngoan và cần thiết để bảo đảm cho đất nước sẽ mạnh hơn sau này mà thôi. (Tiếc rằng, nếu họ đã thành công trong lãnh vực duy trì được một mối giao hảo tốt với đồng minh Hoa Kỳ thì ở những lãnh vực khác, họ đã thất bại và tạo ra một chuỗi dài những xáo trộn mà tôi sẽ đề cập ở chương tiếp theo).

Quy luật chính trị và những đòi hỏi của tình thế rõ ràng như thế, nhưng những kẻ muốn bôi nhọ ý nghĩa lịch sử và giá trị cách mạng của ngày 1/11/63 sau này đã cố tình bóp méo lịch sử bằng hai sự kiện hoàn toàn không có thật [22]: *thứ nhất* là họ cho rằng nếu Mỹ không "bật đèn xanh" thì quân đội và nhân dân miền Nam không đủ sức và không dám làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ Diệm, *thứ nhì* là họ cho rằng chính chính quyền Kennedy là kẻ chủ xướng và điều động cuộc cách mạng 1/11/63.

Sự thật cho ta thấy dù biết ông Diệm bắt tay với Cộng Sản, dù biết ông Diệm không chấp nhận các khuyến cáo nhằm cải tổ chế độ, chính quyền Kennedy vẫn lúng túng không có một sách lược rõ ràng và trên mặt nhân sự, vẫn chia làm hai phe rõ rệt. Cho đến khi biết chắc rằng có một lực lượng cách mạng, với sự tham dự của quân đội, quyết định lật đổ chế độ, chính quyền Kennedy mới bày tỏ sự tán đồng của mình, mới tìm cách gây liên hệ tốt.

Như vậy, rõ ràng cuộc cách mạng ngày 1–11–1963 hoàn toàn do quân dân Việt Nam lúc bấy giờ thực hiện, và người Mỹ, đứng trước những khó khăn phức tạp của tình hình đã phải thụ động dựa vào đó để giải quyết những khó khăn của họ. Vậy thì chính quân đội Việt Nam đã "bật đèn xanh" cho Mỹ chứ đâu phải Mỹ "bật đèn xanh" cho quân đội Việt Nam như nhóm Cần Lao Công giáo và một số ký giả Mỹ đã vô tình hay cố ý xuyên tạc. Những kẻ dùng luận điệu để xuyên tạc quân đội Việt Nam đã làm tay sai cho Mỹ trong cuộc đảo chánh 1–11–63 thật ra chỉ muốn tìm cách "cả vú lấp miệng em" để che giấu sự kiện chính ông Diệm mới là người đã được Hoa Kỳ "bồng" về Việt Nam cầm quyền, chính CIA đã giúp ông Diệm lật đổ vua Bảo Đại, đánh tan các giáo phái để ông Diệm trở thành Tổng thống làm nhiệm vụ bảo vệ tiền đồn chống Cộng cho Hoa Kỳ. Tôi muốn nói họ xuyên tạc chính nghĩa cách mạng 1–11–1963 và đã tìm cách che giấu tư cách "con cờ và tay sai" thực thụ cho Mỹ của ông Diệm. Tôi muốn nhắc nhở nhóm Cần Lao Công Giáo rằng tướng lãnh Việt Nam năm 1963 đã không có thái độ hèn nhát như ông Diệm năm 1955 trong cuộc tranh chấp với vua Bảo Đại phải nhờ Landsdale cầu cứu với Ngoại trưởng Foster Dulles mà tôi đã kể rõ trong chương V.

Nói tóm lại, yếu tố thứ nhì, "yếu tố người Mỹ", là một yếu tố có thật. Nó đã dính dự và tác động vào chính trường Việt Nam từ khi chế độ Ngô Đình Diệm thành hình. Cho nên trong nỗ lực chấm dứt chế độ đó, lực lượng Cách mạng đã phải đối diện với nó. Và đã giải quyết một cách khôn ngoan nhất trong điều kiện chính trị và lịch sử lúc bấy giờ. Sau này khi đã rút lui khỏi chính trường, ông Lodge cũng đã công nhận rằng:

"*Cuộc binh biến ngày 1-11-1963 là một biến cố hoàn toàn thuộc nội bộ Việt Nam. Vì thiếu sự xâm nhập vào chính trường khúc mắc của Việt Nam nên chúng ta không thể tổ chức đảo chánh ví dụ như chúng ta muốn. Chúng ta cũng không thể chận đứng được binh biến. Chính sách của chúng ta theo chỉ thị của Tổng thống Kennedy là "không chống phá và không ngăn chận một cuộc binh biến". Chúng tôi đã thi hành triệt để chính sách này. Tôi tự hỏi rằng những người viết 'The Pentagon Papers" đã tiết lộ tất cả mọi chuyện, tại sao họ lại không tiết lộ việc bức điện tín ngày 24-8 (của Hillsman) đã bị hủy bỏ bởi bức điện tín ngày 30-8. Phải chăng họ đã không biết đến sự kiện đó?*" [23].

Ngoài ra, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một trong những lãnh tụ đảng Đại Việt cũ, và là người có nhiều đồng chí quan trọng tham dự tích cực vào ngày cách mạng 1/11/63 như Huỳnh Văn Tồn, Nhiễu, Lương, Dương Hiếu Nghĩa, Nhan Minh Trang v.v… cũng đã đưa ra những nhận định và dữ kiện chính xác sau đây:

Bây giờ thì ta đã thấy rằng chính phủ Hoa Kỳ không quyết tâm lật đổ Diệm, và trong mọi trường hợp, chắc chắn là không muốn Diệm bị giết. Việc lật đổ và sát hại xảy ra là chỉ do một số tướng lãnh Việt Nam. Người Mỹ đã không thúc đẩy họ đảo chánh, người Mỹ chỉ không ngăn chận họ mà thôi. Trong tấn bi kịch này, nhân viên tình báo Trung ương Mỹ có đầy đủ tin tức nhờ mối quan hệ của họ với những kẻ chủ mưu như Bác sĩ Trần Kim Tuyến, Phạm Ngọc Thảo, tướng Trần Thiện Khiêm trước khi chính cơ quan này liên lạc một cách chính thức với Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh. Họ đã phục vụ chính phủ họ bằng cách cung cấp đầy đủ tin tức về những chuyện mà người Việt Nam muốn làm, và quá lắm là họ chỉ tìm cách để Trần Kim Tuyến thay thế Ngô Đình Nhu. Họ thất bại trong cố gắng tách rời Diệm khỏi Nhu và trong cố gắng ngăn chận cho Diệm khỏi bị ám sát khi mà sự ngoan cố của Diệm đã làm cho cuộc đảo chánh trở thành một việc không tránh được… [24].

Quả thật giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã có những nhận xét trung thực và nghiêm chỉnh của một nhà chính trị có kinh nghiệm đấu tranh lâu năm và của một nhà viết sử lương thiện. Có lẽ một phần nhờ ông có nhiều cán bộ đảng viên quân đội dưới quyền các tướng lãnh đảo chánh, đã cho ông những tin tức nội bộ và phần khác có lẽ nhờ ông chịu nghiên cứu kỹ càng các tài liệu và công điện nói về chính biến 1963, đặc biệt là tài liệu và công điện được ghi trong cuốn "*The Pentagon Papers*" mà giá trị khả tín của cuộc sách này cũng như tên tuổi của tác giả Neil Sheehan không ai có thể phủ nhận được.

Qua phân tách trên đây của giáo sư Huy, ta có thể chia sự liên hệ móc nối giữa chính quyền Hoa Kỳ và các tướng lãnh Việt Nam làm hai giai đoạn: *giai đoạn đầu* giữa CIA Sài Gòn với nhóm thân CIA là tướng Khánh, tướng Khiêm, Đại tá Phạm Ngọc Thảo (làm việc cho Bác sĩ Trần Kim Tuyến), và *giai đoạn sau* giữa chính quyền Hoa Kỳ và nhóm của tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, thành phần chính thức tổ chức và lãnh đạo cuộc chính biến cũng như chịu trách nhiệm trước lịch sử và quốc dân. Hai nhóm tướng lãnh này, một tháng trước khi phát động cuộc chính biến đang là hai nhóm biệt lập và nghi ngại nhau. Cần phải nhớ rõ điều đó thì mới biết được mức độ can dự vào biến cố 1963 của Hoa Kỳ như thế nào và từ bao giờ.

Như hồi ký của các tướng lãnh và nhiều tài liệu quốc tế tiết lộ thì dự định và kế hoạch lật đổ các ông Diệm–Nhu đã được manh nha từ sau đêm 20/8/1963, khi các ông Diệm–Nhu ra lệnh tấn công chùa chiền. Về phía Hoa Kỳ, ý muốn đẩy ông Ngô Đình Nhu ra khỏi chính quyền Việt Nam và *nếu Diệm chống đối thì đẩy luôn cả Diệm*, đã được phát hiện qua công điện ngày 24/8/1963 của phụ tá Ngoại trưởng Hilsman gởi cho Đại sứ Cabot Lodge tại Sài Gòn ("*The Pentagon Papers*", tr. 194–195).

Ngày hôm sau, công điện ngày 25/8/ 1963, (theo Pentagon Papers trang 195), của Đại sứ Lodge trả lời Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cho biết việc đòi hỏi ông Diệm xa lánh ông Nhu là vô ích mà nên đi thẳng với các tướng lãnh (ngụ ý nên tính đến chuyện đảo chánh nhưng công điện không cho biết tên tuổi tướng lãnh nào: ghi chú của người viết).

- Công điện ngày 26/8/1963 của John Richardson, chủ nhiệm CIA Sài Gòn, gởi cho CIA Trung ương, báo cáo việc đã liên hệ được với tướng Khiêm và tướng Khánh, hai vị tướng mà nhiều người biết là thân Mỹ và thân CIA, đặc biệt tướng Khiêm lại là bạn thân của bác sĩ Tuyến và đại tá Thảo, những người làm việc chặt chẽ với CIA ("*The Pentagon Papers*", tr. 195, 196).

- Công điện ngày 28/8/1963 gởi CIA Trung ương báo cáo cuộc gặp gỡ giữa Conein và Khiêm cho biết hầu hết tướng lãnh (trừ tướng Đính và tướng Cao) đều muốn đảo chánh. Nếu không vô hiệu hóa được Tướng Đính và Đại tá Tung thì đụng độ sẽ xảy ra khắp Sài Gòn và số thiệt hại nhân mạng có thể ở mức độ trầm trọng. ("*The Pentagon Papers*", tr. 196, 197).

- Công điện ngày 31/8/1963 của tướng Harkins ở Sài Gòn gởi cho tướng Taylor, Tổng Tham Mưu trưởng, báo cáo chấm dứt "Âm mưu Tháng Tám" (End of August Plot). Công điện nói rằng tướng Khiêm cho biết lúc này tướng Minh đã chấm dứt mọi kế hoạch để theo một phương án khác. Khánh và Khiêm cũng bỏ kế hoạch cũ để đi theo tướng Minh. Khiêm cũng biết Phạm Ngọc Thảo vẫn tiếp tục theo kế hoạch cũ nhưng ít người tin tưởng ở Thảo vì quá khứ Việt Cộng của ông ta. ("*The Pentagon Papers*", tr. 202).

Cho đến đây, ta thấy rằng Mỹ đã tiếp xúc với các tướng Khánh, Khiêm và đại tá Thảo vốn là những người thân với CIA. Đằng sau tướng Khiêm thấp thoáng bóng tướng Minh, nhưng tự thân tướng Minh thì không tiếp xúc với Mỹ. Và vì đã có sự nghi ngại nhau nên tướng Minh chấm dứt kế hoạch cũ (August Plot) để tìm một phương án khác. Thế là chấm dứt giai đoạn Một.

Giai đoạn Hai là giai đoạn tướng Dương Văn Minh đại diện cho nhóm các tướng Đôn, Khiêm để tiếp xúc với Trung tá Conein và đã được trình bày rõ qua những công điện sau đây:

- Công điện ngày 5/10/1963 của Đại sứ Lodge gởi về Bộ Ngoại Giao báo cáo về cuộc gặp gỡ giữa trung tá Conein và tướng Dương Văn Minh theo lời yêu cầu của tướng Minh.

Cuộc gặp gỡ này diễn ra tại Bộ Tư Lệnh của tướng Minh ở trại Lê Văn Duyệt trong 1 giờ 10 phút. Cuộc gặp gỡ diễn ra chỉ có hai người và đối thoại bằng tiếng Pháp. ("*The Pentagon Papers*", tr. 213–215).

Trong cuộc hội kiến này:

1. Tướng Minh muốn biết lập trường của chính phủ Mỹ nếu có thay đổi chính phủ Việt Nam trong một tương lai gần.

2. Tướng Minh nói rõ ông **không cần một sự giúp đỡ đặc biệt nào** trong việc ông ta và các đồng chí quyết định lật đổ ông Diệm. Nhưng ông ta cần một sự bảo đảm của chính phủ Mỹ là đừng để lộ ý định của tướng lãnh.

3. Tướng Minh nhấn mạnh mục đích chính của ông ta chỉ là muốn chiến thắng Cộng Sản mà muốn thế thì **viện trợ quân sự và kinh tế phải được tăng lên** cao hơn mức độ ngày nay.

4. Tướng Minh phác thảo kế hoạch "thay đổi chính phủ" bằng ba cách:

- một là ám sát Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn nhưng giữ ông Diệm lại địa vị Tổng thống.

- hai là bao vây Sài Gòn bằng nhiều đơn vị khác nhau, đặc biệt là đơn vị Bến Cát.

- ba là trực tiếp đối đầu giữa quân Cách mạng và quân trung thành với chính phủ mà con số tại Sài Gòn độ 5500 người.

Conein cho tướng Minh biết rằng ông ta không thể trả lời được câu hỏi về việc chính phủ Hoa Kỳ dính líu vào biến cố đảo chánh, cũng như không thể đưa ra những khuyến cáo về các kế hoạch đảo chánh.

5. Tướng Minh cho biết ông lo ngại tướng Khiêm vì tướng này đã chơi trò hàng hai trong vụ "Âm mưu tháng Tám". Tướng Minh yêu cầu Conein giao cho ông ta bản sao và tài liệu căn cứ Long Thành và kho đạn để ông ta đích thân so sánh tài liệu đã giao cho Khiêm.

6. Tướng Minh cho biết lý do ông ta cần hành động gấp vì có nhiều cấp chỉ huy Trung đoàn, Tiểu đoàn, Đại đội cũng có kế hoạch đảo chánh mà nếu họ thất bại thì thật là một thảm họa vô cùng to lớn.

Toàn bộ công điện trên đây cho thấy rõ rằng: 1) trước ngày 5/10/1963, ông Minh chưa hề tiếp xúc với Mỹ, 2) không cần Mỹ giúp đỡ trong việc đảo chánh, 3) yêu cầu tiếp tục quân và kinh viện sau khi thay đổi chính phủ.

- Công điện ngày 30/10/1963 (một ngày trước khi xảy ra chính biến) để trả lời ông Bundy về sự lo ngại của Hoa Thịnh Đốn, đại sứ Lodge trình bày rằng: người Mỹ **không đủ tư thế để trì hoãn hay làm nản chí** âm

mưu đảo chánh. Và tướng Đôn đã xác định nhiều lần rằng việc đảo chánh hoàn toàn thuộc nội bộ Việt Nam. ("*The Pentagon Papers*", tr. 226–229).

Nói tóm lại với những tài liệu và công điện được ghi trong cuốn "*The Pentagon Papers*" mô tả việc Hoa Kỳ liên hệ với tướng lãnh Việt Nam, ta thấy có ba sự kiện nổi bật:

1. Hoa Kỳ rất bất mãn với anh em ông Diệm, họ phải lựa chọn một trong hai cách để giải quyết vấn đề Việt Nam. Hoặc bỏ rơi miền Nam hoặc thanh toán chế độ Diệm. Cuối cùng họ chọn cách lật đổ chế độ Diệm theo xu hướng của Phụ tá Ngoại trưởng Roger Hilsman và đại sứ Henry Cabot Lodge. Tuy nhiên đó chỉ là ý định có tính chiến lược. Trên thực tế, nếu không có những điều kiện chính trị thuận lợi do sự bất mãn chống đối của các lực lượng đảng phái, trí thức, tôn giáo và quần chúng Việt Nam, và nếu không có một công cụ thể hiện sự bất mãn đó là lực lượng quân đội đứng ra tổ chức chính biến thì người Mỹ đành bó tay bất lực trước sự cứng đầu và ngoan cố của anh em ông Diệm.

2. Sở dĩ người Mỹ liên hệ được với tướng lãnh là do sự móc nối ban đầu của các tướng Khánh, Khiêm và đại tá Thảo, những người vốn đã thân với CIA từ lâu nhưng lại không có tương quan gì với nhóm Đôn, Kim, Đính cả. Đàng sau nhóm này, tuy có sự hiện diện ít ỏi của tướng Minh nhưng tướng Minh chẳng những đã không liên lạc gì với Mỹ mà lại còn nghi ngờ tướng Khiêm không thành thật mà định đi hai mang.

3. Trong lúc đó thì tướng Đôn có tổ chức riêng được sự hợp tác của tướng Minh và cho đến ngày 5/10/1963 mới có cuộc gặp gỡ giữa tướng Minh và Conein lần đầu tiên.

Ba yếu tố này và những biến chuyển sau đó cho thấy giáo sư Huy đã phân tách nghiêm chỉnh và trung thực để đưa đến nhận định chung quyết rằng: "*Người Mỹ đã không thúc đẩy họ đảo chánh, người Mỹ chỉ không ngăn chận họ mà thôi. Trong tấn bi kịch này, nhân viên tình báo Trung ương Mỹ có đầy đủ tin tức nhờ mối quan hệ của họ với những kẻ chủ mưu như Bác sĩ Trần Kim Tuyến, Phạm Ngọc Thảo, Tướng Trần Thiện Khiêm trước khi chính cơ quan này liên lạc một cách chính thức với Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh*". Nói cách khác, **chính người Việt Nam chủ động cuộc chính biến từ dự định đến quyết định, từ kế hoạch đến thực hiện, từ phương tiện đến nhân sự, còn người Mỹ chỉ là kẻ đã bị đặt trước một tình trạng đã rồi và chỉ chạy theo mà thôi**. Vì thế tôi mới viết: "*Chính tướng lãnh Việt Nam bật đèn xanh cho Mỹ chứ không phải Mỹ bật đèn xanh cho tướng lãnh Việt Nam*".

Cũng cần nói thêm rằng những nhận định của giáo sư Huy trên kia đã được trích ra từ tài liệu "*The Story of Ngô Đình Diệm's overthrow and murder*" của giáo sư, tập tài liệu mà ông đã tặng tôi nhân ông và Cụ Nguyễn Văn Tại (hiện sống tại Garden Grove) đến thăm tôi tại Costa Mesa năm 1979. Tài liệu này là một bản photocopy có bút tích của giáo sư mà tôi còn giữ và chắc rằng nhiều đồng chí của giáo sư trong "Mặt Trận Liên Minh Dân Chủ" của ông cũng được ông gởi tặng. Lúc trao cho tôi, giáo sư Huy cho biết tài liệu này sẽ được đăng vào tác phẩm "*Understanding Vietnam*" cuốn sách do ông và Giáo sư Stephan B. Young viết chung và sẽ do "The Displaced Persons Center Information Service Business, The Netherlands" (TDT. Thomasson) xuất bản.

Không nắm vững nội tình của người Việt lúc đó hoặc không nghiên cứu kỹ các tài liệu, một vài ký giả, sử gia Hoa Kỳ, như trường hợp bà Ellen Hammer, một bạn thân với nhà Ngô và với Giáo sư Bửu Hội, đã viết sai sự thật trong cuốn "*A Death in November*" của bà ta với hậu ý bênh vực nhà Ngô.

Lại cũng tiếc rằng một số người Việt Nam có hậu ý, cứ muốn ngụy biện rằng chính phủ Mỹ chủ động vụ đảo chánh 1963 để xuyên tạc tướng lãnh là tay sai của Mỹ, đã không nhớ rằng chính ông Diệm là sản phẩm của Mỹ đã được chính giới Hoa Kỳ « bồng » về nước để cầm quyền, chính ông Diệm đã nhờ Mỹ áp lực với Pháp để truất phế Bảo Đại, nhờ Mỹ để đánh tan các giáo phái, đảng phái và những lực lượng kháng chiến quốc gia. Họ cũng đã cố tình quên rằng chính anh em ông Diệm chứ không ai khác, đã là đầu mối cho Mỹ vào Việt Nam và khuynh loát toàn bộ chính tình miền Nam, chi phối mọi lãnh vực sinh hoạt tại miền Nam, thì dù bất kỳ lực lượng nào muốn gây một biến cố chính trị cũng không thể qua được tai mắt người Mỹ, cũng không thể, nhiều hay ít, không đặt yếu tố người Mỹ vào trong những kế hoạch của mình. Điểm đặc thù đó của chính trị miền Nam, **bắt đầu từ và vì chế độ Diệm**, sẽ được chế độ Thiệu thừa hưởng trọn vẹn sau này.

-o0o-

Hai yếu tố *người Công giáo Việt Nam* và *người Mỹ* mà tôi vừa trình bày trong mấy trang vừa qua, tuy không phải và không thể là những trở ngại ngăn chận hay phản kích được cuộc cách mạng 1–11–63 nhưng vì vai trò chính trị của họ trong sinh hoạt quốc gia của những năm 60, vì liên hệ cơ cấu của họ trong lịch sử cận đại của dân tộc, nên đã trở thành những yếu tố mà dù muốn dù không, sau này, đã tác dụng và gây ra những thay đổi vào chủ đích cũng như ước nguyện ban đầu của ngày Cách mạng 1–11–63. William Lederer, nhìn từ quan điểm của một người viết sử Hoa Kỳ, cũng đã thấy tính cách dang dở của cuộc Cách mạng dù giá trị lớn lao của ngày 1–11–1963 đó trong lòng dân Việt:

Năm 1963, khi Tổng thống Diệm bị sát hại, nhân dân Việt Nam đã phản ứng một cách vui mừng và nhẹ nhõm như cất đi được một gánh nặng. Nét đặc thù của triều đại ông ta là những hậu quả xấu xa nhất của một nền cai trị hà khắc của Cộng Sản chồng chất lên những đặc điểm xấu xa nhất của một nền dân chủ thối nát.

Nhân dân Việt Nam tin rằng Hoa Kỳ, từ trước, vốn vẫn cố duy trì Diệm ở vị trí cầm quyền, nay gạt bỏ ông ta vì ông ta không còn mang sứ mạng do Trời giao phó. Nhân dân miền Nam chấp thuận việc chấm dứt sự cai trị của Diệm và họ hướng về Hoa Kỳ, mong chính phủ này đưa một tầng lớp lãnh đạo có khả năng vào thay thế.

Nhưng điều này đã không xảy ra [25].

Không xảy ra vì hai yếu tố *người Công giáo Việt Nam* và *người Mỹ* vẫn đè nặng lên vận mạng dân tộc dù nỗ lực khai thông lịch sử có bùng lên trong ngày 1–11–1963.

Nếu ngày cách mạng đó là hậu quả quyết liệt và minh nhiên nhất của 9 năm bạo quản Ngô Đình Diệm và là kết quả hiển lộ và lẫm liệt nhất của cao trào đấu tranh cho Dân chủ và Tự do, thì ở một mặt khác, nó cũng là nguyên nhân mở đầu cho ba năm xáo trộn chính trị và một phần nào tạo điều kiện cho Cộng Sản nâng cao hơn mức độ chiến tranh trong mưu đồ giải phóng miền Nam bất di bất dịch của Hà Nội.

Tuy nhiên, không phải vì vậy mà giá trị cách mạng của ngày đó bị phai mờ. Vì dù chỉ "nhìn kết quả để đánh giá nguyên nhân" trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1975 mà thôi, thì ngày cách mạng 1–11–63 cũng đã là một khúc rẽ quan trọng nằm giữa cái nguyên nhân Ngô Đình Diệm và cái kết quả « mất nước » 1975. Còn nếu đứng vững trên lập trường dân tộc, bằng cái nhìn thời đại thông suốt, trong chiều dài thăm thẳm của lịch sử, thì ngày 1–11–63 có ý nghĩa không chối cãi được của một ngày cách mạng. Nó đã trả lời được ước mơ của dân tộc là sống tự do, sống thong dong; nó đã đáp ứng được thời đại là xóa bỏ được một chế độ bán phong kiến siêu độc tài lỗi thời; và nó đã **thể hiện triệt để cái quy luật lập quốc của lịch sử Việt là một chế độ bạo trị thì thế nào cũng bị tiêu diệt.**

Như vậy, ngày 1–11–63 đúng là một ngày cách mạng.

Hay nói cho đúng hơn, là ngày cách mạng mở đầu cho một cuộc cách mạng dang dở. Nó không thuộc về những lực lượng khai sinh ra nó nữa, nó lại càng không thuộc về những kẻ còn nuối tiếc chế độ Diệm sau này, nó thuộc về lịch sử Việt Nam, nó là của dân tộc Việt Nam.

---

[11] Jean Lacouture, *Le Vietnam Entre Deux Paix*, tr. 117-121.

[12] Lê Tử Hùng, *Nhật Ký Đỗ Thọ*, tr. 77.

[13] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trong Lời Giới Thiệu của Nhà Xuất Bản.

[14] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 133 và 154

[15] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 342

[16] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 133 và 154

[17] Số tiền này chỉ là mật phí đặc biệt, còn ngân khoản cho quân trang, quân dụng, lương bổng của đơn vị này đã do ngân sách Bộ Quốc Phòng đài thọ.

[18] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 333 và 354.

[19] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, tr. 350.

[20] Trong công điện này có câu: "… The US cannot tolerate a situation in which power lies in Nhu's hand. Proposed that Diem be given a chance to jettison his brother. If Diem remains obdurate and refuses, we must face the possibility that Diem himself cannot be preserved…"

[21] Henry Cabot Lodge, *The Storm Has Many Eyes*, tr. 209.

[22] Các sách báo Công Giáo Cần Lao hải ngoại, sách "*Our Vietnam Nightmare*" của Marguerite Higgins và tuần báo US News and World Report (số ngày 10-10-83).

[23] Henry Cabot Lodge, *The Storm Has Many Eyes*, tr. 209.

[24] Nguyễn Ngọc Huy, *The Story of Ngo Dinh Diem's Overthrow and Murder*.

[25] William Lederer, *Our Own Worst Enemy*, tr. 77.

[Tựa trích đoạn nầy của GDOL , Sources:
http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvnvnnnmn1n31n343tq83a3q3m3237n1n0n
http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/chuong17.htm
http://www.sachhiem.net/HOANHLINH/VNML17.php]

Khúc quanh Lịch sử

(Trích từ Tạp-chí ***Bách-Khoa***, số 165, ngày 15 tháng 11 năm 1963 – Sài Gòn)

Nguyễn-Ngu-Í ghi và thuật

Biến cố lịch sử do Quân-đội lãnh đạo và được toàn dân hưởng ứng bắt đầu từ 13 giờ ngày thứ sáu 1-11-63 và kết thúc thành công hồi 6 giờ 45 phút ngày thứ bảy 2–11–63.
Một trang sử đã lật qua.
Chúng tôi xin ghi lại những dòng đầu của trang sử mới.

Nỗi hân hoan và niềm công phẫn của người dân.
Tin lực lượng bảo vệ gia đình họ Ngô tại dinh Gia-Long đầu hàng không điều kiện vừa loan ra, là muôn người như một thở dài, nhẹ nhõm: cơn ác mộng kéo dài dằng dặc suốt chín năm qua nay đã tiêu tan cùng loạt súng cuối cùng.
Người ta nhìn nhau, mỉm cười.
Người ta siết chặt tay nhau, mừng rỡ.
Người ta hối hả đến dinh Gia-Long để thấy tận mắt chiến tích của cuộc Cách mạng thành công, và sự sụp đổ rõ ràng của một chế độ dựng xây bằng gian dối, bít bưng, tàn bạo.
Niềm hân hoan, cởi mở, thỏai mái hiện trong ánh mắt, trên nét mặt mọi người.
Và dầu Hội đồng Quân nhân Cách mạng đã có lời yêu cầu đồng bào đừng biểu tình, nhiều đoàn người vẫn tự động giương cờ, giương biểu ngữ đi qua các đường lớn ở Đô-thành để hoan hô Quân-đội Cách-mạng và đả đảo chế độ độc tài vùa cáo chung.

Nhiệt tình của những đoàn người này lên cao đến đỗi sau đó họ phá, đốt bót cảnh sát Lê-Văn-Ken ở gần chợ Bến-Thành, rồi kéo tới phá, đốt các báo *Sàigòn Mới, Tiếng Chuông, Lẽ Sống, Tiếng Dội, Buổi Sáng, Sàigòn Mai, Ngôn Luận, Dân Mới, Dân Việt, The Times of Việt-Nam, Phụ nữ Diễn đàn, Phụ nữ Ngày mai.*
Ba tờ nhật báo đầu bị thiệt hại nặng hơn cả.
Nhà phát hành sách báo Thống-Nhất, Việt tấn xã, trụ sở hội Phụ nữ Liên đới, hai nhà sách Khai-Trí, Xuân Thu (Portail cũ), một số nhà công, tư và cơ sở kinh doanh của tư nhân cũng chịu chung một số phận.
Còn sinh viên và học sinh thì đến đập phá trụ sở của Quốc gội, rồi thẳng xuống công trường Mê-Linh kéo sập tượng hai bà Trưng, mà đồng bào cho rằng đó chỉ là tượng hai chị em bà Ngô-Đình-Nhu.

Mối tình quân dân . . .
Tiếng súng diệt trừ chế độ thất nhân tâm vừa dứt, thì lớp người quân nhân cách mạng ấy phải chịu ngay sự "tấn công" chớp nhoáng và ồ ạt của người dân sung sướng và biết ơn.
Có những em thiếu sinh bá cổ quân nhân này. Có những em nữ sinh biếu hoa họng súng nọ. Có những học sinh, sinh viên ào lên các chiến xa, hết hỏi lăng xăng lít xít, lại đòi cho bắn thử một loạt lên trời "xem thử nó ra sao", và được toại nguyện.
Đây, có anh chủ tiệm cà phê khui ngay một hộp sữa dấu kín cả tuần nay, tự tay pha li cà phê sữa, đem ra mời người quân nhân cách mạng, thức suốt đêm đứng giữ trật tự bên đường.
Đó, có chị đãi một toán lính vừa chiến đấu xong hết cả gánh cháo lòng định đem bán dạo. Ở chợ mút đô thành, có những bà bỏ cả bán buôn để mua quà, bánh và đi tới tận dinh Gia-Long len qua lớp biển người để trao tận tay những người chiến sĩ.
Trên vĩa hè một khúc đường Tự Do, có ông già đầu bạc, khăn đóng áo dài, vỗ vai người quân nhân đứng gác trước cửa thư quán nọ, nhìn anh, cười cười mà không nói, chỉ gật đầu, và con người cầm súng kia khe khẻ cúi đầu, mỉm cười đáp lại.
Quân và dân, cá với nước, không bao giờ người dân và người quân cảm thấy đúng như lúc này. Một niềm thông cảm hồn nhiên khiến người ta cần lại gần nhau, như sông tìm đến biển, như biển đợi chờ sông. Người ta cảm thấy mình cùng chung một số phận và do đó càng thấy khắng khít với nhau hơn.
Cũng là quân nhân, mà sao trong thời giới nghiêm 20-8 sau vụ đàn áp Phật giáo thì không ai dám tới gần, mà trong thời giới nghiêm sau này, khi lật đổ chế độ trái lòng người, thì lại hiền lành dễ mến như vậy.
Phải chăng khi người quân nhân hành động đúng với nguyện vọng thiết tha và chính đáng của toàn dân, thì người quân ấy với người dân này là một, và quân đội ấy quả thực là quân đội của nhân dân.
Người dân Việt đã mấy phen bị lợi dụng, bị gạt lừa, bị chà đạp . . . nay bỗng thấy lóe một niềm phấn khởi và tin tưởng qua lời Tuyên cáo của Hội Đồng Quân nhân Cách Mạng.

Lập trường và chủ trương của quân đội . . .
LẬP TRƯỜNG CỦA QUÂN ĐỘI.
- Quân đội tranh đấu vì quyền lợi tối cao của đất nước, không chủ trương vụ lợi, tham quyền cố vị.
- Quân đội không chủ trương thiết lập một chế độ độc tài, vì ý thức rằng, khí giới sắc bén nhất để chiến thắng Cộng sản là: Dân chủ, Tự do.
- Quân đội không chủ trương một nền dân chủ phóng túng trong lúc toàn lực Quốc gia đang phải đương đầu với một cuộc chiến tranh mất còn với Cộng sản, mà cần áp dụng một hình thức dân chủ trong tinh thần kỉ luật của một Quốc gia trong thời chiến.
- Cuộc tranh đấu của Quân đội chỉ nhằm phục vụ xứ sở, lấy hành động làm phương châm, không nêu ra những lý thuyết viển vông, những lời hứa hẹn bịp bợm.
QUÂN ĐỘI CHỦ TRƯƠNG.
a) <u>- Đối ngoại:</u>
- Quân đội giữ một lập trường duy nhất: chống Cộng.
- Đứng trong hàng ngũ Thế giới Tự do.
- Thiết lập ngoại giao với các nước lân bang và củng cố tình giao hảo với các nước bạn.
- Quân đội quyết định tôn trọng những hiệp định hòa ước đã kí kết và tôn trọng tài sản, tánh mạng của ngoại kiều cư ngụ tại Việt-Nam.
b) <u>- Đối nội:</u>
- Quân đội chủ trương đoàn kết toàn dân.
- Các đảng phái chính trị không Cộng sản sẽ được hoạt động trong khuôn khổ của nền an ninh Quốc phòng.

- Quân đội chủ trương trao quyền lại cho một Chánh phủ dân cử, khi tình thế cho phép.
- Để sửa soạn cho một định chế dân chủ tương lai, Quân đội sẽ mời các nhân sĩ, các đại diện tầng lớp xã hội thiết thực tham gia cộng tác.
- Trên phương diện kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, thanh niên v.v... tập trung tất cả hoạt động để đáp ứng nhu cầu cấp bách của hiện tình Quốc gia.
- Quân đội chủ trương tự do tín ngưỡng; tôn giáo được tuyệt đối bình đẳng.
- Các phần tử Quốc gia không phải Cộng sản, đang bị tù đày sẽ được đặc biệt cứu xét để trả lại tự do và giúp họ có cơ hội tham gia vào việc xây dựng một xã hội mới.
- Quân đội thúc đẩy việc ban hành chế độ tự do báo chí, để giới này tự ý thức được nhiệm vụ hướng dẫn dư luận trong công cuộc chống Cộng; mọi phê bình xây dựng sẽ được tán thưởng.
- Quân đội tiếp tục những công trình lợi ích mà toàn dân đã xây dựng và đóng góp từ trước tới nay.

. . . với nỗi lòng của người cầm bút . . .
Thép kiếm xưa làm thép bút nay,
Hai thép bên nào hơn đắm say? (1)
Thép kiếm của con nhà võ đã vung lên, và đã ghi một điểm son trong lịch sử.
Thép bút của con nhà văn đã chấm vào bình mực nào, đã viết được những gì?
Giới cầm bút – ngay sau khi cuộc cách mạng do Quân đội lãnh đạo để lật đổ một chế độ độc tài vừa thành công – bắt đầu có đôi phản ứng.
Nhật báo *Ngôn Luận* trong số chào mừng Cách mạng thành công ra ngày 4–11–63, có đăng bài hiệu triệu của ba nhà văn kiêm nhà báo: Chu Tử, Hiếu Chân, Từ Chung. (Chu Tử vốn từng cộng tác mật thiết với nhật báo Dân Việt, cũng như Hiếu Chân với nhật báo Tự Do và Từ Chung với nhật báo Ngôn Luận).

Hiệu triệu các nhà văn nhà báo
Mang danh là những người cầm bút chiến đấu cho Tự do, Dân chủ và giải phóng con người, vậy mà trong thời gian vừa qua, vì cơm áo, vì khiếp nhược đến hèn, chúng ta đã nhắm mắt ăn dơ, đánh đĩ tâm hồn, phản bội sự Thật, phản bội Dân tộc, cam tâm làm gia nô cho bè lũ họ Ngô. Dù chúng ta có viện bất cứ lẽ gì để bào chữa, chúng ta không thể chối cãi tội lỗi của chúng ta đối với đồng bào, với lịch sử.
Quân đội đã đứng lên, làm nhiệm vụ mình. Cơ hội duy nhất để chúng ta thoát khỏi cảnh huống bồi bút, "phi cầm, phi thú", cơ hộiduy nhất để chúng ta trở lại làm người, đã tới . . . Nếu sự tự thiêu của bảy tu sĩ – một hi sinh bi hùng nhất trong lịch sử tôn giáo và nhân loại – chưa làm chúng ta giác ngộ, thì quả chúng ta đã hết là người, không còn xứng đáng gặp gỡ vận hội chúng ta nữa.
Cuộc cách mạng chỉ mới bắt đầu. Xương máu của quân đội, của đồng bào không thể bị bọn đầu cơ chính trị lợi dụng một lần nữa.
Hơn lúc nào hết, chúng ta phải "gạn đục khơi trong", đem hết tâm hồn, năng lực ra phụng sự chính nghĩa.
Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các bạn nghệ sĩ, bằng máu, nước mắt, mồ hôi, đem ngòi bút viết lại thiên lịch sử của dân tộc, mà trong chín năm qua, bè lũ họ Ngô đã làm hoen ố.
Đại diện các nhà văn, nhà báo chiến đấu cho Tự do, Dân chủ.
CHU TỬ, HIẾU CHÂN, TỪ CHUNG.

Và tờ nhật báo lâu năm nhất, do một nhà kí giả vào hạng kì cựu nhất, tờ Sài-Gòn Mới, trong số 1, bộ mới, ra ngày 4–11–63, cũng nói vì sao báo chí đã phải chịu "trăm điều tủi nhục":
"Riêng ngành báo chí của chúng tôi luôn luôn bị áp bức khủng bố. Hằng ngày phải chịu trăm điều tủi nhục, bắt buộc phải viết những hàng chữ ngược lại với lòng mình, để hoan hô những cái điêu ngoa, giả dối, tàn ác, bất nhơn của gia đình họ Ngô.
Nỗi đau đớn của toàn dân và sự cực nhục của báo chí chúng tôi đã oằn oại từ chín năm nay, đến giờ này mới được Quân đội anh dũng ra tay rữa sạch".
Thái độ của báo chí trong "chín năm trường ấy" đã được một sinh viên xét đến trên mặt nhật báo Đồng Nai, ngày 6–11–63 trong bài "*Lương tâm con nhà cầm bút*". Chúng tôi xin trích đoạn quan trọng nhất:
"Nhiệm vụ của báo chí là hướng dẫn dư luận quần chúng, vậy nếu không có tự do ngôn luận để nói lên sự thật hầu giác ngộ chánh quyền và quần chúng, thì người cầm bút có lương tâm cũng đừng bao giờ nói trái sự thật, thà im lặng còn hơn. "Những lời nói bay mất, chữ viết thì còn", *những gì các báo ấy đã viết liệu ngày nay có thể bôi xóa được chăng?*

Nếu các chính trị gia chân chính thận trọng trong lời hứa thì các nhà báo có lương tâm càng phải thận trọng hơn trong khi viết để cho hàng vạn người đọc. Nếu gia đình họ Ngô và bè lũ tay sai đắc tội với quốc gia, dân tộc, thì thái độ xu thời, nịnh bợ của một số nhà báo cũng sẽ bị quốc dân và lịch sữ phê phán nghiêm khắc.

. . . và con đường của hai tôn giáo

Hai mươi bốn giờ sau sự sụp đổ của chế độ cũ, chùa Xá-Lợi đông nghẹt người, đoạn đường trước và hai bên hông chùa, chen chân không lọt.

Cơn dông tố đã tan. Niềm hân hoan ngày vui lớn vừa lắng xuống. Và giữa không khí trầm hương bát ngát, một Thượng Tọa mới được giải thoát khỏi cảnh tra tấn giam cầm, Đại đức Thích-Giác-Đức, đã nói với hàng ngàn Phật tử, đại ý như sau:

Trong cuộc tranh đấu gian khổ vừa qua để dành tự do tín ngưỡng, anh em Phật giáo đã được anh em Thiên Chúa giáo tán thành và ân tình giúp đỡ. Đã có hàng trăm sinh viên, học sinh Thiên Chúa giáo chịu mưa, chịu nắng, đồng lòng tuyệt thực cạnh sinh viên học sinh Phật tử, trong cuộc mít-tinh ngày 18–8 chống kì thị tôn giáo.

Đã có rất nhiều vị linh mục ủng hộ cuộc tranh đấu một cách gián tiếp hay trực tiếp và trong thời gian khủng bố tăng ni của chánh quyền cũ, có những vị đã hết lòng che chở và giúp đở cho các thày và các Phật tử ẩn náu trong nhà thờ để thoát khỏi nanh vuốt của công an mật vụ. Sự kiện trên nhắc ta nhớ lại thời kì "sát tả bình Tây" dưới triều Tự-Đức, các linh mục và giáo dân đã từng ẩn náu trong các chùa, điển hình nhất là chùa Bà-Đá ở Hà-Nội. Người ta cũng chưa quên được những hình ảnh cảm động giữa nhà chùa và nhà thờ: đã chia nhau từng bó rau muống trong thời tranh đấu chống độc tài Cộng sản. Thế là Phật giáo và Ki-Tô giáo lại đoàn kết chặt chẽ để bảo vệ cho tự do tín ngưỡng như thời kì tranh đấu vừa qua.

* *
*

Con đường đưa đến Bác ái, con đường dẫn đến Từ bi lại gặp nhau một cách cảm động và thiêng liêng trên mảnh đất Việt từng chứng kiến hơn một cảnh đau lòng.

NGUIỄN-HỮU-NGƯ
(thuật và ghi)

---

(1) *Hờn nam nhi* của Phan-Khắc-Khoan (1943).

Thăng trầm của "Rồng Phu Nhân" Trần Lệ Xuân

"Miệng lưỡi độc ác và dữ dội của Bà Ngô Đình Nhu đã đưa đến thảm họa và đẩy nước Mỹ vào vũng lầy chiến tranh Việt Nam"

Bài viết "*Rise and Fall of the Dragon Lady*"
của PETER BRUSH
Việt dịch của LND, Hình ảnh từ Internet
(Trích từ Nguyệt san "**VIETNAM**", số tháng 10 năm 2009).

Tác giả Peter Brush là một cựu sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, đã từng đóng quân ở Quảng Trị trong 2 năm 1967 và 1968. Sau chiến tranh, ông đi học trở lại và tốt nghiệp Thạc sĩ Chính trị học. Hiện nay, ông là Quản thủ Thư viện của Đại học Vanderbilt, tiểu bang Tennesse. Ông còn là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu giá trị khác về Việt Nam.

Trong lịch sử ngắn ngủi của Nam Việt Nam, một người đàn bà đầy mưu mô tên là "Lệ Xuân" đã dùng tất cả mánh lới để đưa mình lên đỉnh cao của quyền lực. Trong tiến trình đó, bà đã châm ngòi thù hận tôn giáo, ban hành những luật lệ đạo đức khắt khe, âm thầm nuôi dưỡng tham nhũng và làm cho người Việt lẫn các nước bạn đồng minh công phẫn đến mức suốt đời bà bị gán hỗn danh là "Rồng Phu Nhân". Đây là tên của một nhân vật nữ quỷ quái một cách tuyệt vời do họa sĩ Milt Caniff tạo ra năm 1934 trong loạt chuyện tranh bằng hình "*Terry and the Pirates*" nổi tiếng của Mỹ. Người thiếu phụ trẻ tuổi Trần Lệ Xuân đã trở thành một bà Ngô Đình Nhu cố chấp, giữ vai chính trong một vỡ kịch phức tạp và huyền bí làm cho nước Mỹ bị lôi vào một bẫy sập. Bà cũng cho thấy trước những vị cay đắng của một thập niên tàn khốc tiếp theo sự ra đi của bà.
Trên cương vị là một người em dâu của Tổng thống độc thân Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm, bà Ngô Đình Nhu tự coi mình là "Đệ Nhất Phu Nhân" và là người đàn bà nổi tiếng và nhiều quyền uy nhất nước. Bản tính không ngại ngùng những điều dị nghị và thích thú với tiếng tăm, Bà Nhu được Tổng thống Diệm ủng hộ tối đa nhưng cũng bị Tổng thống John F. Kennedy và chính quyền nước Mỹ quá sức chán ghét. Cuộc đời lên bổng xuống trầm của Bà Nhu đã tượng trưng cho một bãi lầy mà chính sách ngăn chận Cộng sản của Mỹ tại Đông Nam Á đã được xây dựng trong những năm đầu thập niên 1960.

Sinh năm 1924, cô Trần Lệ Xuân ra đời và lớn lên từ một trong những gia đình giàu có và quý phái nhất Việt Nam. Gia tài kếch sù của họ đã được xây dựng từ nhiều năm phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Cô ta có 20 người hầu hạ trong căn nhà ở Hà Nội, nơi mà thân phụ của cô hành nghề luật sư. Cô Lệ Xuân là một học sinh tầm thường nhưng giỏi tiếng Pháp mặc dù không viết được tiếng Việt và không học hết bậc trung học. Cô không có một tuổi thơ vui vẻ vì cảm thấy không có được tình thương của Mẹ, từ đó cô thường tranh cãi với Mẹ. Cô đã muốn lấy chồng sớm để thoát ly khỏi vòng kềm tỏa của gia đình.
Ông Ngô Đình Nhu tuổi ngoài 20 ở Paris, học về văn hoá và thư viện. Gia đình nhà Ngô đã đổi qua đạo Công Giáo từ thế kỷ 17. Thân phụ của ông Nhu đã từng là cố vấn (Phụ Chính Đại Thần - LND) cho Hoàng đế của Việt Nam. Đầu những năm 1940, ông Nhu trở về Hà Nội làm quản thủ thư viện Đông Dương. Thời kỳ nầy, ông trở thành một người ngưỡng mộ Mẹ của cô Lệ Xuân qua phòng khách văn chương của bà (là nơi, bắt chước theo phong cách người Pháp *salon litéraire*, các nhà trí thức tụ họp để thảo luận những đề tài văn nghệ – LND). Trong khi ông Nhu đem sách vở đến và dạy kèm tiếng La-Tinh cho cô Lệ Xuân thì cô gái 19 tuổi này lập ra một kế hoạch để thoát khỏi vòng kềm kẹp của gia đình. Mặc dù nhỏ hơn ông Nhu 14 tuổi, và cũng không yêu, bà đã đổi qua đạo Công Giáo và lấy ông này năm 1943.

Ba năm sau khi hai người thành vợ chồng, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Minh và Pháp. [(1)]
Anh em nhà ông Nhu chống Cộng một cách mạnh mẽ. Một người anh, là ông Ngô Đình Diệm, bị Việt Minh bắt giam và nhốt tù một thời gian ngắn; một người anh khác, là ông Ngô Đình Khôi, bị Việt Minh giết. Ông Nhu đã tìm cách tránh được chuyện bị bắt giữ nhưng bà Nhu thì không thoát được. Bà và người con gái mới sinh (Lệ Thủy) bị Việt Minh bắt tháng 12 năm 1946 và giữ bốn tháng trong một ngôi làng hẻo lánh. Sau khi quân thực dân Pháp tiến chiếm vùng này, gia đình bà được giải thoát và đoàn tụ với gia đình rồi dời về sống trong thành phố nghỉ mát Đà Lạt trên Cao nguyên Trung phần. Tại đây, ông bà Nhu đã ra một tờ báo và bắt đầu tổ chức yểm trợ cho ông Diệm, khi đó được coi như là một lãnh tụ quốc gia chống Cộng đang lưu vong ở Mỹ.

Năm 1953, ông Nhu dọn vào Sài Gòn. Ông tổ chức biểu tình chống Pháp thực dân và Cộng sản. Ông cũng mưu đồ kế hoạch để phá hoại những ủng hộ cho Hoàng đế Bảo Đại hầu nâng cao uy tín của phong trào quốc gia do ông Diệm lãnh đạo. Ông Diệm khi ấy ở Pháp và đang tiếp xúc với cộng đồng đông đúc người Việt đang lưu vong ở Paris. Vào tháng 3 năm 1954, khi một lực lượng Việt Minh hùng hậu đang đe dọa quân thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, vua Bảo Đại - bị phần lớn dân Việt coi như bù nhìn của thực dân Pháp - nhận ra là thực dân Pháp có thể sắp phải rời khỏi Việt Nam. Tháng 6 năm 1954, dựa trên sự ủng hộ ông Diệm của quần chúng Việt Nam, Bảo Đại phong ông Diệm giữ chức Thủ tướng cho vua Bảo Đại.

Năm sau, ông Nhu tạo ra một kế hoạch giúp ông Diệm thắng ông Bảo Đại trong cuộc tranh giành quyền lực: Tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để dân chúng chọn một trong hai người. Lúc nầy, ông Nhu đã nắm quyền chỉ huy mật vụ để từ đó có thể quyết định kết qủa cuộc trưng cầu dân ý ngày 25 tháng 10 năm 1955. Với kết qủa thắng khủng khiếp 98.2 %, ông Diệm đã "thắng" cuộc bầu cử và bắt đầu thủ tục loại vua Bảo Đại, tuyên bố thành lập một nền Cộng hòa, tự xưng Tổng thống và bắt đầu một chế độ độc tài. Vì kịch liệt chống Cộng sản, ông Diệm được chính quyền Eisenhower sẵn sàng ủng hộ và viện trợ hàng trăm triệu Mỹ kim. Với ông Nhu ở bên cạnh, ông Diệm đã hạ bệ tất cả các kẻ thù chính trị và xây dựng quyền hành của ông trong vài năm sau đó.

Bệnh sùng bái lãnh tụ: Hình ông Diệm được cho phép bày bán chung với hình Phật, Chúa và Mẹ Maria trên đường phố

Ông bà Nhu dọn vào Dinh Độc Lập và kiểm soát mọi tiếp xúc của ông anh Tổng thống. Quyền lực của hai ông bà Nhu trở nên vô giới hạn. Ký giả David Halberstam đã làm một so sánh tương quan quyền lực này nếu ông Diệm làm Tổng thống Mỹ thì ông Nhu sẽ có quyền kiểm soát tất cả báo chí của 50 tiểu bang, ông sẽ cầm đầu các cơ quan C.I.A., F.B.I. và Quốc hội; ông sẽ cầm đầu cả hai Bộ Tư pháp và Ngoại giao; ông cũng là người viết tất cả báo cáo cho Toà Bạch Cung [(2)]. Cả hai ông và bà Nhu đều là dân biểu Quốc hội năm 1956, nhưng rất ít khi cả hai ông bà đi họp. [(3)]

Vì ông Diệm không có vợ, Bà Nhu làm nhiệm vụ "Đệ Nhất Phu Nhân" với tất cả rình rang và uy quyền của chức vụ này. Năm 1956, bà bắt đầu một chiến dịch quan trọng để thay đổi mối liên hệ gia đình Việt Nam một cách sâu đậm. Sau khi Luật Gia Đình 1958 của Bà Nhu được bầu thành luật thì đa thê, ly dị và ngoại tình trở nên bất hợp pháp. Đàn bà được bình quyền với đàn ông trong nhiều lãnh vực. Nhiều ông Dân biểu trong Quốc hội không đồng ý với những luật nầy của Bà Nhu và họ đã lên diễn đàn để đối chất. Bà Nhu đã giễu cợt ông Chủ tịch khối đa số và gọi ông ta là "*một con heo*". [(5)]

Chính sách đàn áp của chính quyền đã giúp chế độ ông Diệm được vững mạnh nhưng làm cho dân chúng dần dần xa lánh chế độ - và Việt Cộng đã khai thác cái ác cảm này trong người dân. Cuối thập niên 1950, ảnh hưởng Việt Cộng đã lan rộng đến mức tạo thành những khủng hoảng chính trị cho miền Nam.

Khuynh hướng cai trị độc tài của Tổng thống Diệm nếu đã không gia tăng nhanh chóng là vì ông còn phải dựa vào những anh em trong gia đình ông. Cả bốn người anh em của ông đều nắm những vai trò quan trọng trong việc điều khiển Nam Việt Nam. Mặc dù nắm giữ uy quyền tối quan trọng, ông bà Nhu không có một chức vụ chính thức gì trong chính phủ của Tổng thống Diệm. Chức vụ chính thức của ông Nhu là *Cố vấn* của Tổng thống. Bà Nhu cầm đầu Phong trào Phụ nữ Liên đới và chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phụ nữ một cách tổng quát. Dù vậy,

càng ngày, ảnh hưởng và quyền lực của ông bà Nhu càng gia tăng đến mức mà nhiều quan sát viên đã cho là ông Nhu có nhiều quyền hơn cả ông Diệm vì ông có ảnh hưởng rất mạnh lên những suy tư của ông anh Tổng thống. Một số quan sát viên khác thì cho rằng chính Bà Nhu mới là nhân vật thống trị trong gia đình nhà Ngô. Càng ngày bà càng tìm cách dính dự vào những chuyện đi ra ngoài địa hạt của chuyện phụ nữ và tìm cách để được ngang hàng với ông Tổng thống. [6]

Nhà ngoại giao John Mecklin, làm việc với cơ quan USIA (Phòng Thông Tin Mỹ) ở Việt Nam từ 1961 đến 1962, đã có cơ hội được biết Tổng thống Diệm và ông bà Nhu một cách thân mật. Theo ông thì cả gia đình này đều bị bệnh thần kinh. Thật như vậy, vì nhiều hành vi của họ lạ lùng đến mức người ta phải nghĩ là họ muốn chết. Theo ông Mecklin, "*một cách cơ bản, ông bà Nhu là thuốc độc đã giết chết chế độ.*" Bà Nhu là một "*người đàn bà dễ nổi nóng*" muốn áp đặt giải pháp cho những vấn đề chính trị nhưng hầu như bà luôn luôn kéo những vấn đề ấy theo chiều hướng đầy tai hại. Những cuộc khủng hoảng ảnh hưởng đến quốc gia làm cho bà Nhu bị khích động một cách mạnh mẽ, nhưng phản ứng của bà làm cho chuyện trở nên tệ hại hơn. Bà không đẹp nhưng có một bề ngoài gây ấn tượng, đầy nghị lực và có những sở thích quá độ. Thích phô diễn và cũng có máu khôi hài nên bà Nhu là một người có sức nói chuyện thu hút, có khả năng diễn đạt. Theo Mecklin, cách bà Nhu nói chuyện như "*như súng liên thanh nổ bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.*" [7]

Trong khi nổi bất mãn với chính quyền ông Diệm càng ngày càng gia tăng, toà Bạch Cung không có cách nào khác hơn là thúc đẩy ông Diệm cải tổ để nới rộng sự ủng hộ của quần chúng. Năm 1959, Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow cố gắng thuyết phục ông Diệm tách bỏ ông Nhu và đem vào chính quyền những nhân vật mới. [8] Tháng 11 năm 1960, các quân nhân thuộc binh chủng Nhảy Dù của quân đội VNCH tổ chức đảo chánh ông Diệm cũng có cùng một mục đích như vậy. Một trong những đòi hỏi đầu tiên của lực lượng Nhảy Dù là bà Nhu phải dời ra khỏi Dinh Tổng thống. Theo một bản tin của tuần báo *Time*, bà Nhu đã hãnh diện khi biết được đòi hỏi nầy. [9] Trong những giây phút đầu tiên của cuộc đảo chánh, Tổng thống Diệm và hầu hết phụ tá trong Dinh Độc Lập đều muốn chấp nhận những đòi hỏi phải thành lập một chính phủ mới. Chỉ một mình bà Nhu đã bác bỏ tất cả những đề nghị thỏa hiệp và khăng khăng đòi chiến đấu chống đảo chánh đến cùng. Cuối cùng ông Diệm kêu được những lực lượng vẫn còn trung thành với ông và chấm dứt được cuộc đảo chánh của binh chủng Nhảy Dù. Hậu qủa của cuộc đảo chánh gần thành công nầy là ảnh hưởng của bà Nhu đã gia tăng một cách mãnh liệt làm mất tinh thần những kẻ thù của bà. Bàn về sự kiện này, bà Nhu đã tóm tắt một cách châm biếm: "*Trước đây thì họ không coi tôi ra gì. Nhưng bây giờ thì họ bắt đầu để ý đến tôi. Và mỗi lần tôi nói điều gì thì họ lại lo âu.*"
Trong khi xãy ra cuộc binh biến đó, Đại sứ Durbrow đã đề nghị mời bà Nhu qua trú ẩn ở Toà Đại sứ Mỹ. Lời mời này của ông Đại sứ đã làm cho bà Nhu đâm ra nghi ngờ có bàn tay đồng lõa của Mỹ mặc dầu người Mỹ đã không bảo trợ cuộc đảo chánh nầy. Càng lúc ông Diệm và ông Nhu càng trở nên hoang tưởng làm cho chế độ càng lấy thế phòng thủ và quần chúng càng trở nên xa lánh. Theo ký giả Halberstam của nhật báo New York Times "*Tất cả chuyện gì sai quấy đều đổ tội lên đầu ông bà Nhu*" và bà Nhu "*đã trở thành mục tiêu của càng nhiều căm thù.*" [10]. Còn theo sử gia Joseph Buttinger thì "*Nhu và vợ là hai người bị thù ghét nhất Nam Việt Nam*" [11].
Với Luật Gia Đình năm 1958, bà Nhu vẫn coi là chưa đủ để bảo vệ đạo đức của người Việt Nam. Luật Bảo vệ Luân Lý năm 1962 của Bà Nhu nhắm tấn công một số lớn hành vi khác như ngừa thai, thi hoa hậu, cờ bạc, nhảy đầm, đánh võ quyền Anh, đá gà và đá cá. Trẻ vị thành niên bị cấm coi một vài loại phim hay kịch. Phù thủy và đồng bóng bị loại ra ngoài vòng pháp luật. Đĩ điếm bị cấm [12]. Dân chúng càng thích những điều bị cấm đoán thì những đạo luật này càng làm cho bà Nhu bị ghét bỏ. Theo ký giả Malcolm Browne của cơ quan thông tấn Associated Press (AP) tại Sài Gòn, bà Nhu còn tuyên chiến với cả gia đình của chính bà. Năm 1962 bà đã làm cho chị của bà (Trần Lệ Chi) phải tìm cách tự tử. Năm 1963, bà tuyên bố từ bỏ cha mẹ của bà. [13]

Mặc dù bà Nhu hãnh diện đã được để ý trong vụ đảo chánh năm 1960, bà lại trở nên giận dữ khi bà và ông Nhu trở thành mục tiêu trong vụ phản loạn thứ hai. Ngày 27 tháng 2 năm 1962, hai phi công, được huấn luyện ở Mỹ, thuộc Không Quân VNCH lái hai chiếc khu trục AD -6 cất cánh từ căn cứ Biên Hoà ở ngoại ô phía Bắc Sài Gòn. Trung úy Nguyễn Văn Cử đã cố ý nhắm thả một trái bom ở cánh trái Dinh Tổng thống, nơi sinh sống của gia đình ông bà Nhu. Khi bom nổ, ông Diệm đang đi trong một hành lang và gần như bị hơi bom kéo đi một quãng dài. Ông Nhu không bị gì, Bà Nhu chỉ bị trặc chân vì té cầu thang.

Người đồng chí của Trung úy Cử là Trung úy Phạm Phú Quốc bị súng phòng không bắn hạ máy bay (trên sông Sài Gòn) và bị bắt làm tù binh.
Trung úy Cử đã dùng bom lửa (napalm) và chất nổ để tấn công Dinh Độc Lập xong bay thẳng qua Cao Mên và được hưởng quy chế tỵ nạn chính trị. Sau đó ông đã tuyên bố là lòng căm thù làm cho ông tấn công Dinh Độc Lập đã đến từ gia đình ông Diệm nhiều hơn là từ chính ông Diệm. Trung Úy Quốc bị giam cho đến khi cuộc đảo chánh thứ ba xẫy ra mới được trả tự do. Sau đó cả hai phi công đều trở lại nhiệm sở phi công cũ của họ. [14]

Ông Diệm biết là ông cần viện trợ Mỹ để giữ vững ghế Tổng thống, nhưng ông và ông bà Nhu muốn một loại viện trợ vô điều kiện. Nhà Ngô không bằng lòng với sự hiện diện ngày càng lan rộng của người Mỹ trong nước họ - Bà Nhu gọi một cách đanh đá là "*chủ nghĩa Mỹ quốc đáng sợ*" – và họ sẵn sàng hành động để giới hạn chuyện nầy. Trước hết, bà Nhu ra lệnh cho cảnh sát bắt những người đàn bà Việt Nam đi ngoài đường với người Mỹ. [15] Theo ký giả Halberstam, nguyên tắc chính trị của bà Nhu khá đơn giản: *Nhà Ngô luôn luôn đúng, họ không bao giờ nên thỏa hiệp và không bao giờ cần để ý đến những chỉ trích*. [16] Về một mặt khác, người Mỹ nghĩ họ đang là người nuôi dưỡng chế độ, đang huấn luyện cảnh sát và quân đội VNCH, và cố vấn Mỹ bắt đầu chết vì chế độ Diệm ở ngoài mặt trận. Người Mỹ nghĩ là họ có quyền đưa ra những lời khuyên và họ chờ đợi chế độ Diệm nghe theo lời khuyên của họ.
Nhờ vào viện trợ của Mỹ, quân lực VNCH đã tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng đồng thời, quân số và hoạt động của Việt Cộng cũng tăng trưởng nhanh chóng theo. [17] Và chính các phần tử của quân đội VNCH đã tấn công Dinh Tổng thống hai lần. Trong mối nghi ngờ lòng trung thành của quân đội, ông Diệm bắt đầu áp dụng những chiến thuật quân sự để làm yếu khả năng đảo chánh của quân đội hơn là để chiến đấu chống Cộng sản một cách hữu hiệu. Theo ký giả Halberstam, cách hành xử của bà Nhu đã làm cho mối liên hệ với các sĩ quan cao cấp càng trở nên tệ hại, khi bà ở trong Dinh Tổng thống và ra lệnh cho họ như "*người làm trong nhà*." Bà thường đối xử với những người này như tôi tớ của nhà bà. [18]

Tổng thống Diệm và ông Nhu theo đạo Công giáo trong khi đa số dân Việt Nam theo đạo Phật. Vì tình trạng đảng phái đối lập ở miền Nam bị cấm đoán (giống như chế độ Cộng sản ở miền Bắc), đạo Phật trở thành một phương tiện để cho những bất mãn được phát lộ. Anh của Tổng thống Diệm là ông Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục địa phận Huế, thành phố trung tâm của đạo Phật ở Việt Nam. Khoảng đầu năm 1963, người ta tổ chức một lễ mừng 25 năm (Ngân Khánh – LND) ông Thục lên chức Tổng Giám mục. Cả hai lá cờ Công giáo Vatican và cờ quốc gia Việt Nam đều đã được treo khắp nơi. Đây là một sự vi phạm luật đương thời chỉ cho phép cờ quốc gia được treo ở những nơi công cộng. Một thời gian ngắn sau đó là lễ mừng Phật Đản Sanh thứ 2,587 và Phật tử ở Huế muốn treo cờ Phật giáo. Khi chính quyền ông Diệm ra lệnh cấm treo cờ, hàng ngàn Phật tử biểu tình phản đối và chín người đã bị quân của chính quyền bắn chết. Sau biến cố này, Đại sứ Mỹ William Trueheart đã thúc dục ông Diệm hãy làm hòa với các Phật tử bằng cách chấp nhận lỗi lầm, đền bù cho gia đình những nạn nhân và công khai xin lỗi về chuyện này. Thay vì làm như vậy, chính quyền đã đổ lỗi cho Việt Cộng. Khi Phật tử tiếp tục xuống đường phản đối, chính quyền ra lệnh cấm biểu tình. Và đó là khởi đầu của cuộc khủng hoảng Phật giáo làm nghiêng ngữa chế độ.

Sau khi nhận thấy những phản ứng của chính quyền không thỏa mãn những đòi hỏi của Phật giáo, một số tăng ni bắt đầu một loạt phản đối bằng cách tuyệt thực. Phong trào phản đối ở Huế trở nên bạo động và quân của chính quyền chống trả trở lại. Những cuộc biểu tình của Phật tử chống chính quyền càng lúc càng lan rộng một cách nhanh chóng trên toàn quốc. Ngày 11 tháng 6 năm 1963, một vị sư già ngồi xuống trên một ngả tư đường gần chùa Xá Lợi. Một vị sư khác đổ xăng lên người ông ta, vị sư già châm một que diêm, và ngọn lửa bùng lên trên thân thể ông. Đó là Hoà thượng Thích Quảng Đức, người đầu tiên trong bảy vị sư đã tự thiêu để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm.
Những vụ tự thiêu làm choáng váng các viên chức Mỹ và họ đã áp lực ông Diệm hãy tìm một cách nào để dàn xếp cuộc khủng hoảng. Muốn chứng tỏ mình là một người sắt đá, bà Nhu vênh váo kêu gọi cần phải đập các nhà sư "*mười lần hơn nữa*" và miệt thị những cuộc tự thiêu là "*những màn nướng sư*" (monk barbecue show) [19] Bà Nhu còn châm thêm dầu vào lửa với lời nhạo báng: " *Nếu các Phật tử muốn có thêm một cuộc nướng thịt, tôi sẽ hân hoan cung cấp dầu xăng và một que diêm*."[20] Cuối cùng, người Mỹ cũng ép được ông Diệm đi gặp các lãnh tụ Phật giáo và ông đã đưa ra một thông cáo hoà giải chung. Ngay khi biết

được chuyện này, bà Nhu đã chê ông Diệm là hèn nhát và mềm như "*con sứa*", dù ông chỉ quyết định đi điều đình với các Phật tử.[21]

Mặc cho những lời tuyên bố của ông Diệm, lập trường của hai bên trở nên cứng rắn hơn. Khởi đầu, những phản đối của Phật giáo có tính cách tôn giáo nhưng càng lúc càng trở nên chính trị và càng được quần chúng ủng hộ. Ông Nhu nói các Phật tử là những người nổi loạn và phong trào của họ bị Cộng sản xâm nhập. Tổng thống Diệm và ông bà Nhu muốn nghiền nát phong trào Phật giáo nhưng bị người Mỹ kềm chế. Người Mỹ bày tỏ lòng tin vào tự do tín ngưỡng và thúc dục chính quyền ông Diệm cần phải cải tổ. Cuộc khủng hoảng Phật giáo ngày càng trầm trọng cho đến mùa thu năm 1963. Ông bà Nhu than phiền là Tổng thống Diệm quá mềm yếu với Phật giáo.và tin đồn loan ra là quân đội – và cả ông bà Nhu – đang âm mưu những kế hoạch đảo chánh để đẩy ông Diệm ra khỏi chính quyền.

Đêm 21 tháng 8 năm 1963, ông Nhu, vốn xem Lực Lượng Đặc Biệt (LLĐB) như là đạo quân riêng của ông ta, đã ra lệnh cho hàng trăm lính LLĐB dùng súng, lựu đạn và lựu đạn cay tấn công chùa Xá Lợi. Phật tử đã phòng thủ phía trong chùa nhưng sau hai giờ chống trả, hơn 100 nhà sư đã bị bắt và đem giam ở một nơi khác. Trong một cuộc phỏng vấn ngày hôm sau cuộc tấn công chùa này, ký giả Halberstam đã mô tả bà Nhu "*ở trong một trạng thái hớn hở, nói năng ào ào như một nữ sinh sau một buổi nhảy đầm*." Bà nhờn nhơ nói với người phóng viên là chính quyền đã nghiền nát nhóm "Phật tử Cộng sản" và cho biết là vụ tấn công này là "*ngày vui nhất đời tôi kể từ ngày chúng tôi nghiền nát nhóm Bình Xuyên năm 1955*." [22]

Nhưng vụ này không phải là ngày vui nhất đời của người Mỹ vì họ là những người cung cấp tiền và huấn luyện Lực lượng Đặc biệt Việt Nam để được dùng trong công tác chống lại quân phiến loạn Cộng sản chứ không phải để tấn công chùa chiền. Đến thời điểm này, các viên chức Mỹ bắt đầu thảo luận về khả năng của một cuộc đảo chánh tổ chức bởi những tướng lãnh bất đồng chính kiến.
Ngày 10 tháng 9, bà Nhu khởi đầu một chuyến công du đi Âu châu và Mỹ quốc để giải thích "âm mưu kỳ quái của Cộng sản để bóp nghẹt Việt Nam Cộng Hòa." Bà cũng chế nhạo những báo cáo nói là Mỹ có thể giảm bớt viện trợ để phản đối sự đàn áp của chính quyền nhà Ngô. [23] Khi chính quyền Kennedy thực sự cắt đứt ngân khoản 3 triệu Mỹ kim dành cho Lực Lượng Đặc Biệt cho đến khi họ trở ra mặt trận, bà Nhu tố cáo điều đó là "*một hành động phản bội*." [24] Ngày 22 tháng 9, khi đến La Mã (Roma, thủ đô nước Ý) bà gọi một cách chế nhạo các sĩ quan cố vấn Mỹ ở Việt Nam là những "*lính đánh thuê con nít*." [25] Ngày 7 tháng 10, khi bà đến Nữu Ước, không có một quan chức liên bang, tiểu bang hay thành phố nào ra đón tiếp. Ngày 18 tháng 10, khi đến thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bà tố cáo chính quyền Kennedy giảm thiểu viện trợ cho Viêt Nam Cộng Hòa là phản bội. [26]

Trong khi đó tại Sài Gòn, các tướng lãnh dưới quyền lãnh đạo của tướng Dương Văn Minh, sau khi đã được các viên chức Mỹ bảo đảm là sẽ không can thiệp, đã tổ chức một cuộc đảo chánh lần thứ ba vào ngày 1 tháng 11 để lật đổ Tổng thống Diệm. Lần nầy [lần thứ ba của quân đội], cuộc đảo chánh đã thành công với kết qủa là cái chết thê thảm của hai ông Diệm và Nhu. Khi nghe tin nầy, niềm vui của dân Sài Gòn bùng nổ một cách tưng bừng. Một nhóm người dùng một dây sắt từ một tàu thủy đang đậu ngay bến tàu để kéo sập tượng bà Nhu. [27]

Theo ký giả Halberstam, nếu lúc đó mà bà Nhu còn ở Sài Gòn, các tướng đảo chánh sẽ phải gặp rất nhiều khó khăn để ngăn cản sự cuồng nộ của dân chúng muốn treo cổ bà. [28]

Tượng Hai Bà Trưng, vì được lệnh điêu khắc theo vóc dáng và khuôn mặt của hai mẹ con bà Nhu, nên đã bị sinh viên và dân chúng kéo sập sau ngày 1-11-1963. Phần cái đầu của tượng, giống khuôn mặt bà Nhu, được chở trên xe xích lô máy đi bêu diếu khắp Sài Gòn

Trong những ngày đó, tại Beverly Hills, một bà Nhu quẫn trí đã kết tội một cách cay đắng chính quyền Mỹ đã kích động và yểm trợ vụ đảo chánh. Khi được hỏi bà có muốn xin tỵ nạn chánh trị tại Mỹ, bà đã trả lời: "Không bao giờ! Tôi không thể nào sống trong một quốc gia có những người đã đâm vào chính quyền của tôi." [29] Rồi bà cùng các con bay qua La Mã sống ẩn dật trong một tu viện. Theo một bản tin trong nhật báo New York Times, sau năm tuần công du tại Mỹ, bà đã để lại một mớ hóa đơn (khách sạn, tiệm ăn, nhà hàng, … - LND) trị giá hàng ngàn Mỹ kim không có ai trả. [30]

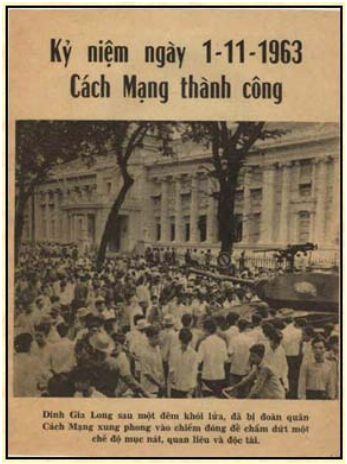

Những nhà lãnh đạo trong chính quyền mới ở Sài Gòn đã hành động nhanh chóng để xóa sạch những ảnh hưởng độc hại của bà Nhu. Ngày 15 tháng 11, chính quyền Sài Gòn vô hiệu hóa thẻ thông hành của bà, và một tháng sau họ hũy bỏ hai bộ luật luân lý và gia đình không ai ưa của bà Nhu. [31]

Ba tuần sau vụ đảo chánh, cảm thấy không chịu được đời sống ẩn dật, bà Nhu bán cho một nhà xuất bản Pháp độc quyền hồi ký của bà trên phim, trên truyền hình, trên báo chí. [32] Bà lại bắt đầu những chỉ trích công khai đối với nước Mỹ. Bà gọi Đại sứ Henry Cabot Lodge là một "*bà vú em lạng quạng*" muốn trở thành một ông "toàn quyền" của Việt Nam Cộng Hoà. [33] Ngày 13 tháng Giêng năm 1964, bà Nhu lên tiếng yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc mở một cuộc điều tra cuộc đảo chánh tháng 11 và tỏ ý nghi hoặc một cách lạ lùng là chồng bà và ông Diệm vẫn chưa chết.[34] . Tháng sau đó, chính quyền Sài Gòn đặt bà ra ngoài vòng pháp luật và ra thông tư để bắt giữ bà. [35] Tháng 3 năm 1964, bà Nhu cho lưu hành một bản tuyên bố dài 16 ngàn chữ để tấn công Tổng thống Kennedy, người đã bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963, và kết án nước Mỹ là Phát-xít và Cộng sản.

Tháng 6 năm 1964, bà Nhu nộp đơn xin chiếu khán để vào thăm nước Mỹ nhưng bị từ chối theo yêu cầu của Đại sứ Cabot Lodge. Tại La Mã, bà Nhu dọn về sống cùng một chỗ với Tổng Giám mục Ngô Đình Thục. Trong khi tuyên bố là bà rất ghét báo chí Mỹ nhưng bà vẫn đồng ý tiếp các ký giả theo các điều kiện: Phải trả 1,000 Mỹ-kim để chụp hình, 1,500 Mỹ kim để phỏng vấn và chụp hình. Và khi phỏng vấn thì phải chụp hình. [36]

Trong khi nước Mỹ càng lúc càng lún sâu vào vũng lầy của một cuộc chiến tranh nguy hiểm ở Việt Nam và những cuộc đảo chánh lật đổ một loạt chính quyền ở Sài Gòn, hình ảnh một người đã từng một thời là bà "Rồng phu Nhân" đáng sợ và đầy uy quyền đã trở nên nhạt nhòa, gia sản của bà lụn bại và cuộc đời bà sa sút thành một bi hài kịch thê thảm.

Dù được sinh ra từ một trong những gia đình quan trọng tại Việt Nam, trong thập niên 1970s, bà đã sống trong một biệt thự tại La Mã, một căn nhà được mô tả là đã "tàn tạ". Nhà của bà bị trộm nhiều lần [38]. Bà dành thì giờ để làm vườn và viết lách.. Dầu vậy, nhà bà cũng đã bị trộm viếng nhiều lần. Năm 1967, cô gái Ngô Đình Lệ

Thủy qua đời trong một tai nạn xe hơi (ở Paris). Tháng 7 năm 1986, em trai của bà, ông Trần Văn Khiêm, bị kết tội cố sát cha mẹ già là ông bà cựu Đại sứ Trần Văn Chương [37] tại tư gia ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.
Theo tin tức của báo chí, năm 1978 bà Nhu tuyên bố là đang viết gần xong một cuốn lịch sử của VNCH "từ vị thế của một người ở trong cuộc." Không có ai còn sống mà có một cái nhìn tốt hơn bà Nhu về sự thăng trầm chế độ ông Diệm và thời kỳ nước Mỹ bắt đầu dính dự vào một cuộc chiến tranh lâu dài nhất với nhiều tranh cãi nhất. Không có người đàn bà Việt Nam nào nhiều uy quyền hơn, tạo nhiều tranh cãi hơn và cũng bị khinh miệt nhiều hơn bà Ngô Đình Nhu.
Khi viết bài này, Bà Nhu đang sống ở La Mã và, đáng tiếc thay là cuốn sách của bà vẫn chưa được xuất bản.

PETER BRUSH

Để tìm hiểu thêm, xin đọc:

David Halberstam, ***The Making of a Quagmire*** (NY: Random House, 1965) và John Mecklin, ***Mission in Torment; an Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam*** (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1965).

Cước chú:

1 Để có thêm chi tiết về thời trẻ tuổi của Bà Nhu, xin xem "*The Queen Bee*", Time, August 9, 1963, p. 22. "Ngo Dinh Nhu, Madame (Tran Le Xuan)" by Arthur T. Frame in Encyclopedia of the Vietnam War: A Political, Social, and Military History, Spencer C. Tucker, ed. NY: Oxford University Press, 1998, p. 293.Edward Miller, "Vision, Power, and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54." Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 35, No. 3, October 2004, p. 448.
2 David Halberstam, *The Making of a Quagmire* (NY: Random House, 1964), p. 57.
3 Robert Scigliano, *South Vietnam: Nation Under Stress* (Boston: Houghton Mifflin Co., 1963), p. 43.
4 Halberstam, p. 56.
5 Scigliano, p. 45.
6 Scigliano, pp. 59-60.
7 John Mecklin, *Mission in Torment: An Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam* (Garden City, NY: Doubleday, 1965), p. 37, 43, 48.
8 Robert Shaplen, *The Cult of Diem*, New York Times, May 14, 1972, p. SM 16.
9 "The Queen Bee," Time, August 9, 1962, p.21.
10 Halberstam, pp. 48-49.
11 Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History* (NY: Frederick A. Praeger, 1968), p. 447.
12 Malcolm W. Browne, *The New Face of War: A Report on a Communist Guerrilla Campaign* (London: Cassell, 1965), p. 170. New York Times, February 4, 1962, p. 3.
13 Browne, p. 170.
14 New York Times, February 28, 1962, p. 1, and New York Times, March 1, 1962, p. 1.
15 Browne, 256.
16 Halberstam, pp. 65-66.
17 Andrew F. Krepinevich, Jr., *The Army and Vietnam* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1986), pp. 58-59, 61-63.
18 Halberstam, p. 53.
19 New York Times, August 25, 1963, p. E1.
20 Mecklin, p. 178.
21 Halberstam, p. 212.
22 Halberstam, p. 235.
23 Washington Post, September 10, 1963, p. A9.
24 New York Times, October 23, 1963, p. 4.
25 Washington Post, September 23, 1963, p. A28.
26 New York Times, October 19, 1963, p. 6.
27 Seth Jacobs, *America's Miracle Man in Vietnam* (Durham, NC: Duke University Press, 2004), p. 2.
28 Halberstam, p. 55.
29 New York Times, November 2, 1963, p. 1.

30 New York Times, November 16, 1963, p. 6.
31 Washington Post, November 29, 1963, p. A6.
32 Washington Post, November 16, 1963, p. A9, New York Times, December 19, 1963, p. 9.
33 New York Times, December 16, 1963, p. 8.
34 New York Times, January 14, 1964, p. 3.
35 New York Times, February 26, 1964, p. 2.
36 Washington Post, November 30, 1965, p. B3.
37 Washington Post, April 24, 1987, p. C2.
38 Washington Post, October 19, 1987, p. A1; New York Times, November 2, 1986, p. 23; "*Dragon Lady*", Newsweek, June 5, 1978, p. 16.

[Source: **VIETNAM**, October 2009 - một vài hình lấy từ Internet]

Bà Nhu và Luân hồi quả báo

KHHB

--- On Mon, 4/25/11, Fanxico Tran <vneagle_11@yahoo.com> wrote:

From: Fanxico Tran <vneagle_11@yahoo.com>
Subject: [GoiDan] Re:[diendanviahe] Matthew Trần:...// Nhớ lại chuyện xưa.

To: ….

Date: Monday, April 25, 2011, 6:06 PM

Hầu hết báo chí + TiVi Việt kiều và tại VN đều đăng tin Bà Ngô Đình Nhu qua đời , thọ 87 tuổi. Tại Việt Nam thì họ đăng ngắn hơn, chỉ nói bà là phu nhân của Ông Ngô Đình Nhu (cố vấn cho TT Ngô Đình Diệm)…Có tờ báo nòi Bà đóng vai Đệ Nhất Phu Nhân vì TT Diệm không có vợ , nên Bà thay thế trong việc tiếp xúc hay đón tiếp phái đoàn nào có các mệnh phụ phu nhân đến viếng Miền Nam VN.
Còn tại Little Saigon (thủ đô của người Việt tị nạn CS sau năm 1975-1980) thì có đăng hình bà Nhu (trích từ tuần báo Time) .

Áo hở cổ , mà người Miền Nam gọi là áo dài bà Nhu .
Bà Nhu là nữ dân biểu Quốc Hội thời VNCH I.
Sau khi T.T. Diệm bị lật đỗ bởi đám quân nhân, cầm đầu là Trung tướng Dương văn Minh, Trần thiện Khiêm, Trần văn Đôn .
Nhưng công đầu là Đại Tá Nguyễn văn Thiệu (thuộc đảng Cần Lao Công Giáo), sư đoàn trưởng sư đoàn 5 làm chủ lực quân cuộc đão chánh nầy .
Không có bàn tay Nguyễn văn Thiệu nhúng vào thì cuộc binh biến 1 tháng 11 năm 1963 không thành công được.
Công đầu bị đám quân nhân Minh, Khiêm, Đôn bỏ quên, sau thời gian chịu nhục thì Nguyễn văn Thiệu trở thành Tổng thống VNCH Đệ Nhị, Thiệu chỉ chịu bỏ ghế vào giờ thứ 25, đào tẩu qua Đài Loan, rồi qua Anh quốc sống suốt 8 năm trời.
Thiệu nổi tiếng với câu nói bất hủ khi quyền hành lên tột đỉnh: "*Đừng tin những gì Cộng Sản nói, mà hảy nhìn kỷ những gì Cộng sản làm* ".

Sau khi sống an lành tại London, Thiệu cũng nói câu bất hủ để đời "*Tôi không mắc mớ gì đến họ* " (khi ký giả hỏi ông về người Việt hải ngoại).
Sau nầy khi Thiệu chết vào tuổi 70 …thì Thiệu di cảo lại cho Tiến sỉ Nguyễn tiến Hưng, cố điều chỉnh lại câu Thiệu nói là : " *Thằng ký giả ấy nó xạo đó , nó hiểu lầm tiếng Anh của tôi nói* ". Nhưng lời nói rồi , xóa làm sao được.

Trở lại bà Ngô đình Nhu.
Bà vừa qua đời tại bệnh viện Rome, thọ 87 tuổi ngay ngày lễ Phục Sinh.
Bà chịu đủ bí tích lâm chung của đạo Công Giáo.
Khi lánh nạn tại Âu Châu, bà sống cuộc đời đạo đức của người vợ mất chồng khi tuổi còn khỏe mạnh.
Cuộc đời của Bà đáng làm gương cho những phụ nữ từng là mệnh phụ phu nhân, như đáng làm gương cho Bà Mai (vợ Phó Tổng thống Nguyễn cao Kỳ).

Bà họ Trần. Mà cha ruột là một luật sư giàu có, nổi danh tại Saigon, Hà Nội. Đó là luật sư **Trần văn Chương .**
Ông làm lớn thời Vua Bảo Đại, ông làm lớn thời TT. Ngô Đình Diệm.
Điều khá kỳ lạ là quyển sách mới tung ra, bán rất chạy tại Pháp và tại Hoaky là quyển " *Thời Đại của Tôi* " **,** do giáo sư luật Vũ quốc Thúc (ông là Khoa Trưởng đại học Luật tại Saigon) không nói đến tên Ông một lời ..
Trong quyển sách kể thời niên thiếu của giáo sư Thúc tại Hà Nội…từ lúc học trung học đến đại học luật và làm công chức tại Hà Nội…thì không thấy ông nhắc đến tên luật sư Trần văn Chương, nhưng ông nhắc rất nhiều đến Võ nguyên Giáp **.**
V.N.Giáp học cùng trường luật với ông Thúc. Giáp học rất giỏi hơn ông Thúc một bậc .
Ông Thúc nhắc một chuyện như sau: " *Khi thi kỳ thi gì đó tại trường Luật , thì sinh viên Võ nguyên Giáp đều có điểm ưu hạng, duy chỉ có một giám khảo người Pháp cho Võ nguyên Giáp con số Zero to tướng, Võ nguyên Giáp tức giận nói : "Ông chỉ cho tôi ½ điểm tôi cũng đậu rồi* **"**.
Giám khảo ấy vẫn cương quyết cho Giáp con số Zero. Thế là Võ nguyên Giáp rớt.
Võ nguyên Giáp bỏ trường luật mà theo Cộng Sản thời đó.

Trở lại dòng họ của Bà Nhu – họ Trần.
Thân phụ là Trần văn Chương, là luật sư giàu có tại Saigon- Hà Nội . Gia đình Ông Chương cho con cái **nói toàn tiếng Pháp** trong nhà.
Cô Trần lệ Xuân từng **đánh tennis với Hoàng đế Bảo Đại** tại Hà Nội…
Sau nầy thấy gia đình họ Ngô là sao sắp sáng , nên Trần văn Chương cho phép con gái **lấy Ngô Đình Nhu lớn tuổi hơn gấp đôi, lại khác đạo Phật nữa.**
Quả thật Trần văn Chương không nhận xét lầm.
Cô gái Trần lệ Xuân sau nầy trở thành em dâu cùa một Tổng thống đầu tiên VNCH đầy uy quyền, vinh hiển.
Lợi dụng chức vụ cao tột đỉnh ấy, **Bà Nhu trở nên cao ngạo, xem Trời bằng vung .**
Quyền hạn của Bà vượt quá quyền hạn một dân biểu tại Quốc Hội Saigon.
Ông anh chồng lại là một tu sỉ đầy uy quyền nhất miền Nam thời ấy. Đó là Giám Mục **Ngô đình Thục.**
Chính Giám mục Ngô đình Thục đề cử thằng với em ruột là Tổng thống Ngô Đình Diệm cho tay chân của mình nắm nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Ngô đình Diệm . Như ông Huỳnh văn Lang, Huỳnh văn Cao, Nguyễn văn Thiệu ..vv..…
(Sau khi Miền Nam mất 1975 thì Tổng Giám Mục Ngô đình Thục **làm phật lòng với Giáo Hoàng Vatican về tiền bạc cũa họ Ngô**…nên Tòa thánh Vatican rút phép thông công TGM Ngô đình Thục …Khi gần chết thì TGM Ngô đình Thục ăn năn và chịu những sự dòi hỏi của Giáo Hoàng Vatican , nện Ngô Đình Thục được xóa bỏ sự rút phép thông công ấy).

Trở lại gia đình oai quyền Trần văn Chương.
Ông được Ngô đình Diệm cử làm đại sứ VNCH tại Washignton DC **.**
Trong thời gian chót của T.T Ngô đình Diệm…thì đại sứ Trần văn Chương **phản đối vụ nhà Ngô đàn áp đạo Phật.** Thế là Bà Nhu ra lệnh cho chồng cất chức đại sứ Chương là cha ruột của mình.
Ngô đình Diệm cũng cất chức Trần kim Tuyến (Trùm mật vụ dân sự Miền Nam VNCH) , Ngộ đình Nhu cử em rể là Trần văn Khiêm thế Trần kim Tuyến từ đó.

Sau khi chế độ Ngô đình Diệm bị lật đỗ…thì Trần văn Khiêm qua Pháp (vợ Khiêm là đàn bà người Pháp)…
Còn Ông bà Trần văn Khiêm thì ở tại Washington DC …thời gian sau thì Khiêm ly dị và qua Mỹ sống với cha mẹ…
Tánh hung dữ và mất dạy thuở nhỏ, vì gia đình giàu và cưng chiều… Thời gian sau tại Washington DC, Trần văn Khiêm trong cơn nóng giận , gây lộn với cha mẹ…
Trần văn Khiêm cong tay nắm đấm, **đánh chết cha mẹ mình** (26 / 7 / 1986).
Không hiểu lý do gì đó mà chính quyền Hoaky nhẹ tay với án sát nhân của Khiêm, tha y vì tù chung thân tại khám Hoaky …thì Khiêm bị trục xuất về Pháp.
Trong đám tang vợ chồng Trần văn Chương …thì có thầy chùa Thích Giác Đức lo chuyện tụng kinh ma chay…(Thích Giác Đức gởi thơ xin phép Thượng Tọa Thích mẫn Giác tại Los Angeles, cho được phép xuất dòng tu mà trở thành pháp sư Giác Đức vì có vợ và có con).

Có một điều khá buồn là TGM Francois-Xavier **Nguyễn văn Thuận** (gọi ông Diệm bằng Cậu), sau khi được phóng thích khỏi trại tù tại VN…
TGM Nguyễn văn Thuận sang Vatican (1989)…Được Giáo Hoàng John Paul II phong lẹn chức Hồng Y. Trong buổi lễ thụ phong Hồng Y tại Rome …thì Bà quả phụ Ngô Đình Nhu xin được phép dự lễ tấn phong Hồng Y…thì Nguyễn văn Thuận **không cho phép Bà tham dự lễ** long trọng nầy .
Năm 2002 Hồng Y Francois-Xavier Nguyễn văn Thuận qua đời vì ung thư ruột.
Ngày 25 tháng 4 năm 2011 Bà Ngô đình Nhu mất , thọ 87 tuổi.
Chúng ta hy vọng đọc được quyển sách của Bà Ngô Đình Nhu sắp ấn bản nay mai.

Nhưng chắc cũng vài điều không gì mới lạ mà chúng tôi đã được biết …
Như Giặc Thầy Chùa làm loạn, chắc chắn Bà sẽ không nói sự oai quyền cùng hông hách của đạo Công Giáo trong thời gian TT. Ngô Đình Diệm nắm quyền, và TGM Ngô Đình Thục được dân Saigon cho là **Quốc Phụ Miền Nam VNCH** vậy. Một tu sĩ dòng giàu nhất Miền Nam thời bấy giờ.

Chồng mất , Bà tủ tiết thờ chồng và không nhận cuộc phỏng vấn nào của báo chí .
Bà giữ im lặng. Tốt cho một phụ nữ Á Đông .
Nhưng ngày xưa Bà gây nhiều sóng gió vì lời tuyên bố đầy hung hăng của Bà.
Ông Nhu **già sợ vợ trẻ**, sợ tai tiếng lan ra ngoài nên Bà Nhu muốn là xong ngay lập tức
Ngô đình Trác , học sinh Taberd Saigon (lớp Première , tương đương lớp Đệ Nhị hay lớp 11 bây giờ ở trong nước)…Một sư huynh frère dạy Toán , tỏ ý bực Bà Nhu lông quyền , thì Ngô Đình Trác về mét mẹ mình .
Hôm sau **sư huynh frère ấy phải khăn gói lện Ban Mê Thuột** mà dạy học . Sư huynh frère ấy là Thầy Toán của chúng tôi luôn. Ngô Đình Trác học rất giỏi, nhất lớp là thường .

Kết Luận :
Không có Bà thì chế độ Ngô Đình Diệm cũng phãi bị lật đỗ mà thôi ,vì những tướng lãnh nắm quyền đều là tay chân thân tín của Ông Ngô Đình Diệm , thuộc Đảng Cần Lao hay thuộc giáo phái Công Giáo mà theo .
Những tay chân tướng lãnh của TT. Ngô Đình Diệm thì chúng ta biết tư cách của họ quá rỏ rồi, điển hình là :Tướng Trần văn Đôn, Tôn thất Đính, Dương văn Minh, Trần thiện Khiêm, Huỳnh văn Cao, Nguyễn văn Thiệu là như vậy .

Bình luận thế nhân :
Dỉ nhiên trong những mệnh phụ phu nhân thời VNCH I và VNCH II, Bà Nhu là người có học vấn khá cao, lại là người vợ mà chồng là người nắm quyền bí mật sau lưng TT. Diệm.
Bà có rất đủ trong tay Bà. Về đời và và đạo .
Đời là chồng làm quân sư cho anh chồng là Tổng thống Miền Nam VN.
Đạo là anh chồng là TGM đầy uy quyền đạo CG trong tay.
Tướng tá, Bộ Trưởng hay nhân vật cao cấp trong chế độ Ngô Đình Diệm đều nể trọng Bà .
Không phải Bà là tay cứu thế an dân, hay lừng danh như Bà San Suu Kyi được dân bầu là Tổng thống xứ Miến Điện …mà Bà **dựa hơi chồng .**
Bà cao ngạo và xem Trời bằng vung.
Bà từng gọi nhiều bộ trưởng tướng lãnh QL/VNCH mà bà ghét là "thằng".

Ngô Đình Diệm làm Tổng thống VNCH I mà người ta sợ Ông Diệm, Ông Nhu, Bà Nhu, Ông Cẩn, Ông Ngô Đình Thục…như vậy **dân chúng gọi Gia Đình Trị là đúng chớ không sai.**
Trong xã hội Việt Nam , ngày xưa cũng như ngày nay…dân Việt không muốn người đàn bà dựa hơi chồng mà lên kêu gào, lớn tiếng nầy nọ.

Bà Ngô Đình Nhu (tức Trần lệ Xuân) có một thời tột đỉnh uy quyền , và có một thời hiểu hậu quả **luân hồi quả báo** hiện tiền .
Cha mẹ ruột bị em trai đánh chết, con gái cưng bị tai nạn xe hơi thãm khốc, chồng và toàn gia đình bị tay chân thủ tín lật đỗ giết chết thãm thương.
Bà không hiểu phước đức là do tay mình tạo ra, chớ không phải từ lá số tốt Tử Vi mà ra.

KHHB
4/24/2011

Tổng giám mục Ngô Đình Thục: Nhiều tham vọng nhiều cay đắng

Văn Thư

Theo lời nhận xét của ông Quách Tòng Đức, từng làm Đổng lý Văn phòng cho Ngô Đình Diệm khi ông này ngồi trên ghế Tổng thống của cái gọi là nền Đệ nhất Cộng hoà Việt Nam, trong gia đình họ Ngô theo Công giáo thời ấy có hai người đã gây nên nhiều tiếng xấu nhất trong dư luận là **Trần Lệ Xuân**, vợ Ngô Đình Nhu, và Tổng Giám mục **Ngô Đình Thục.**

Là một người khoác áo nhà tu nhưng Ngô Đình Thục đã có không ít những hành động sai quấy cả trên phương diện đạo đức lẫn chính trị, khiến cho chế độ gia đình trị của hai người em Ngô Đình Diệm - Ngô Đình Nhu rốt cuộc đã bị xoá sổ mau chóng sau chưa đầy một thập niên làm mưa làm gió trên chính trường Sài Gòn.

Trong số con cái của trọng thần triều Nguyễn Ngô Đình Khả, người con trai thứ hai Ngô Đình Thục chọn riêng một lối đi tôn giáo nhưng không phải vì thế mà không lấm bụi thế sự. Đặc biệt từ sau năm 1945, khi người anh cả Ngô Đình Khôi, một viên quan rất có máu mặt và khét tiếng gian ác của chế độ Nam Triều bị nhân dân trừng trị và phải chết bất đắc kỳ tử, Ngô Đình Thục đã nhận lấy "quyền huynh thế phụ" và vì thế, càng có những ảnh hưởng quyết định đến những xoay vần thế cuộc của dòng họ Ngô Đình. Nhiều nguồn tư liệu đã chứng minh vai trò không thể gì thay thế được của Ngô Đình Thục trong những móc nối với các thế lực ngoại quốc để đưa người em trai của ông ta là Ngô Đình Diệm lên ngôi vị hàng đầu của chính trường Sài Gòn những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ trước.

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục có tên thánh là Pièrre Martin, sinh ngày 6-10-1897 tại Phủ Cam, Huế. Thuở thiếu thời, Ngô Đình Thục đã được gia đình cho theo học tại trường tư thục Pellerin ở Huế. Năm 12 tuổi (1909), Ngô Đình Thục đã vào học ở Tiểu Chủng viện An Ninh (Quảng Trị) rồi tới tháng 9/1917, vào học ở Đại Chủng viện Phú Xuân thuộc Giáo phận Huế. Có lẽ ngay từ khi đó giới giáo chức cao cấp ở Huế cũng như gia đình họ Ngô đã nhận ra thiên hướng có thể ăn nên làm ra trên con đường tu hành của Ngô Đình Thục nên Chánh xứ Phủ Cam khi đó là Eugène Marie Joseph Allys (thường gọi là Cố Lý, 1852-1936) tháng 11/1919 đã gửi cậu giáo sinh họ Ngô đi du học Trường Truyền giáo Rome. "Con ông cháu cha" nên Ngô Đình Thục ngay ở Rome cũng rất được chăm bẵm.

Cuối năm 1922, Thượng thư Nguyễn Hữu Bài, bạn đồng liêu của Ngô Đình Khả, cũng là một người Công giáo, sau khi tháp tùng vua Khải Định du ngoạn sang Pháp "như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ" (chữ dùng của Nguyễn ái Quốc) đã đến thành Rome. Sẵn quan hệ cũ, Nguyễn Hữu Bài đã mang theo cậu giáo sinh Ngô Đình Thục vào yết kiến Đức Giáo hoàng Piô XI. Sự việc này đã có tác động tốt đến hoạn lộ sau này của Ngô Đình Thục.

Cũng trong năm đó, Ngô Đình Thục đã có được bằng Tiến sĩ Triết học. Ngày 20/12/1925, Ngô Đình Thục đã được phong chức linh mục rồi đi dạy ở Đại học Sorbonne ở Paris, Pháp. Năm 1926, Ngô Đình Thục lấy được bằng Tiến sĩ Thần học và năm 1927 có thêm Tiến sĩ Giáo luật ở Đại học Appolinaire… Tiếp theo, Ngô Đình Thục qua Pháp học tại Institut Catholique de Paris từ tháng 10/1927 đến tháng 6/1929 và đỗ Cử nhân Văn chương.

Trở về Việt Nam năm 1929, Ngô Đình Thục khi đó còn là linh mục, làm giáo sư dòng Thánh Tâm ở Phường Đúc (Trường An) Huế, từ tháng 11/1929. Đến tháng 9/1931, Giám mục Alexandre Chabanon (Giáo, 1873-1936) đã bổ nhiệm Ngô Đình Thục làm giáo sư Đại Chủng viện Phú Xuân, Huế.

Tháng 10/1933, Ngô Đình Thục trở thành Giám đốc Trường Thiên Hựu (Providence), một trường tư thục Công giáo tại Huế. Năm 1935, ông ta còn kiêm luôn cả chức Chủ nhiệm báo *Sacerdos Indosinensis*. Năm 1938, Ngô Đình Thục được thụ phong Giám mục Giám quản tông Tòa Giáo phận Vĩnh Long… Từ thời điểm đó cho tới cuối những năm 50 của thế kỷ trước, Ngô Đình Thục mặc dù chỉ ở Vĩnh Long nhưng đã tham gia khá tích cực vào các cuộc vận động hành lang cho sự ra đời của một chế độ riêng của gia tộc Ngô Đình.

Giám mục Ngô Đình Thục có ảnh hưởng mạnh mẽ tới Ngô Đình Diệm cũng như những người em khác trong gia tộc Ngô Đình.. Chính nhà tu này đã có vai trò rất quan trọng trong việc thiết kế những mối quan hệ hữu hảo với phương Tây thông qua Hồng y Giáo chủ **Spellman** để cuối cùng **Washington đã chọn Ngô Đình Diệm làm con bài chống Cộng chủ đạo ở Việt Nam** sau khi quân đội viễn chinh Pháp phải thua chạy khỏi đây sau trận Điện Biên Phủ. Cũng chính Ngô Đình Thục đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình lôi Ngô Đình Diệm từ sân sau của chính trường Sài Gòn để giúp ông thu được 95% (?!) số phiếu ủng hộ của các cử tri miền Nam trong cuộc trưng cầu ý dân giả hiệu ngày 23/10/1955 và nhờ thế, Ngô Đình Diệm đã qua mặt được vua Bảo Đại tiến tới ngôi Tổng thống.

Một khi em đã làm "vua" thế sự thì anh cũng dễ dàng hơn trong những thăng tiến ở nhà thờ. Ngày 24/11/1960, Ngô Đình Thục đã được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Giáo phận Huế. Và ông ta đã tận dụng tối đa ảnh hưởng của ông em Tổng thống để triển khai đủ loại hoạt động kinh tế (thí dụ như khai thác lâm sản, mua thương xá Tax, làm chủ nhà sách Albert Portail...), để kiếm lời bạc tỷ. Thậm chí đã có lúc Ngô Đình Thục **dùng lính bộ binh và cả xe bọc thép thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và vận chuyển cho các vụ khai thác gỗ rừng** trong các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, lấy vật liệu của công và nhân viên chính quyền để xây cư xá Vĩnh Long, tổ chức lễ Ngân khánh (25 năm ngày Ngô Đình Thục được Vatican phong làm Tổng Giám mục) cưỡng ép công chức cao cấp và thương gia nộp tiền… Một vị linh mục ở Sài Gòn thời đó tên là Trần Tam Tỉnh đã thuật lại việc tổ chức mừng lễ Ngân khánh trong quyển biên khảo *Thập giá và Lưỡi gươm* (Nhà xuất bản Sud - Est Asie, Paris, 1978): "*Từ tháng 3/1963, một ủy ban ngân khánh đã được thành lập do chủ tịch quốc hội làm chủ tịch với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm ủy viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mà mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng. Người ta muốn biến lễ Ngân khánh này thành quốc lễ*".

Cách hành xử như thế của Ngô Đình Thục hiển nhiên là đã gây nên nhiều bê bối trong dư luận nhưng Ngô Đình Diệm vẫn cứ đoan chắc rằng ông anh mình không làm điều gì sai quấy vì số tiền kiếm ra dường như đã được dùng vào việc nuôi sống Trường Đại học Đà Lạt do chính Ngô Đình Thục lập ra cũng như để đáp ứng các nhu cầu khác của nhà thờ. Thật nực cười! Không chỉ trục lợi kinh tế mà Tổng Giám mục Ngô Đình Thục còn tạo nên những lý do chính trị tai hại đối với chế độ Diệm - Nhu. Nhiều nguồn tư liệu còn lại tới hôm nay cho rằng, Ngô Đình Thục khi ở trên đỉnh cao danh vọng tôn giáo đã bị hoang tưởng về quyền lực của mình cũng như của gia tộc mình và đã **đánh đồng thần quyền với thế quyền**. Là anh của Tổng thống Diệm, Ngô Đình Thục nghĩ rằng ông ta, như linh mục Trần Tam Tỉnh nhận xét "*đã hóa thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm đến ông*

để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như là hiện thân của giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước…".

Một nhân chứng khác ở thời đó đã ghi chép lại về thời miền Nam nằm dưới sự trị vì của chế độ gia đình trị của dòng họ Ngô Đình như sau: "*Các linh mục thuộc tập đoàn Ngô Đình Diệm đã ra sức thao túng, bóc lột, cướp tài sản của dân chúng. Có những linh mục bắt các quận trưởng phải nộp tiền bạc, để làm cái này, làm cái kia, nếu ai không tuân lệnh, họ sẽ báo cáo xấu lên tổng thống mà bị mất chức hoặc bị ngồi tù. Vì muốn Ngô Đình Thục được làm Hồng y, vây cánh Ngô Đình Diệm đã dùng mọi thủ đoạn để gia tăng giáo dân, trong đó có việc cưỡng bách sĩ quan, binh sĩ và dân chúng theo Thiên Chúa giáo, ai không theo bị chúng vu khống là cộng sản rồi bắt bỏ tù. Họ khủng bố Cao Đài, Hòa Hảo, tận diệt Quốc Dân đảng và Đại Việt…*".

Viên sĩ quan dù cao cấp về sau trở thành tướng nổi loạn Nguyễn Chánh Thi đã nhận xét về sự lộng hành của một số linh mục thời Diệm - Nhu: "*Cứ hầu như mỗi một tỉnh của miền Nam, nhất là tại miền Trung, có một linh mục có quyền sinh sát trong tay mà chả ai đả động đến, vì đằng sau họ là sức mạnh chính quyền. Họ còn lộng hành hơn là nhận đơn kiện cáo của con chiên, rồi phê vào đơn, đưa đến tỉnh trưởng hay quận trưởng, bảo phải xử theo ý của linh mục A, linh mục B, không thì mất chức. Một số linh mục dưới chế độ Ngô Đình Diệm, họ sống như các ông vua của một xứ xưa kia!...*".

Cũng theo linh mục Trần Tam Tỉnh, đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói với ICI, tạp chí Công giáo số 15/4/1963, rằng "*Trên bàn giấy của tôi chồng chất cả lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này, ơn nọ, khổ thay thường chỉ là thế tục. Tôi không thể dửng dưng được trước lời kêu gọi của họ! ở vào địa vị của tôi các ông sẽ xử sự như thế nào?*". Giả dối đến thế là cùng!

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục cũng là một người **mang nặng tư tưởng phân biệt tôn giáo**. Thậm chí không ít người ở miền Nam khi đó còn cho rằng, Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nuôi tham vọng **Công giáo hóa toàn bộ cái gọi là nền đệ nhất cộng hòa**. Chính những lùm xùm xung quanh lễ Ngân khánh năm 1963 đã châm ngòi lửa cho những biến cố Phật giáo, gây nên mối nguy hiểm chí tử đối với chế độ tay sai này của Mỹ ở Sài Gòn. Mọi sự quá mù ra mưa tới mức **Vatican cũng lên án chính phủ Diệm - Nhu** và quyết định rút Tổng Giám mục Ngô Đình Thục ra khỏi Việt Nam.

Nhận thức được hiểm họa này, Washington đã không khoanh tay thúc thủ và quyết định gây sức ép để loại bỏ Ngô Đình Thục ra khỏi trung tâm quyền lực ở Sài Gòn. Ngày 20/8/1963, Nhà Trắng đưa Cabot Lodge sang làm đại sứ ở Sài Gòn với những chỉ thị mang tinh thần khác hẳn trước đây… Giờ cáo chung đã điểm đối với quyền lực chính trị của gia tộc Ngô Đình. Trước đó khoảng 6 năm (1957), tại cố đô Huế đã xảy ra một điềm xấu: **sét đánh đúng ngôi mộ của ông Ngô Đình Khả**, từng được xây cất rất kỹ lưỡng bởi một lực lượng công binh tinh nhuệ nhất của chế độ Sài Gòn bằng những vật liệu có chất lượng tốt nhất...

Tháng 9/1963, Ngô Đình Thục rời Sài Gòn tới Vatican để tìm cách vớt vát uy tín cho chế độ Diệm - Nhu trên trường quốc tế (cũng là đúng ý Mỹ muốn ông ta đi cho "khuất mắt trông coi"). Tuy nhiên, mọi sự đã muộn màng. Bản thân Ngô Đình Thục cũng bị Vatican tước bỏ chức vụ tôn giáo.

Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã kết liễu tính mạng của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn… Ngô Đình Thục đành phải sống tha phương trong cảnh khá là bần hàn và mãi tới sau năm 1975, mới được Vatican cho phục chức. Thế rồi Tổng Giám mục Ngô Đình Thục về hưu ở Mỹ và phải sống tại một Viện dưỡng lão Công giáo thuộc tiểu bang Missouri cho tới khi trút hơi thở cuối cùng ngày 13/12/1984.

Văn Thư

[Source: *sachhiem.net* – 9/2008]

Vài nét về "Cụ Diệm"

Trần Chung Ngọc

Phần I

Đã viết về "Cụ Hồ" mà lại không viết về "Cụ Diệm" thì quả là một điều thiếu sót, vì dù sao ông Diệm cũng đã là Tổng Thống của miền Nam trong 9 năm . Nhưng bài này tuyệt đối không phải để đối chiếu so sánh "Cụ Diệm" với "Cụ Hồ" vì không ai có đôi chút hiểu biết lại đi làm công việc vô trí này. Tại sao? Vì một đằng suốt đời sống gian khổ, tổ chức, tập họp những người yêu nước chống Pháp, mong giành lại độc lập và thống nhất cho đất nước [Cụ Hồ], một đằng làm quan cho Pháp, bắt người yêu nước chống Pháp tra khảo, rồi nằm yên vị trong các Trường Dòng Công Giáo ở Mỹ, Bỉ trong khi nước nhà sôi bỏng vì chiến tranh, kháng chiến chống Pháp trở lại Đông Dương, rồi phút cuối trở về làm "chí sĩ cứu tinh dân tộc" [Cụ Diệm]. Đã có nhiều sách viết về biến cố ông Ngô Đình Diệm về chấp chánh ở miền Nam. Và không ai có thể phủ nhận là chính cựu Hoàng Bảo Đại đã bổ nhiệm ông Diệm về làm Thủ Tướng. Nhưng những chi tiết từ đâu mà cựu Hoàng Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm thay vì không phải ai khác thì rất ít được viết đến. Có chăng chỉ là sơ sài như ông Diệm được Hồng Y Spellman ủng hộ hay được chính giới Mỹ ủng hộ, tuy rằng dân Việt không có ủng hộ, vì khi đó chẳng có mấy người biết đến ông Diệm .

Chúng ta biết rằng Ông Ngô Đình Diệm không phải là một khuôn mặt chính trị có tầm vóc ở Việt Nam, được nhiều người biết đến trước khi được đưa về Việt Nam làm Thủ Tướng vào tháng 6, 1954. Thành tích của ông trong thời Pháp thuộc không lấy gì làm sáng sủa, chưa kể ông thuộc dòng họ ba đời làm Việt Gian. Thành tích "yêu nước" nổi bật nhất của ông là trong thời Pháp thuộc, khi làm Tri Phủ Hòa Đa, ông đã dùng đèn cầy đốt hậu môn của những người yêu nước chống Pháp để tra khảo. Chúng ta cũng biết, từ năm 1950, ông đã rời quê hương đất tổ của ông để sống trong các Trường Dòng Công Giáo ở Mỹ và ở Bỉ. Vì những thành tích này mà khi ông về cầm quyền, những người Công giáo đã tôn ông lên làm "chí sĩ", và người dân miền đã Nam bị cưỡng bức phải ca bài *"Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô Tổng Thống; Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm"*. Cuối cùng, "muôn năm" chỉ có vỏn vẹn "chín năm", và ông đã yên nghỉ cùng Chúa và ông bạn vàng Torquemada (một Đại Phán Quan Tây Ban Nha giống như ông Diệm đã từng tự nhận), tới nay được 43 năm rồi.

Một câu hỏi được đặt ra: với một thành tích "yêu nước" và chính trị không có gì, với một khả năng rất giới hạn, tài và đức đều không có, vậy tại sao ông Diệm lại được chọn để làm Thủ Tướng ở miền Nam? Có lẽ những chi tiết trong cuốn ***"The American Pope: The Life and Times of Francis Cardinal Spellman"***, A Dell Book, NY, 1985, của John Cooney, tạm gọi là đầy đủ nhất. Để viết cuốn sách này, tác giả Cooney đã xử dụng những nguồn tài liệu từ chính Nhật Ký của Spellman, những hồ sơ mật của FBI, và qua những cuộc phỏng vấn, nên tác phẩm của Cooney là một nguồn tài liệu rất có giá trị [By using Spellman's personal diary, FBI classified files, and interviews, Cooney's volume is an engrossing, valuable document]. Vậy sau đây, tôi xin trích dẫn vài đoạn trong phần nói về ông Diệm trong cuốn sách trên, từ trang 307 đến trang 314:

"Tuy rằng không có mấy người biết điều này, Hồng Y Spellman đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên sự nghiệp chính trị của một người đã ở trong một Trường Dòng ở New York trước đây, vừa trở thành Thủ Tướng của miền Nam Việt Nam: Ngô Đình Diệm. ***Ở Diệm, Spellman nhìn thấy những đặc điểm mà ông ta muốn có trong mọi người lãnh đạo: Công Giáo nồng nhiệt và chống Cộng điên cuồng.***

Spellman đã gặp Diệm ở New York vào năm 1950, khi người Việt Nam này ở trong Trường Dòng Marykoll ở Ossining, New York. Một tín đồ Công giáo trung thành, sinh ra từ một gia đình gia giáo, Diệm ở trong Trường Dòng do sự cầu xin của người Anh, Ngô Đình Thục, một Giám mục Công giáo. Là một người độc thân rất sùng tín, Diệm đã tự tách mình ra khỏi thế giới, đặc biệt là ra khỏi quốc gia tan tác bởi chiến tranh của ông ta. ***Và***

ông ta chỉ được biết đến bởi một nhóm nhỏ hoạt động chính trị ở Mỹ. Ở Việt Nam tên ông ta không gây nên một hứng thú nào. Trên chính trường Mỹ, ông ta không được ai biết đến, *một tình trạng mà Spellman giúp ông sửa đổi. Lai lịch của Diệm không tránh được sự chú ý của Spellman.*

Người đưa Diệm đến Spellman là Linh mục Fred McGuire. Một cựu thừa sai ở Á Châu, kiến thức về Viễn Đông của McGuire được biết rõ ở Bộ Ngoại Giao. McGuire nhớ lại, một ngày nọ ông được Dean Rusk, khi đó làm trưởng ban Á Châu vụ, nhờ dàn xếp để Giám mục Thục, sắp đến Mỹ, tới gặp các viên chức của Bộ Ngoại Giao. Rusk cũng tỏ ý muốn gặp Diệm.

McGuire tiếp xúc với người bạn lâu đời, Giám Mục Griffiths, vẫn còn là chuyên viên ngoại vụ của Spellman. Hắn ta yêu cầu sẽ để cho Thục được tiếp kiến đúng nghi thức bởi Hồng Y. Trong dịp này Diệm đã từ Trường Dòng đến nhà riêng của Spellman. Cuộc gặp gỡ giữa Spellman và Diệm có thể là một cuộc gặp gỡ lịch sử. Joseph Buttinger, một người hoạt động cho những người tị nạn Việt Nam, tin rằng ***Hồng Y Spellman là người Mỹ đầu tiên nghĩ đến việc đưa Diệm về lãnh đạo Nam Việt Nam.***

Tháng 10 1950, hai anh em Diệm đã gặp các viên chức Bộ Ngoại Giao ở khách sạn Mayflower, có cả Rusk. Diệm và Thục được tháp tùng bởi McGuire và ba giới chức chính trị của giáo hội khi đó đang hoạt động để ngăn chận Cộng Sản: Linh mục Emmanuel Jacque, Giám mục Howard Carroll, và Edmund Walsh ở đại học Georgetown. Mục đích của cuộc gặp gỡ này là hỏi hai anh em Diệm Thục về đất nước của họ và xác định những niềm tin chính trị của họ. Điều rõ ràng sau đó là cả Thục và Diệm đều tin rằng Diệm sẽ cai trị đất nước của họ**. Sự kiện là Việt Nam chỉ có 10% Công Giáo không đáng quan tâm đối với hai anh em Diệm.**

Khi bày tỏ ý kiến trong bữa ăn tối, hai lập trường Diệm tin tưởng nhất đã rõ ràng. Hắn ta tin vào quyền năng của Giáo hội Công Giáo và hắn ta thù địch dữ dội và quyết liệt chống Cộng. *Điều này chắc đã phải gây ấn tượng trên các viên chức Bộ Ngoại Giao. Quan tâm đến Việt Nam từ khi Truman bắt đầu giúp tài chánh cho Pháp ở đó (Việt Nam), những viên chức Bộ Ngoại Giao đã luôn luôn để ý đến những người lãnh đạo chống Cộng cực đoan vì ảnh hưởng của Pháp đã phai nhạt. Sau Điện Biên Phủ, Eisenhower muốn ủng hộ một chính phủ mở rộng hơn là chính phủ của ông Vua, người không được quần chúng ủng hộ mấy vì đã từ lâu bị coi như là một bù nhìn của Pháp và Mỹ. Do đó Mỹ muốn có một người Quốc Gia ở địa vị cao ở Nam Việt Nam để làm giảm sự hấp dẫn của Hồ Chí Minh. Kết quả là Bảo Đại đã cho Diệm một chức vụ mà Diệm mà Diệm vẫn muốn – Thủ Tướng.* [[Về chuyện này Bernard Fall viết trong The Two Viet-Nams, trang 244: *"Ý thức được rằng mình đang ném ngai vàng đi, Bảo Đại bắt Diệm phải thề* (Theo Stanley Karnow, trang 218, Bảo Đại bắt Diệm thề trước cây Thánh Giá [before the crucifix]) *trung thành với ông, và nhiều nhân chứng có thẩm quyền quả quyết là Diệm cũng còn quỳ xuống trước Hoàng Hậu Nam Phương là sẽ làm hết sức trong phạm vi quyền lực của mình để "giữ ngai vàng cho Hoàng Tử Bảo Long, con của Bảo Đại"*. Nhưng chúng ta đã biết, chỉ hơn 1 năm sau, Diệm đã dùng tiền của CIA để tổ chức cuộc Trưng Cầu Dân Ý gian lận để phế bỏ Bảo Đại và lên làm Tổng Thống. Về vụ này Bernard Fall cũng viết, trang 257: *"Trong hầu hết các nơi bỏ phiếu, có nhiều ngàn phiếu nhiều hơn là số cử tri đã bỏ cho Diệm . Thí dụ, Ở vùng Saigon-Chợ Lớn, đếm được 605,205 phiếu trên số 450,000 cử tri ghi danh".*]]

Diệm trở về Saigon ngày 26 tháng 6, 1954, sau Edward Lansdale vài tuần. Lansdale là trùm CIA về quân sự ở Saigon, đặc trách cuộc chiến không theo quy ước [có nghĩa là đánh phá ngầm]

Lập trường của Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng. Malachi Martin, một cựu tu sĩ dòng Tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của Diệm, Tổng giám mục Thục, ảnh hưởng. "Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội," Malachi xác nhận rằng: "Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."

Do đó Spellman xếp đặt một chiến dịch hòa điệu kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm. Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Washington, vấn đề đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ.

Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Công Giáo.

..Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Công Giáo. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. ***Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đầy. Cái màu sắc Công Giáo đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman.***

Rồi còn có vai trò hấp dẫn của một bác sĩ Công giáo trẻ hoạt động ở Việt Nam tên là Tom Dooley. Một Trung Úy hải quân hoạt động ở Hải Phòng, Dooley làm việc với các người tị nạn.
Là con cưng của Spellman, có một lúc Dooley tổ chức được 35,000 tín đố Công Giáo Việt Nam ở miền Bắc đòi di cư. Có lẽ những nỗ lực của Dooley thành công ở Mỹ hơn là ở Việt Nam. Hắn viết ra những bài trong nhật báo và tuần báo và 3 cuốn sách bán chạy nhất ***để tuyên truyền cho Công Giáo và chống Cộng*** *theo những niềm tin của hắn.* ***Hắn dựng lên những chuyện người Công Giáo bị khổ nạn trong tay của những người Cộng Sản đã đánh đập vào bộ sinh dục của các linh mục trần truồng, chọc thủng màng tai của những đứa trẻ bằng đũa để cho chúng không nghe được về Thiên Chúa, và mổ bụng phụ nữ có thai.*** *Tốt nghiệp đại học Notre Dame ở Indiana* [thực ra Dooley không tốt nghiệp bác sĩ từ đại học Notre Dame mà từ đại học St. Louis. Trường Notre Dame có tiêu chuẩn cao nên Dooley không theo được và phải bỏ Notre Dame theo học ở St. Louis. Nhưng ngayở đây, Dooley cũng học rất kém, phải học lại năm cuối, và khi làm nội trú cũng phải làm thêm 6 tháng. Nhưng vì những công việc chống Cộng bịp bợm nên Dooley đã trở thành nổi tiếng như là một bác sĩ tận tụy giúp người di cư và chống Cộng cực đoan. Vì vậy năm 1960, trường Notre Dame trao tặng cho Dooley chức bác sĩ hàm] *, Dooley đi khắp nước Mỹ để quảng cáo những cuốn sách của mình và hô hào chống Cộng, rồi chết năm 1961, khi mới có 34 tuổi. Người cuối cùng đến bên giường bệnh của Dooley là Hồng Y Spellman, người đã tôn ông bác sĩ trẻ như là nguồn cảm hứng cho mọi người – một thánh tử đạo khác. Tiếng tăm của Dooley không suy giảm cho đến khi Ủy Ban phong Thánh của Công Giáo La Mã điều tra năm 1979 và khám phá ra rằng Dooley có liên hệ với CIA.* [Muốn biết sự thực về con người của Tom Dooley, xin đọc bài *"Doctor Tom Dooley"* của Peter Brush trong mục các bài tiếng Anh]

Dooley đã giúp CIA tạo loạn cho Bắc Việt qua những chương trình tị nạn của hắn. Những người Công Giáo đổ vào miền Nam đã mang đến cho Diệm một hậu thuẫn chính trị lờn và được hứa hẹn của Mỹ giúp đỡ để tái định cư. Quần chúng Mỹ phần lớn tin rằng hầu hết những người Việt Nam đều khiếp sợ sự độc ác và khát máu của Việt Minh và tìm đến ông Diệm sợ Chúa để được giải thoát. Nhiều người tị nạn chỉ sợ bị trả thù vì mình đã ủng hộ Pháp.

...Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Công Giáo của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. *Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi Graham Greene, một tín đồ Công Giáo, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:*

"Chính cái giáo thuyết Công Giáo đã làm cho chính quyền Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị những cố vấn Mỹ khai thác cho đến khi giáo hội ở trong nguy cơ làm mất lòng dân như Mỹ. Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman (Hồng Y Spellman đến Việt Nam để nâng uy tín của Diệm đồng thời bi thảm hóa của cuộc di cư lớn lao của người Công Giáo "dramatizing once more the great exodus of refugees from the North, the greater part of whom are Catholics.") *Một linh mục Việt Nam nói: Ông ta (Spellman) nói nhiều về con bò vàng [mà một số người Do Thái thờ phụng như được viết trong Cựu ước. TCN] hơn là về Mẹ Thiên Chúa] đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra.* ***Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Công Giáo là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà ông Diệm thăm viếng những vùng của Việt Minh trước đây, bao giờ cũng có một linh mục đứng bên, và thường là một linh mục Mỹ.***

*...**Nam Việt Nam**, thay vì đối đầu với chế độ toàn trị của miền Bắc bằng những bằng chứng về tự do, **lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án.** Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. **Ông Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước đầy tinh thần khoan nhượng này một di sản chống-Công Giáo.**"*

*Trong cuộc viếng thăm, Spellman đã trao một ngân phiếu 100,000 đô-la cho Tổ Chức Cứu Trợ Công Giáo, một tổ chức hoạt động tích cực trong chương trình tái định cư những người di cư và sau đó cai quản chương trình viện trợ của Mỹ, chứng tỏ Tổ Chức này sát cánh với nỗ lực chiến tranh của Mỹ và đưa tới sự nghi ngờ là Tổ Chức có liên hệ với CIA. Dùng Giáo hội để làm chức vụ như vậy đã được thi hành ở Châu Mỹ La-Tinh, ngoài nhiều nơi khác, nhưng ở Việt Nam có vẻ đúng như những lời khuyến cáo của Graham Greene là **Giáo hội và Mỹ đã cùng nhau thi hành một đường lối thất nhân tâm đối với những người Việt Nam.***

Khả năng tham nhũng ở Việt Nam rất cao và cũng làm hại tới uy tín của Tổ Chức Cứu Trợ. Drew Parson ước tính chỉ trong năm 1955 chính quyền Eisenhower đã bơm vào Việt Nam trên 20 triệu đô-la viện trợ giúp người tị nạn Công giáo. Không thể tránh được, có quá nhiều gắn ghép và tham nhũng trong việc phân phối thực phẩm, thuốc men, và các đồ dùng khác tới các làng mạc. Tờ National Catholic Reporter *đã phúc trình những sự lạm dụng của Tổ Chức Cứu Trợ Công Giáo trong nhiều bài mà một bài có đầu đề là: **"Việt Nam 1965-1975. Vai Trò của Tổ Chức Cứu Trợ Công Giáo: Công Trình Của Chúa – Hay Của CIA?"** Những sự lạm dụng bị phanh phui gồm có: **dùng viện trợ để truyền đạo, chỉ giúp những người Công Giáo tuy viện trợ là cho tất cả mọi người, đồng nhất hóa với quân lực, và đem cho binh lính Mỹ và Việt thay vì cho dân sự như mục đích của viện trợ.*** [Những người ở Việt Nam thời đó đều biết rõ các Linh mục Công Giáo Việt Nam và tổ chức Công Giáo được giữ độc quyền để phân phát viện trợ. Sự phanh phui trên là từ một tờ tuần báo của chính Công Giáo] – {Ngưng trích "*The American Pope*"}

Qua tài liệu trên, và phối hợp với nhiều tài liệu khác, thí dụ như của Joseph L. Daleiden, một học giả Công Giáo trong cuốn *The Final Superstition*, chúng ta thấy rõ vai trò then chốt của Vatican đã dự phần đưa tới việc Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Chúng ta cũng còn biết, Hồng Y Spellman đã đến Việt Nam nhiều lần, đi tới các tiền đồn để khuyến khích lính Mỹ chiến đấu cho Chúa: ***"Trong một bài học thuộc Giáo hội thời Trung Cổ, Spellman bảo với binh sĩ Mỹ là họ là những "thánh chiến quân" tham gia vào cuộc chiến của Chúa Ki Tô chống Việt Cộng và dân chúng ở Việt"*** (John Cooney, p.384: In a lesson from the medieval Church, Spellman told the troops they were "holy crusaders" engaged in "Christ's war against the Viet-cong and the people of North Vietnam). Nhưng tại sao Chúa lại chống Cộng ở một nước nhỏ bé như Việt Nam, sao Chúa không chống Cộng ở Nga, ở Tàu, hay ở Ba Lan, Tiệp Khắc ngay bên Âu Châu? Vatican, thêm một lần nữa, đã mang tội với dân tộc Việt Nam và các tín đồ Công Giáo Việt Nam phải gánh cái hậu quả này. Chúng ta cũng thấy rõ, Ngô Đình Diệm chẳng qua chỉ là một con cờ của liên minh Mỹ-Vatican. Và Ngô Đình Diệm không thể ngờ được rằng về sau, vì quyền lợi của Vatican và của Mỹ, cả Vatican và Mỹ đều bỏ rơi mình, đưa đến một kết quả quá bi thảm cho chính bản thân. Thật là tội nghiệp. Dưới hình thức nào thì thực dân cũng đều như nhau. Ngày nay, những tàn dư của Cần Lao còn cố gắng "phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm" mà không biết rằng họ đang phục hồi tinh thần Trần Ích Tắc.

Để cho công bình, chúng ta cũng còn phải xét thêm việc từ khi về làm Thủ Tướng và rồi tự lên làm Tổng Thống, "Cụ Diệm" đã làm gì cho đất nước? Đã có nhiều sách viết về nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa: Đỗ Mậu, Lê Trọng Văn, Hồ Sĩ Khuê, Nguyệt Đam & Thần Phong, Nguyễn Mạnh Quang, Vũ Ngự Chiêu v..v... Nhưng xin đọc **Phần II** để biết người Tây Phương đánh giá ông Ngô Đình Diệm như thế nào.

Phần II

Sau khi về làm Thủ Tướng và rồi Tổng Thống, ông Ngô Đình Diệm đã cai trị miền Nam như thế nào. Những tài liệu nhận định về con người Ngô Đình Diệm và chính quyền Ngô Đình Diệm của một số tác giả ngoại quốc có tên tuổi sau đây sẽ trả lời câu hỏi này. Những tài liệu này cũng còn cho thấy ý nghĩa đích thực của phong trào tranh đấu Phật Giáo 40 năm trước đây và không còn bị lừa dối bởi những luận điệu quái gở như Phật Giáo thân Cộng, Phật Giáo làm "mất nước" (sic) v..v.. của một đoàn thể đã nổi tiếng là "***đã phi dân tộc thì thể nào cũng phản dân tộc***."

1. *"**Vietnam: Crisis of Conscience**"* của Robert McAfee Brown, Abraham J. Heschel & Michael Novak, Associated Press, New York 1967, trang 30:

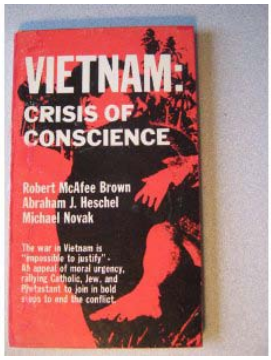

Ký giả người Úc Denis Warner viết "Trong nhiều năm, ***cái chế độ bạo ngược chuyên chế mà Tây phương đồng minh với ở Saigon*** (chế độ Ngô Đình Diệm) ***thì còn tệ hơn là cái chế độ mà Tây phương đang chiến đấu để chống*** (chế độ CS)*". Diệm và gia đình ông ta đã giết hoặc lưu đày tất cả những thế đối lập.* ***"Diệm đã mất đi sự tin cậy và trung thành của dân chúng"*** *như Bộ Trưởng McNamara đã nhận định ngày 26 tháng 3, 1964.*

(The Australian writer Denis Warner wrote that "the tyranny the West allied with in Saigon was in many years worse than the tyranny it was fighting against." Diem and his family had murdered or exiled all potential opposition. Diem had "lost the confidence and loyalty of his people," as Secretary McNamara put it on March 26, 1964.)

2. *"**Fire In The Lake**"* của Frances Fitgerald (Winner of the Pulitzer Prize, Winner of the National Book Award, Winner of the Bancroft Prize For History), Vintage Books, New York 1985, trang 134-139:

Cái chất công giáo của Diệm, không hề mở mắt hắn đến với những ý tưởng mới, mà chỉ thuyết phục hắn là cai trị bằng nghi lễ và huấn thị đạo đức là có thể thành công, mà ***nó có vẻ như vậy trong các làng mạc ở miền Bắc và Trung sống trong cái vỏ bằng sắt và điều khiển bởi các linh mục.***

Cái mà hắn ta không ý thức được là cái kiểu cai trị thiển cận như vậy của các giáo xứ có thể thực hiện chỉ vì người Pháp đã bảo vệ họ và tổ chức nền hành chánh quốc gia. *Do đó, tham vọng của hắn phục hồi xã hội cổ xưa giống như là của những tên thực dân Pháp, coi mình như cha người ta, đã chống những chương trình cải cách của những giới chức hành chánh nơi thành thị – sự khác biệt là trong khi người Pháp giữ lãnh vực hiện đại cho riêng họ thì Diệm không nhận ra được sự quan trọng của vấn đề hiện đại hóa. Đối với hắn, thế giới hiện đại là* ***Sài-Gòn, cái thị trấn ký sinh trùng đó đã trở nên béo mập bởi máu của thôn quê và lợi lộc của Tây phương...***

Những ký giả như ***Robert Shaplen đã chỉ trích Diệm như làm cho những nông dân xa lánh vì những biện pháp đàn áp của hắn.***

Một số đông những giới chức và ký giả, kể cả những người có nhiều kinh nghiệm và có khuynh hướng chính trị khác nhau như Douglas Pike, Chester Bowles, và chuyên gia chống nổi loạn người Anh, Robert Thompson, ***đều coi Diệm như là kẻ thù của chương trình chống Cộng.***

Trong tất cả những năm cầm quyền, Ngô Đình Diệm chỉ có một đồng minh ở thôn quê, đó là những người Công giáo, đặc biệt nhất là những người di cư từ ngoài Bắc vào. *Ngay từ đầu, Diệm dùng trong bộ máy hành chánh phần lớn là những người Công giáo, và thiên vị các làng Công giáo đối với phần còn lại của quốc gia.* ***Những giới chức của Diệm, làm việc chặt chẽ với các linh mục, đem phần lớn viện trợ Mỹ cho các làng Công giáo, và phần lớn những nông sản. Chúng cho những người Công giáo quyền khai thác lâm sản và độc quyền sản xuất loại hàng hóa nông sản mới do các kỹ thuật gia Mỹ đưa vào giúp. "Theo đạo có gạo mà ăn" là một câu tục ngữ khi xưa của người Việt Nam dưới thời Pháp thuộc.*** *Dưới thời Diệm người dân Việt đã phải theo cái lệnh này. Đặc biệt ở miền Trung, hàng ngàn người, trong vài trường hợp hầu như toàn thể khu định cư, theo đạo để tránh những dịch vụ cỏ vẽ của chính phủ, hoặc để tránh biện pháp tái định cư trong vài vùng rừng rú hay sình lầy gian khổ – để giúp những người Công giáo lân cận.* ***Nuôi người Công giáo trong sự tổn hại của phần còn lại của dân chúng, lẽ dĩ nhiên, là một chính sách thiển cận, nhưng Diệm không thấy một đường lối nào khác, và Mỹ cũng không đề nghị cho Diệm một đường lối nào khác.***

3. *"**Background to Vietnam**"* của Bernard Newman. Signet Books, New York 1965, trang 117:

Bất kể hiến pháp viết như thế nào, Diệm cai trị như là một nhà độc tài. *Triết lý chính trị của ông ta dẫn xuất từ một nhóm Công giáo Pháp, những người đã đặt ra thuyết Nhân Vị. Thuyết này nhấn mạnh đến nhân cách để chống với quan niệm đưa quần chúng vào kỷ luật của Cộng Sản.* (Thực ra, đây chỉ là một chiêu bài

chống Cộng vì trong cấu trúc toàn trị của Công Giáo thì tín đồ chỉ có quyền vâng phục các bề trên, do đó làm gì có Nhân Vị. TCN). *Chi tiết về thuyết này phức tạp, khó hiểu đối với mọi người trừ một triết gia. Một chuyên gia Mỹ được mời đến để cố vấn cho hệ thống thuế má địa phương* ***mô tả thuyết Nhân Vị như là "một pha trộn lộn xộn của những sắc lệnh của giáo hoàng và kinh tế mẫu giáo, tổ hợp với một sự nghi ngờ những tư nhân thương gia, một sự e ngại đầu tư ngoại quốc, và một quan niệm là không thể thành đạt được gì nhiều ở Việt Nam nếu không có sự kiểm soát của chính phủ."***

Trên thực tế chính phủ đây là chính phủ Diệm.

...Ngày tháng qua, cách cai trị của Diệm càng ngày càng trở nên không thể chịu được, ***và tới năm 1963 hắn là một nhà độc tài hoàn toàn, chỉ nghe những thân nhân trong gia đình.*** *Hắn hoàn toàn xa lạ với quần chúng. Người ta phàn nàn là hắn đã trao những chức vụ tốt nhất cho người Công giáo:* ***nhưng những người Công giáo là "người ngoại quốc" – những người di cư từ ngoài Bắc vào. Sự bất mãn đưa đến phong trào chính trị của Phật Giáo."***

4. *"**Backfire: Vietnam - The Myths That Made Us Fight, the Illusions That Help Us Lose, The Legacy That Haunts Us Today**"* của Loren Baritz, Ballantine Books, New York 1985, trang 83-85:

Công giáo Việt Nam phát triển do chính sách kỳ thị Phật Giáo một cách có hệ thống của Ngô Đình Diệm. *Người Công giáo được dùng trong các dịch vụ dân sự, trong khi những người Công giáo sống trong những làng mạc thường không bắt buộc phải làm những công việc nặng nhọc làm đường xá và những việc công cộng.* ***Không giống như những Chùa Phật Giáo, nhà thờ Công giáo được đặc quyền sở hữu tài sản đất đai, cũng như trong thời Pháp thuộc. Với thời gian, sự kỳ thị đối với tuyệt đại đa số dân chúng này đưa đến những phản đối chính trị chống Diệm của những nhà sư Phật Giáo.***

...Diệm làm cho người Mỹ khó chịu không chỉ vì đường lối cai trị của hắn. ***Hắn thích thú trong việc đàn áp những đối lập chính trị mà hắn đã bắt giữ lên tới 40000 người. Đầu năm 1959, Diệm hợp thức hóa sự tàn bạo của mình bằng sự thiết lập những tòa án quân sự để xử những đối lập chính trị và xử tử hình trong vòng ba ngày.*** *Những tòa án này bắt giữ, điều tra, và tuyên án những kẻ phạm tội.*

Diệm hăng say đóng cửa những nhà báo không ủng hộ hắn. Tệ hơn cả, hắn dẹp bỏ cấp lãnh đạo trong các làng mạc và thay thế họ bằng những người của Diệm. Hắn đã trở thành một nhà độc tài.

5. *"**A Bright Shining Lie**"* của Neil Sheehan, Vintage Books, New York 1989, trang 143:

Lansdale để cho những tiên kiến của mình đưa tới những giả định sai lầm... ***Lansdale nghĩ rằng những người Công giáo di cư từ miền Bắc là những người yêu nước đã "chiến đấu giành lại sự tự do của đất nước từ người Pháp". Hắn không nhìn thấy sự sai lầm nào trong vấn đề Mỹ chỉ tin cậy vào sự trợ giúp đặc biệt của người Công Giáo. Hắn không nhìn thấy vấn đề có một người Công Giáo làm tổng thống của cái mà hắn quan niệm là "Việt Nam Tự Do" là không thích hợp.***

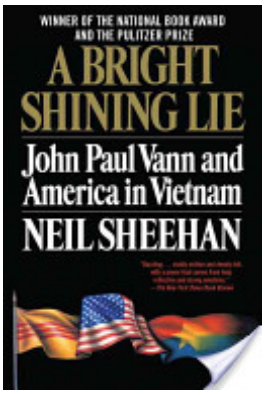

Công giáo Rô Ma là một thiểu số có nhiều tỳ vết ở Việt Nam. *Lansdale lo việc phân biệt giữa người Mỹ và những tên "thực dân" Pháp. Điều hắn làm là đưa ra sự phân biệt tuy chẳng có gì khác nhau..* ***Chỉ dựa vào người Công giáo giúp đỡ, và bằng cách đặt một người Công Giáo lên cầm quyền ở Saigon, hắn ta đã chứng tỏ là Mỹ đã nhảy vào thay thế người Pháp. Những người Việt Nam theo đạo Công giáo đã được người Pháp sử dụng như là một đạo quân thứ 5 để xâm nhập Việt Nam trước thời thuộc địa và những người Công Giáo đã được Pháp tưởng thưởng cho sự hợp tác của họ với những tên thực dân Pháp. Người Công Giáo thường bị coi như là thuộc một tôn giáo"ngoại lai", "không phải là Việt Nam". Với sự ra đi của người Pháp, hiển nhiên là người Công Giáo phải tìm một một ngoại bang khác để bảo vệ họ. Họ nói với Lansdale những gì mà họ cho rằng Landale muốn nghe...***

..Trong sự hướng dẫn Diệm của Lansdale đến thành công bằng cách diệt các giáo phái dựa trên lý thuyết Diệm là Magsaysay để lập một chính phủ tập trung quyền lực mới, không bao giờ Lansdale lại nghĩ rằng Diệm bắt đầu chính sách cai trị của mình bằng cách loại bỏ những người chống Cộng hữu hiệu nhất ở miền Nam.

Dòng họ Ngô Đình tiến tới sự áp đặt trên miền Nam Việt Nam cái tôn giáo Công giáo ngoại lai của họ, *đảng Công giáo bảo thủ từ ngoài Bắc vào và từ vùng quê hương của họ ở miền Trung. Diệm và gia đình bổ*

nhiệm những sĩ quan chỉ huy đơn vị, những nhân viên hành chánh và cảnh sát bằng những người Công giáo, từ miền Bắc và từ miền Trung, quê hương của Diệm. Diệm và gia đình hắn bổ nhiệm những người Công giáo vào cấp chỉ huy quân đoàn, hành chánh và cảnh sát. ***Nông dân ở miền đồng bằng sông Cửu Long thấy mình bị cai trị bởi những tỉnh trưởng, hạt trưởng, bởi những viên chức hành chánh ngoại lai và thường là cao ngạo và tham nhũng...***

6. *"**American in Vietnam**"* của Dr. John Guilmartin, United Press International/Bettmann, England 1991, trang69:

Những ảnh hưởng đối nghịch của sự thiếu khả năng và tính toán sai lầm của Diệm không chỉ chấm dứt ở sự thất bại về quân sự chống Việt Cộng. ***Nghi ngờ tất cả những người không có cùng đức tin Công giáo của mình, và hoan hỉ với sự thành công trong việc dẹp bỏ các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, họ khởi sự chiến dịch chống Phật Giáo.***

7. *"**Vietnam: The Valor and the Sorrow**"* by Thomas D. Boettcher, Little Brown & Company, Boston 1985, trang150:

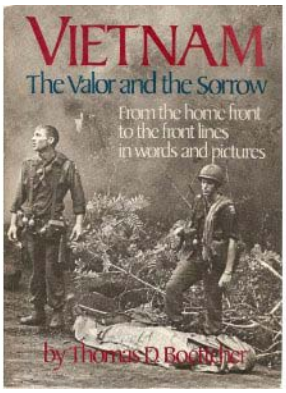

"Trong 10 đô la viện trợ thì 8 được dùng cho nội an chứ không dùng cho công tác chiến đấu chống du kích Cộng sản hay cải cách ruộng đất. Diệm lo lắng về những cuộc đảo chánh hơn là Cộng sản.

*...**Như là hậu quả của những biện pháp đàn áp càng ngày càng gia tăng, sự bất mãn của quần chúng đối với Diệm cũng càng ngày càng tăng, bất kể là toan tính của Diệm dập tắt sự bất mãn này trong mọi cơ hội.** Hàng triệu nông dân ở những vùng quê trở thành xa lạ đối với Diệm. Không lạ gì, hoạt động của Cộng sản gia tăng cùng với sự bất mãn của quần chúng. Và những biện pháp đàn áp của Diệm cũng gia tăng theo cùng nhịp độ. Nhiều ngàn người bị nhốt vào tù.*

Cho tới năm 1960, điều khác biệt duy nhất giữa hai chính quyền Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh là ở những lá cờ của họ."

8. *"**The Indochine Story**"* của The Committee of Concerned Asian Scholars, A Bantam Book, New York 1970, trang 32 & 34:

"Một nhân vật Mỹ ủng hộ Diệm lúc đầu kết luận: Lạm dụng quyền lực, độc tài, tham nhũng, coi thường cấp dưới, và không đếm xỉa gì đến nhu cầu của dân chúng một cách ác độc, đó là tấm gương mà gia đình họ Ngô để cho những bộ trưởng, nhà lập pháp, tướng lãnh, tỉnh trưởng, trưởng làng mà họ Ngô dùng như những quân cờ noi theo.

Đàng sau gia đình nhà Ngô là Mỹ.** Ở dưới gia đình này chẳng có gì mấy.* ***Gia đình này đã trải cái bóng của họ trên xã hội Việt Nam; tuy nhiên cái rễ của họ thật sự chỉ cắm nông vào đất Việt. *Điều này định trước những phương pháp Diệm dùng để kiểm soát đất nước...* ***Chỉ có một đường lối: đàn áp và củng cố quyền lực trong tay những anh em và thuộc hạ của Diệm..*** *Săn lùng toàn diện những người bất mãn được tổ chức ở thôn quê năm 1956, và tăng gia cường độ khi tình hình suy kém.*

75000 người hay hơn nữa bị giết trong chiến dịch này. *Còn nhiều người hơn nữa bị tống giam bởi sắc lệnh số 6 của tổng thống, ký trong tháng 1, 1956. Sắc lệnh nói: "Những cá nhân coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh chung có thể bị bắt giam trong những trại tập trung do lệnh của cơ quan hành pháp.* ***Tình trạng trong những trại tập trung của Diệm, chỉ bị phanh phui sau khi Diệm đổ, thật sự nhơ nhớp. Cố ý để cho chết đói, cố ý làm cho mù, cố ý hành hạ..., danh sách này thật là dài."***

9. *"**The Story of Vietnam**"* của Hal Dareff, An Avon Camelot Book, New York 1966, p. 108:

"Nay Diệm đã thắng mọi kẻ thù, anh em nhà Diệm muốn chắc rằng không ai có thể bứng họ đi. Ở ngoài mặt, Nam Việt Nam là một thể chế Cộng Hòa với một hiến pháp mới toanh hứa hẹn tự do và dân chủ cho quần chúng. Tuy nhiên, thực tế thì lại trái ngược hẳn... ***Nhu là cánh tay phải của Diệm.. Hắn tổ chức gian lận bầu***

cử, đưa vào quốc hội những tay sai của hắn, và sai bọn Cần Lao đi rình mò khắp nước để kiếm những người chống đối hắn.

Chế độ Diệm bắt đầu thoái trào vào đầu năm 1963. Tổng thống cai trị dân trong dinh thự của mình như là một thể chế quân chủ, cắt lìa khỏi quần chúng. ***Sự thù ghét Diệm và gia đình hắn gia tăng đến độ người ta có thể cảm thấy đầy trong bầu không khí ở Saigon.*** *Tin đồn về đảo chánh loan truyền trong thành phố hầu như hàng ngày. Trong những hoàn cảnh như vậy, Diệm chỉ lo bám chặt vào quyền lực. Cuộc chiến (chống Cộng) trở thành thứ yếu. Sĩ quan được thăng cấp nếu giữ được mức tổn thất thấp. Chỉ có một cách chắc chắn giữ được như vậy – không tác chiến. Không tác chiến đã trở thành một cách sống đối với một số cấp chỉ huy và là cách duy trì địa vị.*

...Cuộc tranh chấp giữa Diệm và các Phật tử đã được tích lũy kể từ ngày Diệm lên làm thủ tướng năm 1954. Diệm, một tín đồ Công giáo, đương nhiên là cảm thấy thoải mái hơn đối với những tín đồ Công giáo khác. Nhiều chức vụ chỉ huy trong chính quyền và quân đội được trao cho những người Công giáo, những người này được đặc quyền đặc lợi làm tiền trong những thương vụ của chế độ.

Trong số 15 triệu dân ở miền Nam Việt Nam, hơn 1 triệu một chút là người Công giáo. Phần còn lại, phần lớn là Phật tử, phẫn nộ vì chính sách thiên vị người Công giáo. Sự đối xử khác biệt này còn trắng trợn hơn ở các tỉnh lỵ, nơi đây các linh mục địa phương và các giới chức chính quyền, hầu hết là Công giáo, có toàn quyền. Khi các ấp chiến lược được dựng lên, những người Công giáo được miễn làm việc và những người phi-Công giáo bị đưa vào chỗ thay thế họ để làm những công việc lao dịch. Những vùng đất mới được mở mang và phát triển, người Công giáo được chọn những miền đất phì nhiêu ở những miền duyên hải có an ninh. Những đất đai dành cho Phật tử ở sâu trong nội địa, ở đây họ phải lao động dưới sự đe dọa của Việt cộng. Nhiều Phật tử theo đạo (không có nghĩa là tin đạo. CTN) *để được sống dễ dàng hơn."*

10. "***The Two Viet-Nams***" của Bernard B. Fall, Frederik A. Praeger Publisher, New York 1967:

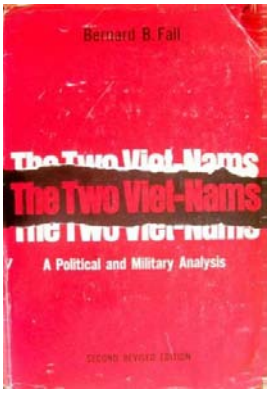

Trang 236: *Tính hiếu chiến của ông Ngô Đình Diệm thuộc loại như thế này:* ***Đức tin của ông ta ít có tính chất từ ái của các tông đồ hơn là tính hiếu chiến tàn nhẫn của một Đại Phán Quan Tây Ban Nha*** *của Tòa Án Dị Giáo (Torquemada); và* ***Quan điểm của ông ta về chính quyền thì ít có tính chất của một tổng thống theo hiến định của một nước cộng hòa hơn là một bạo chúa theo truyền thống quan lại phong kiến*** *. Một người Pháp theo Công Giáo khi nói chuyện với ông ta muốn nhấn mạnh về ảnh hưởng văn hóa Pháp đối với ông Diệm đã nhấn mạnh những từ như "tín ngưỡng của chúng ta", thì* ***Diệm thản nhiên trả lời rằng: "Ông biết mà, tôi tự coi tôi như là một người Công Giáo Tây Ban Nha"****, có nghĩa là, ông ta là một đứa con tinh thần (của Giáo Hội La Mã)* ***của một đức tin hung hăng, hiếu chiến*** *hơn là một tín đồ dễ dãi và khoan dung giống như người Pháp theo hệ phái Công Giáo Gallican."*

Trang 250: *"Trong số những người lên cầm quyền cùng với Diệm năm 1954-55, KHÔNG MỘT NGƯỜI NÀO còn giữ chức vụ bộ trưởng khi Diệm bị giết năm 1963. Một vài người bị lưu đày ở Pháp hoặc Mỹ, và một vài người rút lui với thái độ trông chờ ở Saigon. Một sự dập theo những phương pháp toàn trị của Cộng sản Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng của Ngô Đình Nhu. Đảng này trở thành một hệ thống quyền lực hoàn toàn giống như của Cộng sản, với những thành viên mật và chỉ biết nhau trong những tổ 5 người, và những "nhóm hành động" có nhiệm vụ dẹp bỏ mau chóng và kín đáo những người đối lập... Như vậy, chế độ Diệm sai lầm trong hai phương diện: Quân đội không bao giờ thực sự hữu hiệu, và các sĩ quan ở quân đoàn thì không trung thành với những ông chủ dân sự và nhắm mắt làm ngơ trước sự thất bại của chế độ.*

Trong sự mô tả đảng Cần Lao, John C. Donnell định nghĩa Cần Lao như là "một đảng chính trị mạnh gồm những thành viên thường tin rằng mình thuộc những đảng chính trị khác và ngự trị những đảng này." Nói cách khác, những hoạt động trong hệ thống nội bộ của họ y hệt như của đảng Cộng sản: dò thám bạn bè, xâm nhập đồng minh, và hoạt động như "một quốc gia trong một quốc gia" trong chính guồng máy chính quyền của mình. Nếu không còn cái gì khác, những điều trên có thể làm cho chế độ Nam Việt Nam mang nhãn hiệu một loại "dân chủ của quần chúng" chống-Cộng mà sự khác biệt lớn nhất đối với người anh em song sinh Cộng sản Bắc Việt Nam là thái độ hành trì Công giáo và là sở hữu chủ của những đồn điền cao su."

11. *"**An Eye For The Dragon**"* của Dennis Bloodworth; Farrar, Straus & Giroux, New York 1970, trang 209:

"Cho tới năm 1963 mật vụ của Diệm đã bắt giữ hoặc đẩy vào tay những kẻ thù hầu như mọi người quốc gia có tên tuổi đã chiến đấu cho tự do của đất nước trong 20 năm trước. Hắn và gia đình hắn đã đàn áp mọi đối lập, chất đầy nhà tù, bịt miệng báo chí, gian lận bầu cử, và bám vào quyền lực."

12. *"**Intervention and Revolution**"* của Richard J. Barnet, A Meridian Book, New York 1972, pp. 233-235:

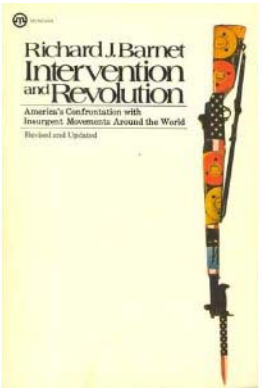

"Khuyến cáo rằng "nếu bầu cử được tổ chức ngày nay (1956) thì tuyệt đại đa số dân Việt sẽ bầu cho Cộng sản," Cherne tuyên bố rằng uy tín của Mỹ ở Á Châu tùy thuộc vào sự ngăn chận cuộc bầu cử này. Phương pháp giải quyết là củng cố lớp người Công giáo ở miền Nam Việt Nam, chỉ có những người này mới có lý do thuộc về lý tưởng chống Cộng. Nhà văn Công giáo người Anh, Graham Greene, đã mô tả việc Mỹ sử dụng giáo hội Công giáo trong cuộc chiến tranh lạnh ở Việt Nam như sau:

Chính cái ý hệ Công giáo đã làm cho chế độ của ông Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị các cố vấn Hoa Kỳ khai thác cho đến khi giáo hội Công giáo ở Việt Nam ở trong cơ nguy cùng chung số phận bất thiện cảm của người dân Việt đối với Mỹ...Những khoản tiền to lớn được dùng để tổ chức những cuộc đón tiếp quan khách ngoại quốc và tạo nên ý niệm giáo hội Công giáo là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà Diệm đi kinh lý những vùng trước đây bị Việt Minh chiếm, bao giờ cũng có một linh mục ở bên cạnh, và thường là một linh mục Mỹ...

Điều quan tâm chính của chính quyền Diệm là sự an toàn của chính quyền. Chính quyền Diệm sợ rằng cuộc bầu cử dự định tổ chức vào tháng 7, 1956 đưa đến sự thắng lợi của Hồ Chí Minh và chấm dứt quyền lực của những chính trị gia không Cộng sản..

Những ước tính của cơ quan tình báo quốc gia CIA, soạn trong tháng 2, 1957, mô tả chế độ Diệm như sau:

*Chế độ Diệm phản ánh ý nghĩ của Diệm. Một bộ mặt chính quyền đại diện cho dân được duy trì, **nhưng thực chất chính quyền là độc tài. Quyền lập pháp của quốc hội bị hạn chế gắt gao; quyền tư pháp chưa phát triển và tùy thuộc quyền hành pháp; và những nhân viên trong ngành hành pháp không gì hơn là những tay sai của Diệm. Không có một tổ chức đối lập nào, dù trung thành hay không, được phép thành lập, và mọi chỉ trích chính quyền đều bị đàn áp...Quyền lực và trách nhiệm tập trung nơi Diệm và một nhóm nhỏ gồm có những thân nhân của Diệm, những người quan trọng nhất là Nhu và Cẩn."***

Chế độ độc tài của Diệm, dựa trên một mạng lưới mật vụ, tòa án quân sự, và công chức tham nhũng, tuyên bố không những chiến đấu chống Cộng mà cho tới năm 1957 Cộng sản vẫn chưa có hoạt động gì, mà còn chống bất cứ nhóm nào không chắc là trung thành với Diệm. Thật vậy, nhiều người không-Cộng-sản vào tù hơn là người Cộng sản.

...Sự chuyên chế của Diệm, sự thiên vị trơ trẽn của hắn đối với những người Công giáo tị nạn từ ngoài Bắc vào so với phần còn lại của dân chúng, và sự bạo hành của hắn đối với mọi người không đồng quan niệm chính trị với hắn đã tạo nên một sự liên kết chống hắn mà hắn rất sợ."

13. *"**Vietnam Revisited**"* của David Dellinger, South End Products, 1986, trang 35:

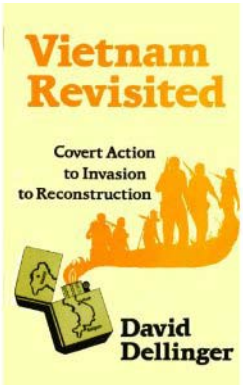

Ngay từ lúc đầu Diệm đã có khuynh hướng toàn trị và gia đình trị mà 8 năm sau dư luận quần chúng lên án chính quyền của hắn.

*"Khuynh hướng toàn trị" của Diệm đã đưa đến việc thành lập một đảng chính trị riêng tư, **đảng cần Lao, một đảng duy nhất.*** [Thời đó không thấy ai đòi đa nguyên đa đảng. TCN]

Đảng Cần Lao cũng phục vụ hắn như là mật vụ, dập theo khuôn mẫu của Nhật Bản trong Thế Chiến II – mà Diệm đã nghiên cứu kỹ chi tiết.

Như chúng ta đã thấy, đảng này đã giết hại 90000 người và cầm tù 800000 trong đó có nhiều người bị tra tấn.

..Khi Diệm về Việt Nam năm 1954, ***một người Công giáo theo lệnh của một thế lực ngoại quốc về cai trị một nước mà 80% là Phật tử, CIA đã thuê vài trăm người để hoan hô hắn*** *tại bến tàu. Nhưng cả CIA lẫn những giới chức Mỹ ủng hộ Diệm đều không làm sao làm ngược được sự kiện là Diệm không có sự ủng hộ của quần chúng, chính sách đàn áp đẫm máu của Diệm đối với từ các nhà sư Phật giáo và các tín đồ Hòa Hảo, Cao Đài cho tới những nông dân yêu nước, giới tư sản tôn trọng luật pháp, trật tự và một chút công lý, và những tướng lãnh đối thủ – "kéo theo (và đã xảy ra) tất cả những khó khăn vì một con người với nhân cách như vậy."*

14. ***"Vietnam: Why Did We Go?"*** của Avro Manhattan, Chick Publication, California 1984, trang 56 & 89:

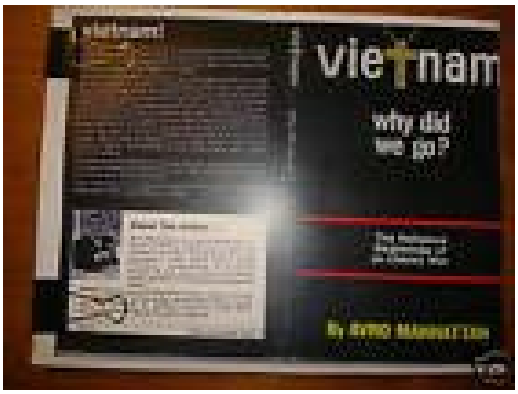

*"****Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam là một người theo đạo Công giáo cai trị Nam Việt Nam bằng một bàn tay sắt.*** *Hắn ta thật tình tin rằng Cộng sản là ác và giáo hội Công giáo là duy nhất.* ***Hắn đã được hồng y Spellman và giáo hoàng Pius XII trồng vào cái ghế tổng thống.*** *Hắn đã biến cải ngôi vị tổng* ***thống thành một nhà độc tài Công giáo, tàn nhẫn nghiền nát những đối lập chính trị và tôn giáo.*** *Nhiều nhà sư Phật giáo tự thiêu để phản đối những sự bạo hành tôn giáo của hắn. Sự bạo hành kỳ thị đối với người phi-Công giáo, đặc biệt là các Phật tử, đã gây nên sự rối loạn trong chính phủ và trong quân đội thì quân nhân đào ngũ hàng loạt. Điều này đưa đến sự can thiệp quân sự của Mỹ.*

Trong chính sách khủng bố này hắn được sự phụ giúp của hai người anh em Công giáo, người đứng đầu mật vụ (Ngô đình Nhu) và tổng giám mục ở Huế (Ngô đình Thục).

Người ta ghi nhận rằng, và những con số sau đây tuy không được chính quyền chính thức khẳng định nhưng có thể coi là đáng tin cậy, là trong thời gian kinh hoàng từ 1955 đến 1960 – ít nhất là có 24000 người bị thương, ***80000 bị hành quyết hay bị ám sát****, 275000 người bị cầm tù, thẩm vấn hoặc với tra tấn hoặc không,* ***và khoảng 500000 bị đưa đi các trại tập trung.*** *Đây chỉ là những con số ước tính bảo thủ, khiêm nhường.*

Đặt quyền lợi quốc gia ra đàng sau để đẩy mạnh quyền lợi tôn giáo của hắn, kết quả là tên độc tài Diệm đã đưa đất nước xuống vực thẳm."

15. ***"Nobody Wanted War"*** của Ralph K. White, A Doubleday Anchor Book, New York 1970, trang 91:

"Diệm, người em dở điên và vợ hắn (Nhu và vợ), đã làm cho mọi nhóm quan trọng trong nước, kể cả nhóm chống Cộng thực tế nhất, nhóm này đã thấy rõ gia đình Diệm đã hạ thấp và làm yếu đi cuộc tranh đấu chống Cộng, và sau cùng cả những sĩ quan cao cấp trong quân đội, những người mà mọi tên độc tài không được lòng người phải trông cậy vào họ để sống còn, xa lìa.

Theo Malcolm Browne, chế độ Diệm đã bị cả nước oán ghét. Nếu nhà Ngô còn cầm quyền cho đến ngày nay (1965) thì chắc chắn là Việt Nam sẽ hoàn toàn là Cộng sản." [Bọn *Công giáo* hoài Ngô ngày nay vẫn còn đưa ra luận điệu "Còn cụ thì không mất nước"]

16. ***"The Political Economy of Human Rights. Vol I"*** của Noam Chomsky and Edward S. Herman, Black Rose Books, Canada 1979, trang 30, 302-303:

*"****Joseph Buttinger, một cố vấn của Diệm lúc đầu và là người đã bày tỏ sự ủng hộ Diệm nồng nhiệt nhất trong thập niên 1950, khẳng định là gọi Diệm là phát xít thì không thích hợp vì, tuy chế độ Diệm có tất cả những sự xấu xa của chế độ phát xít, Diệm thiếu cơ sở quần chúng mà Hitler và Mussolini đã có thể tập hợp được.***

..Theo Jeffrey Race, một cựu cố vấn quân sự Mỹ cho Nam Việt Nam có rất nhiều tài liệu về lịch sử Việt Nam cận đại, ***chính quyền Diệm đã khủng bố người dân nhiều hơn là phong trào cách mạng nhiều – thí dụ, thủ tiêu các ạru kháng chiến quân Việt Minh, bắn pháo binh vào những "làng cộng sản" và bắt bớ những người "có thiện cảm với cộng sản".*** *Cũng chính vì những chiến thuật đó mà lực lượng của phong trào cách mạng càng ngày càng gia tăng ở Long An từ 1960 đến 1963.*

..Sử gia của Ngũ Giác Đài viết về "bệnh gần như hoang tưởng của Diệm lo lắng về vấn đề an ninh," đưa đến những chính sách "khủng bố toàn diện nông dân Việt Nam, và làm suy giảm trầm trọng sự ủng hộ chế độ của quần chúng."

Sự dùng bạo lực quá mức và trả thù những người cựu kháng chiến của Diệm là sự vi phạm trắng trợn Hiệp Định Genève** (Khoản 14c), **cũng như là sự từ chối không thi hành điều khoản tổng tuyển cử trên toàn quốc** (vào tháng 7, 1956) của Diệm. Lý do chính mà Diệm từ chối không thi hành điều khoản này vào những năm 1955-56 (tổ chức và tổng tuyển cử trên toàn quốc) thật là hiển nhiên**: viên quan lại ly hương nhập cảng từ Mỹ vào chỉ có một sự ủng hộ tối thiểu của quần chúng và ít có hi vọng thắng trong một cuộc tổng tuyển cử...Diệm là mẫu người điển hình của một tên bạo chúa phát xít, dùng khủng bố để bù đắp cho sự thiếu hụt sự ủng hộ của quần chúng.."

17. *"**The American Pope**"* của John Cooney, A Dell Book, New York 1984, trang 309-312:

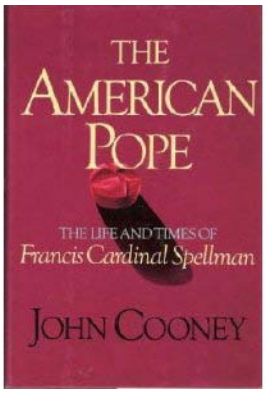

"Lập trường của (hồng y) Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng. Malachi Martin, một cựu tu sĩ dòng tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của Diệm, Tổng giám mục Thục, ảnh hưởng. "Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội," Malachi xác nhận rằng: ***"Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."***

Do đó Spellman xếp đặt một chiến dịch hòa điệu kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm. *Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Washington, vấn đề đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ.*

Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Công giáo.

..Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Công giáo. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đầy. Cái màu sắc Công giáo đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman.

...Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Công giáo của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi Graham Greene, một tín đồ Ca Tô, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:

"Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra. Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh.

...Nam Việt Nam, thay vì đối đầu với chế độ toàn trị của miền Bắc bằng những bằng chứng về tự do, lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án. Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. Ông Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước có tinh thần khoan nhượng này một di sản chống-CaTô."

18. "***The Final Superstition***" của Joseph L. Daleiden, Prometheus Books, New York, 1994, trang 62):

"Spelllman là người chủ chốt của giáo hoàng làm cho Mỹ tham chiến sâu đậm ở Việt Nam. Theo một bức thư chính thức của Vatican, giáo hoàng "dùng Spellman để khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."

Mọi viện trợ nhân đạo cho miền Nam đều đi qua các cơ sở của giáo hội Công Giáo *và chỉ có những người Công Giáo là được Diệm bổ nhiệm vào trong chính phủ. Tuy rằng những chính sách như vậy đưa đến việc cải đạo hàng loạt, số tín đồ Công Giáo chỉ chiếm vào khoảng từ 12 tới 13 phần trăm của dân số miền Nam. Không lạ lùng gì mà khối đa số Phật Giáo bất bình đưa đến việc công khai chống đối chính sách của Diệm. Tình trạng ngày càng suy kém, Diệm đã dùng đến biện pháp bắt giữ hàng loạt, đàn áp Phật tử, đóng cửa chùa chiền và tu*

viện. Qua kinh nghiệm quá khứ, Giáo hội chắc hẳn đã biết rằng sự đàn áp chỉ làm cho lý tưởng mạnh hơn. Trước sự quan sát kinh hoàng của thế giới, giới Phật tử đã phải dùng tới hành động chống đối tiêu cực rốt ráo và nhiều tăng sĩ đã tự thiêu. Trong những khoảng thời gian đáng sợ đó, ***tôi, một tín đồ Công Giáo****, không nhớ có một lời chỉ trích chính sách của Diệm từ một linh mục hay giám mục Công Giáo nào. Tuy nhiên, sự việc đã lên quá mức đối với Tổng Thống John Kennedy, ông ta thôi không ủng hộ Diệm nữa. Ít lâu sau đó Diệm bị hành quyết trong một cuộc lật đổ chính quyền. Qua cái diễn tiến kinh khủng này* ***vai trò của giáo hội đã theo đúng cái tiến trình lịch sử nhơ nhớp của giáo hội.****"*

19. *"**America's Longest War**"* của George C. Herring, John Wiley & Sons, New York 1979, trang 62-65:

"Để làm vui lòng các cố vấn Mỹ, thỉnh thoảng Diệm cũng nói trên đầu môi chót lưỡi về dân chủ, nhưng ***trong thực hành hắn nắm lấy những quyền lực tuyệt đối****. Đích thân hắn ngự trị ngành hành pháp của chính phủ, dành cho hắn và anh em hắn mà hắn đã đưa ba người vào nắm ba chức trong nội các có sáu bộ, mọi quyền quyết định.*

Sự tấn công dữ dội của Diệm vào những đối lập chính trị đã gây nên sự bất mãn trong các thành phố cũng như ở thôn quê*. Báo chí chỉ trích chính phủ bị đóng cửa ngay.. Dùng quyền hành trong các sắc lệnh của tổng thống, chính quyền Diệm đã lùa vào những " trại cải huấn" nhiều ngàn người Việt Nam, cộng sản cũng như không cộng sản, những người bị coi như là đe dọa cho trật tự công cộng. Chương trình cải huấn lúc đầu nhắm vào các thành phần kháng chiến Việt Minh ở lại miền Nam, nhưng rồi với thời gian chương trình này được áp dụng cho bất cứ ai dám chống đối chính quyền.*

..."Chính quyền có khuynh hướng cai trị dân với lòng nghi ngờ và cưỡng bức", một phúc trình tình báo của Mỹ kết luận năm 1960, và "đã được đáp ứng bởi thái độ bất thiện cảm và bất mãn của người dân".

20. *"**Unwinding the Vietnam War: From War Into Peace**"* của Reese Williams, The Real Comet Press, Seattle 1987, trang 431:

Sau khi Pháp bị đánh bại và có vẻ như nền độc lập (của Việt Nam) sẽ tới, theo hiệp định Genève. ***Nhưng thay vào đó Mỹ đã nhảy vào, quyết định là Hồ (Chí Minh) không được thống nhất đất nước đang tạm thời chia cắt, và những nông dân lại cảnh giác khi chúng ta ủng hộ một trong những tên độc tài đồi bại nhất của thời hiện đại – Thủ tướng Diệm, người chúng ta chọn.*** *Người nông dân cảnh giác và co rúm người lại khi Diệm tàn nhẫn dẹp mọi đối lập, hỗ trợ những tên địa chủ bóc lột họ, và từ chối thảo luận với Bắc Việt về sự thống nhất của đất nước*

(From an address delivered by Dr. Martin Luther King in New York City on April 4, 1967).

Trên đây chỉ là 20 lời phê phán điển hình về chế độ Ngô Đình Diệm của một số trí thức ngoại quốc: ký giả, chính trị gia, giáo sư đại học, nhà quân sự, trong số hàng trăm lời phê phán tương tự khác. Chúng ta cũng nên để ý là hơn phân nửa số tài liệu trích dẫn ở trên được viết sau năm 1975. Nếu độc giả muốn đọc những lời phê phán của người Việt, xin tìm đọc cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của cố Thiếu Tướng Đỗ Mậu, trong đó ở phần cuối có 100 lời phê phán của các nhân sĩ, chính trị gia, tướng lãnh, giáo sư đại học, nhà báo v..v.. về Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa. Cho tới ngày nay, cuốn hồi ký chính trị này, với rất nhiều chi tiết lịch sử, vẫn là cuốn sách có giá trị nhất trong những cuốn viết về chế độ Ngô Đình Diệm và những diễn biến chính trị trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa..

Từ 20 lời phê phán của các tác giả ngoại quốc trên, chúng ta có thể rút tỉa ra được những gì? Sau đây là vài điểm chính.

1).Ngô Đình Diệm là người vô tài, vô đức, nhu nhược, được Hồng Y Spellman, với sự phụ giúp của ngoại trưởng John Foster Dulles cùng một vài chính khách Công giáo Mỹ khác, theo lệnh của Vatican, vận động với Mỹ đưa Diệm về cầm quyền ở Nam Việt Nam vì Diệm thuộc loại người Công giáo cuồng tín khát máu Tây Ban Nha trong thời Trung Cổ, chống Cộng điên dại nên đương nhiên có thể tin cậy để chống Cộng cho Mỹ và cho

Vatican. Ngoài ra Vatican cũng còn góp phần vận động, thuyết phục Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Cái tội này của Vatican đối với Việt Nam sẽ được ghi vào sử sách.

2).Chế độ Ngô Đình Diệm là một chế độ bạo ngược, chuyên chế, không có sự hậu thuẫn của quần chúng. Đó là một chế độ mà hầu hết những người nắm quyền hành chánh, quân sự là những gia nô vô liêm sỉ.

3).Chính cái chất Công Giáo cuồng tín, tổng hợp của ngu dốt, kiêu căng, huênh hoang, hợm hĩnh [theo giáo sư Nguyễn Mạnh Quang] của Diệm đã làm hại Diệm. Sách lược Công giáo hóa miền Nam bằng thủ đoạn tiêu diệt các giáo phái khác của Diệm trong một nước mà Công giáo chỉ chiếm có 7% là một sách lược ngu xuẩn, đi ngược lại tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên của dân tộc, đã đưa đến sự oán ghét của tuyệt đại đa số người dân Việt Nam. Sách lược này đã ghi thêm một chương ô nhục vào lịch sử giáo hội Công giáo Việt Nam, một giáo hội vốn đã nổi tiếng là: "Hễ phi dân tộc thì thể nào cũng phản bội dân tộc."

Kết Luận

Trước sách lược "Công giáo hóa miền Nam" ngu xuẩn, bạo tàn, hại dân, hại nước của chính quyền Ngô Đình Diệm, con cờ giai đoạn của Vatican và Mỹ, Phật Giáo Việt Nam không còn có thể chọn lựa con đường nào khác ngoài con đường tranh đấu, không riêng gì cho Phật Giáo mà còn cho cả dân tộc. Những bằng chứng tràn ngập về tính cách bạo tàn, kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, đã chứng minh một cách hùng hồn là cuộc tranh đấu của Phật Giáo cách đây 40 năm ở miền Nam Việt Nam là có chính nghĩa, hợp với lòng dân.

Thật vậy, tuy Phật Giáo phát động phong trào chống chế độ Ngô Đình Diệm nhưng lòng dân oán ghét chế độ bạo tàn phi dân chủ này đã âm ỉ từ lâu, như chúng ta đã thấy trong một số tài liệu vừa trích dẫn ở trên. Chúng ta không nên quên là ông Dệm đã bị ám sát hụt tại Ban Mê Thuột ngay từ năm 1957, ngày 21 tháng 5. Rồi đến cuộc đảo chánh thất bại của lực lượng nhảy dù ngày 11 tháng 11, 1960, vụ dội bom dinh độc lập của 2 sĩ quan VNCH ngày 27 tháng 2, 1962. Và sự kiện là, trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963, không phải chỉ có Phật tử mới tham gia tranh đấu mà gồm đủ mọi thành phần dân tộc, từ các em học sinh trung học đến các sinh viên đại học, các giới sĩ, nông, công, thương, kể cả những người Công giáo tiến bộ gồm một số linh mục và tín đồ Công giáo.

Phật Giáo là tôn giáo hòa bình. Những bậc tôn đức trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963 không chủ trương lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm bằng bạo động, kể cả Bồ Tát Thích Quảng Đức. Nhưng không ai có thể phủ nhận là cuộc tranh đấu này đã góp phần lớn lao đưa đến sự cáo chung của chế độ Công giáo trị, gia đình trị Ngô Đình Diệm vào ngày 1 tháng 11, 1963. Ý thức được lòng dân, chính quân đội Việt Nam, chỉ huy bởi nhiều tướng lãnh, trước đã theo và ủng hộ ông Diệm, đã đứng lên làm tròn sứ mạng dẹp bỏ một chế độ Công giáo độc tài, phi dân tộc, phi tổ quốc. Như đã từng nhiều lần có công với dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ, giữ nước, cuộc tranh đấu 1963 của Phật Giáo ở miền Nam cũng đã góp được nhiều công to lớn cho dân tộc. Ngoài việc đưa đến sự chấm dứt một chế độ ác ôn đã mất đi lòng dân, chính yếu là cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã thành công trong việc bảo vệ được nền văn hóa truyền thống và tôn giáo dân tộc, tôn giáo dân tộc ở đây phải được hiểu theo nghĩa tôn giáo của tuyệt đại đa số người dân trong nước, thí dụ như Ki Tô Giáo ở Mỹ, ngăn chận được hiểm họa của Công giáo trong toan tính đưa toàn dân Việt Nam xuống hàng súc vật (con chiên), cúi đầu tuân phục một định chế có thủ phủ đặt tại Vatican, ngự trị bởi một số người ngoại quốc vô đạo đức tôn giáo như John Paul II và Benedict XVI, mà lịch sử đen tối ô nhục của tôn giáo này đã không còn là một vấn đề xa lạ đối với thế giới ngày nay.

Trần Chung Ngọc

Cách mạng rồi lại Cách mạng

Chính Luận, số 94, ngày 22-7-1964, Năm thứ I

[Chủ nhiệm: **ĐẶNG VĂN SUNG** - Thư ký Toà soạn: **TỪ CHUNG**]

Dưới thời Nhu, Diệm, không biết có anh nào cắc cớ đã đẻ ra một đoàn thể có danh hiệu rất kêu: *Công chức Cách mạng Quốc gia.*

Suy đi xét lại, người ta không hiểu các ông công chức ấy, **ngoài việc o bế nồi cơm, cách mạng ở chỗ nào**, chứ thực ra họ chăng "cách mạng" chỗ nào hết! Đây là một thí dụ nhỏ nhặt trong muôn ngàn thí dụ khác:

Có một số thư ký phục vụ tại những tỉnh nhỏ đã lâu năm, vì hoàn cảnh gia đình, xin thuyên chuyển đến tiếp tục công vụ tại những nơi thuận tiện cho họ hơn, nhưng đơn xin của họ chẳng bao giờ được xét tới, mặc dầu dưới thời " *Cách mạng Nhân vị*" người ta thường lập đi lập lại câu châm ngôn "Cách mạng Quốc gia nhằm thực hiện công bằng xã hội".

Tức cười hơn hết là cựu Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần hồi đó đã trả lời trước **Quốc hội bù nhìn**, câu hỏi của một vài dân biểu về việc thuyên chuyển công chức: "*Những nhân viên được chỉ định đến làm việc tại các tỉnh là những người phạm kỷ luật hoặc là những người phục vụ đắc lực tại địa phương*" Câu trả lời đầy mâu thuẫn đó đã làm cho một số người thắc mắc. Người ta tự hỏi: "Ngoài hai hạng công chức này, còn có thể có hạng công chức thứ ba phải ở lại các tỉnh nhỏ . . . muôn năm nữa không? Hạng công chức ấy phải chăng là những kẻ **không có khả năng . . . "chè lá" cho những ông công chức khác** có trách nhiệm về việc quản trị nhân viên công chức?"

Cuộc cách mạng trước mệnh danh là **cuộc "Cách mạng Nhân vị" do bè lũ Nhu, Diệm đẻ ra để che mắt quốc dân trong việc thỏa mãn túi tham vô đáy của một tộc họ, đã đưa đến một chế độ thối nát**. Chế độ đó lẽ dĩ nhiên không thể tồn tại mãi được và đã xụp đổ sau ngày Cách mạng 1-11-1963.

Trích đoạn Hồi ký lần ra Huế

Lê Xuân Nhuận

TIẾN-SĨ HOÀNG MAI THÊM

Lần này ra Huế tôi ngẫu-nhiên gặp lại Hoàng Mai Thêm, một người bạn thân đã cách xa nhau từ hồi tôi bị tống-xuất ra khỏi Miền Trung.

Bây giờ Thêm là giáo-sư, dạy Luật tại Viện Đại-Học Sài-Gòn và một số Viện Đại-Học khác. Chuyến này anh ra Huế dạy tại Viện Đại-Học Huế.

Khi đi ngang qua "Bót Cò" cũ, trước kia là trụ -sở của Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế, nơi hai chúng tôi đã làm việc chung với nhau một thời-gian dài, cả Thêm lẫn tôi đều hướng mắt nhìn vào . Ở đó, chúng tôi đã có với nhau rất nhiều kỷ-niệm; nhưng cái kỷ-niệm đắng-xót nhất là cuộc tranh-luận giữa hai chúng tôi mà kết-quả là tôi lâm vòng gian-truân.

Lúc nãy, khi mới gặp lại nhau, Thêm đã nói ngay là anh rất buồn vì việc đáng tiếc xảy ra cho tôi ngày xưa . Giờ đây, có lẽ để xí-xóa chuyện cũ, anh nói qua chuyện mới:

– Mình được mời làm Thứ-Trưởng, nhưng mình chưa nhận.

Sự tiết-lộ ấy đã khiến tôi suy-nghĩ nhiều .

Năm 1951, chính-quyền Quốc-Gia Việt-Nam ban-hành chế độ *quân-nhiệm*, theo đó các viên-chức Cảnh-Sát Công-An được xem là công-chức nên cũng bị lần-lượt động-viên. Thêm vào thụ -huấn tại Trung-Tâm Huấn-

Luyện Sĩ-Quan Trừ-Bị ở Thủ Đức; tôi vào làm việc tại Phòng Năm thuộc Bộ Tư-Lệnh Đệ-Nhị Quân-Khu ở Huế.
Cuối năm 1956, mãn nhiệm-kỳ quân-vụ, tôi trở về Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế và được cử giữ trách-vụ Trưởng Phòng Hành-Chánh kiêm Trưởng Phòng Huấn-Luyện. Tôi cũng kiêm-nhiệm Trưởng Ban Tổ-Chức và Thuyết-Trình-Viên các Lớp "*Học-Tập Chính-Trị và Công Dân Giáo Dục*" mà nội dung và phương-thức điều-hành được ông Cố-Vấn Ngô Đình Nhu, bào đệ của Tổng-Thống Ngô Đình Diệm, chỉ đạo cho toàn-quốc.
Về lại ngành Cảnh-Sát, theo dõi tình-hình sinh-hoạt của mọi giới trên mọi lĩnh-vực tại địa-phương, tôi mới biết thêm, dù chưa đầy đủ, **những điều chướng tai gai mắt, và cả những điều bất-nhân thất đức, do một số thân-nhân, gia-nhân, và thuộc-hạ của Diệm gây ra** . Đối với Đảng Cần-Lao, đối với Đạo Ky-Tô, cũng như đối với cả ba Ngành trong Chính-Quyền thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa, họ chỉ là thiểu-số; nhưng thiểu-số đó đã cậy thế họ Ngô mà giật dây các cơ-quan chấp-hành của chế độ, để áp-bức và hãm-hại lương dân, hầu thỏa-mãn tư-lợi hoặc tư-thù.

MỘT BUỔI LỄ CHÀO QUỐC-KỲ

Thuở đó, các công-sở và quân-cứ đều cử lễ Chào Quốc-Kỳ vào lúc bảy giờ rưỡi sáng mỗi ngày đầu tuần. Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Nguyên Trung-Phần cho nhân-viên trực-thuộc sắp hàng chỉnh-tề trước sân trụ-sở Nha năm phút sớm hơn.
Hôm ấy, toàn-thể viên-chức hiện diện đều vô cùng hoang-mang, và sau đó kể lại với mọi người sự-việc đã xảy ra. Trung-úy Hoàng Đạt Vọng, Trưởng Đội Biệt Động thuộc Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế, đem thuộc-hạ đến bao vây sân chào cờ tại Nha và gác chận trước đường, vào lúc đúng bảy giờ hai mươi lăm phút. Vọng ra lệnh điểm danh và đóng cổng trụ-sở. Lúc đó, trung-tá Trần Văn Cư và trung-tá Tôn Thất Dẫn, hai Chủ-Sự Phòng thuộc Nha, vừa đến nơi thì bị giữ lại bên ngoài . Viên Giám Đốc Nha ấy liền đứng ra hứa sẽ phạt hai viên-chức kia, và xin cho họ được vào vì còn kịp dự lễ chào cờ. Nhưng viên Trưởng Đội thuộc Ty -- là một nhân-viên dưới quyền và ở dưới nhiều cấp -- đã không chấp-thuận. Vọng điều-khiển lễ thượng-kỳ, hát quốc-ca và "*suy-tôn Ngô Tổng-Thống*", xong chở Cư và Dẫn đến báo-cáo nội-vụ lên Văn-Phòng của "Cậu", tức ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn, bào đệ của anh em Diệm+Nhu .
Vọng là một trong số ít những phần-tử đến hầu "Cậu" thường-xuyên.

MỘT BUỔI HỌP TỐ KHỔ

Ông Ngô Đình Cẩn có một ngôi nhà nghỉ mát tại bãi bể Thuận-An. Vì lý do an-ninh, chỗ nầy cách xa khu tắm bể của đồng-bào . Những ngày cuối tuần vào mùa hè, Cẩn thường về đó câu cá giải-trí. Sợ "Cậu" câu cá một mình thì buồn, một số nhân-vật tín-cẩn, hoặc muốn được thân-cận, bèn cùng đến đó câu cá, mong tạo bối-cảnh thân-mật cho ông. Trừ những người được ông sai phái hoặc giữ lại để chuyện-trò, số còn lại phải chọn chỗ nào không gần ông lắm -- vì sợ nếu ông không câu được cá mà bị kẻ khác ton-hót đổ lỗi câu giành với ông thì khốn -- đồng-thời họ cũng không đi quá xa, để vừa được ông nhận mặt là mình cũng có tham-gia giúp vui cho ông, vừa chục phòng khi ông gọi thì nghe mà đến cho nhanh kẻo bị kẻ khác nhanh hơn thì mất cơ-hội được hầu-hạ ông.
Giám Đốc Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Phần, ông Lương Ký Lịch, cũng có dự phần vào những buổi câu cá như thế.
Hôm đó, Lịch mặc một chiếc áo sơ-mi cụt tay có in hình hoa bướm gì đó. Trên đường về nhà ở thành-phố, Lịch gặp vài nhân-viên thuộc Nha, trong số những phần-tử đã vào Đảng.
Thuở ấy, xứ Huế còn rất nệ-cổ. Người nữ phải mặc áo dài mới được ra phòng khách; các cô giúp việc dù đang làm việc nặng, các chị bàn hàng-rong dù đang vai gánh hay tay xách, mỗi khi ra đường đều phải mặc áo dài .
Người nam thì phải nhét áo trong quần. Vào thời-gian chuyện này xảy ra, tuy lối sống đã có đổi mới phần nào, xã-hội vẫn chưa chấp-nhận cho các cá-nhân "danh-giá", nhất là các viên-chức cao-cấp trong chính-quyền, dù là vào ngày nghỉ và lúc đi chơi, bỏ áo ngoài quần, hoặc mặc áo có sọc, có ô, hoặc có in hình mà người dân địa-phương gọi là "áo chim cò".
Lịch bị báo-cáo lên Văn-Phòng Cố-Vấn. Vào buổi "học-tập chính-trị và công dân giáo dục" kế đó, số nhân-viên dưới quyền Lịch, nhưng thuộc đường dây thân-tín hơn, đã nêu vụ kể trên ra để hội đường thảo-luận. Mặc dù viên Giám Đốc của họ đã nhận lỗi, xin lỗi mọi người, và hứa về sau sẽ không tái-phạm, sau khi đã giải-thích là mình ăn mặc như thế để dễ lội xuống nước mà bắt cá cho "Cậu", số nhân-viên ấy vẫn nặng lời sỉ-vả Lịch và thúc đẩy các phần-tử khác lên tiếng tố-cáo Lịch là "*thiếu tác-phong cách-mạng*", "*phản nhân-vị*", "*không chịu học-tập noi gương đạo đức của Ngô Tổng-Thống*".

Người dân xứ Huế không quên những vụ tố khổ vào những ngày đầu tiên ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền. Trong một cuộc mít-tinh tại chúng-trường Phu Văn Lâu, một nữ-công-chức thuộc Nha Pháp-Chánh Trung-Phần đã đứng lên trước máy vi-âm xỉ mặt viên Giám Đốc của Nha ấy mà kể tội là trước đó đã từng lợi dụng chức-quyền để hãm-hiếp mình...
Quang-cảnh đấu tố giống hệt dưới chế-độ cộng-sản ở Miền Bắc Việt-Nam.

CÔNG-CHỨC BỊ PHẠT VÌ VỀ VỚI GIA ĐÌNH

Có một số công-chức tùng-sự tại các công-sở ở Huế nhưng có gia đình ở Tỉnh Quảng-Trị; cuối tuần họ về ngoài đó với vợ + con.
Nhưng rồi, vào một buổi trưa ngày cuối tuần nọ, số người ấy đã gặp nạn. Sau đó, họ ngao-ngán kể lại với bạn-bè: ông Tôn Thất Nhiều, Tỉnh-Trưởng Tỉnh Quảng-Trị, đã ra lệnh chận đường từ hướng Huế ra, bắt giữ tất cả các công-chức vừa mãn giờ làm việc cuối tuần là để bụng đói phóng xe về với thân-nhân.
Còn nhớ dưới thời Việt-Minh, để khuyến-khích phong-trào Bình Dân Học-Vụ, có nhiều Xã Thôn đã dựng cổng kiểm-soát dọc đường; ai biết chữ thì được đi qua cổng chính, ai không biết chữ thì phải lội vòng xuống ruộng bùn mà đi .
Ông Nhiều thì không cho các công-chức ấy đi, về với gia đình, mà cũng không chịu cho họ quay lui . Ông bắt họ tập-trung tại chỗ, đợi đến sáng ngày đầu tuần mới cho xe chở họ vào Huế giao nạp cho Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ Miền Trung.
Nhiều sợ dư-luận đồng-bào về những bê-bối của chính-quyền Tỉnh mà ông cầm đầu có thể bị các công-chức ở Huế là những tai mắt ấy thu-thập đem về phổ-biến, mà không bưng-bít được, vì ở ngoài vòng kiểm-soát của mình.
Ông là em của một người con rể gia đình họ Ngô.

LUẬT-PHÁP PHỤC-VỤ CHO CÁ-NHÂN

Có lần, Nha Bảo-An Trung-Phần được cơ-quan Viện-Trợ Mỹ trao cho một số xe Jeep. Viên trung-tá Giám Đốc Nha ấy đến báo-cáo với "Cậu", xem như đó là một thành-quả "nhờ ơn Ngô Tổng-Thống và Cậu" mới có được, và chọn một chiếc tốt đẹp nhất đưa đến để xin "Cậu" lái khai-mào hầu nhờ "Cậu" mà toàn Nha được hưởng hên.
Chiếu cuối tuần ấy, có một số giáo-sư Viện Đại-Học Huế, vốn được ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn nâng đỡ, và đều là nhân-vật tên tuổi một thời ở thủ-phủ của Miền Trung, về bãi Thuận-An tắm bể. Họ lái xe Traction, chạy vùn-vụt trở về nhà ở Thành-Phố Huế vào lúc hoàng-hôn.
Đồng-thời, từ tư-thất ở Thành-Phố về nhà nghỉ mát ở bãi bể, ông Cố-Vấn đích-thân cầm tay lái, lái thử chiếc xe Jeep của Nha Bảo-An.
Trên con đường lưu-thông duy-nhất giữa hai địa điểm, mà vào cuối tuần giữa mùa hè nóng bức thì người dân đi tắm bể tấp-nập, khi ngang qua lãnh-thổ Quận Phú-Vang, hai xe ngược chiều kể trên gặp nhau . Xe Traction thì thấp; xe Jeep thì cao, mà vì mới xuất-kho nên mặt kính đèn trước chưa được che bớt phần trên bằng một lớp sơn màu vàng như các xe khác, và cần thì cứ để đèn pha mà chạy . Các nhà học -thức ấy bị chói mắt nên nổi giận, bèn cũng bật đèn pha, rồi thắng xe lại ngay giữa lòng đường, chận đầu chiếc xe kia, nhảy ra, xông tới, định dạy cho tài-xế xe Jeep một bài học. Cùng lúc, ông Cố-Vấn luýnh-quýnh thắng xe lại; các vệ-sĩ của ông tưởng gặp kẻ khủng-bố nên nhảy ngay xuống, xáo ổ đạn, chĩa mũi súng về phía đối-phương, sẵn-sàng bấm cò. Thế là hai bên nhận ngay ra nhau; các nhà khoa-bảng liền đổi thái-độ, chắp tay vái "Cậu" liên-hồi .
Sau đó, Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ Trung-Phần Việt-Nam chỉ-thị cho Nha Công-Chánh Giao-Thông, Nha Cảnh-Sát Công-An, cùng Tòa Hành-Chánh, Cơ-Quan Quân-Sự, Ty Công-Chánh, Ty Thông-Tin Tỉnh Thừa-Thiên, Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế, Trung Đội Hiến-Binh địa-phương, v.v... phải họp tìm biện-pháp tạo sự thoải-mái cho "Cậu" trên đường đi . Họ bèn quy định, phổ-biến, và kiểm-soát, để từ nay trở đi mọi loại xe-cộ lưu-thông trên đường Huế--Thuận-An, và ngược lại, chỉ được phép chạy với tốc-lực tối đa 25 cây số/mỗi giờ; hễ gặp xe khác thì phải ngừng lại, rồi chạy từ từ; và nhất là buổi tối và ban đêm thì chỉ được bật đèn ló mà thôi .
Sự việc ông Cố-Vấn bị chận xe dọc đường thì đã được chính ông bỏ qua; nhưng vì nó có liên-quan đến "Cậu", các nhà chức-trách xem là quan-trọng hàng đầu nên đã đặt thành luật-lệ cho người dân tuân theo .

MỘT BỮA TIỆC SINH-NHẬT CỦA "CẬU"

Vào dịp sinh-nhật của ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn năm ấy, một mình tôi nhận được ba tấm thiệp mời dự tiệc; một với tư-cách văn-nghệ-sĩ ký-giả, một với tư-cách thành-viên Thuyết-Trình-Đoàn Học-Tập Chính-Trị và Công Dân Giáo Dục, và một với tư-cách cấp chỉ-huy ngành Cảnh-Sát Công-An.
Trên đầu tờ giấy có in hàng chữ "Văn-Phòng Cố-Vấn Chỉ Đạo Các Đoàn-Thể Cao--Trung-- Hải". Về các "Đoàn-Thể", có nơi ghi rõ là "Chính-Trị, Kinh-Tế, Văn-Hóa, Xã-Hội, Thanh-Niên, Phụ-Nữ, Sinh-Viên Học-Sinh, Lao-Công, v.v..." Cao là Cao-Nguyên, Trung là Trung-Phần, và Hải là Hải-Ngoại .
Đây là một cơ-hội hiếm có để tôi có thể trực-tiếp nghe+thấy những gì liên-quan đến "Cậu", **người mà dân-chúng sợ-hãi như một hung-thần.**
Con đường xe lửa xuyên-Việt nằm ở giữa, ngăn-cách tư-thất của ông Cố-Vấn với Văn-Phòng ở bên kia . Lách qua khỏi hai cánh cổng sắt cao to mở hé, tôi bước vào một thế-giới lạ thường. Không có đường dây điện-thoại liên-lạc với bên ngoài . Ông Cố-Vấn thường chỉ ở trong tư-thất, và ít có ai thấy được chữ ký của ông.
Một mái rạp cao được dựng sát trước hiên nhà, dài suốt ba gian, là nơi bày dọn nhiều dãy bàn ăn. Hầu hết món ăn đều là món Huế, những loại ngày xưa dành cho hoàng-gia, triều-thần nhà Nguyễn và giới thượng-lưu, do chính một số đầu-bếp cũ trong Đại-Nội hoặc tại các Phủ Chúa đến nấu dọn. Thực-khách được chia ra mời làm nhiều đợt; nhưng có một số đến sớm trước giờ; và một số ăn xong vẫn còn nấn-ná ở lại, vừa chỉ dẫn cho những kẻ đến sau để tỏ ra rằng mình đã là người nhà của chủ-nhân rồi, vừa cầu-may mong có cơ-hội được "Cậu" hỏi đến.
Mắt mang kính, miệng nhai trầu, tay cầm quạt khi thì phe-phẩy, khi thì dùng để gãi lưng, ông Cố-Vấn vừa nói chuyện với vài ba nhân-vật -- nhất là ông Nguyễn Đình Cẩn, Tỉnh-Trưởng Trưởng Tỉnh Bình-Thuận, suốt buổi vẫn bám sát theo ông -- vừa đi quanh chăm-sóc từ các loại cây cảnh quý trước mặt nhà đến các loại muông thú hiếm bên hông và sau vườn, trong đó có một con voi con.
Hầu-hạ quanh nhà có một số nhân-viên Cảnh-Sát hoặc Công An. Có một kẻ thường đi dọc theo đường Phan Chu Trinh và đường Vạn Vạn, trên bờ Nam của "sông An-Cựu nắng đục mưa trong", ngang-nhiên chặt cây trên bến, và cả chuối trong vườn nhà dân, nói là để cho voi của "Cậu" ăn. Nhiều người qua lại trên cầu Phú Cam và trên đường bờ sông Phan Đình Phùng có lần trông thấy dưới bến "Cậu" dùng thìa cà-phê múc sữa đút cho voi uống, trong lúc các thuộc-viên đang kỳ-cọ tắm cho con voi .
Tôi vừa vào đến nơi thì nghe có tiếng còi xe hộ-tống hụ từ phía cầu Phú Cam. Ông Cố-Vấn quay đầu về phía nhà trong, im-lặng lắng nghe . Lập-tức, có hai thuộc-viên chạy nhanh ra cổng. Họ thò đầu ra ngoài nói gì đó, rồi nhân-viên gác cổng mở hé một cánh cổng cho một số quan-chức và một viên tướng bước vào . Tất cả đều mặc lễ-phục, và đều đi rón-rén vì sợ đế giày gây tiếng ồn.
Về viên tướng, tôi nhận ra là thiếu-tướng Trần Văn Đôn. Hôm mới ra thay trung-tướng Thái Quang Hoàng, trong một buổi lễ tại Phu Văn Lâu, Đôn đã bắt đầu diễn-văn bằng câu "Quân Dân Miền Trung!" Tôi nghe kể lại, chỉ một lát sau là "Cậu" được nghe báo-cáo, liền phán "*Hắn muốn lãnh đạo cả Dân ngoài ni nữa răng?*"
Họ cúi đầu chào ông Cố-Vấn nhưng ông không đáp lại . Họ bèn nhập chung với một số khác đã đến trước, đứng sắp hàng quay mặt vào bức chân dung của Tổng-Thống Ngô Đình Diệm để trên một chiếc bàn cao trong phòng khách chính, xong cất tiếng đồng-thanh hát bài "Suy-Tôn Ngô Tổng-Thống", như lệ thường mỗi lần bắt đầu một buổi lễ hoặc buổi họp.
Có đến hai bài "suy-tôn" khác nhau, một của Miền Trung và một của Miền Nam, nên nhịp và lời của hai bài chõi nhau, nghe rất chói tai .
Bỗng có tiếng đằng-hắng trong nhà. Ông Cố-Vấn liền nạt:
– Ồn! để cụ nghỉ!
Thế là mọi người nín bặt, lấm-lét tan hàng. Trong lúc họ chưa biết giấu mặt ở đâu thì các gia-nhân ra hiệu cho họ đứng vào hai bên các dãy bàn tiệc mà bắt đầu ăn.
Lát sau, ông Cố-Vấn đi ngang qua các bàn ăn, nhìn chung, hỏi chung:
– Ngon không?
– Dạ ngon! "Cậu" cho ăn ngon quá!
Nghe mọi người đồng-loạt khen, ông nở một nụ cười khoan-khoái, xong tiếp-tục đi ngắm-nghía, sờ-mó không biết chán các món quà đắt giá mà các cấp chức quyền từ khắp nơi trong nước và ngoài nước dâng về.
Trước mắt tôi, hình-ảnh của "Cậu" Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn vẫn quen thuộc như những lần ông chủ-tọa các cuộc thi rước xe hoa vào những dịp lễ lớn trong năm.
Mỗi cơ-quan dân-chính và quân-sự đều thực-hiện một cỗ xe hoa, với nhiều cỡ, nhiều kiểu, nhiều cách khác nhau, nhưng tựu-trung thì đều rước ảnh của Ngô Tổng-Thống và được trang-trí đèn hoa rực-rỡ vô cùng. "Cậu" đứng trước cổng nhà, vừa nhai trầu vừa quạt, nhướng mục-kính chiêm-ngưỡng từng công-trình nghệ-thuật trẩy

qua, và dễ dàng đồng-ý với những lời phê-bình cũng như chấm điểm, định mức thưởng tiền, của các "cố-vấn" hầu-cận hai bên.
Tự-nhiên tôi thấy ông hiền-lành quá, vô-tư quá. Người như thế này mà có quyền sinh-sát đối với mọi người sao ?

LỆNH... LẠC

Ngoài ông Chánh Văn-Phòng, mà một số người cho là có hiểu biết, còn có một số sĩ-quan quân-lực được biệt-phái đến làm việc tại Văn-Phòng Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn. Ông Hồ Văn Huế, một đồng-nghiệp đàn anh của tôi, là một tín đồ Ky Tô Giáo có đạo đức, đã có lần than-thở với tôi:
– Té ra mạnh ai thì nấy báo-cáo lên "Cậu"; chỉ cần nói khích một câu, tỉ như "Tên này phản-loạn, dám chống lại Ngô Tổng-Thống và Cậu!" thì nếu đề-nghị giết chết "Cậu" cũng gật đầu liền. Nhưng trong đa-số trường-hợp họ có trình lên "Cậu" đâu !
Quyền-hành của Cẩn tuyệt đối như thế nên dân-chúng gọi ông là "*Lãnh-chúa Miền Trung*". Thật ra, quyền-hành của ông cũng bao trùm cả Miền Nam, là lĩnh địa của ông anh, Cố-Vấn Ngô Đình Nhu . Một thi-hữu của tôi, Hồ Đình Phương, của Tỉnh Long-An, và một số thành-viên khác thuộc các phái đoàn từ các Tỉnh trong Nam ra Huế họp đại-hội Đảng Cần-Lao, đã xác-nhận với tôi điều đó.

Không có học-lực và kiến-thức như các ông Diệm, Nhu, ông Cẩn chỉ là một thứ hào-mục hãnh-tiến, bỗng-nhiên thấy được người ta tôn lên thì được hưởng lợi chứ chẳng thiệt gì, nên để mặc cho thủ-hạ lèo-lái, vẽ-vời . Ông chỉ đáng khen trong có một việc là lòng hiếu-kính đối với mẫu-thân, góa-phụ của cụ Ngô Đình Khả. Và chính cụ-bà cũng được nhiều người ngợi-ca vì lòng "trung-quân". Người ta kể lại rằng, khi lăng của chồng đã được xây xong, cụ-bà lên ở trên lăng. Đức Đoan-Huy Hoàng Thái Hậu, tức Đức Từ-Cung, mẹ của Cựu-Hoàng Bảo Đại, thấy cảnh miếu đường hoang-phế mà không được chính-quyền chiếu-cố, bèn lên gặp cụ-bà để xin nói giúp với anh em nhà Ngô . Cụ-bà nghe tin, đang lệnh mà cũng gắng dậy xuống đón từ dưới mấy cấp thềm, toan phủ-phục trước người mà cụ-bà tưởng vẫn còn là quốc-mẫu nên vẫn thủ-phận chồng+con mình là bề-tôi của quân-vương.
Điều tai-hại hơn hết là không có ai dám kiểm-chứng lệnh của ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn. Thường thì mọi người chỉ biết tuân lệnh, do nghe kẻ khác nói lại, mà không biết là nói lại hay là nói đại . Mà do chính miệng của ông nói ra lắm khi cũng chẳng hẳn là lệnh-lạc gì hết. Một thí dụ đầy tính tiếu-lâm được truyền miệng trong giới an-ninh:
Một trong những tay chân đắc-lực của Cẩn là ông La Quát, Trưởng Ban Hoạt-Vụ thuộc Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Phần. Mọi việc bắt-bớ, đọa đày, hãm-hại, v.v... đều nằm trong tay Quát. Thế mà...
Dạo ấy ở Tỉnh Quảng-Ngãi có sự rối-loạn. Ty Công-An liên-hệ điện xin Nha Trung-Phần tăng-cường gấp một số nhân-viên. Vì Quát có nhiều nhân-viên nhất nên Phòng Nhân-Vụ đề-nghị rút bớt một số. Quát chỉ cho lấy một người, là người mà Quát tưởng là không thiết-yếu vì không thấy đến báo-cáo công-tác hằng ngày . Và người ấy nhận được sự-vụ-lệnh thuyên-chuyển từ Huế vào Tỉnh Quảng-Ngãi .
Kế đó, một hôm ông Cố-Vấn đi ra sau vườn thì thấy có một thuộc-viên nằm lăn-lộn trước chân ông mà khóc; ông tránh, người kia lại tái diễn, khóc to hơn. Ông hỏi vu-vơ:
– Cha mi chết hay răng mà mi khóc dữ thế?
Được ông hỏi đến, người giữ vườn kêu gào thảm-thiết:
– Không phải một mình cha con chết, mà chính con, rồi cả gia đình nhà con đều sẽ chết hết, "Cậu" ơi! Người ta không muốn cho con tiếp-tục ở đây để được hầu-hạ "Cậu", "Cậu" ơi!
– Rứa người ta đưa mi đi mô ?
– Việt-Cộng giết người tùm-lum trong Quảng-Ngãi, mà người ta đưa con vô trong đó!
– Ai đưa mi đi ?
Người ấy vốn đã có đến năn-nỉ với Phòng Nhân-Vụ đề xin ở lại, nhưng được nơi đây giải-thích là chính Quát đã quyết định cho đương-nhân ra đi. Người ấy liền đáp:
– Dạ, La Quát đưa con đi!
Ông Cố-Vấn vừa bước tiếp vừa nói khống:
– Răng hắn không đi mà đưa mi đi ?
Mọi lời nói của "Cậu" đều được truyền đi tức-thời .
Thế là Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Phần ký sự-vụ-lệnh khác, để nhân-viên kia lại, và đưa ... La Quát đi !
Một thời-gian sau, một hôm ông Cố-Vấn sực nhớ mới hỏi:

– Thằng Quát mô rồi mà lâu ni tau không thấy hắn?
Thế là Quát lại được thuyên-chuyển từ Ty Quảng-Ngãi về lại Nha!

Dân-chúng cũng đàm-tiếu với nhau: Bà Cố-Vấn Ngô Đình Nhu, lãnh-tụ Phong-Trào Phụ-Nữ Liên Đới và Đoàn-Thể Thanh-Nữ Cộng-Hòa của toàn-quốc, tức là gồm cả Miền Trung, những lần ra Huế thường tránh gặp mặt "Cậu". Trung-tướng Thái Quang Hoàng, nguyên Tư-Lệnh Đệ-Nhị Quân-Khu, mà tổng-hành dinh đóng ở Huế, vốn là một sĩ-quan sủng-ái được thăng cấp vùn-vụt, mà rồi cũng bị thất-sủng vì bị dèm pha . Ông Trần Chánh Thành, là người được chính ông Ngô Đình Diệm chọn đưa từ Pháp cùng về với mình, cử làm Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin, phụ-trách Chiến Dịch Tố Cộng và Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia, mà rồi cũng va-chạm với uy-lực của "Cậu" về quyền lãnh đạo các tổ-chức và hoạt động này tại Miền Trung...
Tôi tự hỏi không biết có phải chính "Cậu" đã chủ động, đã chủ động nổi, trong các vụ này, hay là bị bọn ác-ôn côn đồ gài bẫy, mạo danh...

VỤ GIÁN ĐIỆP PHÁP TẠI MIỀN TRUNG
Sau khi Pháp, do áp-lực của Mỹ, rút quân ra khỏi Việt-Nam, một số kiều dân Pháp vẫn còn ở lại; họ điều-hành các đồn điền cao-su, cà-phê, trà, và các nhà máy điện, nước, lữ -xá, tiệm ăn, v.v... Ngoài ra, còn có các nhà ngoại-giao ...
Ở Huế, có một Phòng Thông-Tin Pháp mà Giám Đốc là ông Avril, một người Pháp lai Việt, sinh sống từ nhỏ tại Thành-Phố này . Tôi đã giới-thiệu để Avril làm quen với ông Thompson A. Grunwald, khi ông này đến nhậm chức Giám Đốc Thông-Tin Hoa-Kỳ ở Huế. Trong lúc chưa có Tổng Lĩnh-Sứ, Grunwald là đại diện Mỹ đầu tiên đến Miền Trung. Đối với dân-chúng địa-phương thì sự quen biết đã có từ trước và những giao-tiếp không thể tránh được sau này của Avril với những nửa-đồng-bào xung quanh đã gây tai -họa không ít cho nhiều con dân Việt-Nam.
Trong chương-trình "*đả-thực, bài-phong, diệt-cộng*", mà "thực" ở đây là thực dân Pháp, các cơ -quan an-ninh sở-tại cho biết đã khám-phá được một tổ-chức gọi là "gián điệp Pháp tại Miền Trung".

Trong những năm đầu sau Hiệp Định Genève, Liên-Xô và Hoa-Cộng chưa chủ-trương cho Cộng-Sản Bắc-Việt xâm-chiếm Miền Nam; nhờ đó, đa-số các cấp chính-quyền, nhất là ở nhiều Xã Thôn, đã có hoàn-cảnh thuận-lợi để loại-trừ các phần-tử có liên-hệ hoặc bị nghi có dính-líu với ba kẻ thù kể trên. Trung-Ương cho phép mỗi Xã lập nên một "Hương-Ước" riêng của mình; đó là những quy định tội-trạng và hình-phạt có giá-trị pháp-lý, nằm ngoài và bổ-sung luật-pháp và luật-lệ chung của Quốc-Gia . Chính-sách của Chính-Quyền Quốc-Gia thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa là phục -hồi "Lệ Làng", một thứ quyền tự-trị của các hương-chức thời xưa; đúng với tục-ngữ "Phép Vua thua Lệ Làng". Giải-pháp giản-tiện hơn hết là trục-xuất tất cả các đối-tượng "phản động" ra khỏi quê-quán của họ. Nhân dịp có cái gọi là "quốc-sách" Dinh Điền, nhà cầm quyền tống họ lên vùng Cao-Nguyên, cùng với các thành-phần bất-hảo khác -- cựu-can hình-sự, đồ đệ "Tứ Đổ Tường", cá-nhân lừng-khừng -- sống tập-trung chung trong các Địa Điểm Dinh Điền, là nơi Hoa Kỳ viện-trợ dồi dào để giúp các giới dân nghèo Việt Nam tái định-cư kiến-tạo đời sống ấm no, thanh-bình, và thịnh-vượng lâu dài cho tương-lai .
Tuy nhiên, đó mới chỉ là bề mặt, nhất-thời . Thật ra, ngay sau khi chính-quyền Ngô Đình Diệm ra đời, những kẻ có liên-hệ chặt-chẽ với Pháp, với Hoàng-Tộc, với Việt-Minh, hoặc bị tổn-thương quyền-lợi cá-nhân, đều đã tìm cách tự-tồn. Họ trá-hình quy-phục, hoặc ngụy-tạo lý-lịch, đổi vùng sinh-hoạt; hoặc rút lui vào bóng tối, hoạt động bí-mật; hoặc bất động chờ thời . Cao điểm là sau khi Mặt Trận Việt-Minh tập-kết cán-bộ và bộ đội ra Bắc; quân-lực Pháp giao lại Miền Nam Việt-Nam cho Mỹ; chế độ Diệm tịch-thu tài-sản của Pháp, lật đổ và tịch-thu tài-sản của cựu Quốc-Trưởng Bảo Đại, phát động chiến dịch "Tố Cộng", đánh dẹp các giáo-phái, đàn-áp các chính đảng, cấm Hoa-Kiều làm mười một nghề, v.v...
Có những chính-sách đúng, nhưng bị phai mờ vì những chủ -trương sai; và ngay những đường -lối tốt cũng bị hoen-ố vì những việc làm xấu . Và thiểu-số lạm quyền đã xử ức người này, trị oan kẻ kia, đào hố sâu chia-rẽ và giúp nẩy mầm phẫn-uất trong dân-nhân. Hạt nhân đối-nghịch và khuynh đảo từ đó đã được gieo ra .
Thật ra, người dân căm-hờn thực dân, oán ghét tay sai, thù hận thành-phần thân Pháp, nên ủng-hộ các nỗ-lực phát-hiện gián điệp nước ngoài . Nhưng khi chính-viện không truy-tố bị-can ra trước pháp-viện, lại sử dụng luật rừng để bạo-hành đối với tù-nhân, thì chiêu-bài "Dân-Chủ Pháp-Trị' của chính-quyền Ngô Đình Diệm đã trở thành bịp-bợm đối với người dân.

Vào một buổi sáng nọ, như để chứng-minh cụ-thể cho những luồng dư-luận lan tràn lâu nay, một số đồng-bào đã tìm đến tận nơi để nhìn thấy tận mắt thi-thể của một nạn-nhân: ông Võ Côn, cựu Phó Giám Đốc Cảnh-Sát Công-An Trung-Việt, bị giết chết và vứt bỏ xác ở chân Núi Ngự-Bình.

THẦU-KHOÁN NGUYỄN VĂN YẾN

Nhà thầu Nguyễn Văn Yến là một nhân-vật tên tuổi được đồng-bào khắp Huế mến thương.

Sau ngày hồi-cư vào năm 1947, Yến bắt đầu thu thuế tại chợ An Cựu là một chợ nhỏ, mà thời-gian đầu dân-chúng còn thưa-thớt nên chợ chưa có nhiều kẻ bán người mua . Vợ anh cũng theo giúp chồng. Tuy là chủ thầu nhưng cả hai đều đối xử tử-tế với giới chịu thuế, nhẹ tay với ai ít vốn, chước-miễn cho ai ít lời .

Nhờ làm việc cần-cù, giao dịch khéo-léo, Yến đã tiến từ thầu nhỏ lên thầu lớn, và đỉnh cao là thầu được cơ-sở kinh doanh đồ-sộ của anh+em Pháp-kiều Morin chính giữa trung-tâm thủ-phủ của Miền Trung, đặt tên Nguyễn Văn Yến cho đại Khách-Sạn và Diễn Đường này .

Sự thành-công của Yến là một gai nhọn trước mắt những kẻ muốn chiếm độc-quyền khai-thác hoặc chi-phối mọi nguồn lợi kinh-tài . Thế là Yến bị bắt.

Vợ Nguyễn Văn Yến bị bệnh hiểm-nghèo. Sau khi được chữa lành, trước khi xuất-viện chị đã được y-sư giải-thích và căn dặn kỹ-càng: muốn sống thì đừng gần-gũi đàn ông.

Thương chồng, chị đến gõ cửa khắp nơi; bao nhiêu tiền của chị đem ra dâng nạp hết, nhưng vẫn không có kết-quả. Cuối cùng, chị được đưa đến ra mắt ông Cố-Vấn để cầu xin "Cậu" thi-ân.

Nhờ ân của "Cậu", chị chết.

Nỗi đau thương của gia đình Nguyễn Văn Yến đã trở thành niềm căm-hận của mọi người: liền sau đó, chính Yến cũng bị giết chết trong tối-tăm.

THẦU KHOÁN NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG

Là Trưởng-Phòng Huấn-Luyện, trong thời-gian có Khóa Tu-Nghiệp hoặc Khóa Anh-Ngữ Căn-Bản do tôi giảng dạy cho cảnh-nhân toàn Thành-Phố, tôi thường đến sớm để lo cho mọi thứ được chuẩn-bị sẵn-sàng. Có nhiều lần tôi ngạc-nhiên thấy Hội Đường, mới chiều hôm qua còn ngăn nắp, mà sao sáng hôm sau bàn ghế đã nghiêng lệch và trên nền lầu vương vãi những lá lót, giấy bọc, cùng nhiều loại thức ăn, đồ uống thừa .

Những lần đầu, tôi nghĩ là do toán nhân-viên gác đêm bày tiệc ăn nhậu . Đến lần nọ, tôi vào hỏi ông Đỗ Hủi, Phó Chỉ-Huy; ông nhìn trung-úy Hoàng Đạt Vọng, trả lời tôi: "Đêm qua, Chi-Bộ họp". Chi-Bộ là tổ-chức Đảng; tôi không ở trong Đảng, tôi không thể phàn-nàn gì thêm.

Một hôm, nhân vào Sài-Gòn lập thủ-tục du-học Hoa-Kỳ, tôi gặp trung-sĩ Tôn Thất Óc giữa phố. Óc là nhân-viên Đội Biệt Động ở Huế; cùng đi với anh có vài ba người nữa, đang ngồi trong một chiếc xe hơi đậu bên lề đường. Anh dừng lại chào hỏi tôi. Khi anh lên xe đi rồi, có mấy người mà tôi thấy quen mặt đang ngồi trong Nhà Hàng "Thanh Thế" vẫy gọi tôi vào. Họ là công-chức, quân-nhân hoặc thường dân gốc ở Huế, nay vào tùng-sự, thụ-huấn hoặc sinh sống trong này.

Nhạc-sĩ Châu Kỳ ghé vào tai tôi nói nhỏ: "Đừng bắt mình, nghe Thanh Thanh!" Tôi mở tròn mắt hỏi lại: "Tôi làm gì mà bắt ai ?" Nhạc-sĩ Lê Trọng Nguyễn liền vỗ vai Kỳ: "Thanh Thanh không dính vào những vụ đó đâu!"

Hồi đó, Cảnh-Sát và Công-An là hai ngành khác nhau, mà tôi thở bên phía tư -pháp hình-sự, không phải bên phía chính-trị.

Một người hỏi tôi: "Hôm nay các anh đã bắt được bao nhiêu mạng rồi ?" Thấy tôi ngơ-ngác, một người khác nói: "Bọn hồi nãy là mật-vụ trong Đoàn Công-Tác Đặc-Biệt Miền Trung, vào đây bắt người đấy!"

Tôi cũng có nghe nói đến tổ-chức ấy, nhưng không biết là họ thuộc cơ-quan nào, vì tại Nha và tai Ty Công-An Tỉnh Thừa-Thiên thì chỉ có Ban Hoạt-Vụ, Ban Lưu Động, hoặc Ban Truy-Tầm gì đó thôi .

Không-khí ở Sài-Gòn tự do hơn, nên mấy người này tranh nhau kể toàn những chuyện cướp đoạt, giam-cầm, tra-tấn, và thủ-tiêu dân lành, ở cả Huế lẫn các Tỉnh gần xa.

Diệm thì huênh-hoang tuyên-bố: "*Đằng sau Hiến-Pháp còn có tôi!*" để bị lũ gian-manh ngụy-tạo vườn cây sây trái cho mà đến thị-sát, khoe-khoang; Nhu thì kìm kẹp đối-lập ở P-42; vợ Nhu thì hùn-hạp làm ăn bất-chính với vợ Trần Chánh Thành; Cẩn thì thể-hiện hỏa-ngục ở Mang-Cá, hồ lửa ở Chín Hầm...

Khi nghe tôi làm việc ở Ty Cảnh-Sát Huế, một người la lên:

– Đánh người ta vỡ đầu chết, rồi ném xác xuống sân, tri-hô là người ta nhảy lầu tự-tử, xong rồi vào đây lánh mặt hả?

Các bạn khác cũng sững-sờ như tôi. Một người ôn-tồn hỏi tôi: "Anh vào đây bao giờ?" Tôi đáp: "Sáng thứ năm" Người ấy thở phào: "Thế thì không phải là anh!"

Người kia nhìn tôi dò xét, rồi như tin tôi, kể ngắn gọn:
– Chúng bắt bừa, nhốt kín nhiều nơi, lâu lâu mới chở một số đến Ty Cảnh-Sát cho gặp thân-nhân một lần vào lúc nửa đêm. Tại đó, chúng cũng khảo đả nạn-nhân. Án-mạng vừa rồi xảy ra vào khuya thứ năm; tôi mới vào chiều hôm qua; thứ sáu. Tội-nghiệp thầu-khoán Nguyễn Đắc Phương!
Tôi nghe mà lặng điếng cả người .
Thì ra Hội Đường, nơi tôi truyền-bá lý-thuyết lý-tưởng về nghiệp-vụ, nơi tôi phổ-biến đạo đức chính-trị của Ngô Tổng-Thống, đã bị dùng làm nơi chà đạp "nhân-vị" và sinh-mạng của con người!
Trước đó, tôi có gặp Nguyễn Đắc Phương một lần, tại nhà giáo-sư Nguyễn Như Minh. Minh là thầy cũ của tôi ở "Thuận-Hóa Học-Hiệu". Ông vừa mới giao cho Phương, và Phương vừa mới khởi-công xây-cất một trụ-sở mới cho Trường Trung-Học Tư-Thục Nguyễn Du .
Ngang đây thì tôi thấy trung-tá Đoàn Đình Từ, một người bạn thân của tôi, hiện làm Trưởng Ty Công-An Tỉnh Long-An, từ ngoài bước vào. Từ bị thương trong một trận chạm súng với Việt-Cộng, chân đi còn khập-khiễng. Để tránh đụng chạm, tôi kéo anh lên Nhà Hàng "Bồng Lai". Lát sau, tôi hỏi anh về nạn độc-tài, tham-bạo; anh lắc đầu thở dài: "Hết nước nói! Minh chỉ biết diệt Cộng mà thôi!"

* * *

Vào dịp lễ Hai Bà Trưng năm 1960, tôi thuyết-trình về tinh-thần ái-quốc của Trưng Nữ-Vương, theo tài-liệu học-tập của Trung-Ương phổ-biến.
Hoàng Mai Thêm, lúc ấy cũng đã mãn định-kỳ quân-nhiệm, trở về Ty Cảnh-Sát Huế, cùng tham dự buổi họp.
Khi đến câu "Quân của Hai Bà là quân ô-hợp nên bị thất-trận", tôi đã cố ý bỏ qua từ đoạn "là quân ô-hợp". Hội Đường thắc-mắc; nhiều người đưa ý-kiến là phải đọc trọn câu, và đòi giải-thích hai tiếng "ô hợp". Tôi giải-thích tĩnh-từ "ô hợp", xong thanh-minh rằng tôi không muốn trong lúc tưởng nhớ công đức của tổ-tiên anh-hùng mà lại chê-bai phẩm-chất chiến đấu của tiền-nhân:
– Có lẽ soạn-giả sơ-ý. Theo tôi thì chỉ cần nói "Hai Bà thua trận là đủ", không cần nêu thêm cái lý do ấy, nhất là nói về khuyết nhược của mình. Vậy đề-nghị các bạn khi về đơn-vị địa-phương thuyết-trình lại cho các học-viên của mình thì bỏ bớt mấy chữ đó đi.
Ngang đây, Thêm chất-vấn tôi:
– Sự thật là "ô hợp" thì cứ nói là "ô hợp", anh muốn chống lại lịch-sử và cãi lại tài-liệu của "Ban Chỉ Đạo Học-Tập Trung-Ương" ư ?
Cuộc thảo-luận chung biến thành cuộc tranh-luận riêng giữa hai chúng tôi .
Tôi nói: "Tuy Ban Chỉ Đạo Trung-Ương do ông Cố-Vấn Ngô Đình Nhu chủ-trì, nhưng ông chỉ đề ra ý chính, làm sao kiểm-soát hết từng chữ?"
– Tôi đã từng thảo diễn-văn cho các Đơn-Vị-Trưởng, họ dò rất kỹ trước khi đọc; anh cho là ông Cố-Vấn không đọc kỹ à?
– Tôi cũng đã từng thảo diễn-văn cho các tướng Tư-Lệnh, đúng như anh nói. Nhưng đó là cho chính miệng họ đọc ra, lâu lâu một lần. Đằng nầy, tài-liệu tổng-quát do nhân-viên phụ-trách soạn chung cho mọi người, ào-ạt phổ-biến mỗi tuần mấy đợt, trải qua nhiều năm rồi, thì cũng chỉ giống như tờ báo định-kỳ thông-thường ngoài phố mà thôi, làm sao tránh khỏi sơ-xuất?
– Nhưng đây không phải là sơ-xuất, mà là nói lên sự thật!
Tôi đáp: "Đồng-ý là sự thật. Tuy nhiên, đó là ở trường đại-học, nghiên-cứu sử-liệu chúng ta có thể tìm thấy nhiều điều khác lạ; thí dụ tài-liệu của Trung-Hoa nói về Hai Bà Trưng, có đăng trên báo của Viện Đại-Học Huế, do linh-mục Cao Văn Luận làm Viện Trưởng, thì tàn-tệ hơn nhiều . Còn đây thì không phải là một công-trình nghiên-cứu lịch-sử ở trình độ bác-học, mà chỉ là một bài học công dân giáo dục nhắm vào đa-số bình dân, cốt để nhân ngày kỷ-niệm Trưng-Vương mà khích động đồng-bào noi gương yêu nước của Hai Bà; như thế thì chỉ cần đề-cập những gì có lợi cho mục đích trước mắt mà thôi".
– Nói như anh tức là cấp trên khinh thường dân-chúng, chủ-trương ngu dân!
Tôi thấy Thêm đã vô-tình tạo ra cơ-hội cho tôi lợi dụng mà nói lên những điều cần nói công-khai :
Ở đây có ông Trần Văn Hương, Chỉ-Huy Trưởng, vừa đi du-học ở Mỹ về, đã thấy rõ sự khác nhau giữa Mỹ với nước mình. Thế nhưng, tài-liệu, mà chúng ta học-tập ở đây thì nói rằng Hiến-Pháp của Việt-Nam Cộng-Hòa là tiến-bộ hơn Hiến-Pháp của Hiệp-Chủng-Quốc Hoa-Kỳ. Cũng thế, học-tập về chế độ hiện-tại thì chỉ toàn đề-cao những tốt lành ngay chính chứ có ai phanh-phui những xấu dữ gian tà đâu !

Thế là mọi người bỏ mất trọng-tâm. Hội Đường chia ra làm hai phe; đa-số thì đồng-ý với tôi dẫn chứng từ những sai lầm bất-công đến những gian tham tàn-ác của nhóm đặc-lợi đặc-quyền; thiểu-số đắc-thời thì chối-cãi, biện-minh. Không-khí quá căng; chủ-tọa phải tuyên-bố giải-tán. Nhưng khi ra khỏi phòng họp rồi họ vẫn còn phát-biểu rất hăng.

Việc làm của tôi đã mở đường cho những chống đối công-khai và đồng-loạt của nhiều tập-thể lớn về sau (trước cả vụ phản-kháng của 18 nhà chính-trị tên tuổi tại Nhà Hàng Caravelle trong Sài Gòn). Riêng trường-hợp của tôi đã gây nên mối bất-đồng quan điểm giữa hai ông Cố-Vấn họ Ngô. Vây-cánh của ông Cẩn thì muốn dùng biện-pháp mạnh đối với tôi, nhưng ông Nhu thì tiến-bộ hơn nên nương tay . Do đó, họ giao tôi cho Bộ Nội-Vụ áp dụng kỷ-luật hành-chánh.
Sau ba tháng bị cất chức, giam cầm, tôi bị ghép vào thành-phần "phản-loạn" và bị đày lên Cao Nguyên là vùng "nước độc và nguy-hiểm", cùng với bốn đồng-nghiệp khác; đó là hai sĩ-quan tham-mưu có uy-tín mà không chịu đứng chung vào hàng-ngũ phá đạo hại đời, và hai viên-chức cũng là tín đồ Ky-Tô-Giáo và cũng là đảng-viên Đảng Cần-Lao nhưng không đồng-hội đồng-thuyền với họ nên họ cũng nhân dịp này mà tống cổ đi luôn.
Suốt đời tôi không bao giờ quên được hình-ảnh của những Giám Đốc, Trưởng Ty, công-chức các cơ-quan bạn, mà nhiều người trước kia tôi chưa hề quen, và rất đông đồng-bào vô danh, đã bất-chấp mật-vụ, lên ga xe lửa Huế ngậm-ngùi tiễn chúng tôi đi ...

* * *

Rồi Diệm bị đảo-chánh hụt, rồi Dinh Độc-Lập bị ném bom. Vụ các chính-khách bất-đồng chính-kiến họp tại nhà hàng Caravelle nổ bùng. Nhà văn Nhất-Linh Nguyễn Tường Tam, bị kết án tử-hình, đã tự-tử, với kết-luận "*đời tôi để lịch-sử xét*" để phủ-nhận quyền-hành của chế độ nhà Ngô. Phật-Giáo bị cấm treo cờ vào ngày lễ Phật-Đản; Phật-Tử Huế biểu-tình đòi quyền tự do tín-ngưỡng, bị tàn-sát trước Đài Phát-Thanh. Diệm+Nhu cho Cảnh-Sát Chiến Đấu tấn-công chùa-chiền. Hòa-Thượng Thích Quảng Đức và nhiều tu-sĩ, Phật-Giáo-Đồ khắp nước tự-thiêu . Sinh-viên học-sinh và các giới dân-nhân xuống đường; toàn-quốc nổi dậy . Thạc-sĩ Vũ Văn Mẫu, Ngoại-Trưởng VNCH, tự cạo trọc đầu từ-chức để phản-đối Diệm; ngay chính ông Trần Văn Chương, đại-sứ VNCH tại Mỹ, là cha ruột của bà cố-vấn Ngô Đình Nhu, và bà Trần Văn Chương, quan-sát-viên VNCH tại Liên Hiệp Quốc, là mẹ đẻ của bà Nhu, cũng cùng từ-chức để chống lại bè lũ Diệm—Nhu đàn-áp Phật-Giáo. Chính-giới Hoa Kỳ phẫn-nộ, dư-luận thế-giới xôn-xao . Cuộc Cải-Mệnh 1-11-1963 xảy ra.
Sau này, tôi chỉ-huy Cảnh-Lực cấp Tỉnh trên Cao-Nguyên thì Hoàng Mai Thêm cũng chỉ-huy Cảnh-Lực ở Tỉnh Thừa-Thiên.
Một số bạn cũ nói rằng Thêm vẫn trung-thành với quan-niệm sống của mình, cứ theo lý-thuyết sách vở mà làm; theo đó, Luật-Pháp mới là nguyên-tắc của trật-tự và an-ninh, nên anh phục-vụ; còn Chính-Trị thì là phi-nguyên-tắc nên anh không tham-gia. Anh chỉ chú-tâm riêng vào phần Hình-Cảnh, và phó mặc phần Đặc-Cảnh (có thể gọi là Cảnh-Sát Chính-Trị) cho viên Phó Chỉ-Huy chuyên-trách cầm nắm các vấn đề phe đảng, giáo-phái, hội đoàn, tình-hình nội-bộ chính-quyền, cũng như trực-tiếp giải-quyết với Ủy-Ban An-Ninh về các vụ bắt-bớ, giam cầm Việt-Cộng tại địa-phương.
Tuy không đối diện, đối-thoại, nhưng qua tin-tức như trên, tôi vẫn thấy cần tranh-luận với Thêm. Nếu anh chịu nhúng tay vào, thì cơ-quan mà anh vẫn là người chịu trách-nhiệm chính, chắc-chắn sẽ tránh được nhiều lầm sai. Cùng lắm thì anh vẫn có thể công-khai nói lên tiếng nói của mình, như tôi ngày xưa ?
Việt-Cộng không bám sát anh, hoặc vì cơ-sở của chúng hoạt động dở, hoặc do may-mắn tự-nhiên, mà anh thoát chết ở Huế vào vụ Tết Mậu-Thân 1968. Anh trà-trộn với đồng-bào vào trốn trong nhà thờ Dòng Chúa Cứu-Thế; khi địch đến thanh lọc, anh đưa Thẻ Sinh-Viên trường Luật ra; chúng không nhận diện ra anh.

* * *

Chừng nhớ ngày xưa tôi rất ham thích Ngành Hình-Cảnh, Thêm nói:
– Mình không ngờ Nhuận mà lại qua Ngành Đặc-Cảnh.
Tôi định đáp: "Mình cũng không ngờ Thêm mà lại tham-chánh", nhưng tôi nín kịp.
Một người bạn thân khác của tôi, thi-sĩ Như Trị, tức luật-sư Bùi Chánh Thời, cũng có quan-niệm như Thêm. Nhưng Thời không tham-chính; anh hoạt động vì nhân đạo, cầm đầu chi-nhánh của một tổ-chức quốc-tế Bảo-Vệ Thiếu-Niên Nhi Đồng tại Việt-Nam.

Mỗi người có quyền theo đuổi lý-tưởng riêng của mình. Tôi tôn-trọng quyền ấy. Nhưng vì Luật-Pháp tự nó không có Tổ-Quốc, nên chính-thể nào cũng dựa trên Luật-Pháp nói chung để làm ra Luật-Pháp của riêng mình. Trong một Quốc-Gia, vào một giai đoạn nào đó, phải chăng Luật-Pháp cũng chỉ là sản-phẩm của Chính-Trị? Người đã tham-gia vào Chính-Quyền, nhất là ở cương-vị lãnh đạo, làm sao không dự phần vào chính-sách chung?
Thêm được mời làm Thứ-Trưởng một Bộ. Dù là của Bộ Tư-Pháp đi nữa, thì đó cũng là một phần của Ngành Hành-Pháp, và đó cũng là một trách-vụ chính-trị. Anh nói là anh chưa nhận, tức là đã nhận trên nguyên-tắc, chỉ còn cân-nhắc một số điều-kiện nữa mà thôi ?

Bị ám-ảnh vì bóng ma quá-khứ, tôi sợ là anh sẽ lại rơi vào hai trường-hợp khó-khăn: Lý-thuyết siêu-chính-trị có thoát khỏi bị guồng máy chính-quyền biến-thể? Và nhập-cuộc nửa vời có phải là giải-pháp an ổn cho lương-tâm?
Thà Thêm chỉ là luật-sư, hoạt động ngoài-chính-quyền như Thời, đứng hẳn về phía đối-lập trong dân-nhân, hoặc chỉ là huấn-sư trong một trường Luật, hoặc công-khai đối-lập trong các chức-vụ lập-pháp và dân-cử... Đằng này, trong cương-vị công-cử, nếu gặp nghịch-cảnh, thái độ của anh sẽ như thế nào ...
Tuy nhiên, lịch-sử cũng đã sang nhiều trang; cả Thêm lẫn tôi, cũng như mọi người, đều đã lớn hơn, khôn hơn. Trên đường tiến tới Dân-Chủ, dân-nhân Miền Nam Việt-Nam đã bước những bước khá dài . Ít nhất thì, ngày xưa, hễ thiếu kính-trọng đối với Ngô Đình Diệm là cầm chắc cái chết trong tay; nhưng, ngày nay, mọi người đều tự do chỉ-trích, thậm-chí mạt-sát, Nguyễn Văn Thiệu mà không hề-hấn gì. Giới trí-thức phải hiểu rằng tài-năng, đạo đức, thiện-chí, và kết-quả phục-vụ là những yếu-tố cần-thiết để thẩm định giá-trị của một con người. Đã giỏi Luật-Pháp, mà cũng rành về Chính-Trị và các Ngành khác, hoặc ngược lại, thì tài-năng mới không phiến diện; và đã tham-gia thì phải dấn thân, có thế đạo đức mới vẹn toàn.
Tôi bắt tay Thêm thật chặt, để mừng anh, và để truyền đạt qua anh niềm tin của tôi rằng bạn mình bây giờ nhất định đã tiến rất xa ...

Huế, 1973-75

LÊ XUÂN NHUẬN
From: Nhuan Xuan Le <lechannhan@yahoo. com>
Subject: *hồi ký Lê Xuân Nhuận: Tiến-Sĩ Hoàng Mai Thêm*

Date: Sunday, October 25, 2009, 12:06 PM

Nhân sĩ và Hội đồng Nhân Sĩ

NGUIỄN-HỮU-NGƯ
phỏng vấn Bác sĩ **Nguyễn Hữu Phiếm**
và Giáo sư **Nguyễn Văn Trung**
[*Trích từ Bán Nguyệt san BÁCH KHOA số 166 Ngày 1-12-1963 – Sài Gòn*]

Sau khi lật đổ chính quyền cũ chưa đầy một tuần, ngày 6-11-1963, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã ban hành sắc lệnh thiết lập Hội đồng Nhân sĩ mà thành phần sẽ được "*chọn lựa trong các giới tiêu biểu cho mọi*

xu hướng quốc gia và hoạt động nghề nghiệp." Và nhiệm vụ là "*giúp Chính phủ lâm thời thực hiện đường lối Cách mạng hợp với nguyện vọng của toàn dân.*"

Trong cuộc phỏng vấn dành cho Pháp tấn xã, Trung tướng Dương Văn Minh, Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng cũng nêu lên trách vụ của Hội đồng Nhân sĩ là "*khuyến cáo nhà cầm quyền trong việc lựa chọn những cơ cấu mới cho Việt-Nam*", là "*bình thường hoá đời sống chính trị ở Việt- Nam*" và "*mọi tầng lớp nhân dân cần phải chuẩn bị để thực hiện việc đó.*"

Tất nhiên việc trên đây nhân dân ai cũng tán thành vì trong lúc chờ đợi một Quốc hội dân cử thì nguyện vọng của người dân sẽ được thể hiện một phần nào qua cơ quan đặc biệt quan trọng đó, một cơ quan có vai trò làm gạch nối liền giữa chánh phủ với nhân dân.

Nhưng cái tên "Nhân sĩ" của Hội đồng đã làm nhiều người thắc mắc vì không phải ai cũng hiểu danh từ "Nhân sĩ" như nhau và người nào cũng cùng một quan niệm về cơ quan tư vấn đó.

Bởi vậy trong tinh thần xây dựng chế độ mới, chúng tôi đã nêu lên hai câu hỏi sau đây để gợi ý và tới phỏng vấn một vài người tại Đô thành mà chúng tôi thấy xưa nay vẫn thiết tha quan tâm đến vận mệnh nước nhà. [Ghi chú của LTK - Gồm quý bà Hồ Hữu Tường,và Trần Thúc Linh, và quý ông Phan Khắc Sữu, Phan Huy Quát, Nguyễn Hữu Phiếm, Bùi Hữu Sũng và Nguyễn Văn Trung. Chúng tôi trích đăng hai trả lời của Giáo sư **Nguyễn Văn Trung** và Bác sĩ **Nguyễn Hữu Phiếm** vì có liên hệ trực tiếp đến nội dung của Tuyển Tập nầy]:

1. - Xin Ông (hoặc Bà) cho biết ý kiến: thế nào là một "nhân sĩ"? (những điều kiện tối thiểu mà một người cần có, để được gọi là "nhân sĩ".)

2. - Xin Ông (hoặc Bà) cho biết, theo ý Ông (hoặc Bà) thì "Hội đồng Nhân sĩ" cần phải có những điều kiện gì để tham gia hữu hiệu vào công cuộc chung?

Mong rằng những câu trả lời sau đây cũng phản ảnh được một phần nào ý kiến và ước vọng của người dân đối với Hội đồng Nhân sĩ.

Xin lưu ý bạn đọc là cuộc phỏng vấn và các câu trả lời đều có trước ngày ban hành sắc lệnh: Quy Chế Hội đồng Nhân sĩ (15/SL/CT ngày 22-11-1963).

…….

Giáo sư **NGUYỄN VĂN TRUNG**

Hỏi: *Anh nghĩ thế nào về Hội đồng Nhân sĩ?*

Đáp: Muốn phát biểu những ý kiến thiết thực về Hội đồng Nhân sĩ, thiết tưởng trước hết phải xác định *thế nào* là một nhân sĩ và *ai* là nhân sĩ bây giờ ở miền Nam ta? Nêu lên những câu hỏi trên, chúng ta thấy ngay những khó khăn vì chữ Nhân sĩ rất mơ hồ. Vậy để giải quyết những khó khăn trên, tôi đề nghị phân tách lần lượt mấy điểm sau đây:

1. *Mục đích việc thành lập Hội đồng Nhân sĩ.*

2. *Ai đảm nhiệm được vai trò trên?*

3. *Những thành phần nào ở Việt-Nam bây giờ có thể đảm nhiệm vai trò trên?*

4. *Một hậu quả bi đát của chế độ cũ.*

Đưa ra những nhận xét trên, tôi thấy thật khó biết ai là nhân sĩ, và ai là những người có thể được mời vào hội đồng mà vừa lòng mọi người.

Thiếu lãnh tụ chính trị tài đức thực sự, thiếu nhân sĩ đó là một trong những hậu quả bi đát của chế độ cũ. Dưới chế độ nầy, người ta buộc chúng ta phải trao số phận của mình cho họ dẫn dắt; do đó không có sinh hoạt làm chính trị, cũng không có sinh hoạt suy tưởng về chính trị. Kết quả là tiêu hao gần hết những nhà cách mạng, chính trị thuộc thế hệ đàn anh từ 50 trở lên và ngăn chặn không cho thế hệ trẻ được có kinh nghiệm và luyện tập suy nghĩ, làm chính trị. Cho nên bây giờ, chế độ cũ sụp đổ, nhìn lên bậc đàn anh, thật đáng kính nhưng không khỏi thấy ít nhiều lỗi thời, trông xuống thế hệ từ 30 đến 40 tuổi, thì chỉ thấy một trống rỗng. **Chín năm chuyên chế đã không cho họ không những có cơ hội thi thố tài năng** do đó làm sao mà có được nhân tài, lãnh tụ? **Sự chuyên chế để lại một sự trống rỗng mà hình như còn làm tê liệt ngay cả những ý chí phục hồi đời sống chính trị** trên bình diện suy tư hay hoạt động. **Sự mất tự do suy tưởng, những lo sợ thường xuyên vì bầu không khí mật vụ, . . . quá lâu ngày** đã làm cho những tâm hồn trẻ mất thói quen ưa tự do, bất chấp nguy hiểm, đe doạ . . . Cho nên khi được tự do người ta cũng không có hứng thú bao nhiêu muốn lao mình vào hoạt động tựa người bị cùm lâu ngày chân đã tê liệt, nên khi xiềng xích đã cỡi bỏ vẫn cảm thấy tê

cứng như khi còn bị cùm vậy. Họ vẫn lo âu ái ngại **vì những hình ảnh nhà tù, tra tấn, bắt cóc bừa bãi còn quá sâu đậm** và dè dặt, thận trọng vì sợ bị lợi dụng hay sợ người ta cho rằng mình lợi dụng chăng? Do đó có khuynh hướng tiếp tục im lặng, thụ động, trở về chuyên môn của mình. Có lẽ không phải tất cả những người thuộc thế hệ 30-40 có tâm trạng trên. Nhưng chắc có một số không phải ít có tâm trạng đó.

5. *Những đề nghị.*

Sau khi nêu lên mục đích và những khó khăn, tôi đề nghị:

a) - Vận động thành lập một Hội đồng Nhân sĩ gồm những vị lãnh đạo tối cao các tôn giáo, các nhà Cách mạng tuổi tác, những nhà văn hoá chân chính để tạo thành một lực lượng tinh thần đứng ở ngoài chính trị, để kêu gọi đoàn kết quốc gia, thống nhất dân tộc, xây dựng đất nước trên căn bản những nguyên tắc tự do dân chủ và công bình xả hội v.v…

b) - Thành lập một hội đồng tư vấn hay một ủy ban nghiên cứ nhằm soạn thảo đường lối, chính sách cho chế độ, chính thể mới. Chọn người vào ủy ban nầy căn cứ vào 3 tiêu chuẩn:

- Có khả năng chuyên môn về từng ngành (chính trị, kinh tế, giáo dục v.v…).
- Trẻ tuổi, hay còn trong sạch **chưa liên hệ nặng nề với những chế độ cũ.**
- Nếu những người ở trong ủy ban nầy hứa danh dự sẽ không tham chính thì có lẽ sự soạn thảo được đảm bảo hơn về tính cách vô tư và chính trực.

Điều cần thiết cấp bách bây giờ là thành lập hội đồng tư vấn trên và nhấn mạnh vào tính cách *tạm thời* của nó vì nó sẽ *đương nhiên* giải tán khi soạn thảo xong dự án về đường lối, chính thể. Theo tôi nghĩ, hội đồng tư vấn nầy không phải là chỗ để các thế lực chính trị tranh giành ảnh hưởng, vì chỗ tranh giành ảnh hưởng là ở Quốc Hội sau này. Nếu quy định rõ rệt những giới hạn trên, hội đồng tư vấn, chắc chắn sẽ thành lập được mau chóng dễ dàng đồng thời đảm bảo được tính cách vô tư của nó.

Bác sĩ **NGUYỄN HỮU PHIẾM**

1) Danh từ "nhân sĩ" thật ra, khó mà định nghĩa một cách xác đáng được. Đã có báo chí ngoại quốc dịch "Hội đồng Nhân sĩ" là "Conseil des Sages" (!). Có người lại dịch là "Conseil des Notabilités".

Theo tôi hiểu, trong giai đoạn hiện tại của nước nhà, một "nhân sĩ" trước hết là một người có nhiệt tâm, nhiệt huyết, hằng lo âu đến vận mệnh và tiền đồ của tổ quốc trước hiểm họa xâm lăng của Cộng sản. Nhưng thế chưa đủ. Người đó còn phải là người có *tài*, có *đức*. Có tài, tôi xin nói ngay, không có nghĩa là tài cao học rộng, có những "mãnh bằng đồ sộ, đầu óc tuy ních chặt những chữ, nhưng rút cuộc chỉ là những bộ óc ươn hèn, nô lệ" (như các bạn nam nữ sinh viên Đại học đã viết trong một lá thư ngỏ gửi cho các giáo sư Đại học Sài Gòn cách đây hơn một tháng).

Cần phải là người có kiến thức rộng, đã từng sống sát với dân chúng, có một lập trường vững chắc, một chủ trương rõ rệt tức là: *triệt để chống Cộng, chống độc tài, chống mọi khuynh hướng trung lập chế,* và tích cực hoạt động ngõ hầu xây dựng một chế độ dân chủ, tự do thật sự.

Ngoài ra, **cần phải có một quá khứ chứng minh không từng làm tay sai cho thực dân, hoặc chế độ bạo tàn, thối nát của Nhu Diệm**, hoặc có thành tích chống Cộng. Và sau hết, có một đời sống trong sạch, công cũng như tư.

2) Nếu những vị "nhân sĩ" được mời tham dự vào "Hội đồng" có đủ mấy điều kiện nói trên, "Hội đồng Quân nhân Cách mạng" rất sẽ được tín nhiệm của quốc dân, và tôi tin rằng những vị đó sẽ quan niệm việc tích cực tham gia vào công cuộc chung là một bổn phận của một người công dân, thành thật yêu nước.

Nhiệm vụ của "Hội đồng Nhân sĩ", theo tôi, là soạn thảo hiến pháp, nghiên cứu thể thức bầu cử những vị đại diện của dân sao cho hoàn toàn dân chủ, để ngăn ngừa độc tài, **đừng để cho nước Việt-Nam yêu dấu bị một lần nữa rơi vào tay những kẻ "đầu cơ chính trị", những kẻ "lưu manh, giang hồ" như bọn Nhu Diệm.**

Vì chỉ có Tự Do thật sự, Dân Chủ thật sự mới thắng nổi Cộng sản mà thôi.

Ngoài ra, "Hội đồng Nhân sĩ" còn có nhiệm vụ nói lên những nguyện vọng của người dân trên mọi lãnh vực.

Vai trò của "Hội đồng Nhân sĩ" quả thật là quan trọng, cũng như trách nhiệm của "Hội đồng Quân nhân Cách mạng" trong việc lựa chọn các nhân sĩ rất nặng nề. "Hội đồng Nhân sĩ" có trách nhiệm trước "Hội đồng Quân nhân Cách mạng" chứ không phải trước "Chánh phủ Lâm thời", - và "Hội đồng Quân nhân Cách mạng có

trách nhiệm – dĩ nhiên là trách nhiệm tinh thần - trước quốc dân đồng bào hiện nay, hơn lúc nào hết, đang đặt hết tin tưởng và kỳ vọng vào "Hội đồng Quân nhân Cách mạng".

…….

Nguiễn Hữu Ngư thuật

BÁCH KHOA số 166 Ngày 1-12-1963